ANITA SHREVE

Sách bán chạy #1 tại Mỹ

"Cực kỳ lôi cuốn …từ bìa đầu đến bìa cuối."

— *Newsday*

Vợ phi công

The Pilot's Wife

Thi Trúc dịch



dtBOOKS



Vợ phi công

ANITA SHREVE

The Pilot's Wife

By the author of *Body Surfing* and *Testimony*

#1 NATIONAL BESTSELLER

"Thoroughly absorbing . . . from cover to rapidly reached cover."
—*Newsday*

GUIDE
READERS' PICK
INSIDE

Tác giả: Anita Shreve



Người dịch: Thi Trúc



Số trang: 348



Ngày xuất bản: 11/01/2013

Công ty phát hành: Phương Nam



Nhà xuất bản: NXB Thời Đại



Nguồn sách & Copier: CoCo



Beta: CoCo



Làm ebook: CoCo



GIỚI THIỆ

Kathryn Lyons đang có một cuộc sống hạnh phúc với Jack - người chồng là phi công và cô con gái nhỏ 15 tuổi Mattie thông minh, đáng yêu thì vào một ngày nọ, cô bất ngờ nhận được tin Jack bị tai nạn máy bay trên biển ngoài khơi của Ireland. Thế giới như sụp đổ dưới chân Kathryn. Trong khi vật lộn với nỗi đau mất mát, cô còn phải đối mặt với tin đồn Jack tự sát trên máy bay. Điều đó đã mở ra trong cô một nỗi nghi ngờ về người chồng hơn chục năm chung sống. Sau khi tìm thấy những ghi chú khó hiểu của Jack tại nhà, Kathryn không thể ngồi yên được nữa, cô quyết định làm một cuộc điều tra về đời tư thực sự của chồng.

Cùng Robert Hart, nhân viên của liên đoàn bay, Kathryn đã tới London, lần theo dấu vết một người phụ nữ trong đoàn bay của Jack. Ngay từ khi mở cửa bước vào nhà người phụ nữ này, cô đã choáng váng khi nhìn thấy những phiên bản sống động của Jack. Thì ra trong suốt những năm qua, chồng cô đã có một cuộc sống gia đình khác, song song cùng với cuộc sống hôn nhân hợp pháp của cô. Anh yêu thương cả hai mái ấm và cố gắng san sẻ tình cảm cho cả hai người phụ nữ và các con mình. Anh đã gián tiếp tiếp tay cho một tổ chức chính trị mà người tình của mình tham gia, và vụ nổ trên máy bay là một kịch bản mà Jack không lường trước được.

Khám phá ra đời tư thật sự của Jack, Kathryn mới biết mình hoàn toàn không hiểu gì về người chồng sống bên cạnh cô bao năm qua, từ chuyện anh cải đạo cho tới chuyện người mẹ đẻ mà anh nói rằng đã mất từ khi anh còn nhỏ, nay vẫn sống trong viện dưỡng lão. Và từ hành trình khám phá sự

thật về Jack, một ngọn lửa yêu thương mới được nhen nhóm lên giữa cô và Robert Hart...



NHẬN XÉT

Vợ phi công *- một trong những cuốn sách bán chạy nhất tại Mỹ, mang đến cho độc giả bức tranh chân dung sống động về đời sống hôn nhân hiện đại của các cặp đôi qua lối kể chuyện hấp dẫn, đầy sáng tạo, được diễn đạt bằng thứ văn xuôi độc đáo và vô cùng tinh tế. Cuộc kiếm tìm của nhân vật Kathryn xuyên suốt cuốn tiểu thuyết dữ dội, kịch tính của Anita Shreve cũng là lời giải đáp đầy cảm xúc cho câu hỏi:* ***Chúng ta thực sự biết về một người khác đến đâu, ngay cả khi đó là người thân thuộc của chính mình?***

"Vô cùng hấp dẫn... Shreve có khả năng tiên liệu tuyệt vời về nỗi sợ hãi trước hậu họa tức thời của một thảm kịch... Bà đã tích lũy những chi tiết một cách chậm rãi và lặng lẽ, khắc họa sinh động một Kathryn và Mattie đau khổ với sự chính xác kinh ngạc."

— Jelena Petrovic, Minneapolis Star Tribune

"Tương tự như Thủy trọng (Weight of Water), Shreve là kiến trúc sư vẽ phối cảnh cảm xúc bậc thầy, biết khi nào nên tiết lộ, khi nào cần giữ kín."

— Betty Webb, Mesa Tribune

"Vừa là một câu chuyện điều tra vừa là một lời độc thoại nội tâm... Một tiểu thuyết nhân bản, gây xúc động lòng người."

— Boston

"Vợ phi công kéo căng những sợi dây thần kinh cảm xúc của bạn, và thật khó để đặt quyển sách xuống khi chưa lật đến trang cuối cùng."

— Peggy Gandy, Oklahoman

"Từ bìa đầu đến bìa cuối, Vợ phi công là một câu chuyện có cốt truyện tuyệt vời, nhịp độ căng thẳng, và cực kỳ lôi cuốn."

— Heller McAlpin, New York Newsday

"Có một điều bí ẩn ở đây... Shreve biết quá rõ sự chịu đựng bản năng của độc giả và bà đã tận dụng điều đó. Tương tự như với những vụ tai nạn máy bay trong đời thật, chúng ta nóng lòng muốn biết điều gì đã xảy ra, và trí tò mò của chúng ta ngày một tăng... Shreve cuối cùng đã buộc Kathryn phải đối mặt với sự thật trong một chương đặc sắc khi ghi nhận những điều xáo trộn trong lòng Kathryn." color="#7030A0"> ***— Anne Stephenson, Arizona Republic***

"Không thể dừng đọc... Shreve viết bằng một văn phong sạch sẽ, rõ ràng... Nỗi đau khổ và tan nát cõi lòng của các nhân vật rất thật... Tôi đề nghị đem theo cuốn sách này khi bạn đi bất kỳ nơi đâu - có lẽ chỉ trừ khi lên máy bay.

— Susan Hubbard, Orlando Sentinel



TÁC GIẢ



*Anita Shreve là một tác giả người Mỹ. Bố bà là phi công và mẹ là một người nội trợ. Bà tốt nghiệp trường trung học Dedham, sau đó học tại đại học Tufts. Bà bắt đầu viết khi đang dạy tại một trường trung học. Tác phẩm đầu tay của Shreve - **Trôi dạt qua đảo** (xuất bản 1975) - đã được trao giải O. Henry năm 1976. Tháng 3 năm 1999, tác phẩm **Vợ phi công (The pilot's wife)** của bà được chọn vào Orphan's Book Club. Từ đó, tiểu thuyết của Shreve bán được hàng triệu bản trên toà*

Anita Shreve vinh dự nhận được giải thưởng New England Book Award và PEN/L. L. Winship Award. Bên cạnh đó, tác phẩm Kháng cự của bà cũng được chuyển thể thành phim cùng tên vào năm 2003.

Anita Shreve sống tại Longmeadow, bang Massachusettes, Mỹ.

Những tác phẩm của Anita Shreve

Lời chứng

Lướt trên cơ thể

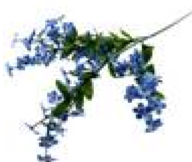
Một đám cưới tháng mười hai

Ánh sáng trên tuyết

Những gì anh hằng mong

Lần cuối họ gặp nhau





MỘT

CHƯƠNG 1

Cô nghe tiếng gõ cửa, tiếp theo là tiếng chó sủa. Giấc mơ vụt tan, chấp chới sau cánh cửa khép kín. Đó là một giấc mơ đẹp, ấm áp và gần gũi, và cô cảm thấy khó chịu. Cô không muốn tỉnh dậy. Căn phòng nhỏ tối om, đèn đuốc đã tắt hết. Cô với tay bật đèn ngủ, dò dẫm ngón tay trên thân đèn bằng đồng thau, thầm hỏi, *Chuyện gì? Chuyện gì?*

Căn phòng bừng sáng khiến cô choàng tỉnh; nó tạo cảm giác bất ổn, như phòng cấp cứu lúc nửa đêm. Cô thầm nghĩ, theo thứ tự: Mattie. Kế đến, Jack. Tiếp theo, Hàng xóm. Kế nữa: Tai nạn giao thông. Nhưng Mattie đang ngủ cơ mà? Kathryn đã thấy con bé đi ngủ, đã nhìn nó đi đến cuối hành lang, bước qua một khung cửa, cánh cửa đóng sầm lại, đủ mạnh để đưa ra một lời tuyên bố nhưng chưa khiêu khích đến mức để bị khiển trách. Còn Jack – Jack đang ở đâu nhỉ? Cô gãi đầu, xới tung mái tóc bị đè bẹp khi ngủ. Jack đang ở... đâu nhỉ? Cô cố gắng nhớ lại lịch trình: London. Dự kiến về đến nhà tầm giờ ăn trưa. Cô chắc chắn như thế. Chẳng lẽ cô nhầm, hay anh lại quên đem theo chìa khóa?

Cô ngồi dậy, chạm chân xuống sàn gỗ lạnh cóng. Cô không hiểu nổi tại sao cứ đến mùa đông là sàn gỗ của ngôi nhà cũ kỹ này lại mất hết hơi ấm. Đôi tất đen của cô kéo lên đến giữa bắp chân, cổ tay áo chiếc sơ mi cô mặc lúc đi ngủ, một chiếc sơ mi trắng đã sờn của Jack, tuột xuống qua khỏi đầu ngón tay. Cô không còn nghe tiếng gõ cửa nữa, và cô thoáng tự nhủ rằng mình đã tưởng tượng ra nó, đã mơ thấy nó, như thỉnh thoảng cô vẫn thường nằm mơ rồi tỉnh dậy trong những giấc mơ khác. Cô với tay lấy đồng hồ báo thức trên tủ đầu giường: 3 giờ 24 phút. Cô nhìn sát hơn vào mặt đồng hồ đen có nền dạ quang, sau đó đặt chiếc đồng hồ xuống bề mặt cẩm thạch của tủ đầu

giường, mạnh đến nỗi nắp gắn pin bung ra và một cục pin lăn xuống dưới giường.

Nhưng Jack đang ở London, cô tự nhủ lần nữa. Còn Mattie đang ngủ.

Bấy giờ tiếng gõ cửa lại vang lên, ba tiếng gõ dứt khoát lên lớp cửa kính. Một cơn co thắt nhói lên ở ngực cô, truyền xuống bụng rồi nằm lại đó. Xa xa, con chó lại cất tiếng sủa cộc lốc, cáu kỉnh.

Cô cẩn thận bước trên sàn nhà, như sợ nếu đi nhanh quá, cô sẽ làm chuyển động một thứ gì đấy còn cha bắt đầu. Cô nhẹ nhàng bật mở chốt cửa phòng ngủ rồi đi xuống cầu thang phía sau. Cô nghĩ con gái đang ngủ trên lầu và cô nên cẩn thận một chút.

Cô bước qua nhà bếp, cố gắng nhìn qua cửa sổ trên bồn rửa vào đường mòn vòng ra tận sau nhà. Cô chỉ thấy bóng một chiếc ô tô bình thường màu tối. Cô rẽ vào hành lang hẹp phía sau nhà, nền gạch ở đây còn lạnh hơn ván lót sàn, gót chân cô chạm lên băng đá. Cô bật đèn ở cửa sau và trông thấy, qua những tấm kính nhỏ phía trên cửa, một người đàn ông.

Anh ta cố không tỏ vẻ bất ngờ vì ánh đèn đột ngột. Anh ta khẽ nghiêng đầu sang bên, không nhìn thẳng vào lớp kính, như thể đó là hành động bất lịch sự, như thể anh ta chẳng việc gì phải vội, như thể lúc đó không phải là 3 giờ 24 phút sáng. Trong ánh đèn, trông anh ta có vẻ nhợt nhạt. Mi mắt sụp, tóc muối tiêu cắt ngắn, chải sang hai bên gọn gàng. Cổ áo măng tô dựng lên, vai chùng xuống. Anh bước ngay lên bậc cửa, chân giậm mạnh. Cô đánh giá tổng quan. Gương mặt dài, đượm buồn; áo quần tử tế; khuôn miệng thú vị, môi dưới hơi cong và dày hơn môi trên: không nguy

hiểm. Khi chạm vào nắm đấm cửa, cô nghĩ, không phải phường trộm cướp, không phải quân háo sắc. Chắc chắn không phải quân háo sắc. Cô mở cửa.

"Cô là Lyons?" anh hỏi.

Và cô hiểu ra.

Là cách anh gọi tên cô, anh biết tên của cô. Nó hiện lên trong mắt anh, một ánh mắt mệt mỏi. Hơi thở gấp gáp của anh.

Cô lùi lại và cúi gập người xuống. Cô đưa tay ôm ngực.

Anh đưa tay vào qua khung cửa rồi chạm lên eo cô.

Sự đụng chạm đó khiến cô rùng mình. Cô cố đứng thẳng lên nhưng không thể.

"Khi nào?" cô hỏi.

Anh bước vào trong nhà và đóng cửa lại.

"Sáng nay," anh đáp.

"Ở đâu?"

"Cách bờ biển Ireland khoảng mười sáu kilomet."

"Rơi xuống biển à?"

"Không. Trên không trung."

"Ôi..." Cô đưa tay lên miệng.

"Gần như chắc chắn đó là một vụ nổ," anh nói nhanh.

"Các anh chắc đó là Jack chứ?"

Anh nhìn đi nơi khác rồi nhìn lại.

“Vâng.”

Anh nắm lấy cùi chỏ tay cô khi cô khụy xuống. Cô chợt thấy ngượng, nhưng cô không thể đứng vững nữa, chân cô sụm xuống. Cô không biết rằng cơ thể có thể bỏ mặc mình như thế, có thể ngoảnh mặt quay lưng như thế. Anh nắm cùi chỏ cô, nhưng cô muốn rút cánh tay về. Anh nhẹ nhàng đỡ cô ngồi xuống đất.

Cô cúi mặt xuống đầu gối rồi vòng tay ôm đầu. Trong đầu cô chỉ có tiếng ồn trắng, và cô không còn nghe thấy anh ta nói gì nữa. Ý thức mách bảo cô phải hít thở, lấp đầy buồng phổi. Cô ngước mặt lên, hít mạnh không khí. Như đang ở xa, cô nghe một tiếng nấc lạ lùng, không hẳn là tiếng khóc vì mặt cô vẫn khô ráo. Từ phía sau, người đàn ông cố xốc c

“Để tôi lấy ghế cho cô ngồi,” anh ta nói.

Cô lắc đầu. Cô muốn anh thả cô ra. Cô muốn chìm xuống nền gạch, tan chảy trên sàn nhà.

Anh lúng túng luồn cánh tay vào dưới cánh tay cô. Cô để anh giúp đỡ cô đứng dậy.

“Tôi sẽ...” cô nói.

Rất nhanh, cô dùng bàn tay đẩy anh ra rồi tựa lưng vào tường. Cô vừa ho vừa nôn khan, nhưng bụng cô trống rỗng.

Khi cô ngước lên, cô thấy vẻ mặt lo lắng của anh ta. Anh nắm cánh tay cô rồi dìu cô vòng qua góc nhà đi vào

nhà bếp.

“Cô ngồi lên ghế đi. Công tắc đèn ở đâu?”

“Trên tường.”

Giọng cô gắt gỏng và yếu ớt. Cô nhận ra mình đang run lập cập.

Anh sờ soạng tay lên mặt tường để tìm công tắc rồi bật đèn lên. Cô đưa một tay lên trước mặt để che ánh sáng. Theo bản năng, cô không muốn bị nhìn thấy.

“Cô để ly uống nước ở đâu?” anh hỏi.

Cô chỉ vào một chiếc tủ. Anh rót một ly nước rồi đưa cho cô, nhưng cô không thể giữ vững. Anh đỡ các ngón tay cô trong lúc cô hớp một ngụm nước.

“Cô đang bị sốc. Cô để chăn ở đâu, để tôi đi lấy cho cô?”

“Anh là nhân viên hãng hàng không?” cô hỏi.

Anh cởi áo măng tô, áo khoác, rồi choàng áo khoác lên vai cô. Anh giúp cô cho tay vào tay áo, trong đó thật mềm mại và ấm áp.

“Không, trong Liên đoàn.”

Cô chậm rãi gật đầu, cố gắng hiểu chuyện này.

“Robert Hart,” anh tự giới thiệu.

Cô lại gật đầu, uống thêm một ngụm nước nữa. Cổ họng cô đau rát, khô khốc.

“Tôi đến đây để giúp đỡ. Sẽ khó vượt qua cú sốc này. Con gái cô có ở nhà không?”

“Anh biết tôi có con gái ư?” cô hỏi nhanh.

Và rồi cô nghĩ, tất nhiên là anh biết rồi.

“Cô có muốn tôi báo tin cho cháu không?”

Kathryn lắc đầu.

“Họ luôn nói Liên đoàn sẽ có mặt trước tiên,” cô nói. “Ý tôi là các bà vợ. Tôi có phải gọi con bé dậy bây giờ không?”

Anh ta liếc nhìn đồng hồ, rồi nhìn lại Kathryn, như tính toán họ còn lại bao nhiêu thời gian.

“Một chút nữa đi,” anh đáp. “Chừng nào cô sẵn sàng đã. Cứ từ từ

Điện thoại reo, một mũi răng cưa cứa vào sự im lặng trong nhà bếp. Robert Hart nhấc ống nghe lên ngay lập tức.

“Không bình luận,” anh nói.

“Không bình luận.

“Không bình luận.

“Không bình luận.”

Cô nhìn anh đặt ống nghe lên giá rồi dùng ngón tay xoa bóp trán. Anh có ngón tay dày, bàn tay to, dường như to quá cỡ so với thân người.

Cô nhìn chiếc áo sơ mi anh ta mặc, kiểu sơ mi cổ điển

màu trắng sọc xám, nhưng cô chỉ thấy một chiếc máy bay giả trên bầu trời giả nổ tung thành triệu mảnh từ xa.

Cô muốn người của Liên đoàn quay lại và nói với cô rằng anh đã nhầm lẫn: Anh đã nhầm chuyến bay; báo nhầm người; chuyện không xảy ra như anh đã nói. Cô như cảm nhận được niềm vui từ điều đó.

"Cô có muốn tôi gọi điện cho ai không?" anh hỏi. "Để đến an ủi cô."

"Không," cô đáp. "Có." Cô ngập ngừng. "Không."

Cô lắc đầu. Cô chưa sẵn sàng. Cô cụp mắt xuống, nhìn vào chiếc tủ dưới bồn rửa. Trong đấy có gì? Nước rửa bát Cascade. Nước thông cống Drano. Nước tẩy rửa Pine Sol. Hộp xi giày màu đen của Jack. Cô cắn mặt trong của má rồi nhìn quanh nhà bếp, chiếc bàn gỗ thông nứt nẻ, lò sưởi dính bẩn ở phía sau, tủ Hoosier màu xanh cốm. Mới hai ngày trước, chồng cô đã đánh xi giày trong căn phòng này, chân anh đặt lên ngăn tủ đựng bánh mì mà anh kéo ra để làm điểm tựa. Đó thường là việc cuối cùng anh làm trước khi rời khỏi nhà. Cô thường ngồi trên ghế nhìn anh; và gần đây nó đã trở thành một nghi thức, một phần trong tiến trình rời khỏi cô.

Mỗi khi anh rời khỏi nhà, cô đều cảm thấy vô cùng khó khăn – dù cô có phải làm nhiều việc đến đâu, dù cô mong mỏi có nhiều thời gian cho riêng mình đến nhường nào. Mà không phải là do cô sợ. Cô không có thói quen sợ hãi. An toàn hơn lái xe, anh luôn nói như thế, và anh lúc nào cũng tự tin, như thể sự an toàn của anh thậm chí chẳng đáng để phải nói đến. Không, đó không hẳn là sự an toàn. Chính hành động ra đi, hành động rời khỏi nhà của Jack, mới là điều khó khăn. Cô thường cảm thấy, trong lúc nhìn

anh bước qua khung cửa, một tay xách chiếc túi bay vuông vức dày cộp, một tay cầm túi du lịch, mũ đồng phục kẹp dưới nách, rằng anh đang rời khỏi cô, đi xa mãi. Và, tất nhiên là thế. Anh rời khỏi cô để lái một chiếc máy bay nặng 170 tấn vào không trung, vượt đại dương đến London hoặc Amsterdam hoặc Nairobi. Cảm giác ấy không quá khó để nhận ra, và trong thoáng chốc nó sẽ biến mất. Kathryn sẽ trở nên quen thuộc với sự vắng mặt của anh đến nỗi cô đã cảm thấy bực mình trước sự thay đổi thói quen hàng ngày khi anh trở về. Và rồi, ba bốn ngày sau đó, chu kỳ lại lặp lại.

Cô đồ rằng Jack chẳng bao giờ cảm nhận về chuyện đi đi về về của anh như cách cô nghĩ. Dù sao thì, cảm giác của người ra đi không thể nào giống cảm giác của kẻ bị bỏ lại.

Anh chỉ là một tài xế xe buýt đẹp mã thôi, anh thường nói thế.

Mà cũng chẳng đẹp đẽ gì cho cam, anh nói thêm.

Đã từng nói như thế. Cô cố gắng chấp nhận thực tế. Cô cố gắng hiểu rằng Jack không còn tồn tại nữa. Nhưng cô chỉ thấy những chùm khói như tranh vẽ, các đường nét tỏa ra tứ phía. Cô để hình ảnh ấy biến mất nhanh chóng như khi xuất hiện.

“Cô Lyons? Có tivi ở phòng khác không, tôi muốn xem một chút?” Robert Hart hỏi.

“Trong phòng khách đấy,” cô nói, chỉ tay về phía trước.

“Tôi chỉ cần nghe xem bây giờ họ đang ói gì.”

“Không sao,” cô đáp. “Tôi ổn rồi.”

Anh ta gật đầu, nhưng có vẻ ngập ngừng. Cô nhìn anh rời khỏi nhà bếp. Cô nhắm mắt lại, thầm nghĩ: Mình tuyệt đối không thể báo tin cho Mattie.

Cô đã hình dung được chuyện sẽ diễn ra như thế nào. Cô sẽ mở cửa phòng Mattie, trên tường có poster của Less Than Jake và cảnh trượt tuyết mạo hiểm ở Colorado. Trên sàn nhà là quần áo lộn trái mặc từ hai, ba ngày trước. Dụng cụ thể thao của Mattie dựng ở góc phòng – ván và gậy trượt tuyết, gậy khúc côn cầu và gậy bóng vợt. Bảng thông tin dán đầy tranh hoạt hình và ảnh của bạn bè: Taylor, Alyssa, và Kara, những cô bé mười lăm tuổi cột tóc đuôi ngựa và những lọn tóc dài lòa xòa trước mặt. Mattie sẽ cuộn mình dưới lớp chăn màu xanh-trắng, giả vờ không nghe thấy gì cho đến khi Kathryn gọi tên nó lần thứ ba. Sau đó Mattie sẽ ngồi bật dậy, thoạt tiên cáu kỉnh vì bị đánh thức, nghĩ rằng đã đến giờ đi học và tự hỏi Kathryn vào phòng nó làm gì. Mái tóc hung với những cọng óng ánh như kim loại của con bé xõa dài trên vai chiếc áo thun tím in dòng chữ màu trắng “Ely Lacrosse” vắt ngang bộ ngực nhỏ nhắn. Nó sẽ chống tay ra sau lên tấm đệm để ngồi dậy.

“Chuyện gì vậy mẹ?” nó sẽ hỏi.

Như thế.

“Chuyện gì vậy mẹ?”

Và rồi một lần nữa, giọng nó rít lên the thé.

“Mẹ, có chuyện gì?”

Và Kathryn sẽ phải quỳ xuống cạnh giường và phải nói với con gái về chuyện đã xảy ra.

“Không, mẹ ơi!” Mattie sẽ

“Không! Mẹ ơi!”

Khi Kathryn mở mắt, cô nghe tiếng rì rầm từ tivi.

Cô rời khỏi ghế trong nhà bếp để đi vào phòng khách phía trước, phòng khách có sáu cặp cửa sổ dài từ trần đến sàn, nhìn ra bãi cỏ và hồ nước. Có một cây thông Giáng sinh ở góc phòng khiến cô dừng lại tại cửa. Robert Hart đang ngồi trên sofa, chồm về trước, trên tivi, một ông lão đang trả lời phỏng vấn. Cô đã bỏ lỡ phần đầu của bản tin. Đó là đài CNN hoặc CBS. Robert nhìn nhanh sang cô.

“Cô có chắc là cô muốn xem tin này không?” anh ta hỏi.

“Làm ơn đi,” cô đáp. “Tôi muốn xem mà.”

Cô bước vào phòng, tiến gần hơn đến tivi.

Ở chỗ của ông lão đang có mưa, một lúc sau họ đăng địa danh nơi đó lên phía dưới màn hình. Malin Head, Ireland. Cô không hình dung nổi nó nằm ở đâu trên bản đồ. Cô thậm chí không biết nó nằm ở vùng nào ở Ireland. Nước mưa nhỏ xuống từ gò má ông lão, dưới hai mắt ông là hai bọng mắt dài trắng mốc. Máy quay di chuyển, ghi hình cây cối ở một ngôi làng, phía trước là mặt tiền những tòa nhà trắng tinh. Nằm giữa dãy nhà là một khách sạn trông rất buồn thảm, cô đọc tên khách sạn trên mái che mỏng tang: Khách sạn Malin. Những người đàn ông đang túm tụm ở lối vào, tay cầm tách trà hoặc cà phê, e dè đưa mắt nhìn đoàn quay phim. Máy quay lướt về phía ông lão rồi phóng to cận cảnh khuôn mặt ông. Mắt ông lộ vẻ hoảng hốt, miệng ông há hốc, như ông đang bị khó thở.

Kathryn nhìn ông lão trên tivi, và cô nghĩ: Bây giờ trông mình cũng hệt như thế. Mặt xám ngoét. Mắt nhìn trừng trừng vào một thứ gì đấy không hiện hữu. Miệng há ra như cá mắc câu.

Người phỏng vấn, một phụ nữ tóc đen che ô đen, bảo ông lão mô tả lại cảnh tượng ông đã chứng kiến.

Có ánh trăng trên mặt nước tối đen, ông lão nói đứt quãng.

Giọng ông lão khàn khàn, phát âm nặng đến nỗi họ phải in phụ đề những gì ông nói ở phía dưới màn hình.

Có những mảnh màu bạc rơi từ trên trời xuống khắp con tàu, ông lão kể.

Những mảnh đó phấp phới giống như

Chim.

Những con chim bị thương.

Rơi xuống.

Xoắn ốc, giống như vậy, và xoay vòng vòng.

Cô bước đến tivi rồi quỳ gối xuống thảm, mặt cô ngang với mặt ông lão trên màn hình. Lão ngư đang vẫy tay loạn xạ để minh họa lời nói của mình. Ông tạo một hình chóp rồi di chuyển ngón tay lên xuống, sau đó vẽ một cạnh răng cưa. Ông kể với người phỏng vấn rằng thực chất không có mảnh vỡ kỳ lạ nào rơi xuống tàu của ông. Khi ông điều khiển con tàu đến những nơi mà các vật ấy đã rơi xuống, thì chúng đã biến mất hoặc chìm xuống biển, ông không vớt kịp, kể cả dùng đến lưới cũng không được.

Nhìn vào ống kính, nữ phóng viên nói tên của ông lão là Eamon Gilley. Ông đã tám mươi ba tuổi, và là nhân chứng đầu tiên lên tiếng. Hình như không có ai khác chứng kiến những gì lão ngư đã thấy, và chưa có điều gì được xác thực. Kathryn có cảm tưởng như cô phóng viên rất muốn chuyện lão Gilley kể là thật nhưng buộc phải nói rằng nó có thể không chính xác.

Nhưng Kathryn biết chuyện đó là thật. Cô có thể nhìn thấy ánh trăng trên biển, rúm ró và lóng lánh, những tia sáng bạc rơi xuống từ trên trời, rơi rơi, rơi rơi, như những thiên thần tí hon giáng trần. Cô có thể nhìn thấy con tàu nhỏ trên biển và ông lão đánh cá đứng ở mũi tàu – mặt hướng về phía trăng, hai tay vươn ra trước. Cô có thể nhìn thấy ông lão loạng choạng, liều lĩnh bắt lấy những mảnh phấp phới, chọc tay vào không khí như một đứa trẻ đuổi bắt đom đóm trong đêm mùa hè. Và lúc ấy cô nghĩ thật kỳ lạ làm sao, thảm họa này – loại thảm họa rút cạn máu trong cơ thể, hút sạch không khí trong phổi và đấm túi bụi vào mặt ta – lại có thể là một điều rất đẹp.

***

Robert chồm người về trước để tắt tivi.

“Cô không sao chứ?” anh ta hỏi.

“Anh nói nó xảy ra khi nào?”

Anh chống cùi chỏ lên đầu gối và nắm tay lại.

“Một giờ năm mươi bảy. Giờ ở đây. Bên đấy là sáu giờ năm mươi bảy.”

Có một vết sẹo phía trên lông mày phải của anh ta. Cô nghĩ anh khoảng gần bốn mươi tuổi, gần tuổi của cô hơn

là của Jack. Anh có làn da trắng của người tóc vàng và mắt nâu, đồng tử có những vân màu đỏ nhạt. Mắt của Jack màu xanh dương, hai màu xanh khác nhau – một mắt màu xanh bạc, gần như trong suốt, như màu xanh da trời; mắt kia rất sáng, màu xanh dương đậm. Màu mắt khác lạ thu hút mọi ánh nhìn về phía Jack, khiến người ta săm soi gương mặt anh, tựa như tính không đối xứng này gợi đến sự mất cân bằng, hoặc một điều gì đó bất ổn.

Cô thầm hỏi: Đây là nghề của người này sao?

"Đó là thời điểm của lần phát tín hiệu cuối cùng," nhân viên của Liên đoàn nói với giọng nhỏ đến nỗi cô không nghe rõ.

"Lần phát tín hiệu cuối cùng là gì?" cô hỏi.

"Đó là quy trình."

Cô không tin nổi anh ta. Có quy trình gì gọi là lần phát tín hiệu cuối cùng chứ?

"Anh có biết," cô hỏi, "những từ cuối cùng mà phi công thường hay nói nhất khi biết máy bay sắp rơi không? À mà tất nhiên là anh biết rồi."

"Cô Lyons," anh ta nói, quay sang cô.

"Gọi tôi là Kathryn được rồi."

"Cô vẫn còn đang sốc. Cô nên uống thứ gì đó có chất đường. Ở nhà có nước hoa quả không?"

"Trong tủ lạnh ấy. Là bom, phải không?"

"Giá mà tôi biết nhiều hơn để nói với cô."

Anh ta đứng dậy đi vào nhà bếp. Cô nhận ra mình không muốn ở lại một mình trong phòng, vì vậy cô đi theo anh. Cô nhìn đồng hồ ở bồn rửa. 3 giờ 38 phút. Có lẽ nào kể từ lúc cô nhìn đồng hồ ở chiếc tủ đầu giường trên lầu đến giờ, chỉ mới mười bốn phút trôi qua?

"Anh đến đây nhanh thật đấy," cô nói, ngồi lên chiếc ghế trong nhà bếp.

Anh ta rót nước cam vào cốc.

"Anh làm sao làm được như vậy?" cô hỏi

"Chúng tôi có máy bay," anh ta khẽ đáp.

"Không. Ý tôi là, hãy cho tôi biết. Anh làm việc này thế nào? Anh có một chiếc máy bay đợi sẵn à? Anh cứ ngồi nhởn nhơ để đợi một vụ rơi máy bay xảy ra à?"

Anh ta đưa cốc nước cam cho cô. Anh tựa vào bồn rửa rồi dùng ngón giữa bàn tay phải vuốt dọc trán, từ sống mũi đến đường chân tóc. Trông như lúc ấy anh đang ra quyết định, đang phán xét.

"Không, tôi không ngồi nhởn nhơ chờ đợi một vụ rơi máy bay. Nhưng nếu có một vụ xảy ra, chúng tôi đã có sẵn một quy trình. Chúng tôi có một chiếc máy bay phản lực Lear ở sân bay Washington National. Nó chở tôi đến sân bay lớn gần nhất. Lần này là Portsmouth."

"Rồi sau đó?"

"Rồi sau đó có một chiếc xe đợi sẵn."

"Và anh làm thế trong..."

Cô tính toán thời gian cần để anh ta bay từ Washington,

nơi đặt trụ sở Liên đoàn, đến Ely, New Hampshire, vừa qua khỏi vùng giáp với Massachusetts.

"Chừng hơn một giờ đồng hồ," anh ta đáp.

"Nhưng tại sao?" cô hỏi.

"Để đến đây trước tiên," anh đáp. "Để báo tin cho cô. Để giúp cô vượt qua chuyện này."

"Đó không phải là lý do," cô nói nhanh.

Anh ta nghĩ ngợi một lúc.

"Nó là một phần lý do," anh nói.

Cô vuốt tay lên mặt bàn gỗ thông nứt nẻ. Vào những đêm Jack ở nhà, Jack cùng cô và Mattie dường như chỉ sống trong phạm vi bán kính ba mét quanh chiếc bàn đó – đọc báo, nghe tin tức, nấu nướng, ăn uống, dọn dẹp, làm bài tập, và rồi, sau khi Mattie đi ngủ, họ nói chuyện hoặc không, và thỉnh thoảng, nếu Jack không phải đi làm, thì uống một chai rượu vang. Lúc đầu, khi Mattie còn nhỏ và đi ngủ sớm, họ thỉnh thoảng lại thắp nến và làm tình trong nhà bếp, do cô hoặc anh bất chợt thấy rạo rực.

Cô nghiêng đầu về sau và nhắm mắt lại. Cơn đau như đang kéo dài từ bụng lên đến cuống họng. Cô cảm thấy bấn loạn, như đang đứng quá gần bờ vực. Cô hít vào thật mạnh, đến nỗi Robert phải nhìn sang cô.

Và rồi cô chuyển từ sốc sang đau đớn, như chuyển từ phòng này sang phòng khác.

Những hình ảnh tấn công cô. Cảm giác hơi thở của Jack trên đốt sống cổ, như anh đang thì thầm với những

khúc xương của cô. Nụ hôn phớt lên môi khi anh chuẩn bị rời khỏi nhà. Vòng tay ôm Mattie sau trận khúc côn cầu trên cỏ cuối cùng của con bé, khi Mattie nhễ nhại mồ hôi và khóc nức nở vì đội của nó thua 8-0. Làn da trắng nhợt ở mặt trong cánh tay của Jack. Lớp da bị sẹo rỗ nhẹ giữa hai bả vai, di chứng của tuổi dậy thì. Sự mềm mại khác người của bàn chân anh, cả chuyện anh không thể đi bộ trên bãi biển mà không mang giày. Sự ấm áp của anh, cả trong những đêm lạnh nhất, như lò sưởi trong người anh lúc nào cũng bừng bừng rực cháy. Những hình ảnh ấy xô đẩy, chen lấn nhau, giành giật chỗ đứng với nhau một cách thô bạo. Cô cố gắng ngưng chúng lại, nhưng không thể.

Người đàn ông từ Liên đoàn đứng ở bồn rửa quan sát cô. Anh ta đứng bất động.

“Tôi yêu anh ấy,” cô lên tiếng khi đã có thể mở lời

Cô đứng dậy, rút một tờ khăn giấy từ hộp. Cô hỉ mũi. Cô cảm thấy một cơn căng thẳng bộc phát. Cô tự hỏi liệu thời gian có đang mở ra và bao bọc rồi nuốt chửng lấy cô – trong một ngày hoặc một tuần hoặc một tháng, hoặc có thể là vĩnh viễn.

“Tôi biết,” Robert nói.

“Anh lập gia đình chưa?” cô hỏi và lại ngồi xuống.

Anh ta đút tay vào túi quần rồi xóc những đồng xu trong túi. Anh đang mặc quần tây màu xám. Jack hiếm khi mặc quần tây. Như nhiều nam giới mặc đồng phục đi làm, anh chưa bao giờ ăn mặc chải chuốt.

“Tôi li dị rồi.”

“Anh có con không?”

“Hai cháu trai. Chín và sáu tuổi.”

“Chúng có sống với anh không?”

“Với vợ tôi ở Alexandria. Vợ cũ.”

“Anh có thường gặp chúng không?”

“Tôi cũng cố gắng.”

“Sao anh lại li dị?”

“Tôi không còn uống rượu nữa.”

Anh ta nói ra điều này như đó là sự thật hiển nhiên, không giải thích gì thêm. Cô không biết liệu mình có hiểu hayCô lại hỉ mũi.

“Tôi phải gọi điện đến trường,” cô nói. “Tôi là giáo viên.”

“Việc đó làm sau cũng được. Mà cũng chẳng có ai ở đó đâu. Giờ này chưa ai dậy cả.” Anh ta nhìn đồng hồ.

“Kể cho tôi nghe về công việc của anh đi.”

“Cũng chẳng có gì nhiều để kể. Chủ yếu là làm quan hệ công chúng thôi.”

“Anh đã phải làm những việc này bao nhiêu lần rồi?”

“Việc gì?”

“Tai nạn. Tai nạn máy bay.”

Anh ta im lặng một lúc.

"Năm," cuối cùng anh nói. "Năm vụ nghiêm trọng."

"Năm à?"

"Và bốn vụ nhỏ hơn."

"Hãy kể cho tôi nghe xem nào."

Anh liếc nhìn ra ngoài cửa sổ. Ba mươi giây trôi qua. Có lẽ là một phút. Một lần nữa cô lại cảm thấy anh đang đưa ra những phán quyết, quyết định.

"Có một lần tôi đến nhà của một góa phụ, và phát hiện cô ta đang ngủ với người đàn ông khác.

"Ở đâu?"

"Westport. Connecticut."

"Chuyện gì đã xảy ra?"

"Người vợ mặc áo choàng ngủ ra mở cửa, và tôi báo tin cho cô ấy, sau đó người đàn ông mặc quần áo vào và đi xuống. Ông ta là hàng xóm. Sau đó ông ta và tôi đứng trong nhà bếp của người vợ và nhìn cô ấy ngất xỉu. Vụ đó phức tạp lắm."

"Anh có biết anh ấy không?" Kathryn hỏi. "Chồng tôi ấy?"

"Không. Tôi rất tiếc."

"Anh ấy lớn tuổi hơn anh."

"Tôi biết."

"Họ còn kể gì với anh nữa?"

“Làm ở Vision mười một năm. Trước đó làm ở Santa Fe năm năm. Trước đó nữa thì ở Teterboro hai năm. Hai năm ở Việt Nam, máy bay chiến đấu DC-3. Quê quán ở Boston. Cao đẳng Holy Cross. Một con gái, mười lăm tuổi. Một vợ.”

Anh ta nghĩ ngợi một lúc.

“Cao. Một mét chín mươi lăm? Khỏe mạnh.”

Cô gật đầu.

“Thành tích tốt. Thật ra là xuất sắc.

Anh ta gãi mu bàn tay bằng tay kia.

“Tôi rất tiếc. Tôi rất tiếc vì tôi biết tất cả những thông tin này về chồng cô nhưng lại không biết gì về anh ấy.”

“Họ có nói gì với anh về tôi không?”

“Chỉ nói là cô trẻ hơn chồng mười lăm tuổi. Và cô sẽ có mặt ở đây với con gái.”

Cô săm soi bàn chân mình, đôi chân nhỏ nhắn và trắng trẻo, như không còn giọt máu nào. Gót chân không sạch.

“Có bao nhiêu người trên máy bay?” cô hỏi.

“Một trăm lẻ bốn.”

“Không đầy.”

“Phải, không đầy.”

“Có người sống sót không?”

“Họ đang tìm kiếm...”

Đến lượt những hình ảnh khác xâm nhập. Khoảnh khắc biết trước – biết trước điều gì – trong buồng lái? Tay của Jack đặt trên cần điều khiển. Một thân người xoay vòng trong không trung. Không. Đấy không phải là một thân người. Cô lắc mạnh đầu.

“Tôi phải đích thân báo cho con bé,” cô nói.

Anh ta gật đầu rất nhanh, như điều đó đã được nhất trí từ trước.

“Không. Ý tôi là anh phải rời khỏi đây. Tôi không muốn ai chứng kiến hoặc nghe thấy chuyện này.”

“Tôi sẽ ngồi trong xe.”

Cô cởi áo khoác mà anh ta cho mượn. Điện thoại lại reo, nhưng không ai di chuyển. Từ xa, họ nghe tiếng máy trả lời tự động bật lên.

Cô chưa chuẩn bị tâm lý để nghe tiếng của Jack, trầm ấm và thân thương, âm hưởng Boston trong các nguyên âm, với lời chào quen thuộc. Cô úp mặt vào hai tay và đợi lời chào kết thúc.

Khi ngước lên, cô thấy Robert đang nhìn cô chăm chú. Anh ta nhìn lảng đi nơi khác.

“Mục đích là để ngăn tôi nói chuyện với báo chí, phải không?” cô hỏi. “Vì vậy mà anh mới đến đây.”

Một chiếc xe rẽ vào đường mòn và phanh lại trên nền sỏi. Người đàn ông từ Liên đoàn nhìn ra cửa sổ, cầm lấy áo khoác, rồi mặc lên.

“Là để tôi không phát ngôn gì khiến họ nghĩ đến lỗi của phi công,” cô nói tiếp. “Các anh không muốn họ nghĩ đến lỗi của phi công.”

Anh ta nhấc ống nghe điện thoại lên và đặt nó xuống quầy bếp.

Gần đây, Jack và cô ít khi làm tình trong nhà bếp. Họ bảo nhau rằng bây giờ Mattie đã lớn và có thể xuống nhà bếp tìm thức ăn vặt. Nhiều đêm, sau khi Mattie đã đi lên phòng để nghe nhạc hoặc buôn điện thoại với bạn bè, họ chỉ ngồi ở bàn để đọc tạp chí, quá mệt đến nỗi chẳng buồn dọn dẹp bát đĩa hay thậm chí nói chuyện với nhau.

“Tôi đi nói với con đây

Anh ta ngập ngừng:

“Cô cũng hiểu là chúng tôi không thể ở ngoài đấy quá lâu.”

“Họ là người của hãng hàng không, phải không?” cô nhìn qua cửa sổ nhà bếp. Ở đường mòn vào nhà, cô chỉ nhận ra hai bóng người rời khỏi một chiếc xe. Cô đi đến chân cầu thang.

Cô nhìn lên cầu thang. Có năm trăm bậc, ít nhất là năm trăm bậc. Chúng kéo dài đến vô tận. Cô nhận ra một điều gì đó đã chuyển động và giờ đây đang bắt đầu. Cô không chắc mình có đủ sức để đi lên đến đỉnh cầu thang.

Cô nhìn người đàn ông từ Liên đoàn, bấy giờ đang đi từ nhà bếp ra mở cửa.

“Mẹ,” cô nói, khi anh ta quay lại. “Từ mà họ thường nói là *Mẹ*.”

CHƯƠNG 2

Ánh nắng chói chang phản chiếu từ một chiếc xe lướt qua, di chuyển trên bức tường phía sau cửa hàng như ánh đèn chớp tắt chậm. Hôm nay không khí trong cửa hàng thật ngột ngạt, nóng hầm hập, chìm trong những hạt bụi lơ lửng giữa luồng ánh sáng. Cô cầm giẻ lau trong tay, đứng giữa mê cung những chiếc bàn gỗ gụ và gỗ óc chó, đèn ngủ và khăn trải bàn cũ, những quyển sách có mùi ẩm mốc. Cô ngước lên nhìn khi anh bước vào. Cô lập tức có ấn tượng đó là một quan chức đang đi mua sắm linh tinh, một người lạc lối đang tìm kiếm phương hướng. Anh mặc áo sơ mi trắng cộc tay, ống tay áo ngắn chĩa ra từ hai vai như hai lá cờ mỏng màu trắng. Quần xanh biển dày dặn. Anh mang giày kiểu cũ, giày màu đen vừa to vừa

- Hôm nay chúng tôi đóng cửa, cô nói.

Anh nhìn nhanh ra sau lưng và thấy biển MỞ CỬA nằm ở mặt trong của cánh cửa. Anh gãi đầu gãi tai.

- Xin lỗi, anh nói, và quay lưng dợm đi ra.

Cô luôn sửng sốt trước tốc độ ra phán quyết của đầu óc – một giây, cùng lắm là hai giây, thậm chí trước khi bất kỳ ai kịp cử động hay nói một lời nào. Cô nhẩm đoán, hơn ba mươi tuổi. Không hẳn vạm vỡ, nhưng cao to. Anh có vai rộng, và cô nghĩ ngay rằng anh là người cực kỳ khỏe mạnh. Lúc đầu cô ấn tượng với xương hàm của anh, thuôn thuôn chữ điền, với đôi tai giống nhân vật hoạt hình, hai chóp tai nhọn. Cô nghĩ mắt anh có gì đó không bình thường.

- Tôi đang kiểm kê hàng hóa, nhưng nếu có món nào mà

anh cần thì cũng không sao, cô nói.

Anh bước vào một luồng ánh sáng rọi xuống từ khung cửa sổ tròn nằm phía trên cánh cửa. Cô có thể nhìn thấy rõ mặt anh.

Đuôi mắt anh có những nếp nhăn nhỏ, và hàm răng anh không đẹp hoàn hảo. Mái tóc cắt ngắn, kiểu tóc quân đội, sậm màu, gần như đen tuyền, và có lẽ sẽ xoăn nếu dài hơn một chút. Mái tóc bị lõm vào, giống như anh đã đội mũ trước đó.

Anh đút tay vào túi quần. Anh hỏi: - Cô có bàn cờ đam cũ không?

- Có, cô đáp.

Cô bước qua mê cung đến bức tường cuối cửa hàng, vừa đi vừa xin lỗi vì cửa hàng bề bộn. Cô nhận thức rõ anh đang ở phía sau, nhận thức rõ về dáng đi và tư thế của mình, vì bây giờ nó đột nhiên trở nên mất tự nhiên, quá cứng nhắc. Cô đang mặc quần jean, áo thun đỏ, mang một đôi xăng đan cũ. Mái tóc xõa dính bết vào phía sau gáy. Cô có cảm giác như hơi nóng và độ ẩm, kết hợp với b bặm mà cô vừa xới tung lên, đã tạo ra một lớp màng bẩn bao bọc lấy cô. Trong hình ảnh phản chiếu nhiều mảnh từ chiếc gương cổ treo trên tường, cô thoáng thấy những lọn tóc bết ở hai bên mặt, còn khuôn mặt thì bóng nhờn mồ hôi. Dây áo ngực của cô lộ ra, một chấm trắng dưới làn áo đỏ, trên áo có một vết màu xanh do giặt chung với một món đồ ra màu.

Bàn cờ được dựng tựa vào tường cùng vài bức tranh cũ. Vị khách đi đến phía trước cô rồi cúi xuống để nhìn cho rõ. Cô có thể nhận ra sức mạnh của anh trong cặp đùi,

chiều dài lưng khi anh cúi xuống, đoạn thắt lưng gấp lại phía sau lưng vì bị căng ra. Cô nhận ra hai cầu vai trắng trên vai anh.

- Cái này là gì? anh hỏi, mắt bị hút vào bức tranh cạnh bàn cờ. Đó là tranh phong cảnh, một tác phẩm theo phong cách ấn tượng, vẽ một khách sạn nằm trên quần đảo Shoals. Khách sạn đã cũ, thế kỷ mười chín, có những hành lang sâu hun hút và một bãi cỏ dài êm ái nằm giữa bãi biển lởm chởm đá.

Anh đứng thẳng và cho cô xem bức tranh mà trước đây cô chưa bao giờ chú ý đến.

- Bức này khá đẹp đấy, anh nói. - Tác giả là ai vậy?

Cô nghiêng đầu đọc phía sau bức tranh:

- Claude Legny. Một nghìn tám trăm chín mươi. Ở đây viết là nó được mua từ một thương vụ bất động sản ở Portsmouth.

- Giống tranh của Childe Hassam quá, anh nói.

Cô không trả lời. Cô không biết Childe Hassam là ai.

Anh lướt ngón tay trên khung tranh bằng gỗ, và cô có cảm giác như ai đó đang lướt ngón tay lên xuống cột sống cô.

- Bức này giá bao nhiêu? anh

- Để tôi xem, cô đáp.

Họ cùng đi đến quầy tính tiền. Giá bức tranh, khi cô đã tìm ra, có vẻ cao ngất ngưởng. Cô cảm thấy ngại khi nêu ra một số tiền lớn như vậy, nhưng đây không phải là cửa

hàng của cô, và cô phải cố gắng bán hàng để giúp bà của mình.

Khi nghe cô báo giá xong, anh thậm chí chẳng buồn chớp mắt.

- Tôi mua bức này, anh nói.

Anh đưa cho cô tiền mặt, cô đưa lại anh hóa đơn, và anh nhét vào túi áo không chút bận tâm. Cô thắc mắc anh làm gì trong quân đội, tại sao anh lại không ở trong căn cứ của mình vào buổi chiều thứ tư như thế này.

- Anh làm gì? cô hỏi, nhìn lên cầu vai của anh lần nữa.

- Vận chuyển hàng hóa, anh đáp. - Tôi đang nghỉ nối chuyến. Tôi mượn xe của một công ty bán vé ở sân bay rồi lái xe đi dạo.

- Anh lái máy bay, cô nói, nhắc lại sự thật hiển nhiên.

- Tôi giống như tài xế xe tải thôi, chỉ có điều đây là máy bay, anh nói, nhìn cô chăm chú.

- Trong máy bay có gì?

- Séc bị hủy.

- Séc bị hủy?

Cô bật cười. Cô cố gắng hình dung toàn thân máy bay chất đầy séc bị hủy

- Cửa hàng đẹp lắm, anh nói, nhìn quanh một lượt.

- Của bà tôi đấy.

Cô khoanh tay trước ngực.

- Mắt anh có hai màu khác nhau, cô nói.

- Di truyền đấy. Từ bên nội.

Anh dừng lại.

- Hai mắt đều là thật, nếu cô muốn biết.

- Thật ra là tôi biết mà.

- Tóc cô đẹp lắm.

- Di truyền đấy.

Anh gật đầu và mỉm cười, như muốn nói *đối đáp khéo lắm.*

- Nó là... màu gì nhỉ?

- Đỏ.

- Không, ý tôi là...

- Còn tùy vào ánh sáng nữa.

-

- Mười tám.

Trông anh có vẻ ngạc nhiên. Bất ngờ.

- Sao vậy? Còn anh bao nhiêu?

- Ba mươi lăm. Tôi tưởng...

- Tưởng gì?

- Tưởng cô lớn hơn, tôi không biết.

Nó nằm đó giữa hai người, sự chênh lệch tuổi tác, mười lăm năm.

- Nghe này, anh nói.

- Nghe này, cô nói.

Anh đặt một tay lên quầy tính tiền.

- Tôi sinh ra ở Boston, anh kể, - rồi lớn lên ở Chelsea, đó là một vùng ở Boston mà cô sẽ không muốn biết đến. Tôi đi học ở trường Boston Latin và Holy Cross. Mẹ mất lúc tôi chín tuổi, bố bị đột quỵ lúc tôi học cao đẳng. Số tôi rất đen đủi, tôi đi lính và học lái máy bay ở Việt Nam. Tôi không có bạn gái, cũng chưa có vợ. Tôi có một căn hộ một phòng ngủ ở Teterboro. Nó nhỏ lắm, và tôi hiếm khi...

- Thôi đi, cô nói.

- Tôi muốn nói cho xong chuyện này.

Khi đó cô hiểu, bằng cách mà cô ít khi được phép biết về những điều như thế trong mười tám năm sống trên đời, rằng vào khoảnh khắc đó, cô đang nắm gi mọi thứ trong tay, rằng cô có thể bọc các ngón tay quanh nó và nắm chặt nó, không bao giờ thả nó ra, hoặc cô có thể mở bàn tay ra và thả nó đi. Chỉ việc buông nó ra, chỉ đơn giản như thế.

- Tôi biết Chelsea ở đâu, cô nói.

Mười giây trôi qua, có lẽ là hai mươi. Họ đứng trong bóng tối nhập nhoạng nóng bức của cửa hàng, không ai lên tiếng. Cô biết anh muốn chạm vào người cô. Cô có thể cảm nhận hơi nóng tỏa ra từ da anh dù hai người đang

đứng cách nhau một quầy tính tiền. Cô hít vào thật chậm và đều, để không gây chú ý về sự cố gắng ấy. Cô có một mong muốn tột bậc là nhắm mắt lại.

- Trong này nóng quá, anh nói.

- Ngoài đấy nóng lắm, cô nói.

- Nóng bất thường.

- Bây giờ mới đầu tháng sáu thôi mà.

- Muốn đi dạo không? anh hỏi. – Cho mát?

- Đi đâu?

- Đâu cũng được. Chạy vòng vòng thôi.

Cô cho phép mình nhìn vào ánh mắt anh. Anh từ từ mỉm cười, và nụ cười ấy khiến cô bất ngờ.

***

Họ lái xe đến bãi biển và mặc nguyên quần áo xuống nước để bơi. Nước biển lạnh cóng, nhưng không khí lại nóng bức, và sự tương phản đó thật tuyệt diệu. Đồng phục của Jack ướt sũng, sau đó anh phải mượn một bộ khác. Khi cô đi lên bờ, anh đang đứng cho tay vào túi quần, một tay kẹp một chiếc chăn. Quần áo anh ướt sũng bám chặt vào người, màu áo đã biến thành màu da người trong suốt.

Họ nằm trên chiếc chăn trải lên bờ cát. Cô run rẩy tựa vào lớp áo ướt của anh. Anh đặt những ngón tay ở bàn tay trái lên đầu cô, đan vào tóc cô, trong lúc hôn cô và di chuyển bàn tay phải trên làn bụng phẳng lì dưới lớp áo cô. Cô cảm thấy mềm nhũn, mềm nhũn rụng rời và mở toang

– giống như ai đó vừa giật một sợi chỉ và tháo sợi cô.

Cô áp bàn tay mình lên bàn tay anh. Tay anh ấm áp một cách kỳ lạ, cứng cáp, dính cát và ram ráp. Cô cảm thấy hạnh phúc. Niềm hạnh phúc trong trẻo tinh khôi. Tất cả đã bắt đầu, và cô biết điều đó.

CHƯƠNG 3

Chưa đến bậc thang trên cùng, Kathryn đã nghe Mattie đi vào nhà tắm. Con gái cô có mái tóc xoăn tự nhiên rất đáng yêu, nhưng sáng nào ngủ dậy, Mattie cũng gội đầu rồi vật vã sấy khô để làm thẳng tóc. Kathryn luôn có cảm giác rằng Mattie muốn đàn áp mái tóc nó, như đang vật lộn với một phần tính cách mới xuất hiện không lâu trước đây. Kathryn vẫn đang chờ đợi đến ngày Mattie vượt qua giai đoạn này. Cô đã nghĩ rằng chẳng bao lâu nữa con gái cô sẽ thức dậy và để cho mái tóc xoăn tự nhiên. Khi đó, Kathryn sẽ biết rằng con bé đã ổn.

Kathryn tự nhủ Mattie hẳn đã nghe tiếng xe chạy vào sân. Không chừng con bé cũng đã nghe tiếng nói chuyện trong nhà bếp. Mattie thường thức dậy giữa đêm, nhất là vào mùa đông.

Cô biết mình phải đưa Mattie ra khỏi phòng tắm. Cô nghĩ đó không phải là một nơi an toàn để báo tin.

Cô đứng ngoài cửa. Mattie đã mở vòi sen. Kathryn nghe tiếng con cởi quần áo.

Kathryn gõ

“Mattie à,” cô gọi.

"Gì vậy mẹ?"

"Mẹ cần nói chuyện với con."

"Mẹ..."

Kiểu trả lời của Mattie, bằng cái giọng dấm dẳng quen thuộc đó, như đã cảm thấy phiền toái rồi.

"Không được," nó đáp. "Con đang tắm mà."

"Mattie, chuyện quan trọng đấy con."

"Chuyện gì chứ?"

Cửa phòng tắm bật mở đột ngột. Mattie quấn một chiếc khăn màu xanh lá quanh người.

Cô con gái đáng yêu, xinh đẹp của tôi, Kathryn thầm nhủ. Làm sao tôi có thể làm việc này với nó?

Hai tay Kathryn bắt đầu run lẩy bẩy. Cô khoanh hai tay trước ngực, kẹp hai bàn tay dưới nách.

"Mặc áo choàng vào đi, Mattie," Kathryn nói, cảm thấy mình sắp khóc đến nơi. Cô chưa bao giờ khóc trước mặt Mattie. "Mẹ cần nói chuyện với con. Quan trọng lắm."

Mattie kéo áo choàng từ móc xuống rồi mặc lên, sững sờ phục tùng mệnh lệnh.

"Chuyện gì vậy mẹ?

Trí óc một đứa trẻ không thể chấp nhận nổi chuyện này, về sau Kathryn mới nhận ra điều đó: Cơ thể một đứa trẻ không thể tiếp thu những sự thật khủng khiếp như thế.

Mattie ngã quỵ xuống sàn nhà như bị trúng đạn. Nó quơ tay loạn xạ quanh đầu, khiến Kathryn liên tưởng đến bầy ong. Cô cố gắng nắm lấy hai tay Mattie và giữ chúng thật chặt, nhưng Mattie đẩy cô ra rồi vùng chạy. Nó chạy ra khỏi nhà, đến giữa bãi cỏ, Kathryn mới ôm được nó.

“Mattie, Mattie, Mattie,” Kathryn gọi tên con khi đã ôm nó vào lòng.

Gọi đi gọi lại không dứt.

“Mattie, Mattie, Mattie.”

Kathryn đưa tay ôm đầu Mattie rồi áp mặt con vào mặt mình, áp vào thật chặt, như để bảo con phải nghe, nó không có lựa chọn nào khác.

“Mẹ sẽ chăm sóc con,” Kathryn nói.

Và lặp lại lần nữa.

“Nghe mẹ này, Mattie. Mẹ sẽ chăm sóc con.”

Kathryn vòng tay ôm con vào lòng. Dưới chân họ là sương giá. Mattie đang khóc, còn Kathryn nghĩ tim cô sẽ vỡ nát. Nhưng thế này thì tốt hơn, cô biết. Thế này thì tốt hơn.

***

Kathryn dìu Mattie vào nhà và đỡ nó nằm xuống sofa. Cô lấy chăn quấn quanh người con, ôm nó vào lòng rồi xoa tay xoa chân nó để nó bớt run. Robert rót cho Mattie ít nước, nhưng nước chỉ làm con bé nôn khan. Julia, bà của Kathryn, người phụ nữ đã nuôi dạy cô, đến. Kathryn mơ hồ nhận thấy sự có mặt của những người khác trong nhà

vào lúc đó, một người đàn ông và một người đàn bà mặc vest, đứng ở quầy bếp, chờ đợi.

Cô nghe được tiếng Robert nói chuyện trên điện thoại rồi sau đó thì thầm với những người của hãng hàng không. Cô không biết tivi đang mở, nhưng Mattie đột nhiên ngồi bật dậy và nhìn cô.

“Có phải họ nói đến một quả bom không?” Mattie hỏi.

Và rồi Kathryn nghe thấy bản tin, theo kiểu hồi tưởng, như cách mà một người nhận ra tất cả những từ ngữ đều đã được nghe trong tiềm thức và nằm sẵn ở đấy trong tâm trí, chỉ chờ được gọi lên.

Sau này mỗi khi nghĩ đến bản tin, Kathryn thường nghĩ đến những viên đạn. Những viên đạn từ ngữ xé toạc bộ óc, hủy sạch mọi ký ức.

“Robert,” cô gọi.

Anh ta đi vào phòng khách và đứng cạnh cô.

“Chưa được kiểm chứng,” anh nói.

“Họ nghĩ là có bom?”

“Đó chỉ là giả thuyết. Hãy cho con bé uống cái này.”

“Cái gì vậy?”

“Một viên Valium[1].”

“Anh đem theo thứ?” cô hỏi. “Với anh sao?”

[1] Valium: Thuốc an thần nhẹ.

Julia di chuyển quanh nhà với sự hiện diện thường trực của một nhân viên cứu hộ ở khu vực khẩn cấp: bất chấp cái chết và dường như không nề hà vất vả. Với vóc người khỏe khoắn và mái đầu xù xoăn tít – sự nhượng bộ duy nhất của bà trước tuổi tác – bà bế Mattie từ sofa lên lầu chỉ trong vài phút. Khi Julie đoan chắc Mattie đã có thể tự đứng vững trong phòng một mình và mặc quần jean vào, bà lại đi xuống để chăm sóc cháu gái của mình. Bà đứng trong nhà bếp, pha một ấm trà mạnh. Bà hào phóng pha thêm vào đấy một lượng lớn rượu brandy từ chai rượu bà đem theo. Bà dặn người phụ nữ thuộc hãng hàng không phải bảo Kathryn uống hết chỗ trà đó, ít nhất phải hết một tách. Sau đó Julie lại đi lên lầu và bảo Mattie rửa mặt. Đến lúc đó thuốc Valium đã phát huy tác dụng, ngoài những cơn bộc phát nhỏ vì bàng hoàng và đau đớn, Mattie dần thiếp đi. Kathryn biết, bên cạnh những điều khác, thương tiếc là một việc khiến người ta mệt rã rời.

Julia đỡ Mattie nằm xuống giường rồi quay trở lại phòng khách. Ngồi cạnh Kathryn trên sofa, bà đưa mắt nhìn tách trà của Kathryn để xem cô đã uống được bao nhiêu, rồi bảo cô uống thêm. Bà hỏi thẳng là Kathryn có thuốc an thần không. Robert sốt sắng chìa ra Valium. Julia hỏi, "Cậu là ai?", Robert trả lời, và bà hỏi xin anh viên thuốc.

"Cháu uống đi," Julia bảo Kathryn.

"Cháu không uống được. Cháu đã uống rượu brandy rồi."

"Thì sao nào. Uống đi."

Julia không hề hỏi Kathryn cảm thấy thế nào, hay cô có ổn không. Kathryn biết, theo cách nghĩ của Julia, không có

trạng thái thay thế nào khác cho trạng thái làm gì cũng chẳng có tác dụng. Nước mắt, sốc, lòng thương hại – tất cả những thứ đó để sau.

“Thật kinh khủng,” Julia nói. “Kathryn này, bà biết chuyện này thật kinh khủng. Hãy nhìn bà đây. Nhưng cách duy nhất để đi đến bên kia là băng qua nó. Cháu biết thế mà, phải không? Cháu gật đầu đi.”

“Chị Lyons?”

Kathryn quay mặt từ cửa sổ. Rita, một phụ nữ tóc vàng nhỏ nhắn từ văn phòng cơ trưởng, đang đút cánh tay vào áo khoác.

“Tôi phải đi rồi, đến khách sạn.”

Rita thoa son màu gỗ sồi. Cô ta đã ở trong nhà Kathryn cả ngày, từ lúc bốn giờ sáng, nhưng khuôn mặt cô ta trông như vẫn phủ một lớp sương, bộ trang phục màu xanh biển của cô ta hầu như không có một nếp nhăn. Người đi cùng cô ta, Jim gì đấy, cũng đến từ hãng hàng không, đã rời khỏi nhà vài giờ trước; Kathryn không nhớ rõ là khi nào.

“Robert Hart vẫn ở đây,” Rita nói. “Trong phòng làm việc.”

Kathryn ngắm nghía đoạn tóc hoàn hảo trên mái tóc suôn thẳng của Rita với cảm giác ngưỡng mộ. Cô thầm nghĩ, Rita trông thật giống một phát thanh viên của một đài truyền hình ở ngoại ô Portland. Sáng hôm đó, Kathryn từng cảm thấy khó chịu khi có người lạ ở trong nhà, nhưng cô đã nhanh chóng nhận ra cô không thể đương đầu với tin này một mình được.

“Anh chị nghỉ ở khách sạn Tides à?” Kathryn hỏi.

“Vâng. Chúng tôi đã đặt vài phòng.”

Kathryn gật đầu. Cô hiểu rằng khách sạn Tides, vào mùa thấp điểm họa hoằn lắm mới có vài ba vị khách đến ở vào dịp cuối tuần, bây giờ hẳn đã hết phòng, cánh truyền thông và những người của hãng hàng không đã đặt

“Chị không sao chứ?” Rita hỏi.

“Vâng.”

“Chị có muốn tôi lấy gì cho chị trước khi tôi đi không?”

“Không, tôi ổn rồi.”

Đó là một câu nói vô lý, Kathryn tự nhủ trong lúc nhìn Rita rời khỏi nhà bếp. Vô nghĩa đến nực cười. Có lẽ đến hết đời Kathryn cũng không bao giờ ổn được nữa.

Chưa đến bốn giờ mười lăm, nhưng trời đã nhá nhem tối. Vào cuối tháng mười hai, bóng chiều đến ngay sau khi người ta dùng xong bữa trưa, suốt buổi chiều ánh sáng dài thượt và kéo mỏng ra. Nó tạo ra những màu sắc nhẹ như tơ mà cô chưa từng thấy trong nhiều tháng qua, mọi thứ dường như không còn quen thuộc như trước nữa. Màn đêm sẽ dần buông như sự mù lòa từ từ kéo tới, hút cạn sắc màu từ cây cối, từ bầu trời là đà, từ đất đá, từ bãi cỏ đóng băng, từ những đóa hoa tú cầu trắng sương, đến khi chẳng còn gì trên cửa sổ ngoài ảnh phản chiếu của chính cô.

Cô khoanh tay và rướn người về trước, tựa vào mép bồn rửa, nhìn ra ngoài qua cửa sổ nhà bếp. Đó là một ngày dài, một ngày dài, khủng khiếp – một ngày quá dài và khủng khiếp đến nỗi từ nhiều giờ trước, nó đã xóa nhòa

mọi hiện thực mà Kathryn từng biết. Cô có cảm giác mơ hồ rằng mình sẽ không bao giờ chợp mắt được nữa, rằng khi cô tỉnh giấc vào sáng sớm hôm đó, cô đã thức dậy từ một trạng thái không thể quay trở lại. Cô nhìn Rita tiến về chiếc xe, khởi động máy, rồi lái ra khỏi đường mòn. Bây giờ trong nhà còn lại bốn người – Mattie đang ngủ trong phòng, Julia và Kathryn thay phiên nhau trông chừng nó, và Robert, Rita đã nói, đang ở trong phòng làm việc của Jack. Làm gì trong đấy? Kathryn thắc mắc.

Suốt ngày, phía cuối con đường trải sỏi chạy xe vào nhà, và phía sau cánh cổng gỗ, lúc nào cũng có người nhìn vào và người khác xua họ đi. Nhưng giờ đây, Kathryn hình dung, cánh phóng viên và quay phim, nhà sản xuất và chuyên gia trang điểm, có lẽ tất cả đều đã đến khách sạn Tides để uống rợu, kể chuyện, bàn tán về những tin đồn, ăn tối, và đi ngủ. Đây chẳng phải là kết thúc của một ngày làm việc bình thường đối với họ sao?

Kathryn nghe tiếng bước chân nặng nề trên lầu, tiếng bước chân của đàn ông, và trong thoáng chốc cô đã nghĩ rằng Jack đang đi xuống nhà bếp. Nhưng rồi cô nhớ ra gần như tức khắc rằng đó không thể là Jack, đó hoàn toàn không phải là Jack.

“Kathryn.”

Cà vạt đã tháo ra, cổ tay áo sơ mi xăn lên, nút áo trên cùng đã mở. Cô nhận ra Robert Hart có thói quen trong lúc căng thẳng là kẹp bút giữa các đốt ngón tay và xoay nó tới lui như xoay gậy.

“Tôi nghĩ cô nên biết,” Robert nói. “Họ đang nói đến động cơ bị hỏng.”

“Ai nói động cơ bị hỏng?”

“London.”

“Họ biết sao?”

“Không. Vào lúc này đó chỉ là tin nhảm nhí. Họ phỏng đoán thôi. Họ đã tìm thấy một mảnh thân máy bay và một động cơ.”

“Ôi,” cô thốt lên. Cô dùng ngón tay chải tóc. Đó là thói quen của cô khi căng thẳng. Một mảnh thân máy bay, cô thầm nghĩ. Cô lặp lại câu đó trong đầu. Cô cố gắng hình dung mảnh thân máy bay ấy, để tưởng tượng nó có thể trông ra sao.

“Mảnh nào trên thân máy bay?” cô hỏi.

“Khoang máy bay. Khoảng sáu mét.”

“Có thấy...?

“Không. Cả ngày hôm nay cô chưa ăn gì cả, phải không?”

“Được rồi mà.”

“Không, không được.”

Cô nhìn qua bàn ăn, trên đó bày la liệt thức ăn – món thịt hầm, bánh nướng, bữa ăn tối đựng trong những hộp nhựa đánh dấu riêng biệt, bánh chocolate, bánh ngọt, bánh quy, salad. Một gia đình lớn cũng phải mất nhiều ngày mới ăn hết toàn bộ chỗ thức ăn này.

“Người ta thường làm vậy,” cô nói. “Họ không biết phải làm gì khác, nên họ đem thức ăn đến.”

Suốt ngày hôm đó, một số cảnh sát phải đi tới đi lui trên đường mòn vào nhà để đem hết món ăn này đến món ăn khác vào. Kathryn hiểu phong tục này, cô đã chứng kiến nó xảy ra hết lần này đến lần khác khi trong nhà có người qua đời. Nhưng cô vẫn không tin nổi sự vận động không ngừng của cơ thể, vượt qua cú sốc và nỗi đau, vượt qua cơn buồn nôn và sự trống rỗng bên trong, không ngừng đòi thêm dưỡng chất, không ngừng đòi được cho ăn. Có vẻ không phù hợp chút nào, giống như thèm khát tình dục vậy.

"Lẽ ra chúng ta nên đem chúng ra ngoài để gửi lại," Kathryn nói. "Cho cảnh sát và báo giới. Đem vào đây chỉ gây lãng phí thôi."

"Đừng bao giờ đem đồ ăn cho báo giới," Robert nói nhanh. "Họ như đàn chó lúc nào cũng mong được nựng nịu vuốt ve. Họ thèm khát được cho vào trong nhà."

Kathryn mỉm cười, cô lắc đầu khi mình có thể cười được. Khuôn mặt cô đau đớn, sự khô héo và vị mặn của nước mắt.

"Thôi, tôi đi đây," anh ta nói, kéo ống tay áo xuống và cài nút lại. "Chắc cô muốn ở một mình với gia đình

Kathryn thật tình không biết cô có muốn ở một mình hay không.

“Anh quay về Washington à?”

“Không, tôi ở khách sạn. Ngày mai tôi sẽ ghé qua trước khi về.” Anh ta đưa tay lấy chiếc áo khoác trên lưng ghế rồi mặc vào. Sau đó anh lấy cà vạt từ túi quần ra.

“Ồ,” cô nói mông lung. “Tốt.”

Anh vắt cà vạt qua cổ áo. “Vậy,” anh lên tiếng, khi đã thắt xong cà vạt. Anh dùng tay kéo nhẹ nó.

Điện thoại reo. Trong bếp, tiếng chuông có vẻ quá lớn, quá trơ trẽn, quá đường đột. Cô nhìn nó bất lực.

“Robert, tôi không thể.”

Anh đi đến điện thoại và trả lời. “Robert Hart nghe đây.”

“Không bình luận.”

“Lúc này thì chưa.”

“Không bình luận.”

Khi anh gác máy, Kathryn lên tiếng.

“Cô lên lầu tắm rửa đi,” anh nói, cắt lời cô. Anh cởi áo khoác ra. “Tôi sẽ hâm nóng chút gì đó.”

“Cũng được,” cô đáp. Và cảm thấy nhẹ nh

***

Ở hành lang trên lầu, cô chợt thấy lúng túng. Hành lang sao quá dài, có quá nhiều cửa và quá nhiều phòng. Những ký ức trong ngày đã bắt đầu nhen nhuốm vào các căn phòng, chồng lên những ký ức trước đó. Cô đi đến cuối hành lang và vào phòng Mattie. Mattie và Julia đều đang ngủ say trên giường. Julia đang khe khẽ ngáy. Họ nằm quay lưng lại với nhau, đắp chung tấm trải giường. Kathryn nhìn tấm trải giường nâng lên hạ xuống trên hai thân người, phát hiện chiếc hoa tai mới của Mattie lấp lánh ở chỗ xương sụn vành tai trái.

Julia trở mình.

"Chào bà," Kathryn thì thầm, để không đánh thức Mattie. "Con bé sao rồi?"

"Hy vọng là nó ngủ suốt đêm," Julia đáp, dụi một mắt. "Robert vẫn ở đây à?"

"Vâng ạ."

"Cậu ta sẽ ở lại đây luôn hay sao?"

"Cháu cũng chẳng biết nữa. Chắc là không đâu. Cháu nghĩ anh ta sẽ nghỉ ở khách sạn với những người khác."

Kathryn muốn nằm xuống với bà và con gái. Thỉnh thoảng trong ngày, cô đã cảm nhận được sức mạnh ở chân mình giảm sút và đã mong mỏi được ngồi xuống. Ở đây đang có một sự phân chia cấp bậc, cô nghĩ. Trước mặt Kathryn, Mattie có thể là một đứa trẻ. Trước mặt Julia, Kathryn nhận ra cô muốn được Julia ôm ấp vỗ về.

Ở nhà dưới, trên một chiếc bàn đặt ở hành lang, có một bức ảnh của Julia, một bức ảnh đầy hoài niệm từ một thời đại khác. Trong ảnh, Julia mặc váy ôm sẫm màu, dài qua

gối một chút, áo sơ mi trắng, và áo len ngắn cài nút. Cổ bà đeo một chuỗi ngọc trai. Bà có vòng eo thon thả, mái tóc đen bóng vén sang một bên. Thân hình bà rất khỏe khoắn, kiểu đẹp mang vẻ n tính. Trong ảnh, Julia đang ngồi trên sofa, rướn về trước để lấy một vật gì đấy nằm ngoài khung hình. Ở bàn tay kia, bà đang cầm một điếu thuốc lá trong tư thế làm cho hành động hút thuốc trở nên thật quyến rũ: điếu thuốc được cầm hờ hững giữa những ngón tay thanh mảnh, khói thuốc lơ lửng quanh cổ và cằm. Cô gái trong ảnh có lẽ ở độ tuổi hai mươi.

Năm nay Julia đã bảy mươi tám tuổi, thường mặc quần jean thụng lúc nào trông cũng có vẻ ngắn cũn, áo len rộng để che cái bụng quá cỡ. Không còn dấu vết nào của cô gái có mái tóc đen bóng và vòng eo thon ở người đàn bà có mái đầu bạc mỏng đang nằm cạnh Mattie lúc này. Có thể trong ánh mắt vẫn còn nét tương đồng, nhưng ngay cả ở đó, thời gian cũng đã hủy hoại nhan sắc. Mắt của Julia giờ đây thỉnh thoảng lại nhòe nước và gần như đã rụng hết lông mi. Dù quan sát bao nhiêu lần hiện tượng này, Kathryn cũng không tài nào hiểu nổi: không có gì là tồn tại mãi mãi, một ngôi nhà sắp sập, một khuôn mặt mỹ miều, tuổi thơ, một cuộc hôn nhân, tình yêu.

“Cháu không lý giải nổi,” Kathryn nói. “Cháu cảm thấy như cháu đang tạm thời lạc mất Jack và cháu cần phải tìm anh ấy.”

“Cháu sẽ không tìm thấy cậu ấy đâu.” Julia nói. “Cậu ấy đã đi rồi.”

“Cháu biết, cháu biết.”

“Cậu ấy ra đi không đau đớn.”

"Chuyện đó thì chúng ta không biết."

"Cậu Hart đã đoan chắc như thế mà."

"Bây giờ chưa ai biết gì đâu. Tất cả chỉ là đồn đại và phỏng đoán thôi."

"Cháu nên rời khỏi nơi này, Kathryn à. Đây là nhà thương điên ở cuối đường mòn vào nhà của cháu. Bà không muốn dọa cháu, nhưng họ phải đưa Charlie và Burt trở lại để không cho mọi người đến gần cổng

Sau lưng Kathryn, một làn không khí lạnh luồn qua khe hở cửa sổ, cô hít vào thật sâu, ngửi thấy mùi muối. Cả ngày hôm nay cô chưa ra ngoài, trừ lúc đưa Mattie vào nhà.

"Bà không biết mất bao lâu nữa chuyện này mới lắng xuống," Julia nói.

"Robert nói có thể phải mất một khoảng thời gian."

Kathryn hít sâu vào. Giống như hít khí amoniac, không khí làm sạch đầu, mài sắc các giác quan.

"Không ai có thể giúp cháu vượt qua chuyện này, Kathryn ạ. Đây là việc mà cháu phải tự làm. Cháu biết thế mà, phải không?"

Kathryn nhắm nghiền mắt một lúc.

"Kathryn?"

"Cháu yêu anh ấy," Kathryn nói.

"Bà biết cháu yêu cậu ấy. Bà biết như thế. Bà cũng rất thương cậu ấy. Tất cả chúng ta đều yêu quý cậu ấy."

“Tại sao chuyện này lại xảy ra?”

“Quên câu hỏi tại sao đi. Chẳng có tại sao cả. Việc đấy không quan trọng. Chẳng có ích gì. Chuyện đã xảy ra rồi, và không thể làm cho nó trở lại như trước được.”

“Cháu...”

“Cháu mệt rồi. Đi ngủ đi.”

“Cháu không sao.”

“Cháu biết không,” Julia nói. “Khi bố mẹ cháu chết đuối, bà đã nghĩ rằng bà sẽ không thể nào chịu đựng nổi. Bà đã nghĩ rằng một ngày nào đó mình sẽ nổ tung. Nỗi đau thật khủng khiếp. Khủng khiếp. Mất một đứa con trai là – là một việc không thể tưởng tượng nổi cho đến khi nó xảy ra. Và bà đã trách mẹ cháu, Kathryn ạ. Bà sẽ không giả vờ là bà không có cảm giác đó. Mẹ cháu và bố cháu khi uống rượu vào là chết người, cực kỳ bất cẩn và nguy hiểm. Nhưng còn cháu, hoang mang vì mất cả bố lẫn mẹ mà lúc còn sống có cũng như không. Chính điều đó đã cứu bà, Kathryn ạ. Bảo bọc cháu, điều đó đã cứu lấy bà. Phải chăm sóc cháu. Bà phải thôi hỏi tại sao Bobby chết. Bà phải dừng chất vấn. Chẳng có tại sao hết. Và bây giờ cũng vậy.”

Kathryn ngả đầu xuống giường. Julia vỗ về mái tóc cô.

“Cháu yêu cậu ấy. Bà biết như thế.” Julia nói.

***

Kathryn rời phòng Mattie đi vào nhà tắm. Dưới vòi hoa sen, cô mở nước nóng hết cỡ và đứng yên bất động để nước chảy trên người. Mắt cô sưng húp, đau đớn vì khóc.

Đầu cô nặng trĩu. Cô phải hỉ mũi quá nhiều lần đến nỗi da ở nhân trung viêm tấy. Cô bị đau đầu từ sáng sớm và đã uống không biết bao nhiêu viên Advil. Cô tưởng tượng máu của mình loãng ra và chảy đi hết cùng với nước từ vòi hoa sen.

Sẽ còn nhiều ngày như thế này, Robert đã nói như vậy. Không tệ như thế này, nhưng cũng chẳng khá hơn.

Cô không thể hình dung cảnh mình sống sót thêm một ngày nào nữa như ngày mà cô vừa mới trải qua.

Cô không nhớ nổi trình tự sự việc. Chuyện gì đã xảy ra đầu tiên hoặc thứ hai hoặc thứ ba. Chuyện gì đã xảy ra vào buổi sáng hay buổi chiều, hay cuối buổi sáng hay đầu buổi chiều. Có những bản tin trên tivi, những phhanh viên nói đến những từ khiến ruột gan cô quặn thắt mỗi khi nghe đến: *Rơi sau khi cất cánh... Quần áo trẻ con và một chiếc ghế trôi... Thảm kịch ở... Chín mươi giây để xác máy bay... Sốc và buồn đau ở cả hai phía của... Chiếc T-900 mười lăm tuổi... Mảnh vụn trải dài... Câu chuyện tiếp diễn về Chuyến bay Vision 384... Các báo cáo chỉ ra rằng... của doanh nhân buổi sáng sớm... Hãng hàng không do Anh và Mỹ đồng sở hữu... Tập trung ở sân bay... Hoạt động thanh tra quy trình bảo dưỡng của FAA... Dự đoán rằng một vụ lớn...*

Và tiếp đó là những hình ảnh mà Kathryn ngờ rằng sẽ không bao giờ rời bỏ đầu óc cô. Một quyển kỷ yếu trung học của một nữ sinh choán hết màn hình; một vùng biển rộng lớn với một chiếc trực thăng quần đảo và những mảnh trắng trên đầu sóng; một bà mẹ giơ hai tay ra, lòng bàn tay hướng lên trời, như có thể chặn đứng dòng chữ tuôn trào ngoài mong đợi. Những người đàn ông mặc đồ lặn phức tạp, căng thẳng nhìn xuống biển từ mạn tàu; thân

nhân tại sân bay, tìm tên trên bảng danh sách hành khách. Và rồi, ngay tiếp theo cảnh thân nhân, ba tấm ảnh tĩnh xuất hiện, bức này nằm trên bức kia, ba người đàn ông mặc đồng phục trong tư thế nghiêm trang, phía dưới là tên của họ. Kathryn thậm chí còn chưa thấy bức ảnh đó của Jack, không thể hình dung nổi nó được chụp cho mục đích gì. Chắc chắn không phải là cho kết cục này. Không phải trong tình huống này. Nhưng liệu còn dịp nào khác để mặt phi công xuất hiện trên bản tin chứ? cô thầm hỏi.

Suốt ngày hôm đó, Robert đã bảo cô đừng xem tivi. Hình ảnh sẽ ám ảnh cô, anh ta đã cảnh báo như vậy, hình ảnh sẽ không biến mất. Tốt hơn là đừng xem, đừng nhớ, vì chúng sẽ quay lại, trong mơ lẫn ban ngày.

- Đó là điều không thể tưởng tượng nổi, anh nói với cô.

- Tức là, Đừng tưởng tượng về nó.

Nhưng làm sao cô có thể không tưởng tượng về nó? Làm sao cô có thể ngăn chặn dòng chảy chi tiết, dòng chảy từ ngữ và hình ảnh trong đầu?

Suốt ngày hôm đó, điện thoại reo không ngừng nghỉ. Chủ yếu là Robert nghe điện hoặc chuyển máy cho một người của hãng hàng không, nhưng đôi khi, trong lúc họ xem bản tin, anh ta cứ để điện thoại reo, và cô nghe thấy những giọng nói trên máy trả lời t động. Giọng nói ngập ngừng, thăm dò từ các cơ quan tin tức. Giọng của bạn bè và láng giềng trong thị trấn, gọi điện để nói chuyện này kinh khủng quá (*Thật không thể tin được đó là Jack...*), (*Nếu chúng tôi có thể làm gì...*). Giọng của một người phụ nữ lớn tuổi từ Liên đoàn – nghiêm nghị, cứng rắn, yêu cầu Robert gọi lại cho bà ta. Kathryn biết Liên đoàn không muốn đó là lỗi của phi công, còn hãng hàng không thì

không muốn đó là lỗi của phi công hoặc động cơ bị hỏng. Cô nghe nói luật sư đã bắt đầu vào cuộc. Cô thắc mắc có luật sư nào đã tìm cách liên lạc với cô không, liệu Robert Hart có ngăn cản anh ta không.

Cô biết các thợ lặn đang tìm kiếm thiết bị ghi dữ liệu chuyến bay và CVR, chiếc hộp chứa đựng những lời cuối cùng. Cô sợ các thợ lặn tìm thấy món thứ hai. Đó là bản tin duy nhất mà cô biết mình không thể nào chịu nổi – nghe giọng nói của Jack, quyền lực trong giọng nói đó, sự điều khiển, và rồi sau đó thì sao? Thật là xâm phạm trắng trợn khi ghi lại những giây cuối cùng của một con người. Ở nơi nào khác ngoài nơi xử tử người ta mới làm việc đó?

Cô bước ra khỏi buồng tắm, lau khô mình, và nhận ra, như một người phụ nữ lơ đãng bước lên xe ô tô mới chợt nhớ mình để quên chìa khóa, rằng cô đã không dùng xà phòng hay dầu gội. Cô lại mở vòi hoa sen và bước vào. Giờ đây giữa những suy nghĩ của cô có các khoảng trống – không khí chết, nút bông.

Cô bước ra khỏi buồng tắm lần thứ hai, lau khô, rồi nhìn nhanh xung quanh để tìm áo choàng. Chiếc áo sơ mi, đôi tất và quần tất mà cô mặc cả ngày hôm đó đang nằm vương vãi trên sàn, nhưng cô đã quên áo choàng tắm. Cô tìm ở sau cửa nhà tắm.

Quần jean của Jack đang treo trên móc. Quần jean cũ, bạc màu ở đầu gối. Cô tự nhủ, hẳn anh đã mặc chiếc quần này vào ngày cuối cùng ở nhà.

Cô áp chiếc quần vào mặt, hít thở qua làn vải jean.

Cô lấy chiếc quần xuống, đặt nó lên bệ rửa mặt. Cô nghe tiếng tiền xu leng keng trong túi quần, tiếng giấy sột

soạt. Cô thò tay vào túi sau và tìm thấy một xấp giấy, quăn góc, bị ép phẳng do ngồi lên. Cô lấy ra một mớ tiền gấp lại nhét trong xấp giấy, vài tờ một đô và một tờ hai mươi đô. Có một hóa đơn của Ames, là tiền mua một ổ nối điện, một hộp bóng đèn, một lọ lăn nách khử mùi Right Guard. Có một mảnh giấy hẹn giặt khô màu hồng: sáu áo sơ mi, ép keo nhẹ, móc áo. Một hóa đơn từ Staples: dây cáp máy in và mười hai cây bút. Một hóa đơn từ bưu điện cho một lần mua hàng hai mươi hai đô la; cô nhìn lướt qua và đoán đó là tem. Có một danh thiếp: Barron Todd, Công ty đầu tư. Hai vé số. Vé số ư? Cô không biết là Jack thích mua vé số. Cô nhìn kỹ hơn vào một vé. Có một dòng chữ mờ bằng bút chì. *M ở nhà A*. Sau đó là một dãy số. Mattie ở nhà ai đó? Nhưng những con số này có ý nghĩa gì? Có rất nhiều số như thế. Một dãy số mà anh đã mua? Sau đó, khi mở xấp giấy dày ra để xem kỹ hơn, cô thấy có hai tờ giấy màu trắng kẻ hàng. Trên tờ thứ nhất là vài dòng, trông như của một bài thơ, viết bằng mực, bằng bút máy thật. Đó là chữ của Jack.

Ở đây trong ngõ hẹp và phương bắc khắc nghiệt, những bội phản

Vĩnh viễn, phản kháng tàn nhẫn vô phương.

Cơn thịnh nộ bất ngờ của dao găm trong đêm tối: cuộc chiến sinh tồn

Của những tế bào mù đói khát từ sự sống trong dạ con.

Cô tựa lưng vào tường, bối rối. Đây là bài thơ nào, và nó có ý nghĩa gì? cô tự hỏi. Tại sao Jack lại viết nó ra?

Cô mở tờ giấy kẻ hàng thứ hai ra. Đó là một danh sách cần nhớ. Mỗi buổi sáng ở nhà, Jack đều lên một danh sách

như thế. Cô đọc những món trong danh sách: Ổ *cắm điện, Gọi thợ sửa cống, Máy in màu HP cho Mattie, Áo choàng Bergdorf gửi FedEx đến ngày 20.*

Áo choàng Bergdorf. FedEx. Đến ngày 20.

Bergdorf Goodman? Trung tâm mua sắm ở New York?

Cô cố gắng suy nghĩ, cố gắng nhớ lại lịch tháng mười hai trên tủ lạnh. Hôm nay, dù là một ngày dài khó tin vẫn mới là ngày 17 tháng mười hai. Vào ngày 20, cô sẽ ở trường, ngày cuối cùng trước khi nghỉ lễ. Và Jack dự kiến sẽ về nhà vào hôm đó. Giữa các chuyến bay.

Cái này có liên quan đến quà Giáng sinh của cô không?

Cô cầm những tờ giấy trong tay, nắm chặt chúng. Cô tựa lưng vào cửa và trượt người xuống.

Cơn kiệt quệ ngấm sâu tận xương. Cô không thể nhấc đầu lên nổi nữa.

CHƯƠNG 4

Không khí ấm áp tràn ngập trong xe. Bụng cô vẫn còn no căng sau bữa tối mừng Giáng sinh của bà Julia đến nỗi cô phải ngả ghế ra sau để dễ ngồi hơn. Jack mặc một chiếc áo len màu kem mà cô đã đan cho anh vào mùa đông đầu tiên hai người ở bên nhau; chiếc áo có một lỗi ở lưng chỉ mình cô thấy. Anh mặc chiếc áo đó một cách trung thành vào mỗi mùa lễ Tạ ơn và Giáng sinh khi họ lái xe từ Santa Fe về đây. Anh đã để tóc dài một chút, những lọn tóc xoăn nhẹ sau tai. Anh đeo kính mát, hầu như lúc nào anh cũng đeo kính mát, trừ những ngày trời đặc biệt xám xịt.

- Anh giỏi thật đấy, cô nói.

- Giỏi gì cơ?

- Giỏi gây ngạc nhiên.

Một lần là chuyến đi bất ngờ đến Mexico. Một lần khác, trong kỳ nghỉ Giáng sinh, anh đưa cô đến khách sạn Ritz vào cuối tuần trong khi cô nghĩ họ đang lái xe đến Boston để gặp bác sĩ chuyên khoa chỉnh hình để khám lưng cho anh. Hôm nay, sau bữa ăn ở nhà bà Julia, anh chỉ nói rằng anh muốn lái xe đi lấy quà Giáng sinh cho cô. Chỉ hai người với nhau. Julia sẽ ở lại cùng Mattie. Năm ấy Mattie bốn tuổi và không bao giờ chịu rời xa những món đồ chơi

Họ rời khỏi thị trấn Ely và lái xe đến Fortune's Rocks, nơi có những ngôi nhà nghỉ mát mùa hè. Lúc còn nhỏ, mỗi lần đi dạo từ làng ra bãi biển, cô thường tưởng tượng rằng những ngôi nhà bị để trống suốt mười tháng trong năm này cũng có tính cách và đặc điểm riêng. Đứa này rất kiêu căng và có chút hợm hĩnh, và rồi, sau một trận bão dữ dội, đã biết điều hơn. Đứa nọ cao ráo và trang nhã, một vẻ đẹp theo thời gian. Đứa kia thách thức mọi hoàn cảnh, chường mặt ra phía trước, liều mạng. Đứa khác quá lặng lẽ, ảm đạm, không được trang hoàng, như không được yêu thương. Nhưng có một đứa tách biệt hẳn với những đứa còn lại, hài lòng với bản thân, điềm tĩnh trước làn sóng người đến nghỉ vào mùa hè hoặc những đêm mùa đông cô đơn, dài đằng đẵng.

- Em không hình dung được món quà này là gì, Kathryn nói.

- Em sẽ biết thôi.

Ở trong xe, cô cho phép mình nhắm mắt lại. Dường

như cô chỉ chợp mắt được một phút, nhưng khi cô tỉnh dậy, đó đã là một khởi đầu. Chiếc xe đang nằm trong đường mòn vào nhà. Một đường mòn quen thuộc.

- Anh đang nhớ chuyện quá khứ à? cô hỏi.

- Đại loại là thế, anh đáp.

Cô nhìn ngôi nhà qua kính chắn gió. Cô nghĩ, như đã từng nghĩ rất nhiều lần trước đây, nó là ngôi nhà đẹp nhất mà cô từng thấy. Ngôi nhà có một lầu, hai bên ốp ván trắng, có một hàng hiên bao quanh rộng thênh thang. Màn cửa sổ màu xanh lơ, một màu xanh mờ đục của biển vào ngày mù sương. Tầng trên ốp gỗ tuyết tùng và đã hứng chịu nhiều thử thách của thời tiết, hơi vênh, như ai đó đã cạo ra một lớp. Có thể đó là vì kết cấu mái nhà hai mảng – cô chưa bao giờ biết chính xác tại sao. Có những cửa sổ áp mái ở tầng trên, cách những khoảng bằng nhau, như gợi ý về những thân người đang nằm ngủ hết sức dễ chịu phía sau đó. Cô nghĩ đến những khách sạn cũ, những khách sạn cũ hướng ra biển.

Không nói một lời, Jack rời khỏi xeên những bậc tam cấp dẫn lên hiên nhà, cô đi theo anh. Những chiếc ghế bập bênh và những tấm gỗ ván trắng dãi dầu mưa nắng đã ngả màu bạc thếch. Cô đứng ở lan can, phóng tầm mắt qua bãi cỏ đến bờ biển ở phía dưới, sóng biển hạ xuống rồi lại dâng tràn lên những tảng đá, trông như chính ánh sáng đang hội tụ và phân tán, hội tụ và phân tán, rồi sau đó rút về biển cả.

Xa xa, một làn sương mù bao phủ trên đại dương, một làn sương tươi mới, sạch sẽ chỉ xuất hiện vào những ngày đẹp trời. Cô không nhìn thấy rõ các hòn đảo; chúng ở đó, rồi lại biến mất, sau đó lại như đang lơ lửng trên mặt

nước. Bên này của bãi cỏ là một cánh đồng cỏ; bên kia là những vườn lê lùn và đào. Cạnh mái hiên là một vườn hoa mọc cao, được trồng để tạo thành hình cửa sổ mái vòm, một hình ống có gắn bản hướng gió. Nằm giữa mái vòm là một chiếc ghế đá cẩm thạch trắng phủ kín dây leo.

Một làn gió đông chợt lùa qua mái hiên, đem theo hơi lạnh thoảng chút rét mướt, như thường lệ. Cô biết chỉ một phút nữa thôi mặt biển sẽ xuất hiện sóng bạc đầu. Cô rụt vai dưới lớp áo choàng.

Sau lưng cô, Jack đang mở cửa nhà bếp và đi vào nhà.

- Jack, anh đang làm gì vậy? cô hỏi.

Không tin vào mắt mình, cô đi theo anh qua nhà bếp vào phòng khách phía trước, một khoảng không dài chạy dọc chiều ngang hướng ra biển của ngôi nhà, một căn phòng đáng yêu có sáu cặp cửa sổ cao từ sàn đến trần nhà. Tường nhà dán giấy màu vàng đã bạc màu, bong tróc ở mép giấy. Cửa sổ có rèm, được hạ xuống một phần tư, khiến cô nhớ đến những bức rèm ở phòng học trường cũ.

Đã bốn năm rưỡi trôi qua kể từ lần đầu tiên họ đi vào ngôi nhà này, lần đầu tiên họ làm tình trong một phòng ngủ trên lầu. Đó là sau lần đi bơi mặc nguyên quần áo. Cô bảo với anh rằng cô biết một ngôi nhà bỏ hoang. Cô nhớ cách anh cởi nút áo rồi để chiếc áo rơi xuống sàn nhà. Trông anh thật khác khi không còn mặc áo – trẻ hơn nhiều, thả lỏng hơn, như ai đó ở nhà máy mà cô có lần đi chơi cùng. Anh cúi xuống người cô và bắt đầu liếm lớp cát trên da cô. Cô cảm thấy váng vất vì trời nóng. Dưới đôi môi cô, bộ ngực anh thật thơm tho, mềm mượt với lớp lông mỏng.

Jack đi qua phòng khách rồi dừng lại đợi cô ở chân cầu

thang. Ngôi nhà vẫn bỏ hoang, đã không có người ở trong nhiều chục năm rồi. Trước đây nó là tu viện, sau đó thuộc về một gia đình đến từ Boston dùng làm nơi nghỉ hè. Ngôi nhà đã được rao bán trong nhiều năm trời, và cô tự hỏi tại sao không có ai mua lại. Có lẽ là do nhà có quá nhiều phòng ngủ mà chỉ có một phòng tắm ở cuối hành lang, tạo cảm giác như một ký túc xá.

Anh đưa tay ra. Cô đoan chắc, trong khi đi lên cầu thang với anh, rằng anh định tặng quà cho cô trong căn phòng nơi họ từng làm tình trước đây. Vì thế cô không bất ngờ khi họ bước vào một căn phòng có tường màu xanh đọt chuối. Ở góc phòng có một chiếc giường trải ga in hoa. Nhưng vật dụng gây ấn tượng nhất phòng là một chiếc ghế màu đỏ, một chiếc ghế nhà bếp đơn giản được sơn màu đỏ như màu xe cứu hỏa. Chiếc ghế tỏa sáng trong nắng – ghế đỏ trên nền tường xanh đọt chuối và trên nền xanh dương của biển qua khung cửa sổ - rồi cô tự hỏi, như cô đã tự hỏi trước đây, trong cơn bốc đồng nào mà người thợ sơn lại chọn những màu sắc gây sốc đến vậy.

- Vision có gọi cho anh, anh nói ngay.

- Vision?

- Một hãng hàng không mới thành lập, liên doanh Anh - Mỹ. Đang trên đà phát triển nhanh, trụ sở ở Logan. Chừng vài năm nữa, anh có thể bay quốc tế.

Anh mỉm cười, nụ cười thắng lợi và phức tạp của một người đã lập kế hoạch cho bất ngờ của mình và vừa tiết lộ nó.

Cô bước lên một bước, định tiến về phía anh.

- Và nếu em thích ngôi nhà này, chúng ta sẽ mua.

Câu nói đó khiến cô dừng lại. Cô đưa tay lên ngực.

- Anh đến đây rồi ư?

Anh gật đầu. – Với bà Julia nữa.

- Bà Julia biết chuyện này à? Kathryn hỏi vẻ nghi ngờ.

- Bọn anh muốn làm em bất ngờ. Ngôi nhà xuống cấp rồi, cần được tu sửa. Nhìn là thấy mà.

- Anh đến đây cùng bà khi nào thế?

- Hai tuần trước. Anh có chặng dừng ở Portsmouth.

Kathryn cố gắng nhớ lại. Cô xem những ngày của tháng mười hai như những hình khối trên các trang lịch. Mỗi chuyến bay đều có vẻ như nối liền với chuyến kế tiếp. Cô không thể nhớ chính xác bất kỳ chuyến nào.

- Bà Julia biết chuyện này à? cô hỏi lại lần nữa.

- Họ đã chấp nhận mức giá chúng ta đưa ra, Jack nói.

- Mức giá của chúng ta?

Cô cảm thấy chậm hiểu và ngờ nghệch. Những ngạc nhiên đang chồng chất lên nhau trong khi cô chưa kịp hiểu ất giáp gì.

- Em đợi ở đây nhé, anh nói.

Cô run rẩy bước vào phòng và ngồi lên chiếc ghế đỏ. Mặt trời ngoài cửa sổ tạo thành một vạt nắng hình chữ nhật sáng chói trên ga giường. Cô muốn bò vào vạt nắng đó để sưởi ấm chân tay mình.

Sao anh ấy làm được nhỉ? cô tự nhủ. Về một vấn đề quan trọng thế này? Việc này không đơn giản như giấu một chiếc hộp trong phòng. Còn có cả những người khác tham gia nữa chứ. Các nhân viên môi giới địa ốc này. Và bà Julia nữa. Liệu bà có khả năng giữ một bí mật như thế này không? Có lẽ để gây bất ngờ, Kathryn tự trả lời. Mà Jack thì giỏi gây bất ngờ lắm.

Cô lắc đầu. Cô không thể tính toán việc ngã giá mua nhà mà không bàn bạc với Jack.

Khi quay lại, anh cầm một chai champagne và hai ly uống rượu. Cô nhận ra đó là ly từ tủ búp phê của bà Julia.

- Thật hạnh phúc vì em ở đây, anh nói. – Anh thích nhìn thấy em ở đây.

Cô nhìn anh bật nút bấc. Cô nghĩ: Nhưng đây là điều mà Jack giỏi nhất, phải không nào? Anh làm cho mọi chuyện xảy ra.

Cô muốn cảm thấy hạnh phúc. Trong giây phút tiếp nhận thông tin này, cô nghĩ rằng mình sẽ cảm thấy hạnh phúc.

- Anh sẽ đi đi về về từ đây đến Boston mỗi ngày à? cô hỏi.

- Anh đã tính thời gian rồi. Năm mươi phút.

Chúa ơi, cô thầm nghĩ, anh ấy đã đến đây và đã tính toán thời gian cả rồi.

Anh rót champagne rồi đưa cho cô một ly. Họ cùng nâng ly. Tay cô run lẩy bẩy, cô biết anh nhìn thấy. Anh đặt ly

xuống rồi tiến về phía cô. Anh nâng cô dậy và xoay người cô lại để cả hai cùng nhìn ra cửa sổ. Anh khẽ nói vào tai cô.

- Giờ chúng ta có nhà riêng rồi. Em sẽ được sống ngay phía trên bãi biển. Em luôn muốn được như thế mà. Mattie sẽ đ học ở đây. Em sẽ tìm được một công việc giảng dạy sau khi đã lấy bằng. Bà Julia rất vui vì em – chúng ta – sẽ ở gần bà.

Kathryn chậm rãi gật đầu.

Anh nhấc tóc sau gáy cô lên rồi lướt lưỡi từ đỉnh cột sống lên chân tóc cô. Cô rùng mình, như vẫn thường phản xạ mỗi khi anh làm thế, và đặt ly champagne xuống bậu cửa sổ. Cô ngả người về trước, chống lên khung cửa sổ. Trong ly rượu, cô thấy hình ảnh phản chiếu mờ ảo của cả hai.

CHƯƠNG 5

"Cô nên ăn chút gì đó."

Ngồi bên kia bàn, Robert Hart đang ăn nốt bát thịt hầm đậu.

"Tôi ăn không nổi," cô đáp. Cô nhìn bát thịt đã hết sạch của anh ta. "Nhưng anh hẳn phải đói lắm."

Anh đẩy chiếc bát sang một bên.

Trời đã tối, nhưng Kathryn không biết chính xác là mấy giờ. Trên lầu, Mattie và Julia vẫn đang ngủ. Trước mặt Kathryn, ngoài bát thịt hầm còn có một ổ bánh mì tỏi, một đĩa salad và một tách trà ấm. Trước đó, cô đã gắng gượng

chấm bánh mì với thịt hầm rồi nếm thử, nhưng cổ họng cô không chịu nuốt xuống. Cô mặc quần áo sạch – quần jean và một chiếc áo len màu xanh dương, tất len, bốt da. Tóc cô vẫn còn ướt. Cô biết mắt mũi miệng của mình đang sưng húp. Cô nghĩ mình hẳn đã khóc trên sàn nhà tắm nhiều hơn bất kỳ thời điểm nào khác trong ngày. Có lẽ là trong cả cuộc đời. Cô cảm thấy sức cùng lực kiệt, trống rỗng, chỉ vì khóc.

"Tôi rất tiếc," anh ta

"Vì chuyện gì?" cô hỏi. "Vì đã ăn à?"

Anh nhún vai. "Vì tất cả."

"Công việc của anh thật không thể hình dung nổi," cô đột ngột nói. "Sao anh làm nghề này?"

Anh có vẻ giật mình trước câu hỏi này.

"Cô có phiền không nếu tôi hút thuốc? Tôi có thể ra ngoài, nếu cô muốn."

Jack vốn rất ghét những người hút thuốc, anh không thể chịu nổi khi ở chung phòng với họ.

"Ngoài trời đang âm chín độ đấy. Tất nhiên anh có thể hút thuốc trong này."

Cô nhìn anh xoay lưng, cho tay vào túi áo khoác ở lưng ghế để lấy ra một gói thuốc lá.

Anh ngồi tựa cùi chỏ lên bàn, hai tay đan lại chống cằm. Khói thuốc cuộn tròn trước mặt.

Anh dùng điếu thuốc để ra dấu.

"AA," anh nói.

Cô gật đầu.

"Tại sao tôi làm nghề này?" anh hỏi, hắng giọng vẻ căng thẳng. "Vì tiền, có lẽ thế."

"Tôi không tin anh," cô nói

"Nói thật à?"

"Thật."

"Có lẽ là do tôi thích những khoảnh khắc căng thẳng." Anh nói. "Trong phạm vi của trải nghiệm con người."

Cô im lặng. Lần đầu tiên nhận ra đang có tiếng nhạc. Art Tatum. Hẳn Robert đã mở đĩa nhạc này trong lúc cô tắm.

"Vậy cũng phải," cô nói.

"Tôi thích nhìn người khác chữa lành," anh nói thêm.

"Họ có chữa lành được không?"

"Nếu có đủ thời gian, phụ nữ thường làm được điều đó. Không may là..." Anh dừng lại. "Tôi rất tiếc..."

"Tôi đã quá ngán nghe người khác nói họ rất tiếc rồi. Thật đấy."

"Trẻ con cũng không chữa lành được," anh nói chậm rãi. "Người ta nói trẻ em hồi phục rất nhanh, nhưng sự thật không phải thế. Chúng thay đổi... chúng chuyển biến cùng với thảm họa và tìm cách thích nghi. Tôi hiếm khi thấy nam giới đau khổ vì không có nhiều phụ nữ làm phi

công. Nếu có nam giới, thì họ là những ông bố, và họ thường phát rồ, nhưng đó lại là một câu chuyện khác."

"Tôi cá là họ sẽ phát rồ," Kathryn nói.

Cô nghĩ đến Jack, là một ông bố, anh sẽ phát điên vì phẫn nộ và đau đớn nếu người trên máy bay là Mattie. Jack và Mattie rất thân thiết. Với Jack, hiếm khi có chuyện cằn nhằn hay nổi đóa, trong khi đó đôi khi lại là điểm đặc trưng trong những cu nói chuyện giữa Kathryn và Mattie. Với Jack, những quy định, những tham số, đã khác ngay từ đầu: Chúng không nhiều như thế.

Không lâu sau khi họ dọn đến Ely, lúc Mattie còn đi nhà trẻ, Jack đã "thuê" nó làm trợ lý mỗi lần sửa sang nhà cửa – sơn phết, cạo vôi, sửa cửa sổ. Anh nói chuyện huyên thuyên với nó. Anh dạy nó trượt tuyết, rồi đưa nó đi những chuyến trượt tuyết chỉ có bố-và-con-gái vào mỗi mùa đông, lúc đầu là đi phía Bắc New Hampshire và Maine, sau đó về hướng Tây, đến Colorado. Ở nhà, hai bố con xem đội Red Sox hoặc Celtics thi đấu, hoặc cùng nhau ngồi trước máy tính hàng giờ đồng hồ. Mỗi khi Jack trở về sau một chuyến bay, anh luôn đi tìm Mattie trước tiên, hoặc nó đón anh trước, và cả hai dường như có một mối quan hệ bố-con hiếm thấy: Họ luôn thoải mái khi ở cạnh nhau.

Chỉ có một lần duy nhất Jack nổi trận lôi đình với Mattie. Đến nay Kathryn vẫn còn mường tượng được cơn giận dữ trên mặt Jack khi anh phát hiện Mattie xô đẩy một bạn chơi ở dưới nhà. Mattie và bạn nó được mấy tuổi? Bốn tuổi? Năm tuổi? Jack đã nắm chặt cánh tay Mattie, đét một phát thật mạnh vào mông nó, rồi sau đó gần như là lôi con bé về phòng và đóng sầm cửa với thái độ giận dữ đến nỗi ngay cả Kathryn cũng phải giật bắn mình. Phản ứng

của anh quá bộc phát, quá đột ngột, đến nỗi Kathryn nghĩ anh hẳn đã bị phạt như thế lúc còn bé và, trong một khoảnh khắc ngắn ngủi đã mất tự chủ. Sau đó, cô thử tìm cách nói chuyện với anh về sự cố này, nhưng Jack, mặt vẫn còn đỏ phừng phừng, nhất định không hé răng nửa lời, chỉ nói rằng anh không biết vì sao mình phản ứng như vậy.

"Anh chuyên làm việc này à," Kathryn nói với Robert.

Anh ta đưa mắt nhìn qua quầy bếp, tìm gạt tàn thuốc. Cô lấy chiếc đĩa trắng dưới tách trà của mình rồi đẩy qua bên kia mặt bàn gỗ thông. Anh gác điếu thuốc lên đĩa rồi bắt đầu dọn dẹp bát đĩa của mình.

"Không hẳn vậy," anh đáp.

"Để tôi rửa cho. Anh làm nhiều rồi."

Anh

"Làm ơn đi mà," cô nói. "Tôi có thể rửa bát được."

Anh ngồi xuống, cầm điếu thuốc lên. Cô đi đến bồn rửa, mở máy rửa bát ra. Sau đó cô mở nước.

"Tôi thích hình dung mình là người kéo một chiếc kén xung quanh gia đình phi công tử nạn," anh nói, "cách ly họ khỏi thế giới bên ngoài."

"Thế giới ấy đã xộc thẳng vào đời tư họ một cách thô bạo," cô nhận xét.

"Thế giới đã xộc thẳng vào đời tư họ một cách thô bạo."

"Ngăn chặn. Việc anh làm là ngăn chặn."

“Kể cho tôi nghe về công việc c*ủa cô* đi. Cô dạy môn gì?”

“Âm nhạc và lịch sử. Tôi phụ trách ban nhạc.”

“Thật chứ?”

“Thật. Chỉ có bảy mươi hai học sinh ở trường phổ thông của tôi.”

“Cô thích nghề giáo không?”

Cô nghĩ ngợi một lát.

“Có. Tôi rất thích. Tôi đã có một, hai học sinh thật sự xuất sắc. Năm ngoái, chúng tôi gửi một nữ sinh đến Nhạc viện New England đấy. Tôi rất thích bọn trẻ.

“Kết hôn với phi công thì cuộc sống cũng thay đổi nhỉ,” anh nói.

Cô gật đầu. Cô nhớ đến giờ giấc thất thường, các dịp lễ tết không bao giờ ăn mừng vào đúng ngày. Những khi Jack muốn ăn sáng lúc bảy giờ tối, hoặc muốn bữa tối và một ly rượu vào lúc bảy giờ sáng. Cuộc sống của họ không giống như những gia đình khác. Jack có thể đi ba ngày, về nhà hai ngày, và lịch trình đó cứ tiếp diễn trong hai hoặc ba tháng. Rồi đến tháng tiếp theo, anh có thể nghỉ bốn ngày, đi làm sáu ngày, và mẹ con Kathryn lại thích nghi với nhịp điệu đó. Họ không sống theo nề nếp, như những gia đình khác – họ sống theo từng phân đoạn. Những đoạn thời gian khi Jack ở nhà, những đoạn dài hơn khi Jack đi làm. Khi anh đi, ngôi nhà dường như xẹp đi một chút, lặng lẽ tư lự một mình. Và cho dù Kathryn có quan tâm đến Mattie bao nhiêu đi nữa, hoặc dù cho hai mẹ

con họ thích ở bên nhau bao nhiêu đi nữa, Kathryn luôn cảm thấy như họ đang trì hoãn - chờ đợi cuộc đời thật bắt đầu trở lại, chờ đợi Jack bước vào qua khung cửa.

Kathryn tự hỏi, trong lúc ngồi đối diện với Robert, liệu cô có cảm thấy thế vào lúc này - trì hoãn cuộc sống, chờ đợi Jack bước vào lần nữa qua khung cửa.

“Anh ấy có đi đi về về mỗi ngày không?” Robert hỏi.

“Từ đây à? Khoảng sáu lần một tuần.”

“Cũng không tệ lắm nhỉ. Mất bao lâu? Năm mươi phút không?”

“Vâng. Anh có để vali chứa sẵn đồ trong phòng làm việc không?” cô hỏi. “Với đầy đủ quần áo và sẵn sàng đem đi bất cứ lúc nào?”

Anh ngập ngừng.

“Một vali nhỏ,” anh đáp.

“Tối nay anh sẽ đến khách sạn”

“Đúng, nhưng nếu cô muốn, tôi có thể ngủ trên sofa ở đây cũng được.”

“Không, tôi sẽ ổn thôi. Tôi có bà Julia và Mattie rồi. Kể cho tôi nghe chuyện khác đi.”

“Ý cô là sao?”

Cô đặt chiếc đĩa cuối cùng vào máy rửa bát rồi đóng nắp lại. Cô lấy khăn lau tay, rồi vắt khăn lên tay nắm ngăn kéo.

“Về cảm giác khi anh đến được nhà của phi công.”

Anh gãi gáy. Anh không cao, nhưng tạo ấn tượng có chiều cao, ngay cả khi đang ngồi. Cô hình dung anh là người thích chạy bộ.

“Kathryn, việc này thật...”

“Cứ nói đi.”

“Không.”

“Nó cũng có ích đấy.”

“Không, chẳng ích gì.”

“Làm sao anh biết?” cô hỏi, giọng đanh lại. “Chúng tôi có giống nhau cả không, các bà vợ ấy? Chúng tôi có phản ứng giống nhau cả không?”

Cô nghe được sự tức giận trong giọng nói của mình, cơn tức giận đã hiện diện một cách rời rạc suốt ngày hôm đó. Những bọt bong bóng giận dữ nổi lên trên bề mặt chất lỏng rồi vỡ tan. Cô ngồi xuống bàn, đối diện với

“Tất nhiên là không.”

“Nếu chuyện đó không đúng thì sao? Nếu anh nhận được tin, báo cho người vợ, sau đó phát hiện ra nó không đúng thì sao?”

“Việc đấy không xảy ra.”

“Sao lại không?”

“Tôi đứng rất lâu cuối đường mòn vào nhà, cầm điện thoại trong tay, chờ xác nhận tuyệt đối. Cô có thể thấy

chuyện này khó tin, nhưng tôi không hề muốn nói với một người vợ rằng chồng cô ấy đã chết nếu thực tế anh ta chưa chết.”

“Tôi xin lỗi.”

“Tôi nghĩ việc đó bị cấm.”

Cô mỉm cười.

“Anh có phiền không khi bị hỏi những câu như thế?”

“Tôi lo lắng lý do tại sao cô hỏi những câu đó, nhưng không, tôi không phiền.”

“Vậy để tôi hỏi câu này: Anh sợ tôi sẽ nói gì với báo chí?”

Anh nới lỏng cà vạt, cởi nút áo trên cùng.

“Vợ của phi công thường trở nên quẫn trí. Nếu cô ấy nói một điều gì đó mà báo chí có mặt và nghe thấy, thì nó sẽ trở thành thông tin chính thống. Chẳng hạn như, một người vừa trở nên góa bụa có thể nói chồng cô ấy gần đây hay than phiền về vấn đề máy móc. Hoặc cô ấy có thể buột miệng, *Tôiay chuyện này sẽ xảy ra mà. Anh ấy nói hãng hàng không sắp cắt giảm kinh phí đào tạo tổ bay.”*

“Chẳng lẽ như thế không được sao? Nếu chuyện đó đúng thì sao?”

“Khi quẫn trí người ta nói những điều mà họ sẽ không nói sau này. Những điều mà đôi khi họ hoàn toàn không có ý như vậy. Nhưng nếu điều đó trở thành một phần của tin tức chính thống, thì sẽ không thể nói lại được nữa.”

“Anh bao nhiêu tuổi?”

“Ba mươi tám.”

“Jack bốn mươi chín tuổi.”

“Tôi biết.”

“Trong khi chờ đợi một vụ rơi máy bay, anh thường làm gì?”

“Tôi sẽ không nói theo cách như vậy,” anh nói, đổi tư thế ngồi. “Tôi không ngồi một chỗ đợi máy bay rơi. Tôi còn có những trách nhiệm khác.”

“Chẳng hạn như?”

“Tôi nghiên cứu các báo cáo điều tra tai nạn khá kỹ. Tôi liên lạc rất nhiều lần với gia đình các phi công để nắm tình hình. Nhà này xây lâu chưa?”

“Anh đang đánh trống lảng.”

“Đúng vậy.”

“Nhà xây từ thập niên 1860. Lúc đầu là tu viện. Giống như một nơi ẩn dật.”

“Nhà đẹp lắm.”

“Cám ơn anh. Cần sửa chữa nhiều đấy. Lúc nào cũng cần sửa chữa cả. Nó xuống cấp nhanh đến nỗi chúng tôi sửa không kịp.”

Cô nghe thấy từ *chúng tôi.*

Chẳng có điểm nào ở ngôi nhà khiến cô không thích, dường như nó biến đổi liên tục, tùy vào ánh nắng, mùa,

màu nước biển, nhiệt độ không khí. Ngay cả những đặc điểm thất thường của nó, Kathryn cũng đã quen: sàn phòng ngủ bị dốc; những chiếc tủ quần áo cạn thiết kế theo thói quen của các nữ tu sĩ; những cánh cửa sổ kiểu truyền thống phải khổ sở lắp vào mỗi mùa thu và tháo ra mỗi mùa xuân (Jack phát hiện rằng, cũng như bông tuyết, chẳng có bông nào giống bông nào, vì vậy, trước khi anh biết cách dán nhãn để đánh dấu mỗi cửa sổ, việc lắp cánh cửa giống như vừa đứng trên thang vừa chơi ghép hình), nhưng sau khi được lau chùi sạch sẽ lại trở thành những vật rất đẹp đẽ, đáng yêu. Thực ra, đôi khi phải khó khăn lắm mới dứt mình ra khỏi những phút ngắm cảnh qua các khung cửa ấy khi việc nhà còn dang dở. Kathryn thường ngồi ở phòng khách dài và thả hồn mơ mộng. Cô thường ngẫm nghĩ, trong một ngôi nhà như vậy, ở một vùng địa hình như vậy, thật dễ dàng trốn khỏi thế giới bên ngoài, sống một cuộc đời cô quạnh và trầm tư, chẳng khác gì những cư dân đầu tiên của ngôi nhà này: những nữ tu sĩ của dòng Thánh Jean de Baptiste de Bienfaisance, hai mươi nữ tu sĩ từ mười chín đến tám mươi hai tuổi, dâng đời mình cho Chúa Jesus và nghèo đói. Thường khi ở phòng khách, cô hay tưởng tượng đến một chiếc bàn gỗ dài trong phòng ăn với một băng ghế một bên để các nữ tu sĩ có thể ngắm biển trong lúc ăn. Vì tuy đã tuyên thệ chấp nhận cuộc sống đạm bạc, nhưng họ vẫn sống ở một nơi có khung cảnh đẹp đến nao lòng.

Trong nhiều năm trời, Kathryn đã cố gắng tìm xem các nữ tu sĩ xây nhà nguyện ở đâu. Cô đã tìm kiếm trên bãi cỏ và vườn cây cạnh bên, nhưng không hề thấy một nền nhà nào. Cô tự hỏi liệu nhà nguyện có nằm ở bên trong ngôi nhà hay không, trong căn phòng mà họ đang dùng làm phòng ăn? Các nữ tu sĩ có tháo dỡ bệ thờ đơn sơ của họ trước khi rời khỏi tu viện này, đem theo tượng Đức mẹ

Maria và cây thánh giá? Họ có băng qua vùng đầm lầy nước mặn mênh mông nằm giữa Fortune's Rocks và thị trấn Ely Falls để dự lễ ở nhà thờ Thánh Joseph với những người nhập cư Canada gốc Pháp?

"Cô ở đây được mười một năm rồi à?"

"Vâng."

Điện thoại reo khiến cả hai cùng giật mình. Dường như hai mươi phút đã qua, có thể là ba mươi phút, kể từ lần điện thoại reo cuối cùng, khoảng lặng dài nhất kể từ những cuộc gọi đầu tiên vào buổi sáng. Cô nhìn Robert trả lời điện thoại.

Khi cô và Jack chuyển về vùng Ely, cô chỉ mới hai mươi ba tuổi. Kathryn lo sẽ làm dân cư trong thị trấn phật lòng. Cô sắp có một ngôi nhà trên bãi biển và một ông chồng làm phi công ở hãng Vision. Cô sẽ không còn sống ở đất liền của Ely nữa, mà chuyển đến Fortune's Rocks, một thế giới phù du của những du khách đến nghỉ hè, những người cho dù thường xuyên lui tới mua sắm ở cửa hiệu của bà nội cô và quan tâm tìm hiểu về thị trấn bé nhỏ mà duyên dáng lạ lùng này nhưng mãi mãi vẫn là những người ẩn danh xa lạ. Những thân hình bóng mượt, rám nắng với túi tiền dường như không bao giờ cạn. Dù bà Martha, chủ tiệm Ingerbretson, cửa hàng thực phẩm duy nhất ở Fortune's Rocks, có thể kể vanh vách về những người đàn ông mặc quần soọc kaki và áo thun trắng trả hàng đống tiền – để mua vodka, tôm hùm, khoai tây chiên, và bánh chocolate *konfetkakke* do Martha tự làm – rồi biến mất sau những vụ phá sản, chỉ để lại duy nhất tấm biển Bán Nhà cắm trên cát trước ngôi nhà ven biển trị giá 400.000 USD của họ.

Tuy nhiên, người dân địa phương lại rất có thiện chí với bà Julia Hull và tình cảm ấy lây sang cả Jack và Kathryn. Cô nhớ lại mình và Jack đã hòa nhập với cuộc sống ở Ely ra sao, đã ở cạnh bên Mattie trong chuyện học hành như thế nào. Công việc của Jack buộc anh đi làm bên ngoài thị trấn, nhưng anh vẫn tìm cách chơi tennis trong một đội của thị trấn với Huge Reney, hiệu phó trường trung học, và Arthur Kahler, ông chủ trạm xăng Mobil nằm ở cuối làng. Điều ngạc nhiên là, dù Jack và Kathryn thụ thai Mattie rất dễ dàng, nhưng hình như họ không thể có thêm con nữa. Họ tự bảo nhau rằng cuộc sống đã đủ hạnh phúc với Mattie nên không cần thử thêm các biện pháp khác để thụ thai lần nữa.

Kathryn nhìn Robert nghe điện thoại. Anh có xoay lại một lần rất nhanh và nhìn cô, sau đó.

"Không bình luận," anh nói.

"Tôi không nghĩ vậy.

"Không bình luận.

"Không bình luận."

Anh gác máy rồi đứng nhìn chiếc tủ phía trên điện thoại. Anh cầm một cây bút trên bàn lên rồi bắt đầu quay nó trong tay.

"Chuyện gì?" cô hỏi.

Anh quay lưng lại.

"À, chúng tôi biết chuyện này sẽ xảy ra."

"Chuyện gì?"

“Chuyện này sẽ chỉ có thể được giữ kín trong tối đa là hai mươi tư giờ. Sau đó thì nó chỉ còn là quá khứ.”

“Chuyện gì?”

Anh nhìn cô chăm chú, hít một hơi sâu.

“Họ nói đó là lỗi phi công.”

Cô nhắm mắt lại.

“Đó chỉ là giả định,” anh nói nhanh. “Họ nghĩ rằng đã tìm thấy một số dữ liệu bay không hợp lý. Nhưng hãy tin tôi, họ cũng không biết chắc chắn đâu.”

“Ôi.”

“Thêm nữa,” anh hạ giọng. “Họ đã tìm thấy một số thi thể.”

Cô nghĩ rằng nếu cứ hít thở chậm rãi, cô sẽ không sao.

“Chưa nhận diện được.”

“Bao nhiêu?”

“Tám.”

Cô cố gắng hình dung. Tám thi thể. Nguyên vẹn? Từng phần? Cô muốn hỏi, nhưng lại thôi.

“Sẽ còn nhiều hơn,” anh nói. “Người ta đang đưa lên nhiều thi thể hơn.”

Cô tự nhủ, người Anh? Hay người Mỹ? Đàn bà hay đàn ông?

“Người đó là ai? Người gọi điện thoại ấy?”

“Reuters.”

Cô đứng dậy, đi đến phòng tắm ở cuối hành lang. Trong tích tắc, cô sợ mình sẽ nôn. Đó là một phản ứng tự nhiên, cô nghĩ, không thể chấp nhận sự thật và chỉ muốn ho tống nó ra. Cô tạt nước lên mặt rồi lau khô. Cô gần như không thể nhận ra khuôn mặt mình trong gương.

Khi cô quay lại nhà bếp, Robert lại đang nghe điện thoại. Một tay anh để ngang trước ngực, bàn tay kẹp dưới cánh tay kia. Anh nói chuyện rất nhỏ, chỉ trả lời Có và Được rồi, nhìn theo cô khi cô bước vào phòng. “Nói sau nh nói rồi gác máy.

Một sự im lặng kéo dài.

“Lỗi phi công chiếm bao nhiêu?” cô hỏi.

“Bảy mươi phần trăm.”

“Lỗi gì? Chuyện gì đã xảy ra?”

“Đó là một loạt sự cố dẫn đến cái cuối cùng, và cái cuối cùng thường được gọi là lỗi phi công vì đến lúc đó thì phi công đã có liên quan rất nhiều.”

“Tôi hiểu rồi.”

“Tôi hỏi cô câu này được không?”

“Vâng.”

“Jack có...?”

Anh ngập ngừng.

“Jack có sao?” cô hỏi.

“Jack có bị kích động hay trầm cảm không?”

Robert ngập ngừng.

“Ý anh là gần đây?” cô hỏi.

“Tôi biết đó là một câu hỏi quá đáng, nhưng sớm muộn gì cô cũng sẽ phải trả lời. Nếu có chuyện gì, nếu có bất kỳ chuyện gì cô biết hoặc nhớ lại được, thì tốt hơn là cô và tôi nên nói về nó trước.

Cô cân nhắc câu hỏi. Kỳ lạ thật, cô thầm nghĩ, cứ tưởng ta biết tường tận một ai đó, hoặc ngỡ như mình biết, khi ta đang yêu - chìm đắm, ngập tràn trong tình yêu - chỉ để nhận ra sau đó rằng có thể ta không biết rõ về người ấy như ta tưởng tượng. Hoặc không rõ như ta kỳ vọng. Thuở ban đầu, kẻ đang yêu luôn nuốt lấy từng lời nói, cử chỉ, và cố gắng duy trì sự nồng nhiệt ấy càng lâu càng tốt. Nhưng một điều không thể tránh khỏi là, nếu hai người ở cạnh nhau đủ lâu thì sự nồng nhiệt ấy phải phai nhạt dần. Đó là cách người ta sống trên cõi đời này, Kathryn tự nhủ, với nhu cầu phát triển từ giai đoạn yêu đương nồng thắm sang xây dựng cuộc sống với một ai đó, người đó cũng thay đổi, điều chỉnh bản thân, để hai người có thể cùng nhau nuôi dạy con cái.

Một số đôi tình nhân không thể làm được điều đó, cô biết từ ví dụ của bố mẹ cô. Kathryn không nhớ có lúc nào mà bố mẹ cô lại không có cảm giác muốn nhau, cần nhau, và căng thẳng với nhau. Dù bố cô là người có lỗi vì thói trăng hoa của ông và đương nhiên đã gây đau khổ cho mẹ cô, nhưng Kathryn biết chắc rằng chính mẹ cô mới là người đập tan từ đầu bất kỳ cơ hội mong manh nào để họ

tìm lại hạnh phúc. Vì ông trời đã an bài khiến mẹ cô suốt đời không quên được khoảng thời gian gặp Bobby Hull năm bà hai mươi hai tuổi, ông đã yêu bà và khiến bà ngây ngất. Trong một năm - khoảng thời gian mà bố mẹ Kathryn lấy nhau và thụ thai cô - Bobby Hull không hề rời mắt khỏi người vợ mới cưới hoặc xa bà nửa bước, vì thế mẹ cô cảm thấy, lần đầu tiên trong đời, mình vừa được yêu chiều vừa xinh đẹp tuyệt trần, liều thuốc gây nghiện mạnh hơn cả loại rượu bourbon mà Bobby Hull đã mời bà uống khi họ gặp nhau. Năm đó, năm mà Kathryn tin là khoảng thời gian tuyệt vời nhất trong cuộc đời mẹ cô - và là năm mà Kathryn biết tường tận hơn cả, vì, từ khi còn bé, cô đã được nghe kể hết sức chi tiết mỗi khi bố mẹ cãi nhau - có ý nghĩa quan trọng đến mức gần như thiêng liêng khi năm tháng trôi qua. Còn bố của Kathryn, sau khi đã tu thân tích đức và thực tâm cố gắng làm vui lòng vợ, vẫn không thể nào đem lại cảm giác đó một lần nữa. Kathryn luôn nghĩ rằng bi kịch của cuộc đời mẹ cô chính là khi Bobby Hull giảm dần cường độ quan tâm dành cho bà. Chuyện này bắt đầu rất tự nhiên, cũng như hai người yêu nhau đắm đuối cuối cùng vẫn có thể tiếp tục cuộc sống, đi làm và chăm sóc con cái, nhưng dần dà nó đã trở thành một cách sống, ngay khi mẹ cô nhận ra sự nguội lạnh và gọi tên nó - nói đúng hơn là gán cho nó một cái tên. Kathryn thường nghe mẹ cô cất lên từ phòng ngủ trên lầu, bằng một giọng đau đớn, lặp đi lặp lại, hai tiếng *Tại sao?* Đôi khi (nhớ đến điều này khiến Kathryn cau mày), mẹ cô lại van nài Bobby Hull khen bà đẹp, và lời van nài đó ngay lập tức khiến bố Kathryn, một người cứng đầu , càng kiệm lời hơn, dù ông thực sự rất yêu vợ và hẳn sẽ khen bà đẹp nếu bà không đòi hỏi trước.

Về cuộc hôn nhân của riêng mình, sau khi cân nhắc mọi thứ, Kathryn nghĩ cô gặp khó khăn hơn Jack khi phải

chuyển từ tình nhân sang vợ chồng. Kathryn ngờ rằng sự chuyển đổi này xảy ra với cô và Jack muộn hơn với những đôi vợ chồng khác, và đó là điều may mắn cho họ. Có phải đó là năm Mattie mười một tuổi? Mười hai tuổi? Jack có vẻ như giữ một chút khoảng cách với Kathryn. Cô không thể chỉ ra hoặc giải thích chính xác đó là gì. Cô luôn nghĩ rằng, trong mọi cuộc hôn nhân, hai vợ chồng tự tạo ra vở kịch tình ái, diễn nó trong phòng ngủ hoặc ở chốn công cộng trong im lặng, hoặc ngay cả qua điện thoại, một vở kịch thường được lặp đi lặp lại với câu thoại giống nhau, biên đạo sân khấu như nhau, những phần cơ thể làm đạo cụ như nhau. Nhưng nếu một người sau đó thay đổi một chút vai diễn của mình hoặc tìm cách bỏ bớt vài lời thoại, thì vở kịch sẽ không còn diễn ra suôn sẻ như trước nữa. Diễn viên còn lại, chưa nhận ra vở kịch đã bị thay đổi, đôi khi quên lửng lời thoại, hoặc nuốt mất chúng, hoặc trở nên lúng túng vì biên kịch đã đổi khác.

Vậy là nó đã xảy ra, với Jack và cô. Anh bắt đầu ít quay sang cô hơn khi nằm trên giường. Và rồi, những khi anh quay sang cô, dường như sự nhiệt tình đã biến mất. Đó chỉ là một sự trượt nhẹ ra xa, chậm đến nỗi đôi khi không thể nhận ra được, cho đến một ngày Kathryn chợt nhận ra hơn hai tuần rồi cô và Jack đã không ân ái. Vào lúc ấy, cô nghĩ rằng nhu cầu được ngủ của Jack quá lớn; lịch làm việc của anh rất khó khăn, và anh thường có vẻ mệt mỏi. Nhưng thỉnh thoảng cô lo lắng rằng có thể chính cô là người chịu trách nhiệm cho bước chuyển mới này, rằng cô đã trở nên quá thụ động. Và thế là có một lần, cô đã cố gắng nồng nhiệt hơn, sáng tạo hơn, nhưng nỗ lực ấy không mấy thành công.

Kathryn đã hứa với lòng sẽ không than phiền. Cô sẽ không bấn loạn. Cô thậm chí sẽ không nhắc đến chuyện đó. Nhưng cái giá cho sự ngậm tăm ấy, Kathryn sớm nhận

ra, là một màn sương vô hình bao bọc quanh cô, một tấm màng khiến cô và Jack không thể dễ dàng chạm đến nhau được nữa. Sau một khoảng thời gian, màn sương ấy khiến cô căng thẳng.

Và rồi họ đã cãi nhau. Cuộc cãi vã kinh khủng duy nhất trong cuộc sống của vợ chồng họ.

Nhưng cô không muốn nghĩ đến nóúc này.

“Chẳng có gì cả,” cô nói với Robert. “Chắc là tôi về phòng đây.”

Robert gật đầu, đồng tình với ý kiến đó.

“Cuộc hôn nhân của chúng tôi rất tốt đẹp,” Kathryn nói.

Cô lướt tay trên bàn.

“Tốt lắm,” cô lặp lại.

Nhưng thật tình cô nghĩ cuộc hôn nhân nào cũng giống như sóng phát thanh: lúc có lúc không. Thỉnh thoảng, nó - cuộc hôn nhân, Jack - trở nên rất rõ ràng với cô. Lúc khác lại bị nhiễu sóng, một âm thanh rè rè giữa họ. Vào những lúc đó, cô cảm thấy như mình nghe không rõ Jack, như điều anh muốn nói với cô đã trôi tuột sang hướng khác trong tầng bình lưu.

“Chúng ta có cần báo tin cho người nhà nào khác của anh ấy không?” Robert hỏi.

Kathryn lắc đầu.

“Anh ấy là con một. Chín tuổi đã mồ côi mẹ. Bố mất khi anh ấy học cao đẳng.”

Cô tự hỏi liệu Robert Hart đã biết hết những điều này chưa.

“Jack không bao giờ kể về tuổi thơ,” cô nói. “Thực tình, tôi không biết gì nhiều về tuổi thơ của anh ấy cả. Tôi luôn có ấn tượng đó là một tuổi thơ không hạnh phúc cho lắm.” Tuổi thơ của Jack là một trong những chủ đề mà Kathryn từng nghĩ còn cả đời để hỏi anh.

“Nói thật, tôi sẵn lòng ở lại

“Không, anh nên đi đi. Nếu tôi cần gì thì có bà Julia của tôi ở đây rồi. Vợ cũ của anh làm gì?”

“Cô ấy làm việc cho Thượng nghị sĩ Hanson. Ở Virginia.”

“Khi anh hỏi tôi về Jack, về việc anh ấy có bị trầm cảm hay không ấy?”

“Vâng.”

“Ừm, có một lần, tôi không nghĩ anh ấy bị trầm cảm, mà chắc chắn là không vui.”

“Kể cho tôi nghe đi,” Robert nói.

“Liên quan đến công việc của anh ấy. Chuyện này xảy ra khoảng năm năm trước. Anh ấy cảm thấy chán hãng hàng không. Suốt một thời gian ngắn, gần như là chán phát điên. Anh ấy bắt đầu mơ tưởng đến chuyện nghỉ việc, tìm một công việc khác - anh ấy gọi là máy bay nhào lộn. Trong một chiếc YAK 27 của Nga, tôi còn nhớ như vậy. Hoặc là mở công ty riêng. Anh biết đấy, trường dạy bay, công ty cho thuê máy bay, bán vài chiếc máy bay.”

“Tôi cũng từng nghĩ đến chuyện đó,” Robert nói. “Tôi nghĩ đến lúc nào đó mọi phi công đều nghĩ đến nó.”

“Jack nói công ty phát triển nhanh quá. Nó đã trở nên quá xa lạ, anh ấy hầu như chẳng còn biết ai trong tổ bay cùng mình nữa. Rất nhiều phi công là người Anh sống ở London. Ngoài ra, anh ấy nhớ những giờ bay thực hành trước đó. Anh ấy muốn tìm lại cảm giác khi bay. Một thời gian hòm thư chúng tôi chứa đầy tờ rơi giới thiệu về máy bay nhào lộn, thậm chí có một buổi sáng, anh ấy còn hỏi tôi muốn đi với anh đến Boulder hay không, ở đó có một phụ nữ đang bán lại trường học. Và tất nhiên tôi phải trả lời là có, vì anh ấy đã từng làm thế vì tôi, tôi nhớ mình đã rất lo lắng vì trông anh rất không vui, tôi nghĩ có lẽ anh thực sự cần phải thay đổi. Mặc dù tôi cảm thấy thật nhẹ nhõm khi chủ đề này cuối cùng cũng trôi vào quên lãng. Sau đó thì không còn nói gì đến chuyện rời khỏi hãng hàng không

“Chuyện này xảy ra năm năm trước à?”

“Tầm đấy. Tôi không giỏi nhớ về thời gian lắm. Tôi biết rằng đường bay Boston-Heathrow đã thật sự giải cứu chúng tôi. Tôi nghĩ mình đã vô cùng vui sướng khi cơn khủng hoảng qua đi, tôi không dám hỏi han gì vì sợ nhắc lại chủ đề này. Giờ thì tôi ước gì mình đã hỏi.”

“Sau đó anh ấy không còn vẻ trầm cảm nữa à?” Robert hỏi.

“Đúng, có vẻ vậy.”

Cô nghĩ mình không thể kết luận một cách chắc chắn Jack đã điều chỉnh gì bên trong con người anh. Dường như anh đã chôn cất sự bất mãn của mình vào cùng nơi mà anh

đã chôn cất tuổi thơ - một chiếc hầm đóng kín.

“Trông anh mệt rồi đấy,” cô nói với Robert.

“Tôi mệt thật.”

“Có lẽ anh nên đi đi.”

Anh ta im lặng, không nhúc nhích.

“Cô ấy trông như thế nào? Ý tôi là, vợ của anh ấy. Vợ cũ.”

“Cô ấy bằng tuổi cô. Cao. Tóc ngắn màu đen. Rất đẹp.”

“Tôi đã tin anh ấy sẽ không chết,” Kathryn nói. “Tôi có cảm giác như mình bị lừa. Điều đó nghe có kinh khủng quá không? Cuối cùng thì anh ấy đã chết, tôi thì không. Có thể anh ấy đã đau đớn lắm. Tôi biết anh ấy đã rất đau đớn, dù chỉ vài giây.”

“Giờ cô là người đang đau đớn đấy.”

“Không giống nhau.”

“Cô *đã* bị lừa,” anh ta nói. “Cả cô và con gái của cô.”

Nghe nhắc đến con gái, Kathryn thấy cổ họng mình thắt lại. Cô đưa tay ra ôm mặt, như muốn bảo anh ta đừng nói gì nữa.

“Cô phải để chuyện này xảy ra với cô,” anh nói khẽ. “Nó có nhịp điệu riêng.”

“Giống như một chuyến tàu đang chạy qua người tôi vậy. Một chuyến tàu không dừng lại.”

“Tôi muốn giúp cô, nhưng tôi chẳng thể làm gì nhiều, chỉ biết đứng nhìn mà thôi. Đau đớn vì mất người thân là điều khó kiểm soát. Nó chẳng hay ho gì cả.”

Cô úp mặt xuống bàn rồi nhắm mắt lại.

“Chúng ta phải tổ chức tang lễ, đúng không?” cô hỏi.

“Ta có thể nói chuyện đó vào ngày mai.”

“Nhưng nếu không tìm thấy xác thì sao?”

“Cô theo tôn giáo nào?”

“Tôi vô thần. Tôi từng theo Hội Giám lý. Bà Julia là tín đồ Hội Giám lý.”

“Còn J thì sao?”

“Công giáo. Nhưng anh ấy cũng chẳng tin gì. Chúng tôi không có tên ở nhà thờ nào cả. Cũng không làm lễ cưới trong nhà thờ.”

Cô cảm thấy ngón tay Robert chạm lên tóc mình. Nhẹ nhàng. Thoáng chốc.

“Tôi đi đây,” anh nói.

***

Sau khi Robert ra về, Kathryn ngồi nán lại một phút, sau đó đứng dậy, đi vào từng phòng ở tầng trệt để tắt đèn. Cô tự hỏi chính xác thì lỗi phi công nghĩa là gì. Rẽ trái trong khi được lệnh rẽ phải? Tính toán nhầm số liệu nhiên liệu? Không bay đúng hướng? Vô tình bật mở một công tắc? Có nghề nào khác mà một người có thể phạm sai lầm khiến 103 người thiệt mạng không? Kỹ sư tàu hỏa? Tài xế xe

buýt? Người làm việc với hóa chất, với chất thải nguyên tử?

Đó không thể là lỗi phi công, cô tự nhủ. Vì Mattie, đó không thể là lỗi phi công.

Cô đứng một lúc lâu tại bậc trên cùng của cầu thang, sau đó quay qua hành lang.

Phòng ngủ rất lạnh. Cửa đóng cả ngày. Cô để mắt làm quen với bóng tối. Giường ngủ bừa bộn, giống như lúc cô thức dậy vào ba giờ hai mươi bốn phút sáng.

Cô đi quanh giường và nhìn nó, như một con thú rình mồi - cảnh giác và thận trọng. Cô kéo lại chăn, ga giường, và ngắm nghía tấm ga bọc đệm trong ánh trăng. Nó có màu kem, vải sọc ca rô dành cho mùa đông. Jack và cô đã làm tình bao nhiêu lần trên chiếc giường ấy? cô tự hỏi. Trong mười sáu năm chung sống? Cô chạm lên ga giường. Nó đã sờn và êm ái. Mềm mại. Cô ngập ngừng ngồi lên mép giường, xem mình có thể chịu đựng nổi chuyện này không. Cô không còn tin vào bản thân nữa, không còn biết chắc chắn cơ thể cô sẽ phản ứng thế nào với bất kỳ tin tức gì nữa. Nhưng khi ngồi đó, cô chẳng cảm thấy gì cả. Cô thầm nghĩ, có lẽ, sau một ngày dài, cuối cùng cô cũng đã trở nên tê dại. Các gian không thể chịu đựng hơn được nữa.

"Lỗi phi công," cô nói lớn, thử cảm giác của mình.

Nhưng đó không thể là lỗi phi công, cô nghĩ nhanh. Cuối cùng, đó sẽ không phải là lỗi phi công.

Cô nằm xuống giường, mặc nguyên quần áo. Cô nghĩ, bây giờ nó sẽ là giường của cô. Giường của một mình cô. Cả căn phòng dành cho một mình cô.

Cô nhìn qua chiếc đồng hồ đầu giường: chín giờ hai mươi bảy.

Thận trọng - theo dõi những chuyển động địa chấn của bản thân - cô duỗi chân và kéo chăn đắp lên người. Cô tưởng tượng mình có thể ngửi thấy mùi của Jack trong lớp vải sọc ca rô. Có thể được - cô chưa giặt ga giường kể từ khi anh đi vào hôm thứ ba. Nhưng cô không thể tin tưởng vào giác quan của mình, không biết cái gì là thật hay là tưởng tượng. Cô nhìn sang chiếc áo sơ mi của Jack vắt trên ghế. Kathryn đã có thói quen, từ khi mới cưới, không bận tâm dọn dẹp nhà cửa cho đến khi Jack sắp về. Bây giờ, cô biết, cô sẽ không muốn tháo chiếc áo ra khỏi ghế. Có thể còn nhiều ngày nữa cô mới chạm đến nó, mới dám áp nó vào mặt, mới đánh liều tìm lại mùi của anh trong từng sớ vải. Khi mọi dấu vết của Jack đã được giặt sạch và cất đi, khi đó cô còn lại gì?

Cô lăn qua một bên, nhìn căn phòng trong ánh trăng. Qua khoảng trống nhỏ trên cửa sổ, cô nghe tiếng nước chảy.

Cô nhớ rõ mồn một hình ảnh Jack dưới biển, bập bềnh trên lớp cát ở đáy biển.

Cô kéo lớp ga sọc ca rô qua mũi và miệng rồi hít thở chậm, nghĩ rằng làm vậy có thể giúp mình không bấn loạn. Cô nghĩ đến chuyện bò sang phòng của Mattie rồi nằm trên sàn nhà cạnh Mattie và bà Julia. Có thật cô đã tưởng tượng mình có thể ngủ đêm đầu tiên một mình trên chiếc giường hôn nhân này?

Cô ngồi bật dậy và đi vào nhà tắm.ể lại một lọ Valium trong đó. Cô uống một viên, rồi thêm một viên nữa để phòng hờ. Cô nghĩ đến việc uống viên thứ ba. Cô ngồi trên

mép bồn tắm cho đến khi cảm thấy choáng váng.

Cô nghĩ có lẽ mình sẽ nằm nghỉ trên chiếc giường nhỏ trong phòng ngủ dành cho khách. Nhưng khi đi ngang phòng làm việc của Jack, cô thấy đèn còn mở. Cô mở cửa.

Phòng làm việc sáng trưng và không màu - trắng, kim loại, nhựa, xám. Cô hiếm khi vào phòng này, nó là khoảng không gian chẳng có gì hấp dẫn, cửa sổ không có rèm, tủ hồ sơ kim loại dựa vào tường thành hàng. Một căn phòng đàn ông.

Cô cho rằng nó có trật tự riêng - một trật tự chỉ mình Jack biết. Trên chiếc bàn kim loại khổng lồ có hai máy tính, một bàn phím, một máy fax, hai điện thoại, một máy scan, nhiều cốc cà phê, mô hình máy bay bám bụi, một tách nước ép hoa quả màu đỏ (cô đoán đó là tách của Mattie), và một đồ cắm bút chì bằng sáp màu xanh Mattie làm tặng Jack năm nó học lớp hai.

Cô nhìn chiếc máy fax đang nhấp nháy đèn.

Cô đi đến bàn làm việc và ngồi xuống. Robert đã ở đây lúc tối, dùng điện thoại và máy fax. Kathryn mở ngăn kéo bên trái. Bên trong là sổ lịch trình của Jack, những quyển sổ nặng, màu tối, gáy bằng nhựa vinyl và những quyển nhỏ hơn, bỏ vừa túi áo. Cô thấy một chiếc đèn pin nhỏ, một đồ mở thư bằng ngà mà anh đem về từ châu Phi nhiều năm trước, những quyển cẩm nang về các loại máy bay mà anh không còn lái nữa, một quyển sách về radar dự báo thời tiết. Một cuốn phim tập huấn về gió nghịch chiều. Cầu vai từ thời ở Santa Fe. Những miếng lót cốc trông như thiết bị bay.

Cô đóng tủ lại rồi mở ngăn kéo dài ở giữa. Cô chạm

phải một bộ chìa khóa, có thể là chìa khóa căn hộ trước đây ở Santa Fe. Cô cầm lên một cặp kính đọc sách gọng đồi mồi cũ bị chiếc Caravan của Jack cán qua. Anh quả quyết nó vẫn còn dùng được. Có những hộp kẹp giấy, bút mực, bút chì, dây thun, đinh bấm, hai cục pin, một bugi đánh lửa. Cô cầm lên một tập giấy ghi chú và thấy bên dưới là một bộ kim chỉ của khách sạn Marriott. Cô mỉm cười nhìn bộ kim chỉ và hôn lên nóCô mở một ngăn kéo đựng hồ sơ lớn hơn ở bên phải. Nó được thiết kế để đựng hồ sơ cỡ giấy A4, nhưng trong đó chỉ có một chồng giấy tờ cao khoảng ba tấc. Cô lôi chồng giấy ra đặt lên đùi. Đó là một bộ hồ sơ ngẫu nhiên không có thứ tự gì. Có một tấm thiệp sinh nhật từ Mattie, báo cáo từ hãng hàng không, một quyển danh bạ điện thoại, một loạt mẫu bảo hiểm y tế, một bản nháp bài văn mà Mattie viết ở trường, một catalog những quyển sách về lái máy bay, một tấm thiệp valentine mà Kathryn tự làm tặng anh năm ngoái. Cô nhìn bìa trước của tấm thiệp. Bìa thiệp có dòng chữ *Valentine, em thích điều anh làm cho ký ức em...* Cô mở thiệp ra.*Và những gì anh làm cho cơ thể em.* Cô nhắm mắt lại.

Sau một lúc, cô áp những tài liệu đã xem qua lên ngực, và tiếp tục xem những tài liệu còn lại. Cô phát hiện ra vài tờ sao kê ngân hàng của Jack được kẹp chung với nhau. Cô và Jack có tài khoản riêng. Cô trả tiền quần áo cho Mattie và mình, tiền thức ăn và các món khác trong nhà. Jack trả tất cả những khoản còn lại. Anh đã nói dành dụm được bao nhiêu sẽ dùng khi về hưu.

Mắt cô ríu lại đến không mở nổi nữa. Cô cố gắng xếp các tài liệu còn lại ngay ngắn trên đùi rồi đặt lại vào ngăn kéo. Trong ngăn kéo, mắc kẹt vào khe, là một bì thư chưa mở, thư rác, một thư mời mở thẻ Visa nữa. Ngân hàng Bay, 9,9 phần trăm. Cũ rồi, cô nghĩ.

Cô cầm bì thư lên và định ném nó vào thùng rác thì chợt nhìn thấy dòng chữ ở mặt sau. Chữ của Jack. Một danh sách cần làm khác: *Gọi điện Nhà thuốc Ely Falls, Gọi Alex, Gửi tiền ngân hàng, Chi phí tháng ba, Gọi Larry Johnson về thuế, Gọi Finn về Caravan.* Cô nhớ Finn là người môi giới xe Dodge-Plymouth ở Ely Falls. Họ mua chiếc Caravan bốn năm trước và theo cô biết thì không hề mua bán gì với Tommy Finn nữa.

Cô xoay bì thư lại. Ở cuối mặt trắng của bì thư là một ghi chú, cũng bằng chữ của Jack. *Muire 3:30*.

Muire là ai? Kathryn thắc mắc. Randall Muir ở ngân hàng? Chẳng lẽ Jack có thương lượng một khoản vay?

Kathryn nhìn lại mặt trước bì thư. Cô kiểm tra dấu bưu điện. Chắc chắn là bốn năm trước

Cô đặt chồng giấy tờ vào ngăn kéo rồi lấy chân đóng tủ lại.

Lúc này cô chỉ muốn nằm xuống. Cô đi ra khỏi phòng làm việc của Jack, sang phòng nghỉ dành cho khách, nơi nghỉ dưỡng của cô. Cô nằm lên ga giường in hoa, và chỉ vài giây sau đã ngủ thiếp đi.

Cô bị những giọng nói đánh thức - một tiếng hét, gần như điên loạn, và một giọng khác, bình tĩnh hơn, như đang cố gắng để được nghe thấy giữa cơn náo loạn.

Kathryn ngồi dậy, mở cửa, và giọng nói to hơn. Mattie và Julia đang ở phòng khách bên dưới.

Họ đang quỳ gối khi Kathryn đi xuống, Julia mặc áo ngủ sọc ca rô, Mattie mặc áo thun và quần đùi. Xung quanh họ là một bãi chiến trường giấy gói quà - những đống giấy

vò nát và nhăn nhúm màu đỏ, vàng, ca rô, xanh, bạc, nằm giữa hàng nghìn mét dây ruy băng màu.

Julia ngước lên.

“Nó thức dậy rồi đi xuống dưới đây,” bà giải thích. “Nó định gói quà.”

Mattie khụy xuống sàn, nằm cuộn tròn tư thế bào thai trên thảm.

Kathryn nằm xuống cạnh con.

“Con không chấp nhận nổi, mẹ ơi,” Mattie nói. “Nhìn đâu con cũng thấy bố. Bố ở trong mọi căn phòng, trên mọi chiếc ghế, ở cửa sổ, ở giấy dán tường. Con thật không chịu nổi, mẹ ơi.”

“Con đang định gói quà cho bố à?” Kathryn hỏi, vén tóc trên mặt con gái.

Mattie gậtvà khóc nấc lên.

“Bà sẽ đưa nó về nhà bà,” Julia nói.

“Mấy giờ rồi ạ?”

“Mới qua nửa đêm thôi. Bà sẽ đưa nó về nhà cho nó đi ngủ.”

“Cháu cũng đi,” Kathryn nói.

“Không. Cháu kiệt sức rồi đấy. Cháu ở lại và đi ngủ đi. Mattie ở với bà sẽ ổn thôi. Nó cần thay đổi hoàn cảnh, một khu vực trung tính, một phòng ngủ trung tính.”

Và Kathryn nghĩ hình ảnh đó thật phù hợp, vì cô có cảm giác mơ hồ rằng họ đang dính vào một cuộc chiến, rằng tất cả họ đều có nguy cơ trở thành nạn nhân của cuộc chiến.

Khi Julia soạn đồ để đem theo cho Mattie, Kathryn nằm xuống cạnh con và xoa lưng nó. Thỉnh thoảng Mattie lại rùng mình thật mạnh. Kathryn hát bài hát mà cô đã tự nghĩ ra khi Mattie còn bé: *M là viết tắt của Matigan...*, đó là câu đầu của bài hát.

Sau khi Julia và Mattie đi rồi, Kathryn quay lại phòng ngủ của mình. Lần này, cảm thấy dũng cảm hơn, cô bò vào nằm giữa những tấm ga sọc ca rô.

Cô ngủ không mộng mị.

***

Buổi sáng, cô nghe tiếng chó sủa.

Có điều gì đó quen thuộc một cách phi lý trong tiếng chó sủa ấy.

Và cô g lên chuẩn bị, như cách cô phản ứng khi dừng xe chờ đèn đỏ và tình cờ nhìn vào kính chiếu hậu, thấy người lái xe ở phía sau đang chạy quá tốc độ.

***

Tóc Robert ướt và mới chải. Cô nhìn thấy đường chải bằng lược ở gần đường rẽ ngôi. Anh mặc một chiếc áo khác, màu xanh gần giống như vải jean, thắt cà vạt màu đỏ sậm. Áo ngày thứ hai, cô nghĩ vẩn vơ.

Trên quầy bếp có một cốc cà phê. Anh đang cho tay vào

túi quần, đi đi lại lại.

Cô nhìn lên đồng hồ. Sáu giờ bốn mươi. Sao anh ta đến sớm thế nhỉ?, cô tự hỏi.

Khi trông thấy cô ở cuối cầu thang, anh rút tay ra khỏi túi quần và tiến đến cô.

Anh đặt hai tay lên vai cô.

“Chuyện gì?” cô lo lắng hỏi.

“Cô có biết CVR là gì không?”

“Có. Máy ghi âm giọng nói buồng lái.”

“Ừm, họ tìm thấy nó rồi.”

“Rồi sao?”

Anh ngập ngừng. Chỉ một chốc.

“Họ nói là tự sát.”

CHƯƠNG 6

ANH ÔM EO CÔ ĐI VỀ PHÍA những chiếc máy bay, trông chúng bé xíu, như những món đồ chơi mà trẻ con có thể leo trèo lên để nghịch ngợm. Hơi nóng hầm hập như thiêu đốt phả lên từ vệ đường. Đây là thế giới của đàn ông, cô tự nhủ, với những bộ phận máy móc kỳ dị, phòng họp, tháp không lưu. Xung quanh cô toàn là kim loại, sáng bóng hoặc sáng mờ dưới ánh nắng chói chang.

Anh tỏ vẻ ân cần, nhưng bước đi rất khẩn trương. Chiếc máy bay rất đẹp, sơn màu đỏ và trắng. Cô nắm tay

anh khi bước lên cánh máy bay, sau đó bò qua cánh cửa bé xíu để vào buồng lái, bên trong bé đến nỗi cô lập tức hoảng sợ. Làm sao một việc hoành tráng như lái máy bay lại có thể diễn ra trong một không gian chật hẹp như thế này? Lái máy bay, với Kathryn luôn có vẻ như chẳng dễ dàng, giờ đây rõ ràng là việc bất khả thi, và cô tự nhủ, như thỉnh thoảng vẫn tự nhủ khi ngồi trong một chiếc xe cạnh một tay lái chẳng ra gì hoặc lái xe tại một lễ hội Carnival, rằng điều này sẽ chóng kết thúc và cô chỉ cần làm mỗi một việc là sống sót.

Jack đu người vào rồi ngồi xuống ghế. Anh đeo kính râm có tròng màu xanh óng ánh. Anh bảo cô cài dây an toàn và đưa cho cô tai nghe, giải thích rằng đeo nó vào sẽ giúp họ nói chuyện với nhau dễ hơn giữa tiếng ồn động cơ.

Chiếc máy bay xóc nảy trên đường trải nhựa, có vẻ lỏng lẻo và lắc lư. Cô muốn bảo anh dừng lại, cô đã đổi ý rồi. Chiếc máy bay tăng tốc, không còn dằn xóc nữa, và cất cánh lên không trung.

Lồng ngực cô căng hết cỡ. Jack quay sang cô, nụ cười của anh đầy vẻ tự tin và khôi hài, một nụ cười ngầm nói, "Trò này vui lắm, em cứ thư giãn."

Trước mặt cô là một vùng màu xanh da trời mênh mông. Chuyện gì đã xảy ra với mặt đất? Cô hình dung cảnh một chiếc máy bay đạt đến độ cao khủng khiếp, hơi chúi mũi, sau đó rơi xuống, theo lực hút trái đất. Bên cạnh cô, Jack ra dấu về phía cửa sổ.

- Em nhìn xem, anh nói.

Họ đang bay trên đường bờ biển, ở trên cao đến nỗi sóng biển trông như bất động. Nước biển chuyển sang

màu xanh thẫm. Trong đất liền cạnh bãi biển, cô thấy những cây linh sam sẫm màu, trông như cả một đất nước trồng cây linh sam. Cô nhận ra một chiếc tàu và đường rẽ sóng, một nhà máy điện ở phía trên đường bờ biển. Vết loang sậm màu của Portsmouth. Những tảng đá lấp lánh tạo thành quần đảo Shoals. Cô tìm Ely, nghĩ rằng mình đã thấy nó, dõi mắt theo một con đường từ thị trấn về nhà của bà Julia.

Anh bẻ lái, cô quờ quạng hai bàn tay để tự vệ. Cô muốn bảo anh hãy cẩn thận, nhưng ngay lập tức cô thấy ý nghĩ ấy thật điên rồ. Dĩ nhiên anh sẽ cẩn thận rồi, phải không nhỉ?

Như để trả lời, anh chuyển hướng máy bay lao thẳng mũi lên trời, một góc quá gấp đến nỗi cô nghĩ chắc anh đang thách thức các thuyết vật lý. Cô chắc chắn họ sẽ rơi từ trên trời xuống đất. Cô gọi tên anh, nhưng anh dồn hết sự tập trung vào máy móc, không trả lời.

Trọng lực hút cô vào lưng ghế. Họ bay lên một vòng lộn nhào dài, cao, và trong một tích tắc, ở đỉnh điểm, họ bất động, lộn ngược đầu, một chấm nhỏ treo lơ lửng trên Đại Tây Dương. Sau đó chiếc máy bay lao xuống ở phía bên kia của vòng lộn nhào. Cô hét lên, nắm chặt bất cứ thứ gì có thể chạm tới. Jack liếc nhanh sang cô, rồi điều khiển máy bay gần như vuông góc với mặt đất. Cô nhìn Jack với bộ điều khiển, những cử động bình tĩnh của anh, sự tập trung trên gương mặt anh. Cô thấy kinh ngạc khi một người có thể đùa giỡn bằng một chiếc máy bay - với trọng lực, với vật lý, với số phận.

Và rồi thế giới thật im lặng. Như bất ngờ trước chính nó, chiếc máy bay bắt đầu rơi. Không giống như một hòn đá, mà giống một chiếc lá, chao lượn một chút rồi chúi

sang bên phải. Tim thót lại, cô nhìn sang Jack. Chiếc máy bay bắt đầu xoay vòng điên loạn, chúi mũi xuống mặt đất. Cô cong lưng, thậm chí thét lên cũng không được.

Khi anh kéo cần lái, họ chỉ còn cách mặt nước chưa đến ba mươi mét. Cô nhìn thấy những con sóng bạc đầu, cơn co giật của mặt biển đang không được vui. Cô bật khóc vì hoảng loạn.

- Em không sao chứ? anh nhanh miệng hỏi khi nhìn thấy những giọt nước mắt. Anh đặt tay lên đùi cô. Anh lắc đầu. - Lẽ ra anh không nên làm vậy, anh nói. - Anh thành thật xin lỗi. Anh tưởng em sẽ thích.

Cô quay sang nhìn anh. Cô lấy tay áp lên tay anh rồi hít vào một hơi run rẩy.

- Thật là một chuyến bay rùng rợn, cô nói. Và cô thật sự nghĩ như vậy.

CHƯƠNG 7

Trong xe lạnh tê tái, Kathryn không thể cầm nổi vô lăng vì quên găng tay do phải rời khỏi nhà quá vội. Bên ngoài lạnh đến mức nào nhỉ? cô thầm hỏi. Âm chín độ? Âm sáu độ? Dưới một mức nào đó, cô nghĩ, mà cũng chẳng quan trọng lắm. Cô cảm thấy hai vai căng ra khi cúi người về trước, cố không chạm vào thứ gì - kể cả lưng ghế - cho đến khi nhiệt độ trong xe ấm lên.

Vừa nghe tin của Robert - anh ta dặn tới dặn lui rằng Kathryn nên tuyệt đối tránh thừa nhận tin đó với bên ngoài - cô chỉ muốn được ở cạnh Mattie ngay lập tức. Khi Kathryn đứng ở chân cầu thang nhìn mặt Robert, lòng mong mỏi được gặp con gái của cô trỗi dậy mạnh mẽ, ào

ạt như nước chảy vào lọ. Vẫn mặc nguyên bộ quần áo lúc đi ngủ, cô đã lao qua Robert và gần như cùng lúc xỏ hai tay vào áo lông vịt, mang bốt, và lấy chìa khóa treo trên cửa. Cô lái chiếc Caravan cọc cạch trên con đường dài, tăng tốc qua vài người đàn ông đang chạy về hướng cổng, và giữ tốc độ gần một trăm cây số giờ trên quãng đường dài hơn một cây số. Sau đó chiếc xe trượt bánh tại một khúc cua và dừng lại trên lớp cát ở vệ đường trên con đường từ Fortune's Rocks vào Ely. Cô im lặng áp trán lên vô lăng.

Không thể nào là tự tử được, Kathryn nghĩ. Tự tử là việc tuyệt đối không thể. Không thể tưởng tượng nổi. Không thể nghĩ tới. Không thể lý giải.

Cô ngồi đấy bao lâu, cô cũng không biết, có lẽ là mười phút. Sau đó cô lại nổ máy, lần này chạy với tốc độ chậm hơn cùng một sự bình tĩnh kỳ lạ - sự bình tĩnh xuất phát từ trạng thái kiệt quệ, có thể như vậy, hoặc đơn giản là từ một sự tê dại giả tạo - đang bao trùm lấy cô. Cô phải gặp cho được Mattie, cô tự nhủ, và điều người ta đang nói về Jack là không đúng.

Mặt trời nhô lên trên đường chân trời, biến những thảm cỏ ngập tuyết thành màu hồng, hắt lên chúng những cái bóng xanh dài của cây cối và xe cộ. Thị trấn thật yên tĩnh, dù thỉnh thoảng Kathryn lại thấy khói bốc lên thành cuộn từ những chiếc xe vẫn mở máy trong lúc đỗ trên đường mòn vào nhà để chủ xe có thể rã đông kính chắn gió và ngồi vào ghế. Dọc mái hiên của một số ngôi nhà treo những sợi đèn màu, cô thấy cây thông Giáng sinh trước các cửa sổ. Cô lái xe ngang qua một ngôi nhà lợp ngói xanh gắn bóng đèn màu sặc sỡ viền quanh khung cửa sổ giả. *Giống-cửa-hàng-phụ-tùng-ô-tô*, Jack từng bình luận như vậy khi họ lái xe ngang qua đây.

Từng bình luận. Đã bình luận. Sẽ không bao giờ bình luận nữa. Cô nghĩ vỏ bọc thời gian đang bắt đầu thực sự nuốt chửng cô. Nhưng cô tự hỏi chẳng lẽ mình chưa thích nghi, dù chỉ ở một mức cực kỳ nhỏ, với khái niệm về sự vắng mặt của Jack. Ý nghĩ về cái chết của anh, hiện ra ngẫu nhiên sau một ý nghĩ khác – một ký ức về anh, một hình ảnh – không gây tác động mạnh mẽ đến cô như ngày hôm trước. Đầu óc thích nghi nhanh thật, cô tự nhủ, dù chỉ sau một khoảng thời gian ngắn. Có thể là sau một loạt những chấn động, cơ thể đã tự thích ứng, như được cấy ghép - mỗi cú chấn động sau lại gây ảnh hưởng ít hơn. Hoặc cũng có thể trạng thái tê dại nhất thời này chỉ là một sự tạm lắng - một khoảng thời gian đình chiến. Làm sao cô biết được? Cô có bao giờ được tập dượt cho những chuyện như thế này đâu.

Cô lái xe qua trung tâm Ely, ánh sáng giờ đây mới bắt đầu chiếu vào các cửa hiệu, trái đất đang nhích một chút về phương Đông, một tí ti vừa đủ để đưa thị trấn Ely đến với mặt trời. Cô chạy ngang qua cửa hàng dụng cụ trong nhà và Beekman, một cửa hàng đồng giá năm-mười xu vẫn trụ nổi trước sự cạnh tranh của trung tâm mua sắm trên Đường số 24, dù các kệ hàng ở đây thường bám bụi và hàng hóa rất ít ỏi. Cô chạy qua một tòa nhà bỏ hoang, trước đây từng là cửa hàng len và vải sợi, chuyên bán hàng của nhà máy vào thời mà nhà máy Ely Falls còn hoạt động. Cô chạy qua Bobbin, nơi duy nhất trong thị trấn có bán rượu và sandwich. Bobbin đang mở cửa, ba chiếc xe đỗ bên ngoài. Cô đưa mắt nhìn bảng đồng hồ trong xe: bảy giờ năm. Trong mười phút nữa, Janet Riley, giáo viên môn tập đọc ở ttrung học, và Jimmy Hirsch, nhân viên công ty MetLife, sẽ có mặt ở đó để ăn bánh mì vòng phết kem phô mai và sandwich kẹp trứng, theo thứ tự. Kathryn nghĩ đúng là ta có thể chỉnh giờ đồng hồ bằng cách dựa vào thói quen

của một số người trong thị trấn, rồi sau đó có thể kiểm tra đồng hồ thường xuyên suốt ngày dựa vào những dân làng khác và sự nhất quán tuyệt đối của họ trong những công việc thường lệ.

Hơn ai hết, Kathryn hiểu rõ về công việc thường lệ, trong nhà của bà Julia, đó là hàng rào để ngăn cản sự xáo trộn. Và, tất nhiên, Jack cũng hiểu rõ điều này - nhất là khi làm công việc đòi hỏi người ta phải trở thành một cái máy, xử lý đúng theo một cách nhất định mỗi khi một chuỗi tình huống cụ thể xảy ra. Nhưng cũng lạ là mỗi lần rời khỏi máy bay, anh lại mất hết kiên nhẫn với những công việc thường lệ. Anh thích nghĩ đến những khả năng và sẵn sàng ứng phó với chúng. Trong hai người, anh luôn là người có nhiều khả năng nói, “Chúng ta đến Portsmouth ăn trưa đi”. Hoặc, “Chúng ta hãy đến trường đón Mattie rồi đi trượt tuyết”.

Kathryn chạy qua trường học nằm giáp ngay trung tâm thị trấn. Tính đến nay, cô đã dạy học ở đó được bảy năm sau khi lấy bằng và dọn trở về Ely. Đó là một tòa nhà cổ kính bằng gạch có cửa sổ lớn, vốn đã cổ kính từ thời bà Julia đi học ở đấy. Số học sinh của trường bây giờ ít hơn thời của Julia, khi các xí nghiệp hẵng còn ăn nên làm ra.

Liên tiếp qua vài dãy nhà là những ngôi nhà màu trắng có cửa chớp đen nằm trong từng lô đất nhỏ, nhiều nhà có hàng rào trắng bao quanh - chủ yếu là nhà mái ngói và nhà hai tầng phong cách Victoria, cũng có một số nhà xây theo phong cách thuộc địa sơ khai - điều đó đem lại cho Ely nét duyên riêng. Nhưng khi đã qua khỏi khu vực này, nhà cửa bắt đầu thưa thớt dần, những vạt rừng nhỏ hoặc đầm nước mặn ngăn cách nhà này với nhà kia, và giãn dần ra như kẹo kéo, cho đến khi chỉ còn lại ngôi nhà đá ở cuối con đường dài năm cây số.

Cô rẽ vào con đường quen thuộc rồi lái xe lên đồi. Đèn chưa sáng, cô đoán Mattie và bà Julia còn đang ngủ. Cô xuống xe, đứng yên một phút. Vào buổi sáng luôn có một khoảnh khắc, giữa thinh lặng của đêm hôm trước và náo nhiệt của ngày hôm sau, khi Kathryn cảm thấy thời gian như ngừng lại một nhịp, khi toàn thế giới bất động, ngóng trông. Mặt đất xung quanh chiếc xe phủ một lớp tuyết bột rơi từ ba ngày trước đến nay vẫn chưa tan. Trên các tảng đá, tuyết đóng băng thành một lớp mỏng

Nhà của bà Julia nằm trên một ngọn đồi, vì vậy mà đôi khi những việc vặt như xách đồ đi chợ về nhà trở nên khó khăn hơn, nhưng ngôi nhà có tầm nhìn tuyệt vời về hướng Tây, nếu có ai đủ hứng thú để ngắm cảnh. Ngôi nhà rất cổ kính, từ giữa thế kỷ mười chín. Nó từng là nhà nghỉ cho một trang trại ở cách đây hơn một cây số rưỡi. Ngôi nhà được bao bọc bởi một bên là con đường hẹp, một bên là bức tường đá. Bên kia bức tường đá là một vườn táo với những cây táo khẳng khiu mọc ngay ngắn mà mới cuối hè đã cho quả màu đỏ hồng phớt bụi.

Cô đóng cửa xe, đi bộ vào lối đi trước nhà, rồi mở cửa. Bà Julia không bao giờ khóa cửa, lúc Kathryn còn bé cũng vậy, bây giờ cũng vậy, trong khi các nhà khác đều khóa cửa. Trong nhà bếp, Kathryn lần nữa ngửi thấy mùi hương riêng biệt của ngôi nhà - một sự pha trộn giữa mùi bánh bông lan cam và hành tây. Kathryn cởi áo lông vịt ra, vắt lên một chiếc ghế ở phòng khách.

Ngôi nhà rất chật, nhưng cao đến ba tầng. Khi bố mẹ của Kathryn mất, bà Julia đã động viên cô dọn vào phòng của họ ở tầng trên cùng. Sau một hồi đắn đo, Kathryn đã đem lên đấy sách của cô và một chiếc bàn nhìn ra ngoài qua ô cửa sổ đơn. Tầng giữa có hai phòng ngủ nhỏ, trong

đó có một phòng của bà Julia, còn ở tầng trệt là phòng khách và nhà bếp. Những món đồ nội thất của bà Julia từ thời mới cưới được bày biện trong phòng khách - một bộ sofa nhung màu nâu bạc thếch, hai chiếc ghế mềm cần được bọc lại nệm, một tấm thảm, một chiếc bàn nhỏ, và chiếc đàn piano đồ sộ chiếm gần hết khoảng trống còn lại.

Kathryn vịn lan can leo lên chiếc cầu thang hẹp để về lại phòng cũ của cô, giờ là của Mattie mỗi khi con bé ngủ lại, thường xuyên. Kathryn đi đến cửa sổ và kéo ga giường xuống một chút để nhìn thấy con nằm trên giường. Mattie đang nằm cuộn tròn, như cách nó thường nằm, con cọp nhồi bông đã rơi xuống sàn tự bao giờ. Kathryn gần như không nhìn thấy mặt con gái - mặt nó úp xuống chăn - nhưng cũng đủ nhìn thấy mái tóc nó xõa ra sau lưng, thấy vóc dáng mảnh mai của nó dưới lớp chăn.

Kathryn khẽ đi đến một chiếc ghế đặt đối diện với giường để có thể tiếp tục trông chừng Mattie. Cô chưa muốn đánh thức con, chưa sẵn sàng chứng kiến cảnh Mattie lại bị những thông tin của ngày hôm trước gây chấn động lần nữa, như cô đã bị chấn động sáng hôm nay. Nhưng khi điều đó xảy ra, Kathryn muốn mình có mặt bên cạnh con.

Mattie nhấc đầu lên khỏi gối, quay qua bên kia, rồi xoay người sang.

Mặt trời đã lên cao, ánh sáng đan qua lớp màn cửa, vạch một đường màu sáng rực lên cạnh bên trái của chiếc giường đôi. Đấy chính là chiếc giường gỗ gụ mà bố mẹ Kathryn từng nằm ngủ, và đôi khi cô lại thắc mắc liệu những đôi vợ chồng thời đó có làm tình nhiều hơn thời này không, đơn giản chỉ vì giường thời đó hẹp hơn. Mattie mơ màng xoay người, như đang ngủ nướng thêm một giờ

nữa. Kathryn đứng dậy, nhặt con cọp nhồi bông lên, rồi đặt nó cạnh đầu Mattie. Trong một khoảnh khắc, Kathryn có thể cảm nhận được hơi thở ấm áp của con gái trên ngón tay mình. Sau đó, dường như nhận ra sự hiện diện của mẹ, Mattie cứng người lại. Kathryn theo phản xạ nằm xuống cạnh con, vòng tay qua ôm nó. Cô ôm con gái vào lòng thật chặt, nghe thấy một tiếng thở nấc lên.

"Mẹ ở đây," Kathryn nói.

Mattie im lặng. Kathryn nới lỏng tay và bắt đầu vuốt tóc con. Mái tóc dày, quăn tự nhiên, luôn như thế vào mỗi buổi sáng. Mattie thừa hưởng lọn tóc xoăn từ Jack, còn màu tóc từ Kathryn. Mattie cũng thừa hưởng từ bố đôi mắt hai màu xanh khiến nó gần đây cảm thấy không vui. Nó nghĩ rằng mang một dấu ấn khác với mọi người khiến nó trở nên đặc biệt. Nhưng khi bước sang giai đoạn dậy thì quan trọng, khi mà bất kỳ đặc điểm nào khiến nó trở nên khác biệt dù chỉ một chút so với bạn bè cũng là nguồn cơn gây khó chịu nghiêm trọng, con bé đã bắt đầu đeo một kính sát tròng để cho hai màu mắt giống nhau. Đương nhiên, nó không đeo kính lúc đi ngủ.

Tấm trải nhúc nhích, như có người đang kéo xuống. Kathryn nhẹ nhàng kéo tấm trải xuống khỏi mặt Mattie. Miệng nó nhét đầy vải, mảnh ga giường trắng nhét thành một cục giữa hai hàm răng.

"Mattie, đừng con. Con sẽ chết ngạt mất."

Mattie nghiến chặt hàm xuống lớp vải hơn nữa.

Kathryn nhẹ nhàng kéo tấm vải, nhưng Mattie không chịu nh Kathryn nghe tiếng con gái thở phì phò qua mũi. Những giọt nước mắt nhỏ đong đầy trên mi mắt Mattie,

chực trào ra nếu nó chớp mắt. Kathryn nhìn thấy cơ trên mặt con gái co lại rồi giãn ra.

Kathryn một lần nữa nhẹ nhàng kéo tấm trải giường. Mattie đột ngột há miệng ra rồi giật phắt tấm trải ra khỏi người.

"Chịu không nổi," nó nói khi đã có thể thở bình thường.

***

Mattie đang tắm. Bà Julia mặc áo choàng ngắn kẻ màu đỏ bên ngoài chiếc áo ngủ có từ trước thời Carter và đang đứng bên bếp lò. Bà Julia tin rằng chỉ chán một món quần áo chưa phải là lý do để mua một cái mới. Một quy tắc bất thành văn khác là nếu không mặc một chiếc đầm nào trong vòng một năm thì tốt nhất nên tặng nó cho người khác.

Trông bà có vẻ mệt mỏi, nước da xanh xao. Kathryn bất ngờ khi thấy - hoặc có lẽ lần đầu tiên mới nhận ra - một lớp thịt dày phía trên cột sống Julia khiến đầu và vai bà hơi gù về trước.

"Cậu Robert đấy vẫn còn ở khách sạn à?" bà Julia hỏi, lưng bà u lên như một cái thùng kẻ sọc đỏ mềm mại.

"Không ạ," Kathryn đáp nhanh, không muốn nghĩ về Robert và điều anh ta định nói hoặc chưa nói. "Anh ta nghỉ ở khách sạn tối qua, nhưng bây giờ đang ở nhà cháu."

Cô đặt tách cà phê lên chiếc bàn gỗ, mặt bàn trải một tấm khăn nhựa bám chặt, gấp và cố định ở bốn góc bằng đinh bấm. Sau nhiều năm, màu sắc trên những tấm khăn nhựa đã thay đổi - từ đỏ thành xanh dương rồi thành xanh lá cây - nhưng mặt bàn sạch sẽ, dính chặt thì không thay đổi, cũng như cảm giác về những sợi chỉ lượn sóng dưới

ngón tay cô.

Julia đặt một đĩa trứng rán và bánh mì nướng xuống trước

"Cháu không ăn nổi."

"Ăn đi. Cháu cần phải ăn."

"Bụng cháu..."

"Cháu sẽ chẳng thể giúp gì được cho Mattie nếu không tự chăm sóc cho bản thân mình, Kathryn ạ. Cháu đang đau khổ, bà thấy điều đó, nhưng cháu còn phải làm mẹ của một cô con gái, và đó là công việc của cháu, dù cháu có thích hay không."

Một sự im lặng kéo dài.

"Gì cơ ạ?" Kathryn hỏi.

Julia ngồi xuống. "Bà xin lỗi," bà nói. "Tinh thần bà không ổn định lắm."

"Có chuyện này bà cần biết," Kathryn nói nhanh.

Julia nhìn Kathryn.

"Có một tin đồn. Rất khó tin. Rất khủng khiếp."

"Tin gì?"

"Bà có biết CVR là gì không?"

Julia quay ngoắt đầu về phía cửa. Mattie đang đứng ở đấy, trông như không biết phải làm gì tiếp theo, như nó đã quên phải sống thế nào. Mái tóc xõa trên vai chiếc áo thun

rộng màu xanh da trời dài tới thắt lưng. Nó mặc chiếc áo đó với quần jean (cỡ số hai, bó sát) phủ ống qua đôi giày Adidas, gấu quần đã sờn. Hai bàn chân theo tự nhiên hướng vào trong, khiến phần từ thắt lưng trở xuống của nó trông như trẻ con, đối lập hoàn toàn với nửa thân trên ra dáng thiếu nữ. Nó đút ngón tay vào khe túi áo và rụt vai. Hai mắt đỏ ngầu vì khóc. Nó hất đầu để tóc rơi hết sang một bên. Môi trên của nó run run. Nó lo lắng đưa tay búi tóc, rồi lại xõa ra.

"Ủa, có chuyện gì vậy ạ?" Mattie can đảm hỏi, dán mắt xuống sàn.

Kathryn phải quay mặt đi. Cô không biết Mattie thấy những giọt nước mắt đã bắt đầu tuôn trên mặt cô.

"Mattie à," cô nói khi đã có thể lên tiếng. "Lại đây ngồi với mẹ rồi ăn trứng với bánh mì nướng nào. Hôm qua con chẳng ăn gì cả."

"Con không đói."

Mattie kéo một chiếc ghế ra - không hẹn mà gặp, đó là chiếc ghế cách xa Kathryn nhất - rồi rón rén ngồi xuống mép ghế, hai bàn chân tạo thành hình chữ V trên sàn nhà.

"Làm ơn đi mà, Mattie."

"*Mẹ à*, con không đói bụng, được chưa? Mẹ thôi đi."

Julia trông như định nói chuyện với Mattie, nhưng Kathryn ra dấu bằng mắt cho bà và lắc đầu.

"Sao cũng được," Kathryn cố nói bằng giọng bình thản.

"Thôi thì, bánh mì nướng cũng được," Mattie nhượng

bộ.

Julia dọn cho Mattie một đĩa bánh mì nướng và một tách trà. Mattie xé từng mẩu viền bánh mì nhỏ xíu - những mẩu chỉ to bằng bánh thánh - rồi nhai một cách chậm rãi và uể oải cho đến khi miếng bánh mì không còn viền nữa, lúc đó nó đặt miếng bánh xuống

"Con có phải đi học không?" Mattie hỏi.

"Đợi đến hết kỳ nghỉ đã," Kathryn đáp.

Mặt Mattie nhợt nhạt, rầu rĩ, nước da trắng mốc, trông như nó chỉ còn một nửa hơi sức. Giữa hai mắt và ở cạnh mũi lấm tấm mụn trên những mảng da đỏ ửng. Nó ngồi còm lưng trước miếng bánh mì không viền, nghiền ngẫm khối hình vuông lạnh lẽo không mùi vị trên đĩa.

"Chúng ta đi dạo đi," Kathryn nói.

Mattie nhún vai. Nhún một vai - biểu lộ thái độ phản bác nhiều hơn so với nhún hai vai.

Trên cửa nhà bếp sau lưng Mattie có một cây thông Giáng sinh bằng vải chần được mua từ một hội chợ do nhà thờ tổ chức nhiều năm trước, hằng năm cứ đến đầu tháng mười hai, nó lại được lôi xuống từ chiếc hộp trên gác mái. Bà Julia không thích trang trí nhiều, nhưng bà tuyệt đối thủy chung: Năm trước dùng đến món gì thì năm sau sẽ dùng lại món đấy.

Giáng sinh. Một chủ đề mà Kathryn không muốn nghĩ đến, đang lơ lửng trong đầu cô, như một cơn đau đầu ứ đọng.

Cô đứng dậy.

“Con mặc áo khoác vào đi,” cô nói với Mattie.

***

Hơi lạnh làm đầu óc cô tỉnh táo, khiến cơ thể cô muốn di chuyển nhanh hơn. Từ ngôi nhà đá trở đi, con đường trở thành đường đất uốn lượn lên núi Ely. Đó là một ngọn núi dốc vừa phải, một địa hình nên thơ với rặng thông xanh rì, những vườn táo bỏ hoang, và những cánh đồng việt quất. Vào cuối thập niên 1980, một nhà kinh doanh địa ốc đã tính đến việc xây một cụm căn hộ cao cấp gần đỉnh núi, thậm chí đã tiến hành làm thông thoáng một khoảnh đất và đào móng. Nhưng ông ta rõ là gặp đúng năm xui tháng hạn, phải tuyên bố phá sản sáu tháng sau khi cuộc suy thoái kinh tế bao trùm gần như toàn bộ New Hampshire. Khoảng đất trống giờ đây um tùm bụi rậm, nhưng móng nhà, đã đổ một lớp nền, lại là nơi tuyệt vời để ngắm cảnh đẹp của Ely và Ely Falls về phía Tây, thực ra là ngắm toàn bộ thung lũng.

Mattie không đội mũ. Nó thọc sâu hai tay vào túi chiếc áo chần bông màu đen sáng bóng không kéo dây khóa. Từ lâu Kathryn đã thôi không bảo Mattie kéo khóa áo khoác hay đội mũ. Đôi lần rời khỏi trường sau giờ dạy, cô lại kinh ngạc khi thấy những cô nữ sinh đứng bên vệ đường trong cái lạnh bốn độ C mà chỉ mặc áo thun và khoác áo sơ mi vải không cài nút bên ngoài.

“Mẹ, sắp đến Giáng sinh rồi đấy,” Mattie nói.

“Mẹ biết rồi.”

“Chúng ta sẽ làm gì?”

“Con muốn làm gì?”

“Không làm gì hết, con không biết nữa. Hay là làm gì đấy. Con chả biết.”

“Hay ta cứ đợi vài ngày nữa xem sao.”

“Ôi, mẹ à!”

Mattie dừng lại đột ngột, đè hai cườm tay lên mắt rồi run lên bần bật. Kathryn vòng tay ôm con, nhưng nó thu người lại để tránh mẹ.

“Ôi, Chúa ơi. Mẹ ơi. Tối hôm qua con lấy quà của bố ra...”

Mattie đang khóc tức tưởi. Kathryn nhận thấy con gái còn quá đau đớn, quá nhạy cảm để hứng chịu thêm áp lực lần nữa, giờ đây khoảng giữa tỉnh táo và phát điên chỉ cách nhau một sợi tóc.

Kathryn nhắm mắt lại, chờ đợi. Cô từ từ đếm nhẩm trong đầu, như vẫn thường làm mỗi khi cổ chân đá phải nắp máy rửa bát, hoặc kẹt ngón tay khi đóng cửa sổ. Một, hai, ba, bốn. Một, hai, ba, bốn. Khi nghe tiếng khóc đã giảm đi một chút, cô mở mắt ra. Cô dùng khuỷu tay huých con gái về trước một chút, như chú chó chăn cừu lùa đàn cừu hay đàn bò. Mattie thẫn thờ không phản kháng.

Kathryn đưa cho Mattie một miếng khăn giấy Kleenex rồi đợi con bé hỉ mũi.

“Con mua cho bố một đĩa nhạc. Stone Temple Pilots. Bố nói bố muốn nghe đĩa ấy.”

Lá khô và tuyết đóng băng tạo thành một lớp lộn xộn hai bên đường đất. Con đường lồi lõm những vết bánh xe

khô cứng.

“Mẹ ơi, chúng ta đừng đón Giáng sinh ở nhà, được không? Chắc con không chịu đựng nổi đâu.”

“Chúng ta sẽ đón Giáng sinh ở nhà bà Julia.”

“Chúng ta có tổ chức tang lễ không?”

Kathryn cố gắng đuổi kịp Mattie, con bé đang đi nhanh, những câu hỏi bật ra như từng cụm khói từ miệng nó. Kathryn nghĩ có lẽ Mattie đã tự hỏi mình những câu hỏi này suốt đêm và cuối cùng đã đủ can đảm để cất thành tiếng.

Nhưng Kathryn không biết phải trả lời câu hỏi cuối thế nào. Nếu không tìm thấy thi thể, liệu có thể làm đám tang được không, hay như thế chỉ gọi là lễ tưởng niệm thôi? Và nếu là lễ tưởng niệm, thì tốt nhất là tổ chức ngay, hay nên đợi một thời gian? Và chuyện gì sẽ xảy ra nếu tổ chức lễ tưởng niệm xong rồi lại tìm thấy xác?

“Mẹ không biết,” Kathryn thành thật nói. “Mẹ cần nói chuyện với...”

Cô suýt nói Robert, nhưng kịp chặn mình lại.

“Bà Julia,” Kathryn nói.

Dù, thật ngạc nhiên, người cô muốn hỏi lại chính là Robert.

“Con có phải đi không?” Mattie hỏi.

Kathryn nghĩ ngợi một phút.

“Có, con nên đi. Chuyện này rất khó, mẹ biết; thật kinh

khủng, Mattie à, nhưng người ta nói thà con đi dự tang lễ của người mà con yêu thương hơn là không. Nó giống như một sự chấm dứt. Con đủ lớn để làm việc này rồi. Nếu con còn nhỏ, mẹ sẽ nói là không."

"Con không muốn chấm dứt cái gì cả, mẹ à. Con không thể làm thế. Con phải giữ cho nó còn mãi."

Kathryn biết chính xác con gái cô muốn nói gì. Nhưng Kathryn cũng cảm thấy cô nên làm với Mattie điều mà Julia đã làm với cô. Khi nào thì ta mới thôi làm một người mẹ lý trí, Kathryn tự hỏi, và thừa nhận mình cũng hoang mang như đứa con của mình?

"Bố sẽ không quay lại nữa, Mattie à."

Mattie rút tay ra khỏi túi áo, khoanh tay trước ngực, nắm chặt hai bàn tay lại.

"Sao mẹ biết? Sao mẹ chắc chắn như vậy?"

"Chú Robert Hart nói không có ai sống sót. Không ai sống nổi sau một vụ nổ như vậy."

"Chú ấy thì chứ?"

Đó không phải là một câu hỏi.

Họ đi bộ một quãng. Mattie bắt đầu vung mạnh hai tay, mỗi lúc một nhanh. Kathryn cố gắng đuổi kịp nó và rồi nhận ra cô không nên làm thế. Vấn đề nằm ở chỗ đó.

Kathryn đứng nhìn Mattie đi càng lúc càng nhanh cho đến khi nó vụt chạy và rẽ vào một hướng khác để không còn bị nhìn thấy nữa.

Kathryn không biết làm sao họ có thể sống sót qua lễ

Giáng sinh chỉ còn cách bảy ngày nữa. Một tai nạn đã xảy ra, khiến vũ trụ của họ đảo lộn, giờ đây họ đang xoay trong một quỹ đạo mới - một quỹ đạo liền kề, nhưng khác biệt, với những quỹ đạo xung quanh.

Kathryn tìm thấy Mattie đang ngồi trên bức tường xi măng của khu nhà xây dở, thở hồng hộc, như sau mỗi trận khúc côn cầu trên cỏ. Nó ngước lên nhìn mẹ.

“Con xin lỗi mẹ.”

Kathryn phóng tầm mắt về khung cảnh trước mắt. Ít ra, mọi thứ ở đó vẫn không có gì thay đổi. Sau lưng họ, ở phía Đông, là Đại Tây Dương. Nếu họ đi tiếp lên đỉnh đồi, họ sẽ nhìn thấy biển. Gần như ngửi thấy mùi vị của biển.

“Tạm thời bây giờ không ai nói đến từ xin lỗi nữa, được chứ?” Kathryn hỏi.

“Chúng ta sẽ ổn thôi, phải không mẹ?”

Kathryn ngồi xuống cạnh con, quàng tay ôm nó. Mattie tựa đầu vào vai mẹ.

“Cuối cùng con cũng đã bình tâm lại

Mattie lấy chân xúc tuyết. “Con biết chuyện này cũng rất khó khăn với mẹ. Mẹ thực sự rất yêu bố mà, phải không?”

“Đúng vậy, con à.”

“Có lần con xem một bộ phim tài liệu, hình như nói về chim cánh cụt? Mẹ biết chim cánh cụt sống thế nào không?”

“Không nhiều lắm.”

Mattie ngồi dậy. Khuôn mặt nó đột nhiên trở nên sống động và đầy cảm xúc. Kathryn rút tay khỏi vai con.

“Như thế này, con trống sẽ chọn ra một con mái từ một bầy chim cánh cụt, đôi khi có đến hàng trăm con ấy; con không biết làm sao nó phân biệt được, trông con nào cũng giống nhau. Rồi sau khi chọn xong, nó sẽ đi tìm năm viên đá nhẵn và đặt từng viên một cạnh chân con mái. Nếu con mái thích, nó sẽ nhận những viên đá đó, và chúng sẽ thành bạn đời của nhau.”

“Dễ thương quá.”

“Sau đó, sau khi xem xong bộ phim đó, lớp chúng con đi tham quan viện hải dương học ở Boston. Và lũ chim cánh cụt - ôi mẹ ơi, tuyệt không thể tả - bọn chúng đang, sao nhỉ, âu yếm nhau? Con trống che lấy con mái, như một tấm chăn đắp lên người con mái, xong nó rung lên một tí rồi nhảy xuống đứng cạnh con mái, trông hai đứa mệt bơ phờ, nhưng có vẻ như hạnh phúc lắm? Chúng hôn hít lên cổ và mặt nhau, như đang yêu đương thắm thiết lắm vậy. Sau đó đứa bạn đứng cạnh con, tên là Dennis Rollins, đúng là một thằng dở hơi, mẹ không biết nó đâu, cứ nói mấy câu đùa nhảm nhí. Con chỉ bực mỗi chuyện đấy thôi.”

Kathryn vuốt tóc con. Cơn choáng váng này rất giống với nước mắt.

“Mẹ biết không, con làm chuyện ấy rồi.”

Tay của Kathryn chựng lại trong lúc đang lướt theo đường cong duyên dáng trên đầu của Mattie.

“Chúng ta có đang nói về chuyện mà mẹ nghĩ là chúng ta đang nói tới không?” Kathryn khẽ hỏi.

“Mẹ có giận không?”

“Giận ư?”

Kathryn lắc đầu, choáng váng. Cô từ từ ngậm miệng lại.

Cô không biết mình ngạc nhiên vì điều nào hơn – lời thú nhận của Mattie hay phản ứng nhẹ nhàng của cô.

“Khi nào?”

“Năm ngoái.”

“Năm ngoái?”

Kathryn sửng sốt. Chuyện này đã xảy ra một năm trước, mà cô chẳng biết gì cả sao?

“Mẹ nhớ Tommy không?”

Kathryn chớp mắt. Tommy Arsenault, như cô nhớ, là một cậu bé tóc nâu đáng yêu có vẻ hay buồn.

“Lúc đấy con mới mười bốn tuổi,” Kathryn ngờ vực.

“Chưa tới mười bốn tuổi,” Mattie nói, như thể quan hệ tình dục ở tuổi trẻ như vậy, gần mười ba, là một vinh dự to lớn.

“Nhưng tại sao?” Kathryn hỏi, dù biết câu hỏi ấy thật ngớ ngẩn.

“Mẹ bực mình lắm, con biết mà.”

“Không. Không. Mẹ đâu có bực mình. Mẹ chỉ... mẹ chỉ

ngạc nhiên thôi.”

“Con chỉ muốn thử cho biết,” Mattie đáp.

Kathryn cảm thấy mông lung. Khung cảnh khiến cô khó chịu. Cô nhắm mắt lại. Mattie có kinh rất muộn, chỉ mới tháng mười hai năm ngoái, và theo Kathryn nhớ, từ đó đến nay nó chỉ mới có kinh ba lần. Có lẽ nó còn chưa dậy thì khi chuyện ấy xảy ra.

“Một lần thôi à?” Kathryn hỏi, không nén nổi một tia hi vọng.

Mattie lưỡng lự, như chuyện nhiều hay ít là đề tài quá nhạy cảm không nên chia sẻ với mẹ của mình.

“Không, vài lần.”

Kathryn im lặng.

“Không sao đâu, mẹ à. Con chẳng lo nghĩ gì về chuyện đó cả. Con không yêu cậu ấy hay gì đâu. Chỉ là con muốn tìm hiểu xem chuyện ấy như thế nào, nên con mới làm.”

“Có đau không?”

“Lúc đầu thì có. Nhưng sau đó thì con thấy thích.”

“Và con có cẩn thận không

“Tất nhiên rồi, mẹ à. Mẹ nghĩ con sẽ làm liều sao?”

Cứ như tình dục chưa phải là chuyện đủ liều.

“Mẹ không biết phải nghĩ gì nữa.”

Mattie vấn tóc thành búi sau gáy.

“Còn Jason thì sao?” Kathryn hỏi, nhắc đến bạn trai hiện nay của con bé. Trong tất cả những người bạn của Mattie thì Jason, một cậu bé cao ráo, tóc vàng, nghiện bóng rổ, là đứa đủ can đảm gọi điện đến vào hôm qua để hỏi thăm Mattie.

“Không, bọn con không làm chuyện ấy. Bạn ấy có vẻ sùng đạo lắm. Bạn ấy nói bạn ấy không thể làm chuyện ấy. Mà con thấy vậy cũng được. Con không gây áp lực gì lên bạn ấy cả.”

“Tốt,” Kathryn cố thốt lên.

Trong suốt thời thiếu nữ của Mattie, Kathryn đã tưởng tượng đến khoảnh khắc này, đã hy vọng, như những bà mẹ khác, rằng con gái mình sẽ nếm trải tình dục cùng lúc với tình yêu. Cô đã soạn ra đoạn đối thoại nào trong đầu cho sự kiện này? Chắc chắn không phải là đoạn khi nãy.

Mattie ôm cô.

“Tội nghiệp mẹ quá,” nó nói.

Giọng nó có vẻ trêu chọc nhưng đầy tình cảm.

“Con có biết là vào những năm 1700 ở Na Uy, cô gái nào bị phát hiện quan hệ tình dục trước hôn nhân sẽ bị xử trảm, đầu cô ta bị cắm lên một cây giáo, còn thân thì chôn ở nơi chặt đầu không?

Mattie nhìn mẹ với nét mặt mà Kathryn hình dung giống như khi nó nhìn thấy Kathryn bị đột quỵ.

“Mẹ à?”

“Chỉ là một chi tiết lịch sử thôi,” Kathryn nói. “Mẹ rất

mừng vì con kể với mẹ."

"Trước đây con đã muốn kể với mẹ, nhưng con nghĩ..."

Mattie cắn chặt môi.

"Con nghĩ mẹ sẽ nổi giận, và con biết chắc là mẹ sẽ nói với bố."

Nhắc đến bố, giọng nó run run.

"Mẹ có chắc là mẹ không giận không?" Mattie hỏi lại lần nữa.

"Giận à? Không. Giận chẳng liên quan gì đến chuyện này. Chỉ là... đó là một phần quan trọng của cuộc đời, Mattie ạ. Nó thật sự có một ý nghĩa. Nó rất đặc biệt. Mẹ tin như thế."

Kathryn có thể nhận ra sự tẻ nhạt trong lời nói của mình. Tình dục có đặc biệt không? Nó có ý nghĩa gì không? Hay đó chỉ là một hành động tự nhiên, diễn ra hàng tỉ lần một ngày trên khắp thế giới theo vô số cách khác nhau, trong đó một vài cách vô cùng quái đản? Cô không biết mình nghĩ gì về đề tài này, và cô tự hỏi những ông bố bà mẹ có thường xuyên bị mắc vào cái bẫy phải tuyên bố những quan điểm mà họ không thực sự tin là chân lý hay không.

"Giờ thì con biết rồi," Mattie nói. "Con chỉ cần bỏ nó qua một bên thôi."

Mattie nắm tay mẹ. Ngón tay nó

"Con cứ nghĩ đến mấy con chim cánh cụt ấy," Kathryn yếu ớt nói.

Mattie bật cười.

“Mẹ thật kỳ lạ.”

“Chúng ta đều biết vậy mà.”

Họ đứng dậy.

“Mattie, nghe này con.”

Kathryn quay sang con gái. Cô muốn nói với Mattie về những tin đồn vào lúc này, về những câu chuyện khủng khiếp mà Mattie chắc chắn sẽ nghe thấy. Nhưng khi Kathryn nâng mặt con gái lên gần mặt mình và nhìn thấy nỗi tổn thương vương vấn ở đó, cô không thể mở lời. Robert đã nói rằng Kathryn phải tuyệt đối phủ nhận mọi tin đồn. Vậy thì tại sao lại làm Mattie bận lòng với những thông tin ấy? cô lập luận. Ngay cả như thế, cô vẫn cảm thấy lòng cắn rứt vì tội lỗi của người mẹ, cảm giác cắn rứt hệt như mỗi khi cô lùi bước trước một nhiệm vụ khó khăn.

“Mẹ yêu con, Mattie à,” Kathryn nói. “Con không biết mẹ yêu con nhiều thế nào đâu.”

“Mà, mẹ ơi, điều tồi tệ nhất...”

“Cái gì?” Kathryn hỏi, lùi lại trước con gái và chuẩn bị đối phó với một tiết lộ khác.

“Sáng hôm đó, trước khi bố đi làm ấy? Bố vào phòng con rồi hỏi con có muốn đi xem đội Celtics thi đấu với bố khi bố về vào thứ sáu không. Lúc đó tâm trạng con không được tốt, con muốn xem Jason định làm gì vào thứ sáu trước, nên con nói con không đi được đợi đến đó con trả lời được không? Và con nghĩ là... Ôi, con biết mà. Con đã

làm bố buồn, mẹ ơi. Con có thể thấy điều đó trên mặt bố.

Miệng của Mattie bắt đầu méo mó. Trông nó trẻ con hơn rất nhiều khi khóc, Kathryn thầm nghĩ. Vẫn còn là một đứa trẻ.

Làm sao Kathryn có thể giải thích với nó rằng những sự khước từ như thế thường xuyên xảy ra? Bố mẹ bị tổn thương và nuốt nỗi buồn vào lòng rồi nhìn con cái rời bỏ mình, lúc đầu chỉ từ từ từng chút một, sau đó thì nhanh dần với tốc độ chóng mặt.

“Bố hiểu mà,” Kathryn nói dối. “Bố hiểu mà. Thật đấy. Bố có nói với mẹ trước khi đi.”

“Thật không?”

“Bố nói đùa là bây giờ bố hết còn là ưu tiên số một của con rồi, nhưng thật đấy, bố không giận gì cả. Khi bố nói đùa về chuyện gì thì có nghĩa là bố không sao.”

“Thật à?”

“Ừ, thật mà.”

Kathryn gật đầu dứt khoát để thuyết phục con gái.

Mattie khịt mũi. Lau môi trên bằng mu bàn tay.

“Mẹ còn khăn giấy Kleenex không?”

Kathryn đưa khăn giấy cho nó.

“Con khóc nhiều quá rồi. Con nghĩ đầu con sắp nổ tung.”

“Mẹ biết cảm giác đó

***

Julia đang ngồi tại bàn khi họ về đến nhà. Bà đã pha chocolate nóng cho hai mẹ con, và Mattie có vẻ hài lòng với việc đó. Trong lúc Kathryn từ tốn nhấm nháp món chocolate nóng, cô nhận ra hai bọng mắt của bà Julia đỏ hoe, và cô chợt hoảng sợ trước ý nghĩ bà nội của cô khóc một mình trong nhà bếp.

“Robert có gọi điện,” Julia nói.

Kathryn ngước lên, và Julia gật đầu.

“Cháu sẽ gọi cho anh ta trong phòng của bà,” Kathryn nói.

***

Phòng của Julia, lạ thay, là căn phòng nhỏ nhất trong ngôi nhà này. Bà luôn bảo rằng mình chẳng cần nhiều diện tích. Chỉ có tấm thân già của bà trên giường, và bà luôn sống với triết lý ít hơn có nghĩa là nhiều hơn. Nhưng căn phòng không vì thế mà mất nét nữ tính, vẻ dịu dàng mà Kathryn thường liên tưởng đến những người phụ nữ thuộc thế hệ đó. Rèm cửa dài, xếp li, hoa văn sặc sỡ, một chiếc ghế bọc vải lụa sọc màu anh đào, ga trải giường màu hồng viền cạnh, và một món đồ mà bây giờ Kathryn ít thấy - một chiếc bàn trang điểm phủ khăn điệu đà. Kathryn thường tưởng tượng bà Julia ngồi ở chiếc bàn đấy khi còn trẻ, chải lại mái tóc đen dài, có thể vừa chải tóc vừa nghĩ đến chồng và buổi tối sắp đến.

Điện thoại để trên bàn trang điểm. Một giọng nói mà Kathryn không nhận ra trả lời sau tiếng chuông đầu tiên.

"Cho tôi nói chuyện với ông Robert Hart?"

"Ai gọi đấy?"

"Kathryn Lyons.

"Đợi một chút nhé," giọng bên kia đáp.

Cô nghe thấy những giọng nói khác ở phía sau, giọng đàn ông. Cô hình dung nhà bếp của cô đang có rất nhiều đàn ông mặc vest.

"Kathryn."

"Có chuyện gì?"

"Cô có sao không?"

"Tôi không sao."

"Tôi đã báo với bà của cô."

"Tôi cũng nghĩ là anh sẽ làm vậy."

"Tôi sẽ đến đón cô."

"Thật lố bịch. Tôi có xe mà."

"Cứ để nó ở đó."

"Tại sao? Có chuyện gì vậy?"

"Cho tôi biết đường đi."

"Robert?"

"Ở đây có vài người muốn hỏi cô một số chuyện. Tôi nghĩ cô và tôi nên nói chuyện với nhau trước. Vả lại, cô

cũng không muốn họ đến nhà bà Julia. Nhất là khi con gái cô đang ở đó."

"Robert, anh đang làm tôi sợ đấy."

"Không sao đâu. Tôi sẽ đến đấy ngay."

Kathryn chỉ đường cho anh ta.

"Robert, câu hỏi gì vậy?"

Đầu dây bên kia im lặng một chút. Cô có cảm giác như sự im lặng đó là tuyệt đối, như mọi giọng nói trong gian bếp ở xa của cô đều đột nhiên im bặt.

"Năm phút nữa tôi đến," anh ta đáp.

***

Mattie đang thổi tách chocolate nóng khi Kathryn quay lại nhà bếp.

"Mẹ phải đi. Có vài người ở nhà muốn nói chuyện với mẹ. Người của hãng hàng không."

"Vâng ạ," Mattie đáp.

"Mẹ sẽ gọi cho con," Kathryn nói, cúi xuống hôn con gái.

***

Kathryn mặc áo lông vịt đứng ở cuối đường mòn vào nhà. Cô đút tay vào túi áo, dựng cổ áo lên. Ngày hôm ấy trời đứng gió và lạnh như băng. Bình thường, đây là kiểu thời tiết cô thích nhất.

Cô trông thấy chiếc xe từ xa, một cái bóng màu xám di chuyển nhanh trên đường từ thị trấn. Robert phanh xe gấp, chồm người qua mở cửa x

Cô ngồi xuống tựa lưng vào tay nắm cửa, quay về hướng anh ta. Trong ánh nắng chói chang, cô có thể nhận ra những chi tiết nhỏ nhất trên mặt Robert: đường viền quai hàm xanh mờ, nơi đó hẳn có một bộ râu quai nón nếu anh không cạo râu, làn da trắng nhợt dưới tóc mai, nơi tóc bị cắt ngắn hơn vết rám nắng cũ, phần da dưới cằm. Anh đỗ xe lại rồi quay sang cô, đặt cánh tay, như một cây cầu, giữa hai chiếc ghế trước.

“Chuyện gì?” cô hỏi.

“Có hai điều tra viên từ Ban An toàn muốn nói chuyện với cô.”

“Trong nhà tôi ư?”

“Vâng.”

“Tôi có phải trả lời câu hỏi của họ không?”

Anh nhìn đi nơi khác, về phía ngôi nhà đá, rồi nhìn trở lại. Anh gãi môi trên bằng ngón tay cái.

“Có,” anh thận trọng đáp. “Nếu cô cảm thấy khỏe. Nhưng tôi nghĩ cô có thể nói là mình không khỏe lúc nào cũng được.”

Cô khẽ gật đầu.

“Tôi không thể giúp cô tránh được cuộc điều tra về tai nạn này. Hoặc tránh được các thủ tục pháp lý.”

“Thủ tục pháp lý gì?”

“Trong trường hợp...”

“Tôi tưởng đây chỉ là tin đồn nhảm thôi chứ.

“Đúng vậy. Bây giờ là thế.”

“Tại sao? Anh biết chuyện gì rồi? Trong đoạn băng có gì?”

Robert gõ những ngón tay của bàn tay còn lại lên phần dưới vô lăng. Một nhịp điệu đều đều, suy nghĩ.

“Một kỹ thuật viên người Anh làm việc cho cơ quan của Anh tương đương Ban An toàn của chúng tôi có mặt trong phòng khi đoạn băng được mở lần đầu đã gọi điện cho một người phụ nữ mà anh ta quen biết đang làm việc cho chi nhánh đài BBC ở Birmingham. Có vẻ như anh ta đã ra tuyên bố về đoạn băng. Tôi không biết rõ động cơ của anh ta, hoặc cô ta, khi tiết lộ chuyện này, nhưng chúng ta chỉ có thể phỏng đoán. CNN đang đưa lại tin của BBC. Vì vậy đây là tin từ nguồn thứ tư rồi.”

“Nhưng có thể nó là thật.”

“Có thể nó là thật.”

Kathryn đổi tư thế ngồi, nhấc đầu gối lên để eo không bị vặn quá nhiều. Cô khoanh tay trước ngực.

Robert lấy ra một tờ giấy trắng bóng từ túi áo. Anh ta đưa bản fax cho cô.

“Đây chính xác là bản tin được đọc trên CNN,” anh ta nói.

Bản fax rất khó đọc. Những chữ viết hoa, trong đó có

vài chữ có đuôi, bơi trước mặt cô. Cô cố gắng tập trung vào một câu, để bắt đầu từ đầu.

CNN vừa nhận được tin rằng một nguồn tin thân cận trong cuộc điều tra chuyến bay Vision 384 cho biết CVR – máy ghi âm giọng nói buồng lái – có thể, chúng tôi nhấn mạnh là có thể, tiết lộ một cuộc cãi cọ giữa Cơ trưởng Jack Lyons, một chuyên gia bay mười một inh nghiệm tại Vision, với Kỹ sư chuyến bay người Anh Trevor Sullivan ngay trước khi chiếc máy bay T-900 phát nổ. Theo các tuyên bố chưa được kiểm chứng, một tai nghe bị hỏng đã khiến Sullivan kiểm tra túi bay của Cơ trưởng Jack Lyons sau khi máy bay cất cánh được năm mươi tám phút. Vật mà Sullivan lấy ra từ túi bay có thể, lần nữa chúng tôi xin nhấn mạnh là có thể, là nguyên nhân gây ra vụ nổ xé toạc chiếc T-900, làm một trăm lẻ bốn hành khách và phi hành đoàn thiệt mạng. Ngoài ra, nguồn tin cho hay đoạn rã băng vài giây cuối cùng của chuyến bay Vision 384 có thể cho thấy đã xảy ra xô xát giữa Cơ trưởng Lyons và Kỹ sư chuyến bay Sullivan, và Sullivan đã thốt lên vài tiếng chửi thề.

Daniel Gorzyk, một người phát ngôn của Ban An toàn, sáng nay quyết liệt bác bỏ những cáo buộc này, gọi đó là thông tin sai lạc ác ý và vô trách nhiệm. Báo cáo này, chúng tôi xin nhắc lại, đến từ một nguồn không nêu tên khẳng định mình có mặt khi đoạn băng từ CVR được mở. Thiết bị CVR này, như chúng tôi đã thông báo khi nãy, được tìm thấy vào tối hôm qua ở vùng biển ngoài khơi Malin Head, thuộc nước Cộng hòa Ireland...

Kathryn nhắm mắt lại, ngả người ra lưng ghế.

“Như vậy nghĩa là sao?” cô hỏi.

Robert liếc nhìn lên mui xe.

“Thứ nhất, chúng ta còn không biết nó có thật hay không. Ban An toàn đã ra tuyên bố chỉ trích mạnh mẽ. Người làm rò rỉ thông tin này hẳn đã bị sa thải. Họ không nêu tên anh ta, và anh ta cũng không lộ diện. Thứ hai, ngay cả khi nó là thật, thì nó cũng không chứng minh được điều gì. Hay có ý nghĩa gì. Không hẳn.”

“Nhưng nó có,” Kathryn nói. “Đã có chuyện gì đó xảy ra.”

“Đã có chuyện gì đó xảy ra,” Robert nói.

“Ôi, Chúa ơi.”

CHƯƠNG 8

Cô dán mắt vào quầy bếp, vào đống nồi niêu đầy dầu mỡ, ly tách, khay nướng dính bột bánh, đống rau thối trông phát ngán trong bồn rửa, máy rửa bát còn nguyên bát đĩa sạch và phải được lấy ra hết trước khi cô bắt tay dọn dẹp quầy bếp. Cô nghe thấy tiếng gõ lách cách, lách cách của bàn phím máy tính vọng xuống từ trên lầu, rồi sau đó là tiếng khởi động kết nối internet.

Cô nhìn xuống chiếc váy dạ mình đang mặc, chiếc quần tất màu đen, đôi giày vải mềm. Chiều nay, cô bận tập dượt với ban nhạc sau giờ học nên về nhà muộn. Ba người ăn tối trong im lặng – không hẳn vì kiềm nén, cô nghĩ, mà vì quá mệt. Sau đó Jack đi lên phòng làm việc, Mattie về phòng để tập thổi kèn clarinet. Kathryn ở lại nhà bếp.

Cô đi lên cầu thang, đến phòng làm việc của Jack rồi lặng lẽ đứng cầm ly rượu, tựa lưng vào khung cửa. Cô không nghĩ sẵn đoạn đối thoại mạch lạc nào trong đầu, chỉ

là những suy nghĩ đứt đoạn, những câu chữ dở dang. Những cụm từ bực dọc.

Có lẽ cô có quá nhiều điều chất chứa trong lòng.

Jack ngước lên nhìn cô, mặt thoáng vẻ lúng túng. Anh đang mặc áo sọc ca rô và quần jean. Anh mới tăng cân dạo gần đây, khoảng năm kí lô. Anh hay béo lên mỗi khi lơ là chuyện sức khỏe.

- Có chuyện gì vậy? cô hỏi.

- Chuyện gì?

- Ý em là, anh về nhà sau khi đi vắng năm ngày. Em chẳng thấy anh đâu cả. Anh chẳng nói một lời nào lúc ăn tối. Anh không nói chuyện với Mattie. Rồi sau đó, đùng một phát, anh biến mất, bỏ em lại với đống bát đĩa.

Trông anh có vẻ ngạc nhiên trước lời cáo buộc , và thực ra, cô cũng thế. Anh chớp mắt. Anh xoay đầu sang thứ đang khiến anh chú ý trên màn hình.

- Ngay cả bây giờ, anh cũng không thể chú ý đến những gì em đang nói. Có cái khỉ gió gì hay ho trên máy tính vậy?

Anh rời tay khỏi bàn phím rồi tựa cùi chỏ lên chỗ gác tay trên ghế.

- Chuyện này là sao? anh hỏi.

- Là anh đấy, cô đáp. - Và em.

- Rồi sao nữa?

- Chúng ta không còn như trước, cô nói. - Chúng ta *không còn* nữa. Cô nhấp một ngụm rượu.

- Anh không còn như xưa nữa, cô nói tiếp. - Lúc trước anh lúc nào cũng... em không biết nói sao... lãng mạn. Lúc nào anh cũng khen em. Em không nhớ lần cuối cùng anh khen em đẹp là khi nào.

Môi cô run run. Cô nhìn đi chỗ khác. Lúc đó cô nghe thấy giọng nói của mẹ cô, ai oán từ phòng ngủ trên lầu ở nhà bà Julia, và cô cảm thấy khó chịu trong người. Giọng cầu xin khẩn khoản của mẹ cô, van nài chồng hãy khen mình đẹp. Kathryn tự hỏi phải chăng đoạn đối thoại ghê tởm này đã nằm sẵn ở đấy chờ cô? Như một lời nguyền khủng khiếp?

Cô lưỡng lự. Nhưng cô không thể bỏ qua chuyện này. Từ nhiều tháng nay, Jack đã trở nên xa cách, hồn anh như đang ở tận đâu đâu, như lúc nào cũng bận tâm chuyện gì đó. Nếu là bận tâm chuyện gì thì vẫn có thể chấp nhận được, Kathryn nghĩ, với điều kiện mối bận tâm đó có thời hạn.

- Chúa ơi, cô nói, giọng cao hơn một chút. - Mấy tháng rồi chúng ta không ra ngoài ăn tối. Anh suốt ngày lên đây cắm mặt vào chiếc máy tính đó để làm việc. Còn không thì chơi game. Chẳng biết anh làm gì với nó nữa.

Anh ngả lưng ra ghế.

Người đàn ông có thể đưa ra câu trả lời nào trước cáo buộc rằng gần đây anh ta không khen vợ mình đẹp? cô tự hỏi. Rằng anh ta quên nói? Rằng thật ra anh ta luôn nghĩ như thế, chỉ có điều không nói ra mà thôi? Rằng anh ta nghĩ trông vợ mình đẹp một cách tuyệt vọng ngay ở giây phút đó?

Đó là vấn đề thường gặp khi cãi nhau, Kathryn tự nhủ.

Ngay cả khi ta biết những lời mình đang nói là vô cùng tồi tệ, nhưng đến một lúc nào đó, ta không thể rút chúng lại được nữa. Không thể lùi lại, không thể rút lui. Cô đã bước qua nó, và trong một tích tắc Jack đã chạm tới nó.

- Khốn nạn, anh nói khẽ, rồi đứng dậy.

Kathryn rùng mình. Cô lập tức nhận ra điều mà cô không nhận ra trước đó (khi cô đang giận dữ một cách chính đáng), Mattie đang ở trong phòng cuối hành lang.

- Anh nói nhỏ thôi, Kathryn nói.

Jack chống nạnh. Mặt anh đỏ bừng, phản xạ mỗi lần anh nổi nóng, mà anh vốn ít khi nổi nóng. Họ không thường cãi nhau.

- Khốn nạn, anh nói lại lần nữa. Lần này bằng giọng lớn hơn, dù vẫn kiềm chế. - Tôi làm việc quần quật năm ngày không nghỉ. Tôi về nhà chỉ mong được một giấc ngủ ngon. Tôi lên đây để thư giãn một chút trên máy tính. Chưa kịp chớp mắt thì cô đã lên đây lải nhải rồi.

Anh về nhà để có một giấc ngủ ngon ư? cô hỏi, vẻ hoài nghi.

- Cô biết tôi muốn nói gì mà.

- Chuyện này không chỉ xảy ra tối nay, cô nói. - Nó xảy ra nhiều tháng nay rồi.

- Nhiều tháng?

- Phải.

- Chính xác thì chuyện gì xảy ra nhiều tháng nay?

- Anh không ở đây. Anh quan tâm đến cái máy tính hơn là quan tâm đến em.

- Khốn nạn, anh nói, lao qua cô về phía cầu thang. Cô nghe tiếng anh đi xuống các bậc thang như đang chạy. Cô nghe tiếng tủ lạnh mở, tiếp đó là tiếng khui lon bia.

Khi cô xuống nhà bếp, anh đang nốc bia ừng ực. Anh dằn mạnh lon bia xuống quầy rồi nhìn ra ngoài qua cửa sổ nhà bếp.

Cô quan sát khuôn mặt nhìn nghiêng của anh, khuôn mặt yêu dấu, cổ căng ra khiêu chiến, khiến cô bất an. Cô muốn nhượng bộ, muốn đến bên anh và nói cô xin lỗi, muốn vòng tay ôm anh và nói cô yêu anh. Nhưng trước khi làm thế, cô lại nghĩ đến cảm giác bị bỏ rơi, vì đó là điều cô muốn nói đến, và thế là cảm giác ăn năn nhanh chóng biến thành buồn bực. Tại sao cô phải lùi bước?

- Anh không còn nói chuyện với em nữa, cô nói. - Em cảm thấy như em không còn biết gì về anh nữa.

Cằm anh hơi chìa ra trước, anh đang nghiến chặt răng. Anh ném lon bia vào bồn rửa. Nó kêu lanh canh khi va vào đống bát đĩa chưa rửa.

- Cô muốn tôi đi phải không? anh nhìn cô, hỏi.

- Đi?

- Ừ, cô muốn kết thúc hay sao

- Không, em không muốn kết thúc, cô nói, bất ngờ. – Anh đang nói gì vậy? Anh điên rồi.

- Tôi điên ư?

- Đúng, anh điên rồi. Em chỉ nói là anh dành hết thời gian cho máy tính, và anh...

- Tôi điên ư? anh lặp lại, lần này lớn tiếng hơn.

Khi anh lao qua cô để lên lầu, cô cố nắm lấy cánh tay anh, nhưng anh hất cô ra. Trong nhà bếp, cô đứng bất động như tượng đá, lắng nghe tiếng bước chân giận dữ của anh trên bậc thang, nghe tiếng cửa phòng làm việc của anh đóng sầm lại, nghe những tiếng thình thịch của đồ vật bị di chuyển mạnh tay trên bàn, nghe tiếng dây bị giật đứt.

Anh sẽ bỏ cô đi và đem theo máy tính?

Sau đó, cô kinh hoảng nhìn thấy màn hình máy tính bị ném xuống cầu thang.

Màn hình đâm thủng tường thạch cao ở chân cầu thang. Những miếng nhựa xám và kính ám khói từ màn hình bay tung tóe, vương vãi trên cầu thang và sàn nhà bếp. Một cú đập ngoạn mục, ồn ào và kịch tính.

Kathryn thốt lên một tiếng rên khẽ, biết rằng mọi việc đã đi quá xa và cô là người gây ra chuyện này, là người đã chọc tức anh.

Sau đó cô nghĩ đến Mattie.

Khi Kathryn bước qua khỏi màn hình bị đập nát lên đến đầu cầu thang, Mattie đang đi ra hành lang, mặc pijama.

- Có chuyện gì vậy? Mattie hỏi, dù Kathryn nhận thấy con bé đã biết. Đã nghe

Trông Jack đầy vẻ hối hận khi hành động điên rồ như trẻ con trước mặt con mình.

- Mattie à, Kathryn nói. - Bố ném máy tính xuống cầu thang. Dưới đấy rất lộn xộn. Nhưng mọi việc ổn rồi.

Mattie đưa mắt nhìn cả hai, ánh mắt nghiêm nghị mà vợ chồng cô không thể trốn tránh, dù con bé chỉ mới mười một tuổi. Nhưng Kathryn nhận ra trên mặt con gái rằng sự giám sát đầy oai lực ấy đang tranh đấu quyết liệt với nỗi khiếp sợ.

Jack quay sang Mattie và ôm con vào lòng. Hành động đó đã nói lên tất cả, Kathryn nghĩ. Không thể giả vờ như chuyện đó chưa xảy ra. Chỉ có điều không nói thành tiếng thì có lẽ tốt hơn.

Sau đó Jack đưa tay ra và kéo Kathryn lại gần, cả ba đứng ở hành lang, vừa lắc lư, vừa khóc, vừa nói xin lỗi, vừa hôn nhau, ôm nhau, rồi sau đó lùi lại, vừa cười vừa lau nước mắt quẹt nước mũi, và Mattie xung phong đi lấy khăn giấy Kleenex.

***

Đêm hôm đó, Kathryn và Jack làm tình như chưa từng làm trong nhiều tháng - ngấu nghiến, như đang diễn nốt phần còn lại của một cảnh phim, miệng há hốc, những cái cắn nhẹ, đùi quyện vào nhau và cổ tay quấn lấy nhau. Và động lực mãnh liệt của đêm hôm đó đã làm thay đổi, dù chỉ một lúc, những thói quen hàng ngày trong cuộc hôn nhân của họ, khiến họ thường xuyên nhìn vào mắt nhau hơn khi đi ngang qua nhau trên hành lang, cố gắng nói một câu ý nghĩa, và hôn nhau nồng nhiệt hơn mỗi khi gặp mặt, trong nhà hoặc đứng bên ngoài xe hoặc thậm chí, một đôi lần, ở chốn công cộng, và điều đó khiến Kathryn vui sướng. Nhưng chỉ một thời gian sau, tất cả điều đó cũng trôi qua, cô và Jack lại trở lại như bình thường, như vẫn

thế trước đây, có nghĩa là họ, như mọi cặp vợ chồng mà Kathryn từng biết, sống trong trạng thái giảm dần yêu đương từng chút một, dù rất nhỏ, so với ngày hôm trước.

Và điều đó có nghĩa là, xét một cách toàn diện, cô nghĩ, cuộc hôn nhân của họ rất tốt đẹp.

CHƯƠNG 9

Trong đời cô chưa từng thấy cái gì như thế - kể cả trên tivi hoặc phim ảnh, khi sự chú ý, giờ thì cô đã hiểu, mất đi tính gần gũi, sự hào nhoáng sặc sỡ, vẻ uy hiếp. Dọc đường bờ biển, trước cả khi cô và Robert về đến đường mòn vào nhà, rất nhiều xe ô tô và xe tải đã đỗ chật kín, bánh xe tải cắm xuống lớp cát ở vệ đường. Kathryn nhìn thấy tên của các đài truyền hình trên xe tải, WBZ, WNBC, CNN, một người đàn ông đang vừa cầm máy quay phim vừa chạy với một cái giá đỡ máy phức tạp trên vai. Mọi người bắt đầu đổ dồn ánh mắt về chiếc xe, cố nhìn cho được người bên trong. Robert ngồi thu mình trước vô lăng, tựa như họ sẽ bị tấn công bất cứ lúc nào. Kathryn cưỡng lại cảm giác thôi thúc quay đầu đi nơi khác hoc đưa tay lên che mặt.

"Anh nhắc giúp tôi tại sao chúng ta làm việc này?" cô hỏi, giọng đanh lại, môi gần như không cử động.

Các phóng viên và quay phim đã chen chúc nhau trước cánh cổng gỗ quấn kẽm gai. Cô và Jack không hề chọn cánh cổng đó; nó là vật còn sót lại từ thời tu viện. Kỳ thực, Kathryn còn thấy bất ngờ khi cánh cổng vẫn còn dùng được: Jack và cô chưa bao giờ có ý định gắn chặt nó lại.

"Chúng tôi sẽ cử người đến nhà bà của cô," Robert nói.

“Bà Julia sẽ không thích thế đâu.”

“Tôi e trong trường hợp này bà cụ không có lựa chọn. Sau này, có lẽ cụ sẽ cám ơn tôi vì đã làm thế.”

Anh ra dấu về phía đám đông bên ngoài chiếc xe.

“Bọn họ sẽ tràn lên bãi cỏ nhà Julia trước khi bà cụ kịp chớp mắt.”

“Tôi không muốn họ bén mảng đến gần Mattie,” Kathryn nói.

“Trông cụ Julia rất đáng sợ,” Robert đáp. “Tôi nghĩ mình không dám đi qua trước mặt cụ ấy.”

Một người đàn ông đập mạnh vào cửa kính xe, khiến Kathryn giật bắn mình. Robert cho xe tiến về trước, cố gắng đến gần cánh cổng. Anh nhìn qua kính chắn gió, tìm kiếm một cảnh sát, và gần như ngay lập tức, chiếc xe bị bao vây, tiếng đàn ông đàn bà hét ầm ĩ qua lớp kính.

“Bà Lyons, bà có nghe đoạn băng chưa?”

“Có phải là bà ấy không? Wally, có phải là bà ấy không?”

“Tránh ra, để tôi thấy rõ mặt bà ấy nào.”

“Bà có bình luận không, thưa bà Lyons? Bà có nghĩ đó là tự sát không?”

“Ai đang đi cùng bà ấy vậy? Jerry, đó có phải là người của hãng hàng không không?”

“Bà Lyons, bà giải thích thế nào...?”

Kathryn cảm thấy những giọng nói như tiếng chó sủa. Những cái miệng trông như bị phóng to, nhễu nhão nước dãi, những sắc màu xung quanh cô trồi lên rồi hạ xuống. Cô chợt nghĩ phải chăng mình sắp ngất. Làm sao cô có thể trở thành tâm điểm của quá nhiều sự chú ý, trong khi cô chỉ là một con người sống cuộc đời bình thường nhất trong những hoàn cảnh bình thường nhất?

"Chúa ơi," Robert thốt lên khi một ống kính máy quay phim va mạnh vào cửa xe. "Gã đó vừa tự làm vỡ máy quay của mình.

Ngồi thẳng lên để nhìn rõ đám đông phía trước, Kathryn trông thấy Burt Sears, người đàn ông có tướng dong dỏng cao thời trai trẻ, nhưng nay lưng đã còng, đang đi đi lại lại phía sau cánh cổng. Ông ta chỉ mặc nửa bên trên của bộ đồng phục, có vẻ như không kịp tìm thấy cả bộ trong lúc vội vã ra khỏi nhà. Kathryn vẫy tay qua lớp kính xe, cố làm ông ta chú ý, nhưng trông Burt như bị choáng, hai mắt không tập trung, và chẳng thể làm gì khác ở bên này cánh cổng như Kathryn và Robert đang bất lực ở bên kia. Ông ta chậm chạp vung tay thành hình tròn với vẻ thiếu tự tin, như đang điều khiển giao thông nhưng lại không giỏi việc này.

"Là Burt đấy," cô nói. "Ông ấy đang đứng sau cánh cổng. Ông ấy về hưu rồi, nhưng được gọi lại để làm việc này."

"Cô lái đi," Robert nói. "Nhớ khóa cửa sau khi tôi xuống. Ông ấy họ gì?"

"Sears."

Với một chuyển động thuần thục, nhanh đến mức chưa

nhìn thấy đã kết thúc, Robert bước ra khỏi xe và đóng sầm cửa lại. Kathryn lóng ngóng trườn qua bộ cần số sang ghế tài xế và khóa cửa lại. Cô nhìn Robert đút tay vào túi áo choàng rồi len lỏi qua đám phóng viên và quay phim. Anh gọi tên *Burt Sears* to đến nỗi mọi người đều dừng lại để nhìn người đang rẽ đám đông bước tới. Kathryn bắt đầu cho xe tiến vào khoảng trống mà Robert đã tạo ra khi anh đi về phía trước.

Điều gì sẽ xảy ra, cô tự hỏi, nếu bức tường người trước mặt cô không chịu tách ra?

Cô nhìn Robert mở cổng. Nhìn đâu cô cũng thấy máy quay phim, đàn bà mặc vest, đàn ông mặc áo gió màu sắc sặc sỡ, song cô vẫn nhích từng chút một về trước, tiến đến cánh cổng theo bàn tay kiên quyết của Robert. Cô thoáng lo đám đông sẽ theo cô vào nhà, giống như một đoàn đưa tang - một đoàn đưa tang ghê tởm với bà góa kẹt trong xe, như con bọ dưới kính hiển vi. Nhưng một quy tắc bất thành văn, quy tắc mà cô không biết đến và cũng chẳng hiểu nổi, đã khiến đám đông dừng lại sau cánh cổng trong khi họ hoàn toàn có thể tràn qua Burt và Robert. Sau khi đã vào trong sân, cô dừng

"Đi," Robert ra lệnh, chui vào xe.

Hai tay run rẩy, cô nổ máy và bắt đầu cho xe nhích về trước.

"Không, ý tôi là *ra khỏi xe,*" Robert nói cộc lốc.

***

Cô đã nghĩ, khi mới nhìn thấy đám đông trước cổng, rằng ngôi nhà sẽ là nơi trú ẩn nếu Robert và cô có thể đến được đó. Nhưng cô nhanh chóng nhận ra sự thật không

phải như vậy. Có bốn chiếc xe mà cô chưa thấy trước đó đang đỗ trên đường mòn vào nhà, một chiếc đỗ cẩu thả, cửa còn mở, tiếng chuông báo hiệu kêu inh ỏi trong xe. Bốn chiếc xe đồng nghĩa với ít nhất từng ấy người lạ.

Cô tắt máy xe.

"Cô không cần phải làm việc này bây giờ," anh ta nói.

"Nhưng sớm muộn gì cũng phải làm thôi," cô đáp.

"Có thể."

"Tôi có nên gọi luật sư không?"

"Liên đoàn đang lo chuyện này." Anh ta đặt tay lên vai cô. "Chỉ cần đừng đưa ra những câu trả lời mà cô tuyệt đối không chắc chắn."

"Tôi chẳng chắc chắn về chuyện gì cả," cô đáp.

Họ đang ở trong nhà bếp và phòng khách, những người đàn ông mặc đồng phục đen và vest màu tối, Rita mà cô đã gặp hôm qua đang mặc vest màu xám nhạt. Một người đàn ông cao to đeo kính gọng oval và vuốt gel ướt tóc tiến đến chào Kathryn trước tiên. Cô nhận ra cổ áo đâm vào cổ của ông ta, và mặt ông ta rất xúc động. Ông ta di chuyển lắc lư, như những người nặng nề, bụng đi trước người bước theo sau.

"Chào chị Lyons," ông ta nói, chìa tay ra. "Tôi là Dick Somers."

Cô để ông ta nắm tay cô. Cái bắt tay của ông ta rất quyết đoán và ẩm ướt. Điện thoại đổ chuông, và cô thấy nhẹ nhõm khi Robert không phải để cô trả lời.

“Ông đến từ...?” Kathryn hỏi.

“Tôi là điều tra viên của Ban An toàn. Cho phép tôi nói rằng tôi rất lấy làm tiếc, tất cả chúng tôi đều lấy làm tiếc, trước sự mất mát khủng khiếp của chị.”

Kathryn nghe thấy một giọng nam trầm đều trên tivi ở phòng khách.

“Cám ơn ông,” cô đáp.

“Tôi biết đây là thời điểm khó khăn cho chị và con gái chị,” ông ta nói tiếp.

Khuôn mặt cô hẳn đã hiện lên vẻ cảnh giác trước từ *con gái*, vì cô thấy ông ta nhanh chóng nhìn lướt khắp người cô.

“Nhưng tôi phải hỏi chị một số câu,” ông ta nói.

Trên quầy bếp có những cốc cà phê bằng nhựa xốp, hai hộp bánh donut Dunkin màu hồng tươi trên bàn. Kathryn chợt thèm ăn donut khủng khiếp, một chiếc donut trơn nhúng vào cà phê nóng, tan ra trong cà ph khi cô đưa vào miệng. Cô nhớ lại mình chưa ăn gì trong ba mươi sáu giờ qua.

“Đồng nghiệp của tôi, Henry Boyd,” Somers nói, giới thiệu một người đàn ông trẻ hơn, có ria mép màu vàng.

Cô bắt tay người đồng nghiệp.

Bốn người đàn ông khác tiến đến để được giới thiệu, họ mặc đồng phục Vision, mũ kẹp dưới cánh tay, bộ đồng phục, với những chiếc nút mạ vàng và sự quen thuộc của nó, khiến Kathryn khó thở. Họ đến từ hãng hàng không, từ

văn phòng cơ trưởng, họ nói, và Kathryn nghĩ những lời chào hỏi này thật kỳ lạ, những sự tử tế này, những lời chia buồn này, những lời chia buồn đầy thận trọng, trong khi tất cả họ đều hiện lên sự chờ đợi căng thẳng rõ mồn một.

Một người có tóc cắt ngắn tiến lên cao hơn những người còn lại.

"Chị Lyons, tôi là Cơ trưởng Bill Tierney," ông ta nói. "Chúng ta có nói chuyện một chút trên điện thoại hôm qua."

"Vâng," cô đáp.

"Cho phép tôi lần nữa bày tỏ sự đau buồn sâu sắc của tôi và toàn thể hãng hàng không về sự ra đi của chồng chị, về sự mất mát của riêng chị. Anh ấy là một phi công xuất sắc, một trong những phi công giỏi nhất của chúng tôi."

"Cám ơn ông," cô đáp.

Những từ *đau buồn sâu sắc* dường như trôi bồng bềnh trong không khí nhà bếp. Cô tự hỏi tại sao tất cả những từ ngữ biểu thị sự chia buồn đều nghe có vẻ quá uể oải, quá giống nhau. Chẳng lẽ không còn cách nói nào khác để bày tỏ sự đau buồn sao? Hay sự trịnh trọng mới là điểm mấu chốt? Cô nghĩ đến chuyện cơ trưởng đã phải hình dung bao nhiêu lần cảnh ông ta nói những lời này với vợ góa của các phi công, có lẽ đã phải tập nói trước ở nhà. Từ trước đến nay, hãng hàng không còn khá mới này chưa bao giờ xảy ra chết người.

"Ông có thể nói gì với tôi về đoạn băng?" cô hỏi cơ trưởng.

Tierney bặm môi và lắc đầu.

“Chưa có thông tin nào về đoạn băng được tiết lộ một cách chính thức,” Somers đáp, tiến lên một bước.

“Tôi hiểu điều đó,” Kathryn nói, quay sang điều tra viên. “Nhưng ông *biết*chuyện gì đó, phải không? Ông *biết* trong băng có gì.”

“Không, tôi e rằng tôi không biết,” ông ta đáp.

Nhưng sau gọng kính, ánh mắt của điều tra viên lộ vẻ lẩn tránh và ma mãnh.

Kathryn đứng ở giữa nhà bếp, mặc quần jean, áo khoác và mang bốt, trở thành đối tượng bị soi mói. Cô cảm thấy thoáng ngượng ngùng, như vừa phạm phải một sai lầm ứng xử nghiêm trọng.

“Trong các ông có một người quên đóng cửa xe,” cô nói, ra dấu về hướng đường mòn vào nhà.

“Sao chúng ta không ra phòng khách ngồi nhỉ?” Somers đề nghị.

***

Cảm thấy lạ lẫm với chính ngôi nhà của mình, Kathryn bước vào phòng khách và nheo mắt trước ánh sáng rọi vào từ sáu chiếc cửa sổ hình thuôn. Chỉ còn một chỗ ngồi, một chiếc ghế bành khổ lớn nhìn ra cửa sổ, ghế của Jack, không phải của cô, và cô cảm thấy bé nhỏ khi đứng trước hai tay vịn của chiếc ghế. Bấy giờ cô mới nhận ra tivi đã được tắó vẻ như Somers là người chủ trì. Ông ta đứng trong khi tất cả mọi người đều ngồi.

"Tôi sẽ chỉ hỏi chị một hoặc hai câu thôi," ông ta vừa nói vừa đút tay vào túi quần. "Sẽ mất không đến một phút. Chị có thể cho chúng tôi biết chồng chị cư xử thế nào trước khi ra sân bay vào hôm chủ nhật được không?"

Kathryn thấy không ai lấy máy ghi âm ra hoặc viết gì xuống cả. Phong cách của Somers có vẻ cực kỳ thoải mái. Vậy đây không thể là cuộc vấn đáp chính thống, phải không nhỉ?

"Cũng chẳng có gì nhiều để kể," cô đáp. "Như thường lệ. Jack đi tắm lúc khoảng bốn giờ chiều, mặc đồng phục, đi xuống cầu thang, rồi đánh bóng giày."

"Lúc đó chị ở đâu?"

"Tôi gặp anh ấy trong nhà bếp. Để chào tạm biệt."

Hai tiếng *tạm biệt* làm dấy lên một nỗi buồn, cô cắn môi. Cô cố gắng nhớ lại ngày chủ nhật, ngày cuối cùng Jack ở nhà. Thỉnh thoảng cô có những ký ức rời rạc, những giấc mơ đứt quãng, như những ánh bạc lóng lánh trong đêm tối. Cô có cảm giác như đó là một ngày bình thường, chẳng có gì đặc biệt. Cô nhìn thấy Jack đặt chân lên hộc tủ kéo ra, tay cầm chiếc khăn kẻ ca rô màu xanh đã cũ khi cô đi ngang qua nhà bếp để đến phòng giặt. Cánh tay anh, như dài hơn dưới sức nặng của chiếc túi khi anh đi từ nhà ra xe. Anh đã nói câu gì đó từ xa. Lúc đó cô đang cầm chiếc khăn. *Nhớ gọi điện cho Alfred nhé. Hẹn ông ta thứ sáu.*

Anh đã đánh bóng giày. Anh đã rời khỏi nhà. Anh sẽ về nhà, như anh nói, vào thứ ba. Cô đang đứng bất động tại cửa, cảm thấy hơi khó chịu vì anh không tự làm việc ấy. Gọi điện cho Alfred.

“Theo chị biết, hôm đó Jack có gọi điện cho ai không?” Somers hỏi. “Có nói chuyện với ai không?”

không biết,” cô đáp.

Cô tự hỏi: Liệu Jack có thể nói chuyện với ai khác vào hôm đó không? Tất nhiên là có thể lắm. Không biết chừng anh có thể đã nói chuyện với hai mươi người.

Robert khoanh tay trước ngực. Trông như anh đang thích thú săm soi chiếc bàn cà phê. Trên bàn có những quyển sách nghệ thuật, một chiếc đĩa bằng đá mà Jack và cô đem về từ Kenya, một chiếc hộp tráng men từ Tây Ban Nha.

“Thưa chị Lyons,” Somers nói tiếp. “Chồng chị có biểu hiện cáu bẳn hoặc trầm cảm trong ngày hôm đó hoặc đêm hôm trước không?”

“Không. Không có gì bất thường cả. Tôi chỉ nhớ là hôm đó vòi sen bị rỉ nước, và chuyện đó có làm anh ấy bực mình một chút, vì chúng tôi mới sửa lại. Tôi nhớ anh ấy dặn tôi gọi điện cho Alfred.”

“Alfred là ai?”

“Alfred Zacharian. Thợ sửa ống nước.”

“Và anh ấy dặn chị gọi điện cho Alfred khi nào?”

“Thật ra là hai lần. Một lần ở trên lầu, khoảng mười phút trước khi anh ấy đi làm. Lần thứ hai là khi anh ấy đi ra xe.”

“Jack có uống rượu trước khi lái xe ra sân bay không?”

“Đừng trả lời câu đó,” Robert nói, hơi chồm về trước

trên sofa.

Kathryn bắt chéo chân và nhớ lại chai rượu vang cô và Jack đã uống trong bữa tối thứ bảy rồi uống tiếp sau khi ăn tối, và cô nhanh chóng tính toán số giờ từ lần cuối cùng anh uống rượu đến khi bay. Ít nhất mười tám giờ. Như vậy thì không sao. Người ta hay nói thế nào nhỉ? Mười hai giờ từ l đến lúc lái xe?

"Không sao đâu," cô nói với Robert. "Chẳng uống gì cả," cô nói với Somers.

"Chẳng uống gì cả?"

"Chẳng uống gì cả."

"Chị có xếp quần áo vào vali cho anh ấy không?" ông ta hỏi.

"Không, tôi không bao giờ làm việc đó."

"Còn túi bay của anh ấy?"

"Không. Tuyệt đối không. Thật tình là tôi chưa bao giờ nhìn xem trong túi có gì."

"Chị có thường lấy quần áo ra khỏi vali anh ấy không?"

"Không. Đó là nhiệm vụ của Jack. Anh ấy tự lo vali túi xách của mình."

Cô nghe những từ đó, *tự lo*. Thì hiện tại.

Cô nhìn quanh một lượt những người đàn ông trong phòng, họ đều đang quan sát cô chăm chú. Cô tự hỏi phải chăng hãng hàng không cũng muốn thẩm vấn mình. Cô nghĩ có lẽ nên mời luật sư đến lúc này. Nhưng nếu đúng là

vậy, thì chẳng phải Robert đã nói rồi sao?

“Chồng chị có bạn bè thân thiết ở Vương quốc Anh không?” Somers hỏi. “Anh ấy có thường xuyên nói chuyện với ai ở đó không?”

“Ở Vương quốc

“Ở Anh.”

“Tôi biết Vương quốc Anh nghĩa là gì,” cô đáp. “Tôi chỉ không hiểu câu hỏi đó có liên quan gì thôi. Anh ấy quen biết rất nhiều người ở Anh. Anh ấy bay cùng họ mà.”

“Chị có nhận thấy những khoản rút hoặc gửi tiền bất thường nào trong tài khoản của chị không?” Somers hỏi.

Cô thắc mắc họ đang muốn lái câu chuyện đến đâu, tất cả những điều này có ý nghĩa gì. Cô cảm thấy mặt đất dưới chân chuyển động, tựa như bất cứ lúc nào cô cũng có thể bước hụt chân xuống vực thẳm.

“Tôi không hiểu,” cô nói.

“Trong vài tuần vừa qua, hoặc vào bất cứ lúc nào, chị có nhận thấy khoản rút hoặc nạp tiền bất thường nào trong tài khoản ngân hàng của chị không?”

“Không.”

“Trong vài tuần qua chị có nhận thấy hành vi bất thường nào ở chồng chị không?”

Cô phải trả lời câu hỏi này, vì Jack. Cô muốn trả lời nó.

“Không,” cô đáp.

“Không có gì bất bình thường à?”

“Không có gì.”

Rita, từ hãng hàng không, bước vào phòng, và những người đàn ông ngước lên nhìn cô ta. Dưới lớp áo vest của cô ta là một chiếc áo lụa cổ tròn. không nhớ nổi lần cuối cùng mình mặc vest là khi nào. Ở trường, hầu như lúc nào cô cũng mặc quần tây và áo len, thỉnh thoảng áo khoác, đôi lúc mặc quần jean và mang bốt khi trời xấu.

“Chị Lyons?” Rita nói. “Con gái chị gọi điện. Nó nói phải nói chuyện với chị ngay.”

Hoảng hốt, Kathryn lao ra khỏi ghế và đi theo Rita vào nhà bếp. Cô liếc nhìn đồng hồ trên bồn rửa: chín giờ mười bốn.

“Mattie,” cô nhấc điện thoại lên.

“Mẹ à?”

“Có chuyện gì? Mọi chuyện ổn cả chứ con?”

“Mẹ, con gọi cho Taylor khi nãy. Vì con muốn có người để nói chuyện. Và thái độ cậu ấy rất kì lạ?”

Giọng Mattie cao và đanh lại, kinh nghiệm cho Kathryn biết đó là biểu thị cho sự kiềm nén cực độ trước một cơn bộc phát tức thời. Kathryn nhắm mắt lại, áp trán vào tủ.

“Nên con hỏi cậu ấy là có chuyện gì,” Mattie nói tiếp, “và Taylor bảo trên tivi người ta nói đó là tự sát?”

Kathryn có thể hình dung khuôn mặt Mattie ở đầu dây bên kia, đôi mắt ngờ vực mở to hoảng hốt. Kathryn có thể tưởng tượng tin tức đó đã làm tổn thương Mattie thế nào,

con gái cô hẳn rất ghét phải nghe tin đấy từ Taylor. Còn Taylor, chỉ là một cô gái mới lớn, hẳn đã cảm thấy hí hửng khi là người tiết lộ tin này với Mattie. Rồi sau đó Taylor hẳn sẽ cảm thấy thôi thúc phải gọi điện cho hết thảy bạn bè của hai đứa để kể lại chi tiết phản ứng của Mattie.

"Ôi, Mattie à," Kathryn nói. "Chỉ là tin đồn thôi con. Truyền thông mà, họ nghe thấy gì là đăng tin ngay mà chẳng cần kiểm chứng. Thật kinh khủng. Thật vô trách nhiệm. Và điều đó hoàn toàn không đúng. T không đúng. Mẹ đang ở với các cô chú trong Ban An toàn của hãng hàng không đây, và họ biết vậy, nên họ kịch liệt phản bác tin đồn này."

Im lặng.

"Nhưng mẹ ơi, nếu nó là thật thì sao?"

"Nó không thật đâu con à."

"Sao mẹ biết?"

Kathryn nhận ra sự cáu gắt trong giọng nói của con gái. Không thể nhầm lẫn. Tại sao cô không nói cho con biết sự thật khi họ đi dạo vào sáng hôm đó?

"Mẹ chỉ biết vậy thôi," Kathryn đáp.

Lại im lặng.

"Có thể là thật đấy," Mattie nói.

"Mattie, con *biết* bố con mà."

"Có thể."

"Thế là sao?"

“Có thể con không biết gì về bố,” Mattie đáp. “Có thể bố không vui.”

“Nếu bố không vui thì mẹ đã biết rồi.”

“Nhưng làm sao mẹ biết là mẹ biết về một người nào đó?” nó căn vặ

Câu hỏi ấy lập tức chặn đứng màn hỏi đáp qua lại giữa họ, cho phép một đợt sóng bất an dâng lên trước mặt Kathryn. Nhưng cô biết lúc này Mattie không muốn có bất an, dù nó có thách thức mẹ bao nhiêu đi nữa. Kathryn biết chắc như thế.

“Con có thể cảm nhận được mà,” Kathryn đáp, vẻ quả quyết hơn là chắc chắn.

“Mẹ có cảm thấy là mẹ biết về con không?” Mattie hỏi.

“Khá rõ,” Kathryn đáp.

Và rồi Kathryn nhận ra cô đã mắc bẫy. Mattie rất giỏi việc này, lúc nào cũng thế.

“Thật ra thì mẹ *không biết* đâu,” Mattie nói với một giọng hài lòng xen lẫn lo âu. “Một nửa thời gian mẹ không biết con nghĩ gì.”

“Thôi được,” Kathryn nhượng bộ. “Nhưng chuyện đó khác.”

“Không, chẳng có gì khác.”

Kathryn ấn cườm tay lên trán, day day.

“Mẹ ơi, nếu đó là sự thật, thì có phải là bố đã giết

những người đó? Đó có phải là tội giết người không?”

“Con nghe thấy từ đó ở đâu vậy?” Kathryn hỏi nhanh, như thể Mattie là một đứa bé mới thốt ra một từ tục tĩu nghe được ở trường hoặc một đứa bạn. Nhưng đó là một từ *thật sự* thô tục, Kathryn nghĩ. Nó thật đáng sợ. Càng đáng sợ hơn khi thốt ra từ miệng cô con gái mười lăm tuổi của cô.

“Connghe thấy ở đâu hết mẹ ạ. Nhưng con cũng biết suy nghĩ mà, phải không?”

“Nghe này, Mattie. Con đợi một chút. Mẹ sẽ đến đó ngay.”

“Không, mẹ à. Đừng đến đây. Con không muốn mẹ đến. Con không muốn mẹ đến đây rồi cố gắng nói với con những lời dối trá để làm mọi chuyện tốt đẹp hơn. Vì bây giờ con không muốn nghe lời nói dối nào cả. Chuyện không thể tốt đẹp hơn, và con không muốn giả vờ. Con chỉ muốn được yên thân.”

Làm sao một đứa bé mười lăm tuổi lại có thể bày tỏ sự trung thực một cách thản nhiên như vậy? Kathryn tự hỏi. Sự thật là điều quá mức chịu đựng đối với nhiều người lớn. Có thể tuổi trẻ đối mặt với thực tế tốt hơn, cô nghĩ, vì có ít thời gian để che giấu, để tạo ra những câu chuyện giả tưởng.

Kathryn dằn lòng lại để không lên giọng, để át đi nỗi sợ và sự hoài nghi của con gái, nhưng kinh nghiệm mách bảo cô không nên gây áp lực với Mattie vào lúc này.

“Mẹ ơi, ở đây có nhiều người lắm,” Mattie nói. “Toàn là người lạ. Họ xuất hiện khắp nơi.”

“Mẹ biết, Mattie ạ. Họ là nhân viên an ninh để giữ cho báo chí và công chúng không lại gần nhà.”

“Mẹ nghĩ những người lạ này có muốn vào nhà không?”

Kathryn không muốn dọa cho con gái sợ hơn mức cần thiết.

“Không, mẹ nghĩ là không,” Kathryn đáp. “Nhưng báo chí có thể phiền phức lắm. Nghe này, con cứ ngồi yên đấy. Chút nữa mẹ sẽ đến.”

“Cũng được,” Mattie dửng dưng

***

Kathryn đứng yên một phút tại quầy, tay cầm điện thoại, hối tiếc vì đã chấm dứt cuộc nói chuyện. Cô nghĩ đến việc gọi lại ngay cho Mattie, cố gắng trấn an nó, nhưng Kathryn biết làm thế cũng chẳng ích gì. Cô đã học được một điều, nói chuyện với một đứa bé mười lăm tuổi đôi khi đòi hỏi người lớn phải biết nhượng bộ. Kathryn gác máy rồi đi đến cửa phòng khách. Cô tựa vào khung cửa. Cô khoanh tay trước ngực và quan sát những điều tra viên và phi công.

Trên mặt Robert hiện lên câu hỏi.

“Mọi việc ổn chứ, chị Lyons?” Somers từ Ban An toàn hỏi.

“Rất ổn,” Kathryn đáp. “Rất ổn. Trừ mỗi việc con gái tôi đang lúng túng tiếp thu ý nghĩ là bố nó có thể đã tự sát và cướp đi sinh mạng của một trăm lẻ ba người.”

“Chị Lyons...”

“Tôi có được phép hỏi ông một câu này không, ông Somers?”

Kathryn nghe thấy sự tức giận trong giọng nói của mình, một sự bắt chước giọng con gái. Có lẽ giận dữ cũng lây lan, Kathryn nghĩ.

“Vâng, tất nhiên rồi,” Somers đáp, vẻ thận trọng.

“Ngoài tự tử, các ông còn hình dung ra những tình huống nào khác, dựa theo những gì có trên CVR về lý thuyết?”

Somers có vẻ không thoải mái. “Vào lúc này tôi không thể tùy tiện thảo luận việc đó, thưa chị Lyons.”

Kathryn thả, hai bàn tay nắm lại.

“Ồ, thật sao?” cô khẽ hỏi.

Cô nhìn xuống chân, rồi nhìn lên những khuôn mặt trong phòng khách. Tất cả đều bị ngược sáng, tỏa hào quang từ cửa sổ.

“Nếu vậy thì tôi e rằng *vào lúc này* tôi không thể tùy tiện trả lời các câu hỏi của ông,” cô nói.

Robert đứng dậy.

“Thẩm vấn đến đây là hết,” cô nói.

***

Cắm cúi bước đi trên bãi cỏ, cô cúi đầu xuống để tránh gió, chân in dấu rời rạc lên lớp băng tuyết trên cỏ. Chỉ vài

phút sau, cô đã đến bờ kè biển, lớp đê chắn sóng bằng đá granite bị nước biển quét nhẵn bóng. Cô nhảy lên ngồi trên một tảng đá to bằng bồn tắm, cảm thấy người bị trượt, và nhận ra cách duy nhất để đứng thẳng là liên tục di chuyển, dừng bước không quá lâu trên mỗi tảng đá rồi lập tức nhảy sang tảng cạnh bên. Cứ như vậy, cô đến được "tảng đá phẳng", tên mà Mattie đã đặt khi nó mới năm tuổi và lần đầu tiên tìm được cách giữ thăng bằng trên bãi đá ven biển. Kể từ đó, tảng đá phẳng trở thành điểm dã ngoại yêu thích của hai mẹ con vào những ngày nắng đẹp. Kathryn nhảy từ mép tảng đá xuống bãi cát rộng nửa mét vuông nép mình dưới những tảng đá - một căn phòng lộ thiên, một nơi tránh gió, một chốn ẩn nấp. Cô quay lưng về phía ngôi nhà và ngồi xuống mặt cát ướt. Cô thò tay ra khỏi tay áo rồi vòng tay ôm ngực trong lớp áo lông vịt kéo kín.

"Mẹ kiếp," cô nói, nhìn xuống chân.

Cô để tiếng ồn trắng của nước biển lấp đầy đầu óc, tống khứ những giọng nói và khuôn mặt trong nhà đi, những khuôn mặt đeo một lớp mạng thương hại mỏng bên trên tham vọng tột độ, những khuôn mặt với những cái miệng nghiêm nghị bên dưới những đôi mắt diều hâu. Kathryn lắng nghe tiếng sỏ kêu lạo xạo dưới những con sóng rút về biển cả. Trong những viên sỏi có một kí ức, nó đang mơn trớn cô, trêu ngươi cô. Cô nhắm mắt lại, cố gắng tập trung, nhưng rồi bỏ cuộc, và vào khoảnh khắc từ bỏ đó, cô tìm ra nó. Một kí ức về bố cô và cô, hai người mặc đồ bơi, ngồi trên những viên sỏi, để cho sóng biển len vào dưới chân, đẩy lăn những hòn đá nhỏ dưới đùi và bắp chân họ. Đó là mùa hè, một ngày nóng bức, lúc đó cô được chín hay mười tuổi. Họ đang ở Fortune's Rocks, cô nhớ, và những viên sỏi cù lên da cô. Nhưng tại sao cô và bố lại ngồi trên biển mà không có bà Julia hay mẹ của cô ở đó? Có thể Kathryn nhớ đến khoảnh khắc này vì đó là một sự

kiện hiếm hoi, khi chỉ có hai bố con cô vui đùa với nhau. Ông đang cười to, cô còn nhớ, cười to với một niềm vui chân thật, không màu mè, như một đứa trẻ, trong khi ông vốn dĩ hiếm khi cười như thế. Và cô nghĩ cô cũng sẽ cười với ông và quên đi tất cả, nhưng cô bị choáng ngợp trước hình ảnh bố cô vui vẻ - vui vẻ trước mặt cô - đến nỗi cô cảm thấy lòng dâng lên một niềm tôn kính hơn là cảm giác thoải mái, và kết cục là, cô cảm thấy bối rối. Khi ông quay sang hỏi cô có chuyện gì, cô chợt mơ hồ cảm thấy mình đã làm ông thất vọng. Thế là lúc đó cô cũng cất tiếng cười, thật to, thật chân thành, hi vọng ông sẽ quên đi nỗi thất vọng, nhưng khoảnh khắc đó đã trôi qua, và ông đã nhìn ra biển tự lúc nào. Cô nhớ tiếng cười của mình nghe thật rỗng tuếch và giả tạo, cô nhớ cái quay mặt đi của bố cô, sự chìm đắm trong hồi tưởng của ông, đến nỗi cô phải gọi to lên để khiến ông chú ý.

Kathryn vẽ những vòng xoắn ốc trên cát ướt. Đó là một trong những điểm chung giữa cô và Jack, cô nghĩ: Họ là trẻ mồ côi. Không phải mồ côi theo nghĩa đen, và không phải trong suốt thời thơ ấu, nhưng họ đều bị bỏ rơi khi còn quá nhỏ để biết chuyện gì đang xảy ra với mình. Trong trường hợp của Jack, anh đã trở thành trẻ mồ côi theo nghĩa bình thường hơn. Mẹ mất khi anh chín tuổi, còn bố anh, người chưa bao giờ biểu lộ cảm xúc của mình, dường như đã khép lòng lại sau cái chết của vợ đến nỗi Jack có cảm giác mơ hồ rằng anh chỉ còn sống một mình trên cõi đời này. Trong trường hợp của Kathryn, bố mẹ cô luôn hiện diện về mặt cơ thể nhưng vắng bóng về mặt tình cảm, thậm chí không thể làm được những việc cơ bản để chăm sóc một đứa trẻ. Trong gần như suốt tuổi thơ của mình, Kathryn và bố mẹ sống với bà Julia trong ngôi nhà đá chật hẹp cách thị trấn năm cây số về phía Tây Nam. Chính bà Julia là người đùm bọc bố mẹ cô, họ bị tinh giảm biên chế khi các xí

nghiệp ở Ely Falls bắt đầu đóng cửa. Ông nội Kathryn mất khi cô mới ba tuổi, và bà Julia đã cưu mang bố mẹ cô bằng tiền buôn bán ở cửa hàng đồ cổ. Sự thỏa thuận khác thường này chẳng cải thiện được mối quan hệ giữa mẹ của Kathryn và bà Julia là bao, và đặt bà Julia ở vị thế kiểm soát mọi việc từ trong ra ngoài, điều này khiến bố của Kathryn đôi khi cũng không chịu nổi. Nhưng khi Kathryn còn bé, cô không hề gia đình mình có gì khác thường. Trong lớp học của cô, với sĩ số ba mươi hai từ lớp một rồi giảm dần từng năm cho đến khi chỉ còn lại mười tám học sinh tốt nghiệp, hầu hết những đứa trẻ khác dường như đều sống bên lề xã hội. Kathryn có những đứa bạn sống trong xe đầu kéo, hoặc không có lò sưởi vào mùa đông, hoặc nhà cửa lúc nào cũng tối om hoặc cửa chớp đóng kín suốt ngày để bố hoặc chú bác của chúng có thể ngủ ngon. Bố mẹ của Kathryn thường cãi nhau và ngày nào cũng uống rượu, mà ngay cả chuyện này cũng chẳng có gì bất thường. Điều bất thường nằm ở chỗ họ không xử sự như người trưởng thành.

Trong nhiều năm, bà Julia là người chăm lo cái ăn cái mặc cho Kathryn, dạy cô biết đọc và chơi piano, dắt cô đi học mỗi ngày. Vào buổi chiều, Kathryn thường giúp bà trông cửa hàng hoặc được đưa ra ngoài để chơi đùa. Họ cùng nhau chứng kiến những màn bi hài kịch của cuộc đời bố mẹ cô lần mở - có lẽ không phải lúc nào cũng từ xa, mà từ một nơi an toàn trong ngôi nhà cao và có hình thù kỳ dị của Julia. Trong gần suốt tuổi thơ của Kathryn, bà Julia và cô đã bị tuyển vào vai bố mẹ bất đắc dĩ của hai người là bố mẹ cô.

Khi Kathryn đi học cao đẳng và trong những lúc ngồi nghĩ ngợi ở ký túc xá tại Boston, cô đã đôi lần đinh ninh rằng mình sẽ không bao giờ có thể quay trở lại Ely được nữa, rằng cô không bao giờ còn muốn chứng kiến những

cảnh say xỉn lặp đi lặp lại không ngớt giữa bố và mẹ cô. Nhưng vào một buổi chiều ấm áp bất thường của tháng giêng khi Kathryn đang học năm thứ nhất, bố mẹ cô đã rơi xuống thác Ely Falls, hình như họ đã tìm cách băng qua đó, không hiểu vì sao, và chết đuối. Kathryn bất ngờ phát hiện ra rằng cô đã bị đau thương vây kín – như những đứa con của mình đã chết – và khi phải quay lại Boston sau đám tang kép, cô không thể rời Ely hay bà Julia được nữa.

Giờ đây Kathryn nghĩ bà Julia ít nhất đã làm tốt vai trò bố mẹ, và đó là điều may mắn cho cô.

Cô điếng người trước tiếng bước chân trên một tảng đá ở sau lưng cô. Tóc Robert bị gió thổi tung, anh đang nheo mắt.

“Tôi cứ hy vọng cô sẽ chạy trốn,” anh nói, nhảy xuống khoảnh đất được che chắn.

Cô đút tay vào túi áo khoác và cố giữ tóc khỏi bị gió thổi bay có thể nhìn thấy mặt Robert.

Anh tựa lưng vào một tảng đá rồi vuốt tóc lại ngay ngắn. Anh lấy ra một chiếc bật lửa và một gói thuốc từ túi áo măng tô. Anh xoay người tránh gió, nhưng ngay cả ở nơi trú ẩn giữa những tảng đá, anh vẫn khó khăn lắm mới châm lửa được. Cuối cùng, điếu thuốc cũng bắt lửa, và anh rít một hơi sâu, đóng chiếc bật lửa lại. Anh cho nó vào túi, và lập tức gió thổi bay đóm lửa từ điếu thuốc của anh, dọa làm nó tắt ngóm.

Liệu Robert Hart có nói thật không? cô tự hỏi. Anh ta có lấy làm vui vì cô đã bỏ chạy không? “Họ đi chưa?” cô hỏi.

“Chưa.”

“Thì sao?”

“Họ sẽ ổn thôi. Họ phải làm việc này. Tôi nghĩ thật sự họ không hy vọng cô sẽ tiết lộ chuyện gì.”

Cô tựa cùi chỏ lên hai đầu gối, cột tóc lại.

“Chúng tôi cần phải tổ chức đám tang,” cô nói.

Anh gật đầu.

“Mattie và tôi cần tưởng nhớ Jack,” cô nói. “Mattie cần tưởng nhớ bố nó.”

Và cô chợt nghĩ chuyện này đúng là như vậy. Jack cần được tưởng nhớ.

“Đó không phải là tự sát,” cô nói. “Tôi chắc chắn điều đó.”

Một con mòng biển kêu rít lên và bay về phía họ. Họ nhìn lên con chim đang chao lượn trên đầu.

“Khi tôi còn nhỏ,” cô kể, “tôi thường nghĩ rằng kiếp sau mình muốn làm mòng biển. Cho đến khi bà Julia bảo với tôi rằng chúng bẩn lắm.”

“Loài chuột của biển,” Robert nói, dùng chân gí điếu thuốc xuống cát. Anh đút tay vào túi và trông như rúc mình sâu hơn vào lớp áo măng tô. Anh đang lạnh, cô nhận thấy điều đó. Vùng da quanh mắt đã trở nên trắng bệch.

Cô vén một lọn tóc khỏi miệng mình.

“Người dân ở Ely,” cô tiếp lời, “họ nói rằng đừng bao giờ sống gần bãi biển. Vào mùa đông sẽ rất buồn thảm. Nhưng tôi chưa bao giờ thấy trầm cảm.”

“Tôi ganh tị với cô đấy,” anh nói.

“Thật ra thì, tôi đã từng trầm cảm, nhưng không phải vì biển.”

Bây giờ cô mới nhận ra dưới ánh sáng ban ngày, mắt anh có màu nâu đỏ chứ không phải màu nâu.

“Nhưng với những cánh cửa sổ thì sống gần biển là địa ngục,” cô nói thêm, nhìn về hướng ngôi nhà. “Muối biển làm mòn hết.”

Anh cúi người thấp xuống cát, nơi đó ấm hơn.

“Khi Mattie còn nhỏ, tôi rất sợ phải sống quá gần biển. Tôi phải trông chừng nó suốt ngày.”

Kathryn nhìn ra biển, nghiền ngẫm về mối nguy hiểm ngoài đó.

“Mùa hè hai năm trước, một bé gái đã chết đuối cách đây không xa. Một bé gái năm tuổi. Cô bé ở trên tàu với bố mẹ và bị sóng đánh rơi xuống biển. Tên cô bé là Wilhemina. Tôi nhớ mình đã nghĩ đó là một cái tên con gái thật cổ điển.”

Anh gật đầu.

“Khi chuyện đó xảy ra, tôi chỉ nghĩ rằng biển thật nguy hiểm, nó có thể tóm gọn một người trong tích tắc. Chuyện đó xảy ra quá nhanh, đúng không? Mới phút trước cuộc sống còn bình thường, phút sau đã không được như vậy nữa.”

“Cô là người hiểu rõ điều đó hơn ai hết.”

Cô ấn gót giày xuống cát.

“Anh đang nghĩ rằng chuyện còn có thể tồi tệ hơn nữa, phải không?” Kathryn hỏi.

“Đúng.”

“Có thể người trên máy bay là Mattie.”

“Đúng.”

“Nếu thế thì thật là không thể chịu đựng nổi. Thực tình là không chịu đựng nổi.”

Anh xoa hai bàn tay để làm sạch cát dính.

“Cô có thể đi xa, cô biết đấy, cô và Mattie.”

“Đi xa?”

“Đến Bahamas. Đến Bermuda. Trong vài tuần, đến khi việc này chìm lắng.”

Kathryn cố gắng hình dung mình ở Bermuda vào lúc này với Mattie, rồi

“Tôi không thể làm thế,” cô nói. “Như vậy họ sẽ nghĩ chuyện xảy ra với Jack là thật. Họ sẽ nghĩ chúng tôi bỏ trốn. Vả lại, Mattie sẽ không đi. Tôi không tin là nó sẽ chịu đi.”

“Một số thân nhân đã đến Ireland,” anh nói.

“Thì sao? Ở trong một nhà nghỉ với một trăm gia đình đang phát rồ khác à? Hay đi đến điểm rơi máy bay và đợi thợ lặn đem các phần thi thể lên? Không, tôi không nghĩ vậy.”

Cô lần tay trong túi áo lông vịt. Một chiếc khăn giấy Kleenex đã dùng. Tiền xu. Một thẻ tín dụng quá hạn. Vài tờ tiền lẻ. Một ống kẹo ngậm Lifesavers.

“Anh ăn không?” cô hỏi, chìa ống kẹo về trước.

“Cám ơn cô.”

Ngồi thu mình chán, anh đứng dậy trên cát, tựa lưng vào đá.

Anh ta sẽ làm hỏng áo măng tô, cô nghĩ.

“Ở đây đẹp thật,” anh nói. “Phần đẹp đẽ của thế giới.”

“Đúng vậy.”

Cô duỗi chân ra trước mặt. Cát tuy ẩm nhưng lại ấm một cách kỳ lạ.

“Chừng nào chuyện này chưa kết thúc thì truyền thông vẫn còn điên cuồng,” anh nói. “Tôi rất lấy làm tiếc.”

“Đó không phải là lỗi của anh.

“Dù tôi cũng chưa bao giờ chứng kiến chuyện như cảnh ở trước cổng.”

“Lúc đó thật đáng sợ.”

“Cô hẳn đã quen với cuộc sống tĩnh lặng ở đây.”

“Một cuộc sống tĩnh lặng, *bình thường*,” cô đáp.

Anh vòng tay qua đầu gối, hai bàn tay đan vào nhau phía trước.

"Cuộc sống của cô trước đây thế nào? Hàng ngày cô thường làm gì?"

"Mỗi ngày mỗi khác. Anh muốn biết ngày nào?"

"Vậy à, tôi cũng chẳng biết. Những ngày thứ năm thì sao?"

"Những ngày thứ năm." Cô nghĩ ngợi một lát. "Vào thứ năm, Mattie thường thi đấu khúc côn cầu trên cỏ hoặc bóng vợt. Buổi trưa tôi tập với ban nhạc. Hôm đó ở căn tin có pizza. Buổi tối chúng tôi ăn gà nướng. Chúng tôi xem *Seinfeld* và *ER*."

"Còn Jack?"

"Khi nào có ở nhà thì Jack có mặt trong tất cả các sự kiện. Anh ấy tham gia hết. Các trận đấu. Món gà nướng. *Seinfeld*. Còn anh thì sao? Anh thường làm gì khi không làm việc cho Liên đoàn?"

"Tôi là trợ giáo," anh đáp. "Tôi dạy bay trong thời gian rảnh rỗi tại một sân bay ở Virginia. Thật ra thì đó chỉ là một cánh đồng cỏ, với vài chiếc máy bay Cessna. Các lớp học rất vui, chỉ có điều họ không chịu xuống đất."

"Cái gì không chịu xuống đất?"

"Các học viên trong những chuyến bay một mình đầu tiên của họ."

Cô bật cười.

Họ ngồi trong sự im lặng dễ chịu, tựa lưng vào đá. Âm thanh dìu dặt của biển chợt trở nên thật thanh bình.

"Có lẽ tôi nên bắt đầu nghĩ đến những chi tiết của đám

tang," cô nói sau một lúc im lặng.

"Cô có dự định tổ chức ở đâu chưa?"

"Tôi nghĩ phải làm ở nhà thờ Thánh Joseph ở Ely Falls thôi," cô đáp. "Đó là nhà thờ Công giáo gần nhất."

Cô dừng lại.

"Chắc chắn họ sẽ ngạc nhiên khi thấy tôi," cô nói.

"Chúa ơi," Robert thốt lên.

Bối rối trước phản ứng này, cô cảm thấy Robert giật giật tay áo cô, bảo cô đứng dậy. Cô quay lại để nhìn thứ mà Robert đang nhìn. Một thanh niên cột tóc đuôi gà đang chĩa ống kính to gần bằng một chiếc tivi về phía họ. Kathryn có thể thấy ảnh phản chiếu của cô và Robert trong ống kính khổng lồ.

Cô nghe thấy tiếng *tách, tách, tách* nhẹ nhàng, chuyên nghiệp của kẻ làm nhiệm vụ.

***

Họ đang ở trong nhà bếp khi cô quay lại, Somers cuốn một bản fax trong tay, Rita đung đưa điện thoại dưới cằm. Không cởi áo khoác ra, Kathryn nói cô có một tuyên bố ngắn cần thông báo. Somers ngước lên từ bản fax.

"Chồng tôi, Jack, chưa bao giờ cho tôi hoặc bất kì ai thấy dấu hiệu nào của sự bất ổn, nghiện thuốc, nghiện rượu, trầm cảm, hoặc đau ốm," cô nói.

Cô nhìn Somers gấp bản fax làm bốn.

"Theo như tôi biết," cô tiếp tục, "anh ấy luôn luôn

mạnh khỏe, về thể chất lẫn tinh thần. Chúng tôi sống rất hạnh phúc. Chúng tôi là một gia đình bình thường, hạnh phúc sống trong một cộng đồng nhỏ. Tôi sẽ không trả lời bất kỳ câu hỏi nào khác nếu không có luật sư hiện diện, và không có thứ gì được đưa ra khỏi nhà này nếu không có giấy tờ yêu cầu hợp pháp. Như các vị đã biết, con gái tôi đang ở với bà cố của cháu trong thị trấn này. Không ai được phỏng vấn hoặc liên lạc họ bằng bất kỳ cách nào. Chấm hết."

"Chị Lyons này," Somers nói. "Chị đã liên lạc với mẹ của Jack chưa?"

"Mẹ anh ấy chết rồi," cô đáp nhanh.

Và rồi, trong sự im lặng tiếp theo, cô biết có chuyện gì đó không ổn. Có thể đó là cái nhướn mày nhỏ nhất, nét cười thoáng hiếm hoi trên mặt Somers. Hoặc có thể sau đó cô đã tưởng tượng ra những tín hiệu này. Sự im lặng tuyệt đối đến nỗi dù cho có đến chín người trong phòng, nhưng tất cả những gì cô nghe thấy là tiếng tủ lạnh chạy rì rì.

"Tôi không nghĩ vậy," Somers nhẹ nhàng nói, nhét tờ giấy gấp tư vào túi áo.

Sàn nhà dường như lún xuống và chao đảo như chuyến tàu lượn cao tốc ở công viên giải

Somers lôi ra một tờ giấy xé từ quyển sổ tay ở một túi khác.

"Matigan Rice," ông ta đọc. *"Nhà dưỡng lão Forest Park, 47 Phố Adams, Wesley, Minnesota."*

Chuyến tàu tăng tốc rồi lao thẳng xuống từ độ cao mười lăm mét. Kathryn cảm thấy xây xẩm mặt mày.

“Bảy mươi hai tuổi, sinh ngày 22 tháng mười năm 1924. Ba đời chồng. Li dị ba lần. Chồng đầu tiên là John Francis Lyons. Một con trai, John Fitzwilliam Lyons, sinh ngày 18 tháng tư năm 1947, Bệnh viện Faulkner, Boston.”

Miệng Kathryn khô khốc, cô liếm môi trên. Có lẽ có chuyện gì đó mà cô hiểu chưa đúng.

“Mẹ của Jack còn sống ư?” cô hỏi.

“Đúng.”

“Jack luôn nói là...”

Cô dừng lại. Cô nghĩ về điều Jack luôn nói. Mẹ anh đã mất khi anh mới chín tuổi. Vì bệnh ung thư. Kathryn liếc nhanh sang Robert, và cô có thể thấy từ nét mặt anh ta rằng anh ta cũng bị bất ngờ. Cô nghĩ đến sự ngạo nghễ, sự quả quyết thiển cận của mình khi đưa ra lời tuyên bố chỉ vài giây trước.

“Dường như là thế,” Somers nói.

Tay điều tra viên đang thích thú việc này, Kathryn nghĩ.

“Làm sao ông phát hiện ra bà ấy?” cô hỏi.

“Bà ấy có tên trong hồ sơ quân đội của anh ta.”

“Còn bố của Jack?”

“Đã qua đời.”

Cô ngồi xuống chiếc ghế gần nhất và nhắm mắt lại. Cô cảm thấy hơi váng vất, căn phòng quay cuồng khó chịu dưới mi mắt cô.

Trong ngần ấy năm qua, cô nghĩ, vậy mà cô không hề biết gì. Trong ngần ấy năm qua, Mattie có một bà nội. Một bà nội là cảm hứng đặt tên cho nó.

Nhưng tại sao? cô thầm hỏi.

Jack, tại sao? Cô thầm hỏi chồng mình.

CHƯƠNG 10

Họ đi bộ dọc bãi biển trong sương mù. Mattie mặc áo khoác Red Sox chạy phía trước để tìm cua. Bờ biển phẳng lặng và cạn, uốn cong như một vỏ sò, cát có màu như gỗ bạc thếch, tô điểm bằng những dòng thư pháp viết bằng rong biển. Sau bức tường chắn sóng là những ngôi nhà mùa hè, giờ đang vắng người. Quá muộn rồi, Kathryn nhận ra đáng lẽ cô nên bảo cô con gái năm tuổi của mình cởi giày ra.

Jack rụt vai vì lạnh. Anh luôn mặc áo khoác da, ngay cả vào những ngày lạnh nhất, không muốn bỏ tiền sắm áo lông vịt, hoặc quá ngạo mạn, Kathryn không bao giờ biết chính xác lý do. Chiếc áo ca rô của cô dài hơn áo khoác, cô quấn một chiếc khăn choàng len hai vòng quanh cổ.

- Có chuyện gì vậy? cô hỏi.

- Không có gì, anh đáp. – Không sao.

- Trông anh có vẻ đờ đẫn.

- Anh không sao.

Anh vừa đi vừa đút tay vào túi, nhìn thẳng về trước. Miệng anh mím chặt. Cô tự hỏi chuyện gì khiến anh không

vui.

- Có phải do em không? cô hỏi.

- Không.

- Ngày mai Mattie có trận đá bóng đấy.

- Tốt.

- Anh đến xem được không?

- Không, anh bận đi rồi.

Dừng một chút.

- Anh biết không, thỉnh thoảng anh có thể đề xuất một lịch làm việc để anh có nhiều thời gian rỗi hơn, nhiều thời gian để ở nhà hơn.

Anh im lặng.

- Mattie nhớ anh lắm đấy.

- Nghe này, mọi chuyện đã khó khăn với anh lắm rồi, đừng làm trầm trọng tình hình hơn

Từ khóe mắt, Kathryn có thể thấy Mattie đang chạy thành vòng tròn trên bãi biển. Cô cảm thấy bị phân tâm, bị hút về phía người đàn ông bên cạnh với một lực hút dường như không tự nhiên. Cô thắc mắc không biết anh có ổn không. Có lẽ anh chỉ mệt mỏi mà thôi. Cô đã nghe những câu chuyện, những số liệu thống kê: Đa số các phi công chết trước tuổi nghỉ hưu, tức sáu mươi tuổi. Nguyên nhân là áp lực, là lịch bay căng thẳng bất thường. Sự kiệt quệ của cơ thể.

Cô quay sang anh, ôm cánh tay cứng đờ của anh. Anh vẫn nhìn thẳng về trước.

- Jack, nói cho em nghe đi. Có chuyện gì thế?

- Thôi đi, được không?

Bị tổn thương, cô bỏ tay anh ra và bước đi.

- Là do thời tiết, anh nói, đuổi theo cô. – Anh không biết nữa.

Hối lỗi rồi. Đang cố làm lành.

- Thời tiết thì sao? cô lạnh nhạt hỏi, chưa muốn nguôi giận quá dễ dàng.

- Âm u. Sương mù. Anh ghét kiểu thời tiết này.

- Em nghĩ chẳng có ai thích cả, cô dửng dưng nói.

- Kathryn, em không hiểu.

Anh rút tay ra khỏi túi rồi dựng cổ áo lên để chống lạnh. Trông như anh trượt sâu hơn vào trong chiếc áo da.

- Hôm nay là sinh nhật mẹ anh, anh khẽ nói. - Hay lẽ ra là thế.

- Ôi, Jack, cô tiến về phía anh. - Đáng lẽ anh phải nói cho em biết.

- Em may mắn lắm, anh nói. - Em may mắn vì có bà Julia. Em nói em không có bố mẹ, nhưng thực ra em có.

Đó có phải là giọng điệu ganh tị không nhỉ?

- Đúng, em rất may mắn vì có bà Julia, cô đồng tình.

Mặt Jack đỏ ửng. Mắt anh ứa nước vì lạnh.

- Mẹ anh ra đi có nhẹ nhàng không? cô hỏi.

- Anh không muốn nói đến chuyện đó.

- Em biết là anh không muốn, cô dịu dàng nói. - Nhưng đôi khi nói về chuyện đó có thể làm cho anh thấy khá hơn.

- Anh không tin.

- Mẹ bị ốm có lâu không?

Anh ngập ngừng. - Không lâu lắm. Rất nhanh.

- Mẹ bị gì?

- Anh nói rồi mà. Ung thư.

- Không, em biết rồi. Ý em là, ung thư gì?

Anh khẽ thở dài. - Ung thư ngực. Thời đó, h không có cách chữa trị...

Cô nắm cánh tay anh.

- Mất mẹ vào tuổi đó là chuyện quá khủng khiếp, cô nói.

Chỉ lớn hơn Mattie bốn tuổi, cô chợt nghĩ, và ý nghĩ đó khiến cô lạnh toát cả người. Thật khủng khiếp khi nghĩ đến cảnh Mattie mồ côi mẹ.

- Mẹ là người Ireland, lúc trước anh có kể.

- Mẹ sinh ra ở đấy. Bà có giọng nói rất hay, phát âm rất

hay.

- Anh còn có bố mà.

Jack thốt lên một giọng chế giễu ngắn. - *B*ố không hẳn là từ đúng. Bố anh là một thằng tồi.

Jack vốn hiếm khi thốt ra chữ ấy, nó khiến cô bị sốc.

Cô mở khóa áo khoác của anh, luồn hai cánh tay vào.

- Jack, cô nói.

Anh thả lỏng người một chút rồi kéo đầu cô vào lòng. Cô ngửi thấy mùi da hòa lẫn với mùi không khí biển.

- Anh không biết đó là gì, anh nói. - Đôi khi anh sợ. Đôi khi anh nghĩ mình không có điểm tựa trong những ngày âm u. Không có niềm tin.

- Anh có em mà, cô nói nhanh.

- Đúng vậy

- Anh có Mattie.

- Anh biết, anh biết. Tất nhiên rồi.

- Chúng ta thế này chưa đủ hay sao? cô hỏi.

- Mattie *đâu* rồi? anh hỏi, đột ngột đẩy cô ra.

Kathryn quay lại và rảo mắt tìm trên bãi biển. Jack phát hiện ra con bé trước, một vệt đỏ giữa nền xám. Kathryn, đột nhiên bị tê liệt, nhìn Jack lao qua bãi cát và chạy từng bước dài xuống biển. Cô đợi suốt một phút bất tận rồi thấy Jack nhấc Mattie lên khỏi mặt nước như nhấc một

con chó nhỏ. Anh ôm sấp con bé trong tay, và cô chợt nghĩ anh sẽ lắc Mattie đến khi khô ráo như lắc con chó. Nhưng rồi cô nghe tiếng khóc quen thuộc. Jack quỳ gối trên bãi biển, cởi phăng áo khoác da, rồi trùm áo quanh người con bé. Khi Kathryn đến nơi, anh đang lau nước biển trên mặt con bằng đuôi áo sơ mi.

Mattie trông có vẻ hoảng hốt.

- Sóng làm con bé bị ngã, Jack nói hụt hơi. - Rồi cuốn nó ra.

Kathryn bế Mattie dậy, vỗ về con.

- Đi thôi, Jack nói nhanh. - Ở đây một hồi con sẽ chết cóng mất.

Họ nhanh chóng bước về nhà. Mattie ho sằng sặc và thở khò khè vì sặc nước. Kathryn nhẹ nhàng vỗ về con. Mặt Mattie ửng hồng vì lạnh.

Jack nắm tay Mattie như bị dính vào con gái bằng một sợi rốn. Quần anh ướt sũng, áo xộc xệch. Kathryn nghĩ anh cũng đang lạnh cóng. Ý nghĩ về chuyện xảy ra với Mattie nếu anh không thấy nó khiến cô bủn rủn tay chân.

Cô bất chợt dừng lại, và, bằng một cử chỉ tự nhiên, Jack đưa tay ôm choàng lấy cô và Mattie.

- Chúng ta thế này chưa đủ hay sao? cô hỏi lại.

Jack cúi đầu xuống và hôn lên trán Kathryn.

- Đủ cái gì ạ? Mattie hỏi.

HAI

CHƯƠNG 11

Đôi khi cô cảm thấy như mình đã sống ba, bốn năm trong mười một ngày. Lại có khi cô cảm thấy như chỉ mới vài phút trước Robert Hart đứng ở cửa và thốt lên hai tiếng - *Cô Lyons?* - làm thay đổi cuộc đời cô. Cô không nhớ thời gian lại xoay vòng theo cách như thế trước đây, ngoại trừ một hoặc hai ngày thăng hoa khi cô mới gặp Jack Lyons và biết yêu, và cuộc sống lúc đó được đo bằng phút chứ không phải bằng giờ.

Cô nằm trên giường trong phòng dành cho khách, hai tay duỗi ra, đầu gác lên gối, nhìn thấy chiếc ghế sơn mài đỏ và biển bên ngoài. Khi cô lái xe về nhà, trời có nắng, nhưng bây giờ bầu trời đã kéo mây, chỉ là những cụm mây mỏng, như những giọt sữa trong ly nước. Cô tháo một chiếc kẹp bướm sau đầu ra rồi ném xuống sàn nhà, chiếc kẹp trượt trên ván gỗ bóng rồi dừng lại tại tấm ván lót chân tường. Sáng hôm đó cô đã quyết tâm quay về nhà, bắt đầu quá trình dài dọn dẹp và vứt bỏ tất cả những dấu vết của mười một ngày qua để Mattie và cô có thể dọn về từ nhà bà Julia và bắt đầu cuộc sống trở lại. Thiện ý đó thật đáng ngưỡng mộ, Kathryn thầm nghĩ, nhưng lòng can đảm của cô đã suy giảm và tiêu tan khi cô bước chân vào nhà bếp và trông thấy chồng báo đăng hình Jack, cô và Mattie trên trang nhất, một tờ báo rơi vung vãi trên sàn nhà. Trên bàn có những chiếc bánh vòng cứng như đá đựng trong túi giấy và khoảng sáu lon nước ngọt không đường trên quầy bếp, dù ai đó đã có nhã ý đổ rác khỏi thùng, nên ngôi nhà không bốc mùi tởm lợm như Kathryn hình dung. Leo lên cầu thang, cô mở cửa phòng làm việc của Jack rồi liếc nhìn những ngăn kéo bị tháo ra và giấy tờ vương vãi trên sàn nhà, sự trần trụi kỳ lạ của chiếc bàn làm việc khi không còn thiết bị máy tính. Cô đã biết là FBI sẽ đến cùng

với lệnh khám xét và tài liệu, nhưng cô không biết chính xác là khi nào. Từ hôm làm lễ tưởng niệm trước Giáng sinh hai ngày đến nay, cô chưa về nhà. Cũng như Robert, anh ta đã quay lại Washington ngay sau buổi lễ. Đóng cửa phòng làm việc của Jack, Kathryn đi hết hành lang, vào phòng nghỉ của khách, và nằm xuống giường.

Cô nghĩ mình thật ngốc khi quay lại sớm như vậy, nhưng cô không thể bỏ mặc căn nhà mãi được. Phải dọn dẹp nó. Kathryn biết bà Julia sẽ đến làm việc đó thay cô, nhưng cô không thể để bà làm thế. Julia đã kiệt sức, gần như suy sụp, không chỉ vì buổi lễ tưởng niệm và phải chăm sóc cho mẹ con Kathryn, mà còn vì tinh thần trách nhiệm cao cả của bà: Julia đã quyết tâm thực hiện các đơn giao hàng Giáng sinh khẩn cấp ở cửa hàng. Trong lòng, Kathryn thầm nghĩ nỗ lực sai lầm này có thể khiến bà cô gục ngã, nhưng Kathryn không thể thuyết phục bà từ bỏ nghĩa vụ. Vì vậy hai bà cháu họ, thỉnh thoảng với sự giúp đỡ của Mattie, đã dành ra những đêm dài để làm hộp, gói quà, rồi gạch bỏ những cái tên và địa chỉ trong danh sách. Và Kathryn nghĩ công việc đó cũng có tác dụng chữa trị. Bà Julia và cô đã đi ngủ khi mắt không còn nhìn thấy gì nữa, nhờ vậy họ không gặp phải chứng mất ngủ chắc chắn khó tránh khỏi.

Tuy nhiên, sáng nay Kathryn đã kiên quyết bảo bà Julia phải ngủ, và không ngạc nhiên khi bà cuối cùng cũng ưng thuận. Mattie cũng đi ngủ muộn và có thể nằm trên giường đến đầu giờ chiều, như đã làm trong mấy ngày qua. Kỳ thực, Kathryn chỉ ước sao con bé sẽ ngủ li bì suốt nhiều tháng trong một cơn hôn mê bình yên rồi tỉnh lại với một ý thức bị thời gian mài mòn, để nó không còn phải chịu đau đớn một cách phi lý và lặp lại hết lần này đến lần khác. Kathryn nghĩ vì vậy mà Mattie ngủ quá nhiều, để trì hoãn khoảnh khắc *nhận biết* đáng sợ đó.

Kathryn ước gì bản thân cô cũng làm chủ được cơn hôn mê như vậy. Nhưng không, cô cảm thấy như mình đang ở trong một hệ thống thời tiết riêng, lúc nào cũng bị ném vào người những mẩu tin tức và thông tin, đôi khi lạnh toát trước những ý nghĩ về điều đang đợi ngay trước mắt, tan chảy trước lòng tốt của những người khác (bà Julia, Robert và những người lạ), thường xuyên bị ngập ngụa trong những ký ức dường như không xác định được tình huống cũng như địa điểm, rồi sau đó đương đầu với sức nóng không thể chịu nổi từ các phóng viên, thợ chụp ảnh, và những người qua đường tò mò. Đó là một hệ thống thời tiết không có logic, cô nghĩ như vậy, không có đặc điểm, không có tiến triển, không có hình dạng. Đôi khi cô không thể ngủ hoặc ăn hoặc, kì lạ nhất là, không thể đọc nổi đến hết một bài báo. Và không phải do đề tài nói về Jack hoặc vụ nổ, mà vì cô không thể tập trung nổi. Những lúc khác, khi nói chuyện với bà Julia hoặc Mattie, cô không thể nói hết câu mà không quên đoạn đầu là gì, hoặc đôi khi cô không thể nhớ mình đang làm công việc gì. Có khi cô nhận ra mình đang áp điện thoại vào tai, một số điện thoại đang kết nối, nhưng lại không biết mình đang gọi cho ai hoặc để làm gì. Đầu óc cô cảm thấy chật chội, như có một sự thật quan trọng đang trêu ngươi cô ở vùng ngoại biên não, một chi tiết mà cô phải suy nghĩ, một ký ức mà cô phải nắm bắt, một giải pháp cho một vấn đề có vẻ như nằm ngoài tầm với của cô.

Nhưng tệ nhất là những khoảnh khắc từ tương đối bình lặng bỗng chuyển sang tức giận, và những khoảnh khắc ấy càng khiến cô bối rối hơn vì không phải lúc nào cô cũng liên hệ cơn nóng giận được với một người hoặc một việc thích hợp. Nó giống như được tạo thành từ những mảnh vụn, những mẩu đá bé xíu của một bức tranh màu xấu xí: nỗi bực dọc với Jack, tựa như anh đang đứng cạnh cô, vì

một chuyện tầm thường nhỏ nhặt như anh đã không buồn cho cô biết tên nhân viên bảo hiểm của họ (dù cô nhận ra cô có thể dễ dàng lấy được, và đã lấy, bằng cách gọi điện đến công ty), hoặc vì sự thật hết sức vô hại nhưng vô cùng đau đớn rằng anh đã bỏ cô đi mãi mãi. Hoặc cơn bực tức với Arthur Kahler, người đã chơi tennis cùng Jack trong nhiều năm trời, vì đã đối xử với cô như thể cô là người xấu vào lần ông ta gặp cô ở cửa hàng Ingerbretson. Thậm chí nhác thấy một đôi tình nhân tiến đến cửa hàng của bà Julia (họ vẫn sánh đôi trong khi Jack và cô thì không) đã khiến Kathryn nổi đóa đến nỗi không buồn nói chuyện với họ khi họ bước vào.

Kathryn biết rằng có những mục tiêu thích hợp và rõ ràng hơn để cô chĩa cơn nóng giận của mình, nhưng, thật khó hiểu, cô thường câm như hến hoặc bất lực trước mặt họ: truyền thông, hãng hàng không, các cơ quan toàn chữ viết tắt, và những người hỏi han – những người hỏi han phiền toái và đáng sợ trên điện thoại, trên đường, trên tivi, khi một phụ nữ, được hỏi có bình luận gì trong mục phỏng vấn người qua đường về cuộc điều tra vụ tai nạn, đã quay sang ống kính và cáo buộc Kathryn tội giấu giếm thông tin quan trọng về vụ nổ.

***

Không lâu sau cuộc thẩm vấn giữa Kathryn và nhân viên điều tra của Ban An toàn, Robert đã đề nghị họ đi dạo. Họ rời khỏi nhà, tiến về phía chiếc xe. Anh mở cửa cho cô, và chỉ sau khi cánh cửa đóng lại, cô mới nhớ ra là phải hỏi xem họ sẽ đi đâu.

“Nhà thờ Thánh Joseph,” anh đáp nhanh.

“Tại sao?” cô hỏi.

“Tôi nghĩ đã đến lúc cô nên nói chuyện với một linh mục.”

Họ lái xe qua Ely, băng qua con đường cắt ngang đầm lầy muối dẫn đến Ely Falls, ngang qua những nhà máy bỏ hoang và những cửa hàng có biển hiệu giữ nguyên từ những năm 1960. Robert đỗ xe ngay trước nhà linh mục, một dinh thự bằng gạch tối tăm cần được cọ rửa. Kathryn chưa bao giờ đặt chân đến đây. Lúc còn bé, cô thường đi xe buýt vào Ely Falls với các bạn vào chiều thứ bảy và cùng đi xưng tội với họ tại nhà thờ Thánh Joseph. Ngồi một mình trên hàng ghế tăm tối, cô bị mê mẩn trước những bức tường đá trông có vẻ ẩm ướt, những gian phòng gỗ chạm khắc tinh xảo nơi bạn bè cô đang ngồi xưng tội phía sau những tấm rèm màu mận chín (các tội đó là gì, bây giờ Kathryn cũng chẳng nhớ nổi), những bức tranh Đàng Thánh Giá[2] đáng sợ khó rời mắt (cô bạn thân Patty Regan đã cố gắng giải thích một lần với Kathryn về ý nghĩa những bức tranh ấy, nhưng cô vẫn không nhớ nổi), và những quả cầu thủy tinh đỏ chói cắm những ngọn nến lập lòe mà Patty thường trả tiền mua rồi thắp lên trên đường đi ra khỏi nhà thờ. So với nhà thờ này thì nhà thờ tuổi thơ của Kathryn, Nhà thời Hội giám lý Thánh Matthew nằm trên Phố High ở Ely, lại buồn chán đến khủng khiếp, một nhà thờ lợp ván màu nâu, trang trí bằng gỗ màu vàng, có những cửa sổ ván ghép dài đón ánh mặt trời chói chang vào những buổi sáng chủ nhật, như thể kiến trúc sư đã đặc biệt lưu ý để đưa ánh sáng và không khí của Thanh giáo vào thiết kế của mình. Bà Julia thường dẫn Kathryn đến lớp học giáo lý ngày chủ nhật, nhưng mật độ chuyên cần đã giảm từ lớp năm trở đi, ở độ tuổi mà những câu chuyện trong Kinh thánh không còn khiến cô mê mẩn như trước đó nữa. Và sau thời gian đó, Kathryn hầu như không còn đặt chân đến nhà thờ nữa, trừ Lễ

Giáng sinh và Lễ Phục sibà Julia. Đôi khi, Kathryn cảm thấy lương tâm cắn rứt khi không cho Mattie đi học lớp giáo lý ngày chủ nhật, không cho con gái cô cơ hội để tìm hiểu về Công giáo rồi sau đó tự quyết định giá trị của tôn giáo cho bản thân nó, như Kathryn đã được phép làm. Kathryn nghĩ Mattie hiếm khi nào nghĩ đến Chúa, dù trong việc này cô biết mình có thể sai.

[2] Đàng Thánh Giá: Con đường khổ nạn gồm 14 trạm thánh giá mà Chúa Jesus đã trải qua, từ khu vườn Gethsemane, nơi Chúa Jesus bị kết án, đến nơi Chúa Jesus được táng xác trong mồ. (Những chú thích trong sách là của người dịch)

Trong những năm đầu mới cưới, Jack luôn tỏ thái độ hằn học với nhà thờ Công giáo. Anh từng đi học trường dòng ở Chelsea, và có những kỷ niệm vô cùng tồi tệ mà học sinh các trường học thuộc nhà thờ thường gặp phải, trong đó có những hình phạt bằng đòn roi. Trước đó Kathryn cứ ngỡ không trường học nào tệ hơn trường của cô, nó tồi tệ đến mức mỗi khi Kathryn nhớ về những năm tháng học tại trường tiểu học Ely, hình ảnh đầu tiên hiện ra trong đầu cô là lớp bụi dày trên hành lang. Tuy nhiên, về sau này, sự hằn học của Jack đối với nhà thờ dường như đã thuyên giảm, và cô tự hỏi phải chăng anh đã thay đổi suy nghĩ. Vì anh không bao giờ nói về chuyện này, nên cô không thể nào biết được.

Họ bước xuống xe rồi gõ lên cánh cửa gỗ lớn. Một người đàn ông rất cao có mái tóc xoăn màu đen mở cửa.

“Mới có một người chết rất thảm,” Robert nói ngay.

Vị linh mục từ tốn gật đầu rồi nhìn từ Robert sang Kathryn.

“Đây là Kathryn Lyons,” Robert nói. “Chồng cô ấy vừa qua đời hôm qua trong một vụ rơi máy bay.”

Kathryn cảm thấy như khuôn mặt của vị linh mục trở nên trắng bệch trong một tích tắc rồi trở lại bình thường.

“Tôi là Cha Paul LeFevre,” ông nói với cả hai người, chìa tay ra. “Mời vào.”

Họ đi theo linh mục vào một gian phòng rộng có những cửa sổ hai cánh bằng thủy tinh chì và hàng nghìn quyển sách. Cha Paul ra dấu cho họ ngồi xuống quanh một lò sưởi nhỏ màu đen. Ông khoảng bốn chín năm mươi tuổi, và sau lớp áo màu đen là một cơ thể có vẻ cường tráng khác thường. Cô nghĩ vẩn vơ khi ngồi ở đấy về việc các linh mục làm gì để rèn luyện cơ thể, nếu họ được phép đi đến phòng thể hình và cử tạ.

“Con muốn tưởng niệm chồng,” Kathryn nói khi Cha Paul đã an tọa. Ông đặt một tập giấy và một cây bút trên đùi.

Kathryn cố nghĩ đến những từ dứt khoát hơn nhưng không tìm ra được. Cha Paul chậm rãi gật đầu tỏ vẻ thông hiểu. Kỳ thực, Kathryn có cảm giác mơ hồ, trong suốt buổi trò chuyện, rằng vị linh mục Công giáo này biết cô cần gì và tương lai trước mắt của cô ra sao rõ hơn cả bản thân cô.

“Con không phải là tín đồ Công giáo,” cô giải thích. “Nhưng chồng con thì đúng là con chiên của Chúa. Anh ấy từ bé đã theo đạo Công giáo, đi học ở các trường Công giáo. Con rất tiếc phải nói rằng đã lâu anh ấy không đi nhà thờ.”

Có một sự im lặng khi vị linh mục tiếp nhận thông tin này. Kathryn tự hỏi tại sao cô lại cảm thấy xin lỗi cho Jack là cần thiết.

“Còn con thì sao?” Cha Paul hỏi.

“Con từ nhỏ đã theo Hội Giám lý, nhưng con cũng không đi nhà thờ nhiều lắm.”

Cô nghĩ cô và Jack chưa đến nhà thờ vào sáng Chủ nhật lần nào. Những sáng chủ nhật, khi Jack ở nhà, là để dành cho giây phút thức dậy trên giường khi vẫn còn ngái ngủ, cho khoảnh khắc với tay chạm vào nhau uể oải dễ chịu – không một lời xen giữa, không một ngày xen giữa, những giấc mơ vương vấn thay cho trách nhiệm - và rồi sau đó, cho lúc nằm trong vòng tay Jack khi anh đã ngủ say.

nào khác để báo tin không?” vị linh mục hỏi.

Kathryn lưỡng lự rồi liếc nhìn Robert.

“Thưa không,” cô đáp, lúng túng nhận ra cô đang nói dối với một linh mục trong một nhà thờ Công giáo.

“Hãy kể cho cha nghe về chồng của con,” linh mục nhẹ nhàng nói.

“Anh ấy qua đời hôm qua do nổ máy bay. Anh ấy chính là phi công.”

Cha Paul gật đầu. “Cha có đọc tin này trên báo,” ông nhẹ nhàng nói.

Kathryn nghĩ xem nên mô tả về Jack thế nào.

“Anh ấy là người tốt. Làm việc chăm chỉ. Yêu thương vợ con. Anh ấy rất thân thiết với con gái...”

Kathryn bặm môi lại, và nước mắt trào lên trong mắt cô. Robert rướn người qua đặt tay lên tay cô. Vị linh mục kiên nhẫn chờ đợi cô bình tâm lại.

“Anh ấy là con một,” Kathryn nói ngập ngừng. “Mẹ mất khi anh ấy chín tuổi, bố mất khi anh ấy học cao đẳng. Anh ấy lớn lên ở Boston và đi học ở trường Holy Cross. Anh ấy từng đi lính ở Việt Nam. Con gặp anh ấy sau đó, khi anh ấy là phi công lái máy bay chở hàng hóa. Giờ anh ấy làm cho...”

Cô dừng lại, lắc đầu.

“Anh ấy thích câu cá và lên mạng,” cô kể khi đã có thể nói tiếp. “Anh ấy chơi tennis. Anh ấy dành rất nhiều thời gian cho Mattie, con gái của chúng con.”

Đây là những sự thật, cô nghĩ, nhưng còn Jack thực sự, Jack mà cô đã biết và đã yê không có trong những sự thật đó.

“Anh ấy thích mạo hiểm,” cô nói đột ngột, gây ngạc nhiên cho vị linh mục. “Anh ấy không thích những ngày mưa gió. Anh ấy vặn bánh pizza để vắt dầu ra. Phim anh ấy thích xem là *Nhân chứng*. Con từng thấy anh ấy khóc khi xem xong những bộ phim buồn. Anh ấy không chịu nổi kẹt xe. Anh ấy thà đi đường vòng xa hơn tám mươi cây số để tránh kẹt xe trên đường cao tốc. Anh ấy ăn mặc không cầu kỳ lắm. Anh ấy mặc đồng phục đi làm và chẳng bao giờ bận tâm nhiều đến chuyện quần áo. Anh ấy có một

chiếc áo khoác da mà anh ấy rất thích. Anh ấy có thể rất dịu dàng và ân cần...”

Cô nhìn đi nơi khác.

“Còn con thì sao?” linh mục hỏi. “Con thấy thế nào?”

“Con ư?” Kathryn hỏi lại. “Con cảm thấy như vừa bị nhừ đòn.”

Linh mục gật đầu vẻ hiểu biết. Giống như phản ứng của chuyên gia trị liệu, cô nghĩ.

“Còn cuộc hôn nhân của con? Nó như thế nào?”

Kathryn liếc nhìn Robert.

“Nó rất tốt đẹp,” cô đáp. “Chúng con rất mặn nồng. Con có thể nói rằng chúng con yêu nhau trong một thời gian rất dài, dài hơn đa số những cặp vợ chồng khác. Mà con cũng không biết người khác thế nào. Con chỉ đoán như vậy thôi.”

“Rồi sau đó, chuyện gì xảy ra?” linh mục hỏi.

“Rồi sau đó?” cô lặp lại. “Rồi sau đó chúng con lại yêu nhau. Chúng con chuyển từ giai đoạn yêu đương nồng thắm sang chỉ yêu thôi.”

“Chỉ yêu thôi, đó là những gì Chúa mong muốn từ các con,” linh mục nói.

Chưa một lần nào trong cuộc hôn nhân của mình Kathryn nghĩ đến chuyện Chúa muốn gì.

“Chúng con kết hôn mười sáu năm rồi,” cô nói.

Linh mục gác chéo chân. “Cơ trưởng Lyons đã được đưa về chưa?”

“Được đưa về?” cô hỏi, thoạt đầu không hiểu.

“Thi thể,” linh mục đáp.

“Không có thi thể,” Kathryn nói nhanh. “Thi thể chồng con chưa được tìm thấy.”

“Vậy thì cha đoán là con đang nói đến lễ tưởng niệm.”

Kathryn nhìn sang Robert cầu cứu. “Con nghĩ là vậy.”

“Xem nào,” Cha Paul nói, “chúng ta có thể làm một trong hai việc. Chúng ta có thể làm lễ tưởng niệm cho Cơ trưởng Lyons, trong trường hợp đó cha khuyên con nên tổ chức trước Lễ Giáng sinh để kỳ nghỉ lễ có thể trở thành một phần trong quá trình chữa lành thay vì trở thành bi kịch cho cả con lẫn con gái.”

Kathryn nghĩ ngợi về đề xuất này, cô không cảm thấy nhiều hi vọng về nó lắm.

“Hoặc,” linh mục nói tiếp, “chúng ta có thể đợi cho đến khi tìm thấy chồng con.”

“Không,” Kathryn kịch liệt phản đối. “Vì con gái con, vì con, vì Jack, chúng ta cần tưởng nhớ Jack ngay lúc này. Người ta đang đóng đinh anh ấy trên báo chí và tivi.”

Cô nghe thấy từ *đóng đinh* và cảm thấy ngượng ngùng vì dùng nó trước mặt một linh mục. Nhưng đó không phải chính là điều đang thực sự xảy ra sao? cô nghĩ. Họ đang đóng đinh danh dự của Jack, ký ức của Jack.

“Người ta nói anh ấy tự sát, anh ấy giết một trăm lẻ ba

người," Kathryn nói. "Nếu Mattie và con không tưởng nhớ Jack, thì con không biết còn ai làm chuyện đó."

Linh mục quan sát cô.

"Tưởng nhớ anh ấy," cô nói thêm, dù không thể giải thích được hơn nữa.

"Mà con..."

Cô hắng giọng và cố gắng ngồi thẳng.

"Con rất nghi ngờ khả năng tìm thấy xác anh ấy," cô nói.

***

Đêm hôm đó, đi đi lại lại thao thức trong nhà bếp của Julia sau khi bà và Mattie đã đi ngủ rất lâu, Kathryn bắt đầu tự hỏi liệu cô có nên báo với Cha Paul rằng còn một người thân còn sống - mẹ của Jack. Và Kathryn có sai không khi đã không báo tin cho bà biết rằng con bà đã chết? Cô nghĩ rằng mình đã sai, nhưng ý nghĩ về việc mẹ của Jack còn sống, hình ảnh một bà lão trông giống như Jack ngồi trong một viện dưỡng lão khiến Kathryn cảm thấy một tiếng động khó chịu trong không khí, như tiếng muỗi vo ve phiền toái không dứt mà cô chỉ muốn biến quách đi. Kathryn khó chịu không chỉ vì phát hiện ra Jack nói dối cô; mà chính sự tồn tại tiếp diễn của bà, một người phụ nữ mà Kathryn không biết phải làm thế nào. Không định trước, Kathryn với tay lấy điện thoại rồi gọi đến tổng đài.

Khi đã có số điện thoại, cô gọi điện đến viện dưỡng lã

"Forest Park," một phụ nữ trẻ trả lời.

“Ồ, xin chào,” Kathryn hồi hộp nói. “Tôi muốn nói chuyện với bà Matigan Rice.”

“Ái chà, hay thật,” cô gái nói, Kathryn nghĩ cô ta đang ăn hoặc nhai kẹo cao su.

“Đây là cuộc gọi tìm bà Rice lần thứ ba trong ngày hôm nay,” cô ta nói tiếp, “và chẳng có ai gọi cho bà ta trong bao lâu nhỉ, xem nào, dễ cũng sáu tháng rồi đấy.”

Cô ta phát ra tiếng hút, như đang uống nước bằng ống hút.

“Mà dù thế nào đi nữa, bà Rice cũng không nghe điện thoại được. Bà ấy rất yếu, không thể rời phòng, và ngoài những vấn đề sức khỏe khác ra thì bà ấy nghe kém lắm, thế nên nghe điện thoại là việc bất khả thi.”

“Bà ấy thế nào rồi?” Kathryn hỏi.

“Vẫn thế.”

“Vậy à,” Kathryn ngập ngừng. “Tôi chỉ đang cố gắng nhớ lại... bà Rice vào đây khi nào.”

Đầu dây bên kia im lặng.

“Chị có phải là thân nhân không đấy?” cô ta hỏi vẻ cảnh giác.

Kathryn suy nghĩ về câu hỏi đó. Cô có phải là thân nhân không? Jack, vì lý do riêng, đã chọn cách không thừa nhận mẹ mình còn sống, và do đó, theo logic mà nói thì bà không còn sống nữa - chắc chắn đã không còn sống đối với Kathryn và Mattie. Kathryn không biết nên làm Matigan Rice sống lại bằng cách nào. Có phải Jack nói dối về mẹ vì

cảm thấy xấu h? Phải chăng anh và bà có một vướng mắc không thể tháo gỡ?

"Không, tôi không phải là thân nhân," Kathryn đáp. "Sắp có một buổi lễ tưởng niệm dành cho con trai bà ấy, và tôi muốn báo tin cho bà ấy biết."

"Con trai bà ấy chết rồi ư?"

"Vâng."

"Tên anh ta là gì?"

"Jack. Jack Lyons."

"OK."

"Anh ấy vừa thiệt mạng trong một vụ tai nạn máy bay," Kathryn nói thêm.

"Thật ư? Ý chị là vụ tai nạn máy bay Vision đó à?"

"Phải."

"Ôi, Chúa ơi, vụ đó thật đáng sợ nhỉ? Loại người gì mà lại đi tự sát rồi giết luôn những người vô tội như thế?"

Kathryn im lặng.

"Chà, đây là lần đầu tiên tôi hay tin con trai bà Rice có mặt trên chuyến bay đấy. Chị có muốn tôi cố gắng báo tin cho bà ta không? Tôi không thể hứa với chị là bà ta sẽ hiểu..."

"Vâng," Kathryn lạnh lùng nói. "Tôi nghĩ cô nên tìm cách báo tin cho bà ấy."

“Có lẽ tôi nên báo với người phụ trách của tôi trước đã. À mà cá chị đã báo cho chúng tôi nhé, tôi hy vọng chị không có người thân trên chuyến bay đó.”

“Thật ra là tôi cũng có.”

“Ôi, Chúa ơi, tôi rất tiếc.”

“Chồng tôi chính là phi công,” Kathryn nói.

***

Những ngày sau khi gặp linh mục, Kathryn và Cha Paul thường xuyên nói chuyện với nhau, và vị linh mục đã hai lần lái xe đến nhà bà Julia để viếng thăm. Tại cuộc gặp đầu tiên ở nhà thờ, Robert đã khẳng định cần phải có an ninh, còn Cha Paul dường như không nghĩ rằng việc này nằm ngoài tầm kiểm soát của mình, dù trong chuyện này, theo những gì đã xảy ra, ông đã tự tin thái quá. Sau nhiều lần nhắc lại, Kathryn đã có thể nói nhiều hơn chữ *tưởng nhớ*, dù Cha Paul không đòi hỏi nhiều hơn thế, và cô cảm kích điều đó. Giờ đây mỗi khi nghĩ đến Cha Paul, cô đều cảm thấy rùng mình một cách nhẹ nhõm, vì nếu không có sự thu xếp chu đáo của ông, buổi lễ tưởng niệm sẽ thất bại thảm hại.

Theo chương trình, cô cùng bà Julia và Mattie phải đến nhà thờ một tiếng trước giờ làm lễ để có thể đi lại dễ dàng và không gặp trở ngại trên đường, vì đường sá sau đó đã tắc nghẽn đến độ không có gì - thậm chí một chiếc xe cấp cứu - có thể lọt qua. Mattie mặc váy lụa dài màu xám và áo khoác đen cắt ngắn. Người nó run bần bật khi Cha Paul nói giờ đây bố nó đã hạ cánh an toàn. Julia và Kathryn mặc vest và nắm tay nhau. Hay chính xác hơn là Julia nắm tay Kathryn, còn Kathryn nắm tay Mattie, và sự truyền dẫn

sức mạnh này, ý chí của sức mạnh từ người này sang người kia và người kế tiếp, đã giúp cho Kathryn, và cô nghĩ cũng giúp cả bà Julia và Mattie nữa, vượt qua buổi lễ. Nhưng cuối cùng, khi Kathryn đứng dậy từ hàng ghế, quay lưng lại để nhìn phía sau nhà thờ và thấy hàng hàng lớp lớp phi công mặc vest đen, phi công của nhiều hãng hàng không, đa số chưa bao giờ gặp Jack, rồi đến những hàng học sinh từ các lớp học của cô, trong đó một số em đã tốt nghiệp và quay về để tham dự sự kiện này, cô đã khụy xuống suýt ngã, và chính Mattie, đột ngột đổi vai trò, đã đỡ cô dậy, giúp cô đứng vững. Mattie, Kathryn và Julia sau đó đã đi đến cuối dãy ghế, và Kathryn nghĩ rằng đó có thể là quãng đường dài nhất cô từng đi qua. Vì trong lúc đi, cô có cảm giác mơ hồ rằng khi cô đến được cửa nhà thờ và ngồi vào chiếc xe màu đen đang đợi bên ngoài, cuộc đời của cô với Jack sẽ thật sự chấm dứt.

Ngày hôm sau, báo chí đăng ảnh chụp Kathryn rời khỏi nhà thờ Thánh Joseph, và cô ngạc nhiên không chỉ vì mình xuất hiện đồng loạt trên trang nhất một số tờ báo trên sạp báo ngoài cửa hiệu Ingerbretson, mà còn bởi chính bức ảnh đó: Cô nhận thấy nỗi buồn đã làm biến đổi khuôn mặt, đào những hố sâu, kẻ những nếp nhăn và làm cơ bắp chảy xệ, khiến khuôn mặt cô gần như không thể nhận ra. Trong ảnh, Kathryn nắm chặt tay con gái làm điểm tựa, trông cô bần thần, hoang mang và già đi nhiều tuổi.

Lúc này cô nhíu mày để nhớ lại bức ảnh đó, và những bức ảnh khác, xui xẻo nhất là ảnh chụp cô và Robert ở chỗ trú ẩn ngoài bãi biển, Robert kéo tay áo cô, cả hai trông thoáng sợ hãi và bị dồn vào đường cùng. Cô nghĩ đó là một bức ảnh đặc biệt đau đớn, vì trong thực tế, Robert đã nổi đóa trước thủ đoạn không biết xấu hổ của tay phóng viên ảnh. Đến tận bây giờ cô vẫn còn nghe tiếng Robert hét lên với tay phóng viên ảnh trong lúc anh leo lên đá và đuổi theo

gã qua bãi cỏ. Sau đó, sự phẫn nộ của Robert và cuộc rượt đuổi khiến Kathryn cảm thấy tràn đầy tự tin đến nỗi cô đã xúc động đến mức đưa ra tuyên bố khi vừa bước vào nhà - lời tuyên bố lập tức tan thành mây khói khi Somers nhắc đến mẹ của Jack.

Sau hôm ở cửa hiệu Ingerbretson về, Kathryn thôi không còn để mắt đến báo chí hoặc tivi nữa. Sau lễ tưởng niệm, cô chỉ định ở lại nhà bà Julia một đêm, nhưng không ngờ chuyến thăm đó lại kéo dài qua lễ Giáng sinh. Cũng như Mattie, Kathryn không thể đặt chân về nhà, và cô cũng không thể bảo Mattie về nhà với cô khi chưa dọn dẹp hết những kỷ vật có thể khiến Mattie lao ra khỏi cửa. Chỉ một lần duy nhất, lúc ở nhà bà Julia, có người vô tình quên tắt tivi, thế nên trước khi Kathryn kịp nhận ra chuyện gì đang xảy ra, cô đã đứng ngây người xem đoạn phim đồ họa mô phỏng những sự kiện xảy ra sau vụ nổ trong buồng lái của chuyến bay Vision 384. Theo diễn biến đó, buồng lái đã đứt rời khỏi thân máy bay, còn thân máy bay thì nổ tung thành từng mảnh nhỏ trong một vụ nổ thứ hai. Đoạn phim đồ họa mô tả đường di chuyển của nhiều bộ phận khi rơi xuống biển. Theo phóng viên, cú rơi có thể diễn ra trong khoảng chín mươi giây. Kathryn không thể rời mắt khỏi màn hình. Cô dõi theo đường vòng cung của buồng lái đồ họa khi nó rơi xuống nước, làm nước bắn lên và chìm nghỉm.

Những cuộn mây màu trắng sữa đang dày lên, làm giảm ánh sáng chiếu vào cửa sổ phòng ngủ của khách. Kathryn ngồi dậy trên giường, quyết tâm bắt tay vào dọn dẹp. Cô nghe tiếng bước chân ngoài hành lang nên vội thả hai chân xuống cạnh giường. Chắc là bà Julia, cô nghĩ, đến để giúp một tay. Nhưng khi Kathryn ngước lên, cô nhận ra người đang đứng ở khung cửa không phải là bà Julia, mà là

Robert Hart.

“Tôi đến nhà bà của cô,” anh ta nói ngay, “cụ bảo cô đã về đây.”

Anh đút tay vào túi áo khoác thể thao, chiếc áo có màu mềm mại mơ hồ, có lẽ là màu nâu sẫm. Trông anh thật khác khi mặc quần jean. Tóc anh hơi rối, giống như anh mới dùng tay vuốt tóc lại.

“Tôi đến đây không phải vì công việc,” anh nói. “Tôi được nghỉ vài ngày. Tôi muốn xem cô thế nào rồi.” Anh bước vào phòng.

Cô tự hỏi anh có gõ cửa phía sau nhà không, và giả dụ có, thì tại sao cô lại không nghe thấy.

“Tôi rất vui khi gặp lại anh,” cô nói và tự ngạc nhiên về chính mình.

Mà đúng là vậy. Cô có thể cảm thấy một khối nặng – không phải toàn bộ trọng lượng, chỉ là một phần nhỏ nhùng nhằng – trượt khỏi vai mình.

“Mattie thế nào rồi?” anh hỏi, đi vào phòng và ngồi xuống chiếc ghế sơn mài đỏ.

Đó sẽ là một bức ảnh thú vị, Kathryn chợt nghĩ, người đàn ông ngồi trên ghế sơn mài đỏ trên nền sơn xanh đọt chuối. Một người đàn ông hấp dẫn. Một khuôn mặt thu hút. Chỏm tóc và mái tóc màu đất, kết hợp với tướng ngồi hơi thõng vai, đút tay vào túi, khiến anh trông hao hao người Anh, như một nhân vật trong một bộ phim về Thế chiến thứ hai. Một người đang chìm trong suy tư, cô nghĩ

“Kinh khủng,” Kathryn đáp, cảm thấy nhẹ nhõm khi có

người để nói về Mattie. Bà Julia đã quá mệt mỏi nên cô không muốn tạo thêm gánh nặng cho bà với những mối bận tâm của riêng mình. Bà đã chịu khổ sở quá nhiều, nhiều hơn bất kỳ người phụ nữ bảy mươi tám tuổi nào.

"Mattie đang vật vã lắm," Kathryn kể đơn giản với Robert. "Nó bồn chồn, lo lắng, không tập trung được vào bất kỳ việc gì. Thỉnh thoảng nó cố xem tivi, nhưng việc đó bây giờ không an toàn nữa. Ngay cả khi chương trình nó xem không phải là tin tức thì vẫn luôn có cái gì đó khiến nó nhớ đến bố. Tối qua, nó đi đến nhà của Taylor để gặp vài đứa bạn, và khi trở về nó cực kỳ cáu bẳn. Một người bạn của bố Taylor có mặt tại nhà đã hỏi Mattie là sắp tới có phiên tòa xét xử không, và Mattie đã mất hết tự chủ. Bố của Taylor phải chở nó về."

Kathryn nhận ra Robert đang nhìn cô chăm chú.

"Tôi cũng không biết nữa," cô nói. "Tôi lo lắm, Robert ạ. Thực sự rất lo. Mattie dễ nổi cáu lắm. Nó rất mong manh dễ vỡ. Nó không chịu ăn uống gì cả. Đôi khi nó phá ra cười như điên dại. Dường như nó không còn biết cách phản ứng phù hợp với bất kỳ thứ gì nữa. Dù tôi cũng muốn biết thế nào là phù hợp. Tôi bảo Mattie rằng cuộc sống không phải đã tan biến, chúng ta không thể phá bỏ các luật lệ, và nó đáp, khá đúng, rằng mọi luật lệ đều đã bị phá vỡ rồi."

Anh gác chéo chân theo kiểu đàn ông, mắt cá chân này đặt trên đầu gối chân kia.

"Giáng sinh của cô thế nào?" anh hỏi.

"Buồn lắm. Rất thảm hại. Từng phút đều rất thảm hại. Điều tồi tệ nhất là chứng kiến Mattie cố gắng. Như thể nó

mắc nợ tôi và bà Julia vậy. Như thể nó mắc nợ bố nó. Giờ tôi chỉ ước giá như chúng tôi đã hủy toàn bộ mọi việc. Còn anh thì sao?”

“Buồn,” anh đáp. “Thảm hại.

Kathryn mỉm cười.

“Cô đang làm gì trong này?” anh hỏi, nhìn quanh phòng, như để tìm manh mối từ một món đồ nào đấy.

“Tôi đang cố tình tránh né dọn dẹp nhà cửa. Trước nay tôi luôn dùng phòng này làm nơi nghỉ ngơi. Tôi ẩn nấp trong đây. Anh đang làm gì ở đây? Đó mới là câu cần hỏi đấy.”

“Tôi được nghỉ vài ngày.”

“Thì sao?”

Anh bỏ chân xuống, đút tay vào túi quần.

“Vào đêm cuối cùng, Jack không nghỉ ở căn hộ dành cho phi hành đoàn,” anh nói.

Không khí trong phòng trở nên ngột ngạt và nặng nề.

“Anh ấy đi đâu?” Kathryn khẽ hỏi.

Sao người ta lại có thể mau mắn đặt ra một câu hỏi mà mình không muốn nghe câu trả lời thế nhỉ, Kathryn tự nhủ, và đây không phải là lần đầu tiên. Tựa như một phần của lý trí thách thức phần còn lại.

“Chúng tôi không biết,” Robert đáp. “Như cô đã biết, anh ấy là người Mỹ duy nhất trong phi hành đoàn. Khi máy bay hạ cánh, Martin và Sullivan lên xe của họ rồi lái về

nhà. Chúng tôi biết rằng Jack đã đến căn hộ, tuy rất ngắn ngủi, vì anh ấy đã gọi hai cuộc điện thoại, một cuộc cho cô và một cuộc cho một nhà hàng để đặt bàn tối hôm đó. Nhưng theo người giúp việc, không có ai ngủ lại đó vào tối thứ hai. Có vẻ như Ban An toàn đã biết chuyện này một thời gian rồi. Nó sẽ xuất hiện trong bản tin hôm nay. Buổi trư

Kathryn nằm xuống giường và nhìn lên trần nhà. Cô không có ở nhà khi Jack gọi điện, và anh đã để lại lời nhắn trong máy ghi âm. *Chào cưng, anh đây. Anh sắp xuống dưới để kiếm gì ăn. Em gọi điện cho Alfred chưa? Hẹn sớm gặp lại em nhé.*

"Tôi không muốn cô bị bất ngờ. Tôi không muốn cô nhận tin này một mình."

"Mattie...," cô thốt lên.

"Tôi đã báo với bà Julia rồi," anh nói. Anh đứng dậy, đi qua phòng, ngồi xuống ở cuối giường, gần như không chạm lên mép giường. Anh mặc áo cotton màu sẫm, có lẽ là màu xám, dù Kathryn tự hỏi có phải màu đó cũng được gọi là màu nâu sẫm không.

Đầu óc cô cảm thấy bị xô đẩy, đè nén. Nếu Jack không ngủ trong căn hộ phi hành đoàn thì anh đã ngủ ở đâu? Cô nhắm mắt, không muốn nghĩ đến điều đó. Nếu có người hỏi, cô hẳn đã nói rằng cô biết chắc chồng cô chưa bao giờ thiếu chung thủy. Chuyện này không giống Jack, cô muốn nói với Robert như vậy. Đó hoàn toàn không phải là anh ấy.

"Chuyện này sẽ chấm dứt," Robert nói.

"Đó không phải là tự sát." Cô cảm thấy thôi thúc ít nhất

phải nói ra điều này. Cô cảm thấy như vậy một cách tuyệt đối.

Anh nghiêng người qua, đặt tay lên tay cô. Theo bản năng, cô rút tay lại, nhưng anh nắm chặt.

Cô không muốn hỏi, cô đã không hỏi, nhưng cô phải hỏi, và cô có thể thấy rằng anh đang chờ đợi câu hỏi. Cô từ từ ngồi dậy, rút tay lại, và lần này Robert thả ra.

"Cuộc hẹn đặt bàn cho bao nhiêu người?" cô hỏi hết sức

"Cho hai người."

Cô bặm môi. Như thế cũng không có ý nghĩa gì, cô nghĩ. Có thể là cho Jack và một người trong phi hành đoàn, phải không nhỉ? Cô thấy ánh mắt của Robert hướng ra cửa sổ rồi quay lại. Người nào trong phi hành đoàn? cô tự hỏi.

"Cô giữ liên lạc với Jack thế nào mỗi khi anh ấy đi xa?" Robert hỏi.

"Anh ấy gọi cho tôi. Như thế dễ hơn, vì lịch của tôi lúc nào cũng vậy. Anh ấy gọi cho tôi ngay sau khi đến căn hộ phi hành đoàn. Nếu cần liên lạc thì tôi sẽ để lại tin nhắn trong hộp thư thoại của anh ấy. Chúng tôi đã thỏa thuận với nhau như thế vì tôi không bao giờ biết khi nào thì anh ấy đang cố chợp mắt."

Cô nghĩ đến sự thỏa thuận đó. Đó là đề nghị của cô hay của Jack? Họ đã làm thế trong nhiều năm rồi, cô không nhớ nổi đã bắt đầu như thế nào nữa. Và đó dường như luôn là một hệ thống hợp lý, không có gì phải hỏi. Kỳ lạ thật, cô nghĩ, một sự việc nhìn ở góc độ này thì ra thế này, nhưng khi nhìn ở góc độ khác thì lại ra một thứ hoàn toàn

khác. Hoặc có lẽ nó không kì lạ đến mức đó.

“Rõ ràng chúng ta không thể hỏi phi hành đoàn,” cô nói.

“Đúng.”

Cô nghĩ đến câu hỏi mà Mattie đã hỏi cô vào ngày nó nhận được tin đồn về vụ tự sát: Làm sao mẹ biết rằng mẹ biết một ai đó?

Kathryn đứng dậy và đi đến cửa sổ. Cô đang mặc áo thun cũ rộng thùng thình và quần jean sờn gối mà cô đã mặc mấy ngày rồi. Cả đôi tất mà cô đang đi cũng không sạch. Cô không nghĩ hôm nay mình sẽ gặp ai. Cô nghĩ khi đau buồn thì ngoại hình là thứ đầu tiên bỏ đi. Hay nhân phẩm mới là thứ đầu tiên?

“Tôi không cn khóc được nữa,” cô nói. “Giai đoạn đó qua rồi.”

“Kathryn...”

“Đó là chuyện chưa có tiền lệ,” cô nói tiếp. “Tuyệt đối không có tiền lệ. Chưa có phi công nào từng bị buộc tội tự sát trong hãng hàng không cả.”

“Thật ra, không phải là không có tiền lệ,” Robert nói. “Từng có một vụ.”

Kathryn quay mặt lại từ cửa sổ.

“Ở Maroc. Một máy bay của hãng Royal Air Maroc đã rơi gần Agadir vào tháng tám năm 1994. Chính phủ Maroc, dựa theo đoạn băng CVR, cho rằng tai nạn đó là do hành động tự sát. Có vẻ như phi công đã cố tình ngắt chế độ bay tự động và hướng máy bay xuống đất. Chiếc máy bay

bị vỡ trước khi va chạm. Bốn mươi bốn người chết.”

“Chúa ơi!”

Cô đưa tay lên che mắt. Không thể không thấy, dù chỉ trong một tích tắc, nỗi khiếp đảm của cơ phó khi chứng kiến cơ trưởng tự sát, cơn hoảng loạn kinh hoàng của các hành khách trong máy bay khi họ cảm thấy sự rơi đột ngột.

“Chừng nào họ mới công bố đoạn băng?” cô hỏi. “Đoạn băng của Jack?”

Robert lắc đầu. “Tôi ngờ rằng họ sẽ không bao giờ công bố nó. Họ không cần phải làm thế. Đoạn trích được lấy dựa theo Đạo luật Tự do Thông tin. Khi các đoạn băng được công bố, thì nội dung của nó hoặc là không có gì nhạy cảm, hoặc là đã được kiểm duyệt kỹ càng.”

“Vậy là tôi sẽ không bao giờ phải nghe nó.”

“Tôi nghĩ vậy.

“Nhưng vậy thì... làm sao chúng ta biết được chuyện gì đã xảy ra?”

“Ba mươi cơ quan khác nhau ở ba quốc gia đang điều tra về vụ nổ này,” Robert nói. “Tin tôi đi, Liên đoàn ghét lời cáo buộc tự sát hơn bất kỳ ai khác – thậm chí chỉ là manh mối của một vụ tự sát. Tất cả các nghị sĩ ở Washington đang kêu gọi kiểm tra tâm lý phi công gắt gao hơn, mà theo quan điểm của Liên đoàn thì đó là một cơn ác mộng. Vụ này càng được giải quyết sớm thì càng tốt.”

Kathryn xoa bóp cánh tay, làm cho máu lưu thông. “Tất cả chỉ là chuyện chính trị, phải không?” cô hỏi.

"Thường là thế."

"Vì vậy mà anh mới đến đây."

Anh ngồi trên giường, im lặng. Anh lấy tay vuốt phẳng ga trải giường. "Không. Không phải bây giờ."

"Vậy anh đến đây với tư cách là...?"

"Tôi ở đây," anh đáp, ngước lên. "Tôi chỉ ở đây, vậy thôi."

Cô gật đầu chậm rãi. Cô muốn mỉm cười. Cô muốn nói với Robert Hart rằng cô rất vui khi anh có mặt ở đó, rằng trải qua toàn bộ chuyện này một mình là điều vô cùng khó khăn, và rất khó khăn khi không được ở bên người duy nhất mà cô cần, đó là Jack.

"Áo anh mặc có phải loại tốt không?" cô hỏi nhanh.

"Không hẳn."

"Anh có muốn làm việc

CHƯƠNG 12

Mưa rơi như trút nước ngoài khung cửa sổ khổng lồ của khán phòng. Gian phòng cũ kỹ và dốc, xây từ những năm 1920, đến nay chưa được sửa chữa. Tường được ốp gỗ, trên đó khắc chi chít những câu tuyên ngôn tình yêu và tên viết tắt của học sinh. Những bức rèm nặng nề màu mận chín dường như không bao giờ hoạt động chính xác treo ở hai bên sân khấu. Chỉ có ghế ngồi, bị đâm bằng bút và lột bằng dao bỏ túi sau nhiều năm, là được thay mới. Bây giờ ghế ngồi của khán giả là ghế tháo ra từ Rạp chiếu bóng Ely Falls sau khi tòa nhà đó bị phá sập để xây một

ngân hàng.

Khán phòng từ từ được các vị phụ huynh lấp đầy trong khi ban nhạc nỗ lực hết sức để chơi bản “Pomp and Circumstance.” Chỉ huy từ hốc nhạc trưởng ngay dưới sân khấu, Kathryn cố gắng làm cho phần trình diễn của hai mươi ba nhạc công trung học thể hiện vừa đủ bản giao hưởng quen thuộc tại lễ tốt nghiệp. Susan Ingalls, trong đội kn clarinet, đang chơi lạc tông nghiêm trọng, còn Spence Closson, phụ trách trống bass, trông có vẻ đặc biệt căng thẳng vào tối hôm nay, chùn tay một chút trước mỗi nhịp.

Quá giờ, Kathryn tự nhủ. Trong bất kỳ công việc nào khác, đây sẽ được gọi là làm việc quá giờ.

May là hôm nay không phải lễ tốt nghiệp, chỉ là Lễ Trao Giải. Kathryn có năm học sinh cuối cấp trong ban nhạc, trong đó có hai em có khả năng đoạt giải thưởng học thuật. Đó là một trong số ít lợi thế của một ngôi trường nhỏ. Lễ Trao Giải thường rất ngắn gọn.

Vẫn cầm gậy chỉ huy trong tay, cô ngồi xuống cạnh Jimmy DeMartino, chơi kèn tuba. Cô nghĩ ngợi thiệt hơn nếu đưa Susan Ingalls ra sau sân khấu để chỉnh lại kèn clarinet của cô bé. Thầy hiệu trưởng bắt đầu bài phát biểu, sau đó sẽ là bài trình bày của thầy hiệu phó và đại diện học sinh của cấp cuối lên đọc diễn văn tốt nghiệp. Kathryn cố gắng tập trung, nhưng tâm trí cô cứ dán vào việc phải chấm điểm bài vở tối nay sau khi về đến nhà. Những tuần cuối cùng của niên học luôn gây khó chịu và đầy cảm xúc. M trong suốt năm ngày qua, cô đã phải tổng dượt với ban nhạc trong giờ ăn trưa để các em học sinh cuối cấp – tổng cộng hai mươi tám em – có thể tập dượt bài “Pomp and Circumstance” cho lễ tốt nghiệp. Chưa lần nào trong tuần

này bài nhạc đó, dù được chơi rất dở, lại không khiến người nghe rơi nước mắt. Nhưng đến đêm tốt nghiệp, Kathryn biết, sẽ chẳng còn em nào có tâm trạng để khóc, nỗi buồn khi phải rời trường sẽ được thể hiện tốt, và các em học sinh cuối cấp sẽ chỉ còn nghĩ đến cảnh tiệc tùng thâu đêm trước mắt. Năm nào cũng thế.

Các bài phát biểu đã kết thúc, hiệu trưởng bắt đầu công bố giải thưởng. Kathryn nhìn đồng hồ. Nửa giờ ở bên ngoài, cô tính toán. Sau đó ban nhạc sẽ chơi bài “Trumpet Voluntary”, mọi người sẽ về nhà, và cô có thể bắt đầu nhập điểm cho lớp lịch sử của mình. Mattie có bài kiểm tra toán cuối kỳ vào ngày mai.

Cô nghe tiếng vỗ tay, tiếng thốt lên mừng rỡ khi một cái tên được xướng lên, thêm một tràng pháo tay, thỉnh thoảng có tiếng huýt sáo từ đám đông. Các em học sinh cuối cấp ngồi ở hàng đầu tiên của khán phòng lần lượt lên sân khấu và quay về với những tờ giấy khen cuộn tròn được buộc ruy băng, đôi khi có em đem về một chiếc cúp. Jimmy DeMartino ngồi cạnh cô nhận một giải thưởng vì thành tích xuất sắc trong môn vật lý. Cô giữ chiếc kèn tuba cho cậu trong khi cậu lên sân khấu lĩnh thưởng.

Ba mươi phút đã trôi qua, Kathryn đợi nghe tiết mục trao giải từ từ lắng xuống, tín hiệu của việc buổi lễ tối nay đã kết thúc. Để chuẩn bị, cô đứng dậy đi về phía bục chỉ huy dàn nhạc, khẽ dùng tay ra dấu để nhắc các nhạc công cầm nhạc cụ lên. Cô thay đổi âm nhạc trên bục, khoanh tay chờ đợi đến phút bắt đầu.

Nhưng cô đã nhầm lẫn. Thầy hiệu trưởng chưa đi xuống. Còn một giải thưởng nữa chưa trao.

Kathryn nghe những từ *điểm số cao nhất* và *lớp mười*

một. Một cái tên được xướng lên. Một nữ sinh đứng lên, đưa chiếc kèn clarinet cho Kathryn. Cô bé mặc áo thun trắng, váy đen ôm sát, mang giày bốt đế bằng, tiến lên sân khấu. Khán giả, trong cảm giác hòa lẫn giữa ngưỡng mộ vì thành tích của cô bé và nhẹ nhõm vì buổi lễ đã kết thúc, vỗ tay nhiệt liệt. Kathryn kẹp chiếc kèn clarinet của Mattie dưới cánh tay và vỗ tay không kém h

Jack nên có mặt ở đây, Kathryn nghĩ.

Sau đó, trong phòng của ban nhạc, Kathryn ôm chặt Mattie đến ngạt thở.

- Mẹ tự hào lắm, cô nói.

- Mẹ ơi, Mattie nói không ra hơi, - con có thể gọi điện cho bố để báo tin không? Con thực sự rất muốn gọi.

Kathryn nghĩ ngợi một lúc. Jack đang ở London và sắp đi ngủ để chuẩn bị cho chuyến bay tiếp theo, nhưng cô biết anh sẽ không phiền lòng nếu bị đánh thức vì tin này.

- Đương nhiên rồi, Kathryn nói với Mattie. – Sao lại không chứ? Chúng ta sẽ dùng điện thoại trong phòng thầy hiệu trưởng.

Dùng số thẻ gọi quốc tế, cô gọi đến căn hộ phi hành đoàn, nhưng không có người trả lời. Cô gác máy và gọi lại lần nữa. Qua cửa sổ, cô thấy gió đang quất từng trận mưa xuống đường. Kathryn thử gọi lần thứ ba, nghĩ rằng việc gọi đi gọi lại cũng đủ để báo cho Jack biết cô đang cố gắng gọi cho anh. Bấy giờ là một giờ ba mươi sáng ở London. Anh ở đâu nhỉ?

- Chúng ta sẽ gọi khi về nhà, cô nói với Mattie với một nụ cười trên môi.

Nhưng ở nhà, khi cô gọi đến số ở London, vẫn không có người nhấc máy. Kathryn gọi ba lần, trong đó có hai lần Mattie không thấy. Cô để lại lời nhắn trong hộp thư thoại. Cảm thấy sự hào hứng và hãnh diện của buổi tối hôm đó bắt đầu giảm, Kathryn không còn cố gắng gọi cho Jack nữa, và để ăn mừng thành tích của Mattie, cô nướng một mẻ bánh chocolate. Mattie quá phấn khích đến nỗi không thể tập trung ôn bài môn toán, ngồi ở bàn nhà bếp trong lúc mẹ trộn bột. Lần đầu tiên trong đời, họ bàn bạc về chuyện học cao đẳng, và Kathryn nghĩ đến những trường mà cô chưa xem xét đến trước đây. Cô nhìn con gái theo một cách mới.

Khi Mattie đi ngủ, niềm vui gượng ép của Kathryn bắt đầu tiêu tan. Cô thức khuya để nhập điểm. Cô gọi đến số điện thoại ở London vào nửa đêm, lúc đó là năm giờ sáng giờ London, và phát cáu khi phải nghe tiếng điện thoại reo trong căn hộ phi hành đoàn mà không có ai nhấc máy. Jack sẽ phải ra sân bay trong một giờ nữa để bay đến Amsterdam và Nairobi. Lúc đó cô bắt đầu lo rằng có chuyện nghiêm trọng đã xảy ra với anh. Suốt một lúc, cô dao động giữa giận và lo, cho đến khi ngủ thiếp đi trên sofa với sổ điểm và máy tính đặt trên đùi.

Anh gọi lúc một giờ kém mười lăm. Sáu giờ kém mười lăm, giờ chỗ anh. Giọng anh đánh thức cô với những cơn bùng nổ ngắt quãng.

- Kathryn, có chuyện gì? Chuyện gì xảy ra vậy? Em có sao không?

- Anh đi đâu vậy? cô lảo đảo hỏi, ngồi dậy.

- Ở đây, anh đáp. - Anh ở đây mà. Anh vừa kiểm tra hộp

thư thoại.

- Sao anh không nghe điện thoại?

- Anh tắt tiếng chuông. Anh mệt quá chỉ muốn ngủ thôi. Chắc là anh bị cảm rồi.

Cô nghe sự nghẹn ngào trong giọng nói của anh. Các hãng hàng không nổi tiếng là nơi truyền mầm bệnh cảm cúm.

- Cũng may là không có gì khẩn cấp, cô đáp, giọng tỏ chút hờn dỗi.

- Nghe này, anh thành thật xin lỗi. Nhưng anh quá mệt, anh nghĩ ngủ quan trọng hơn. Vậy có chuyện gì nào? Em có tin gì à?

- Em không thể nói được. Mattie muốn đích thân báo với a

- Không phải tin xấu chứ?

- Không, không. Là tin tốt.

- Gợi ý cho anh đi.

- Không, em không thể. Em đã hứa rồi.

- Chắc là em không định gọi con dậy bây giờ chứ hả?

- Không, sáng mai con có bài thi toán.

- Anh sẽ gọi điện cho con trên đường bay, anh nói. - Anh sẽ hẹn giờ để gọi khi con đã thức.

Kathryn dụi mắt. Đầu dây bên kia im lặng. Cô muốn

gặp mặt chồng ngay lúc này. Cô muốn chui vào chiếc giường trong căn hộ phi hành đoàn với anh. Cô chưa bao giờ nhìn thấy căn hộ phi hành đoàn. Sạch bong, anh đã mô tả như thế. Như phòng gia đình trong khách sạn.

- Vậy...

- Kathryn à, anh thật sự xin lỗi. Anh sẽ bảo hãng hàng không lắp một hệ thống để báo tin trong trường hợp khẩn cấp. Anh sẽ mua máy nhắn tin.

Cô thở dài trong điện thoại. - Jack, anh còn yêu em chứ?

Trong một khoảnh khắc, anh im lặng.

- Sao em hỏi vậy?

- Em không biết, cô đáp. - Em nghĩ chắc vì lâu rồi em không nghe anh nói câu đó.

- Dĩ nhiên là anh yêu em rồi, anh đáp. Anh hắng giọng. - Anh yêu em thật lòng. Giờ em đi ngủ đi. Anh sẽ gọi lại lúc bảy giờ.

Nhưng anh không gác máy, cô cũng vậy.

- Kathryn?

- Em đây.

- Có chuyện gì vậy em?

Cô không biết chính xác có chuyện gì. Cô chỉ có một cảm giác yếu đuối mơ hồ, cảm giác bị bỏ rơi quá lâu. Có lẽ chỉ là vì cô đã quá mệt.

- À, không có gì, cô đáp, mượn cách nói của Mattie.

- Không có gì thật chứ, Jack lặp lại.

- Vâng, không có gì.

Cô có thể thấy được chồng mình đang mỉm cười.

- Nói với em sau nhé, anh nói rồi gác máy.

- Nói với anh sau, cô đáp, cầm ống nghe lặng thinh trong tay.

CHƯƠNG 13

Họ di chuyển từ phòng này sang phòng khác, lau bụi, hút bụi, chà rửa sàn nhà, đổ rác, dọn giường, giặt giũ. Robert làm những việc này như một người đàn ông, cô nhận thấy thế: vụng về khi dọn giường, tháo vát trong nhà bếp, chà rửa sàn nhà bếp như đang hành hạ tra tấn nó. Với sự có mặt của Robert trong phòng ngủ của cô và của Mattie, những vật dụng tiềm ẩn hiểm họa trở nên bình thường: Áo sơ mi vắt trên ghế cũng chỉ là một chiếc áo mà Robert ném xuống đất cùng mớ quần áo cần giặt khác. Ga giường là ga giường, cần được giặt như bất cứ thứ gì khác. Anh nhặt giấy tờ trong phòng làm việc của Jack và, chẳng cần xem chúng là gì, không như Kathryn, cho hết vào ngăn kéo và đóng lại. Trong phòng của Mattie, Kathryn nhận thấy sự dò xét của Robert, cảm nhận rằng anh sợ khi vào phòng này cô sẽ chùn bước, nhưng cô khiến anh và chính bản thân cô ngạc nhiên khi tỏ ra đặc biệt nhanh nhẹn và hiệu quả. Thậm chí cô còn giúp Robert hạ cây thông Giáng sinh xuống, cả hai kéo cây thông đã khô héo qua nhà bếp ra hành lang sau nhà, làm lá rụng vương vãi trên sàn gỗ và sàn đá. Khi họ dọn dẹp xong, những gợn mây màu trắng sữa trên trời đã nhường chỗ cho những cụm mây

xám thấp là đà.

“Sắp có tuyết rồi,” Robert nói, dùng một ống nước xịt bên trong bồn rửa bát.

Cô mở tủ dưới bồn rửa, cất lại những chai nước cọ rửa nhà tắm, hiệu Pine Sol và Comet. Cô rửa tay dưới vòi nước rồi lau khô bằng khăn lau bát.

“Tôi đói rồi,” cô nói, cảm thấy sự hài lòng nhẹ nhàng mỗi khi nhà cửa sạch sẽ. Giống như vừa ngâm mình trong bồn tắm.

“Tốt,” anh quay người lại nói. “Trong xe có tôm hùm đấy.”

Cô nhướn mày.

“Mua ở Ingerbretson,” anh giải thích. “Tôi mua trên đường đến đây. Không cưỡng lại được.”

“Tôi không thích tôm hùm lắm,” cô nói.

“Tôi thấy đồ kẹp trong ngăn đồ bạc.”

“Anh cũng thích nghiêng nhỉ.”

“Thỉnh thoảng thôi.”

Nhưng khi đứng đó, cô chợt có cảm giác rằng Robert Hart lúc nào cũng ngó nghiêng. Lúc nào cũng quan sát.

***

Robert nấu hôm hùm trong khi Kathryn dọn bàn ngoài phòng khách. Một cơn mưa tuyết trút xuống, những mảng bông tuyết lặng lẽ rơi lên kính cửa sổ. Kathryn mở tủ

lạnh, lấy ra hai chai bia. Cô khui một chai, chuẩn bị khui chai thứ hai thì chợt nhớ ra Robert không uống bia. Cô lén cất hai chai bia vào tủ lạnh không để Robert nhận ra.

"Làm ơn đi mà," Robert nói khi đang đứng cạnh bếp. "Cứ uống bia đi. Tôi không thấy phiền đâu. Thật ra nếu cô không uống thì tôi mới thấy khó chịu đấy."

Kathryn nhìn đồng hồ: mười hai giờ hai mươi. Thời gian thấm thoắt trôi. Một lần nữa, vỏ bọc thời gian lại mở ra. Hôm đó là thứ sáu. Bình thường giờ này cô đang ở trường, tiết năm. Bình thường cô sẽ không uống bia. Dù đó là kỳ nghỉ Giáng sinh, cô nghĩ; theo lý thuyết, phải đến ngày mồng hai tháng giêng cô mới đi dạy lại. Cô chưa nghĩ đến chuyện sẽ xoay sở thế nào trong lớp học. Một hình ảnh tốp học sinh chạy nhảy trên hành lang hiện lên, nhưng cô gạt bỏ nó ngay.

Lúc mười hai giờ kém năm phút, Robert đã tắt tất cả tiếng chuông điện thoại. Không có gì khẩn cấp đến nỗi không chờ được một, hai giờ, anh bảo thế, và cô đồng tình.

Trên tinh thần đó, cô trải lên chiếc bàn gần cửa sổ trong phòng khách chiếc khăn in hoa đỏ, màu sắc tươi tắn của khăn trải bàn đối nghịch với sắc trời ảm đạm bên ngoài. Robert mở nhạc lên: B.B.King. Kathryn ước gì trong nhà có hoa tươi. Nhưng chính xác thì cô đang ăn mừng chuyện gì? cô tự hỏi, cảm thấy hơi tội lỗi. Vì đã sống sót trong mười một ngày qua? Vì đã dọn dẹp nhà cửa? Cô xếp dao nĩa, bát đựng vỏ tôm, bánh mì, bơ đã làm tan, và một cuộn khăn giấy dày lên bàn. Robert bước từ nhà bếp vào phòng khách, bê một đĩa tôm hùm ướt và trơn. Mặt trước áo anh lấm tấm nước

“Tôi đói rụng rời rồi,” anh nói, đặt đĩa tôm xuống và ngồi đối diện cô.

Cô nhìn những con tôm hùm trước mặt. Và vào đúng lúc đó, sự chấn động ký ức mạnh mẽ, quyết liệt lại tấn công cô. Cô nhìn nhanh ra ngoài cửa sổ. Cô đưa một tay lên miệng.

“Chuyện gì vậy?” Robert hỏi.

Cô vội lắc đầu nguầy nguậy. Cô ngồi yên, giữ chặt trong một hình ảnh, không dám cử động về trước hay sau vì sợ những vết nứt. Cô hít sâu vào, rồi thở ra, đặt hai cánh tay lên bàn.

“Tôi chỉ mới nhớ lại một kỷ niệm,” cô đáp.

“Kỷ niệm gì?”

“Jack và tôi.”

“Ở đây à?”

Cô gật đầu.

“Ngồi ăn như thế này?”

Giống thế này, cô muốn nói như thế, nhưng không phải thế này. Lúc đó là đầu hè, rèm được cuốn lên. Mattie đang ở nhà bạn, và lúc đó là buổi chiều, gần bốn hoặc năm giờ. Ánh nắng rất đặc biệt, cô còn nhớ, lung linh xanh như thủy tinh biển. Họ uống champagne. Họ ăn mừng chuyện gì nhỉ? Cô không tài nào nhớ nổi. Có thể chẳng vì chuyện gì cả, có thể là để chúc tụng chính họ. Cô đã muốn làm tình, cô còn nhớ, và anh cũng thế, nhưng không ai muốn hi sinh một con tôm hùm mới luộc nóng hổi, thế là họ chờ

đợi với một sự căng thẳng ngọt ngào giữa hai người. Cô đã mút càng tôm một cách cường điệu, Jack đã cười bảo cô đang khiêu khích, và cô cảm thấy thích thú vì điều đó. Khiêu khích. Cô hiếm khi nào

"Tôi rất tiếc," Robert nói. "Tôi nên biết mới phải. Tôi sẽ đem thức ăn vào nhà bếp."

"Không," cô nói nhanh, chặn tay anh lại khi anh với lấy đĩa của cô. "Không, làm sao anh biết được. Vả lại, cuộc sống tôi đầy ắp những kỷ niệm như vậy. Hàng trăm kỷ niệm nhỏ khiến tôi không kịp trở tay. Chúng giống như bom mìn chôn dưới đồng vậy, chỉ chờ đến lúc phát nổ. Thật lòng mà nói, tôi muốn cắt bỏ thùy não quách cho rồi."

Robert rút bàn tay dưới tay cô ra rồi đặt nó lên các ngón tay cô. Anh nắm tay cô theo kiểu một người đàn ông nắm tay bạn của mình, chờ đợi một cơn khủng hoảng nhỏ bùng nổ. Bàn tay anh rất ấm, vì tay của Kathryn chợt lạnh buốt. Những kỷ niệm đã khiến cô trở nên thế này; chúng đã rút hết máu khỏi tay chân cô. Cũng giống như nỗi sợ.

"Anh tốt với tôi quá," cô nói.

Thời gian trôi qua. Bao lâu? Cô không còn tính được từng giây, từng phút. Cô nhắm mắt lại. Bia khiến cô hơi buồn ngủ. Cô muốn lật bàn tay lại, muốn anh chạm vào lòng bàn tay cô. Vuốt bàn tay anh dọc lòng bàn tay lên đến cổ tay cô. Cô tưởng tượng có thể cảm nhận được hơi ấm từ bàn tay anh di chuyển dọc mặt trong cánh tay mình, vỗ lên cùi chỏ.

Các ngón tay cô trở nên buông lỏng, và cô cảm thấy sự căng thẳng trút khỏi người mình. Sự buông lỏng đó, đầu hàng đó thật hư hỏng, nhưng không. Mắt cô dường như

không còn nhìn thấy rõ nữa, cô không còn nhìn thấy Robert hay cái gì khác nữa, chỉ còn cảm giác ánh sáng từ cửa sổ. Ánh sáng đó, phân tán và mờ ảo, tạo ra một cảm giác dễ chịu uể oải. Và cô nghĩ rằng cô phải cảm thấy khó chịu vì đã nghĩ đến Robert và cô theo cách đó, nhưng một cảm giác khoan dung dường như đã trỗi lên như một làn khói mờ, cô cảm thấy mơ hồ và lãng đãng. Đến nỗi khi Robert, trong nỗ lực kéo cô về với thực tại, siết chặt bàn tay cô, cô cảm thấy như bị ném về khoảnh khắc hiện thực.

"Anh giống như một linh mục vậy," cô nói.

Anh bật cười. "Không có đâu."

"Tôi nghĩ vì vậy mà tôi tìm đến anh."

"Cha Robert," Robert nói, mỉm cười.

Và rồi cô nghĩ: Có ai biết được bàn tay của người đàn ông này vuốt lên mặt trong cánh tay cô đâu? Có ai quan tâm đâu? Chẳng phải mọi luật lệ đều đã bị phá vỡ rồi sao? Chẳng phải Mattie đã nói như thế sao?

Sự im lặng của trận tuyết rơi bao trùm lấy họ. Cô có thể nhận thấy anh đang cố gắng hiểu một cách chính xác cô đang nghĩ gì và tại sao, nhưng cô không thể giúp anh, vì bản thân cô còn không biết. Phòng khách lúc nào cũng quá lạnh vào mùa đông, cô nghĩ, và đã cô rùng mình dù nghe được tiếng hơi nước róc rách trong máy sưởi. Bên ngoài, trời đã âm u đến nỗi có thể nhầm tưởng là hoàng hôn.

Anh rút tay lại, để bàn tay cô trơ trọi trên bàn. Cô cảm thấy bị phơi bày.

Cô uống chai bia thứ hai. Họ ăn hết bánh mì và tôm hùm. Giữa lúc ăn, Robert đứng dậy và thay đĩa nhạc.

B.B.King chuyển sang Brahms.

“Cô có mấy đĩa nhạc hay quá,” anh nói khi quay lại.

“Anh thích nghe nhạc lắm à?”

“Vâng.”

“Thể loại gì?”

“Đặc biệt là piano. Nhạc này của Jack hay của cô?” anh hỏi, ngồi xuống.

Cô cúi đầu, không chắc chắn có hiểu câu hỏi đó hay không.

“Thông thường các đĩa nhạc và dàn âm thanh là đam mê của một trong hai vợ chồng, không thể của cả hai,” anh giải thích. “Đó là theo kinh nghiệm của tôi.”

Cô nghĩ ngợi về điều này.

“Của tôi,” cô đáp. “Jack không phân biệt được các nốt nhạc. Nhưng anh ấy thích rock and roll. Và một vài đĩa nhạc của Mattie - vì tiết tấu, tôi nghĩ vậy. Còn anh thì sao?”

“Cũng của tôi,” anh đáp. “Dù vợ cũ của tôi giữ lại dàn âm thanh và phần lớn đĩa nhạc. Một trong hai đứa con của tôi thừa hưởng tai nghe nhạc từ bố. Nó chơi saxophone trong trường. Đứa kia thì hình như chẳng quan tâm gì.”

“Mattie chơi kèn clarinet đấy. Tôi đã cố gắng hướng nó chơi piano,” Kathryn kể, “nhưng điều đó giống như cực hình.”

Kathryn nghĩ về tất cả những thời gian cô ở cạnh

Mattie bên cây đàn piano, Mattie rõ ràng không muốn ngồi đấy, cường điệu hóa sự miễn cưỡng vô lý của nó bằng cách gãi lưng liên tục khi không thể đàn đúng, hoặc chỉnh lại ghế ngồi, hoặc mất rất nhiều thời gian một cách quá đáng để đàn đúng. Buộc Mattie chơi một bản nhạc một lần đã khó, huống chi đến việc bảo nó tập bài đó vài lần. Thông thường, Kathryn phải bỏ ra khỏi phòng với cảm giác tức giận gần như không che đậy, và mỗi lần như vậy Mattie lại khóc rấm rứt. Khi năm đầu tiên sắp trôi qua, Kathryn nhận ra nếu cô cứ ép buộc Mattie học đàn, thì tình mẹ con của họ sẽ tan nát.

Bây giờ, tất nhiên, Mattie hầu như không bao giờ sống thiếu âm nhạc - trong phòng nó, trong xe, và gắn tai nghe suốt ngày như thể người ta truyền oxy qua tai nghe vậy.

“Anh có chơi nhạc cụ không?” Kathryn hỏi.

“Từng chơ

Cô quan sát anh và điểm thêm một nét nhỏ vào bức chân dung đã hình thành từ ngày anh bước chân vào nhà. Đó là việc người ta hay làm với người khác, Kathryn tự nhủ, vẽ chân dung, chấm phá thêm những nét còn thiếu, chờ đợi ảnh và màu hiển hiện.

Anh nhúng một phần đuôi tôm vào bơ rồi cho vào miệng.

“Đêm trước khi Jack đi làm,” Kathryn nói, “anh ấy vào phòng của Mattie và hỏi con bé có muốn đi xem đội Celtics thi đấu vào tối thứ sáu không. Một người bạn tặng anh ấy vé ngồi ở vị trí rất tốt. Điều tôi muốn biết là: Liệu một người đàn ông có rủ con gái mình đi xem đội Celtics chơi hay không nếu anh ta dự định tự sát trước khi quay trở

lại?”

Robert lau cằm rồi nghĩ ngợi một lúc.

“Liệu một người đàn ông có ghế ngồi rất tốt ở một trận Celtics có tự sát trước khi kịp xem trận đấu không?”

Cô mở to mắt.

“Tôi xin lỗi,” anh ta vội nói. “Không. Nó không hợp lý, tôi không thể lý giải nổi.”

“Và Jack bảo tôi gọi cho Alfred,” Kathryn nói tiếp. “Anh ấy bảo tôi hẹn Alfred thứ sáu đến sửa lại vòi hoa sen bị rỉ nước. Nếu Jack không có ý định quay về, thì anh ấy sẽ chẳng làm thế. Không nói kiểu như thế, gần giống như anh ấy chợt nhớ ra trong lúc đi ra xe. Và anh ấy hẳn đã cư xử khác với tôi. Anh ấy hẳn đã chào tạm biệt theo cách khác. Tôi biết như vậy. Hẳn phải có một chi tiết nhỏ mà lúc đó tôi không nhận ra, nhưng sau đó phải nhớ ra. Một điều gì đó.”

Robert với tay lấy ly nước rồi nhích ra xa chiếc bàn.

“Anh có nhớ,” cô hỏi tiếp, “khi Ban An toàn thẩm vấn tôi, họ hỏi Jack có bạn bè thân thiết ở Anh không?”

“Vâng.”

Cô nhìn vào chiếc bát đựng vỏ tôm.

“Tôi vừa nghĩ ra một ý,” cô nói. “Tôi sẽ quay lại ngay.”

Khi đi lên cầu thang, cô cố gắng nhớ lại xem mình đã giặt mẻ đồ đó chưa. Cô đã mặc chiếc quần jean đó hai ngày rồi ném nó vào giỏ quần áo. Nhưng không phải giỏ của cô, cô nhớ như vậy, mà là giỏ của Mattie. Và Kathryn

chưa giặt quần áo của Mattie lần nào vì Mattie không có ở đó. Tất cả quần áo Mattie cần mặc đều được giặt ở nhà bà Julia.

Cô tìm thấy chiếc quần jean bên dưới một đống đồ bẩn, bị chôn vùi dưới mớ quần áo mà Robert và cô ném vào giỏ vài giờ trước. Cô lấy ra xấp giấy tờ và hóa đơn, chúng bị ẩm một chút vì chiếc khăn tắm lâu ngày chưa giặt.

Khi cô quay về phòng khách, Robert đang trầm tư ngắm tuyết rơi. Anh quan sát khi cô đẩy đĩa thức ăn ra xa và mở xấp giấy tờ ra.

"Nhìn này," cô nói, đưa tấm vé số cho Robert. "Tôi tìm thấy mớ giấy tờ này nhét trong túi quần jean của Jack móc trên cửa nhà tắm vào ngày anh ấy mất. Lúc đó tôi chẳng nghĩ ngợi nhiều mà chỉ nhét chúng vào túi quần jean của mình. Nhưng anh có thấy dòng ghi chú đó không, *M ở A*, và mấy con số theo sau? Anh nghĩ đó là gì?"

Robert nghiên cứu những con số, và cô có thể thấy từ cái chớp mắt của anh rằng anh hiểu điều cô đang nghĩ.

"Một số điện thoại ở Anh, cô nghĩ vậy à," anh ta nói.

"Đó là mã số của London, phải không? Số một tám một đ"Tôi nghĩ vậy."

"Đó có phải là số điện thoại không nhỉ?"

"Tôi không biết nữa."

"Để tôi xem nào," cô nói và chìa tay ra. Robert đưa cô tờ vé số với vẻ miễn cưỡng.

"Tôi tò mò thôi," cô biện hộ. "Nếu nó là số điện thoại

thì tại sao lại viết trên tấm vé này? Mà cái này cũng mới đây thôi. Chắc anh ấy mua tờ vé số này một ngày trước khi đi.” Cô nhìn ngày tháng trên tấm vé. “Đúng rồi. Mười bốn tháng mười hai.”

Đây là việc hoàn toàn hợp lý, cô nghĩ trong lúc bước đến chỗ điện thoại cạnh sofa. Cô nhấc ống nghe lên rồi bấm số. Gần như ngay tức khắc, cô có thể nghe thấy tiếng chuông vang từ xa, âm thanh luôn khiến cô liên tưởng đến những chiếc điện thoại Paris cổ có giá đỡ màu đen thanh mảnh.

Một giọng nói cất lên ở đầu dây bên kia, và Kathryn, bất ngờ trước giọng nói ấy, chưa chuẩn bị tinh thần đón nhận nó, liếc nhanh lên Robert. Cô chưa nghĩ đến điều mình muốn nói. Một phụ nữ nhắc lại câu *xin chào*, lần này có vẻ khó chịu một chút. Không phải bà già, không phải thiếu nữ.

Kathryn tìm một cái tên. Cô muốn hỏi: *Chị có biết một người tên là Jack Lyons không?* nhưng câu hỏi đó chợt nghe có vẻ vô lý quá.

“Chắc tôi nhầm số rồi,” Kathryn đáp nhanh. “Xin lỗi đã làm phiền chị.”

“Ai đấy?” người phụ nữ hỏi, bây giờ có vẻ cảnh giác.

Kathryn không thể xưng tên.

Có tiếng gác máy bực bSau đó là im lặng.

Tay run lẩy bẩy, Kathryn đặt lại ống nghe và ngồi xuống. Cô cảm thấy bấn loạn hệt như lúc còn là cô nữ sinh trung học, gọi điện cho một cậu bạn học mà cô cảm mến nhưng lại không dám xưng tên.

“Thôi bỏ qua chuyện này đi,” Robert khẽ nói.

Kathryn chà hai bàn tay lên đùi quần jean để ngừng run.

“Thế này,” cô nói. “Anh tìm giúp tôi một thứ được không?”

“Thứ gì?”

“Anh có thể tìm tên của toàn bộ phi hành đoàn mà Jack từng bay cùng không?”

“Tại sao?”

“Tôi có thể nhận ra một cái tên nếu nhìn thấy. Hoặc nhớ lại một khuôn mặt mà tôi từng gặp.”

“Nếu cô muốn thế,” anh nói chậm rãi.

“Thật khó để biết tôi muốn gì,” cô đáp.

***

Khi Robert đi lên phòng của Jack để lấy danh sách phi hành đoàn, Kathryn trải toàn bộ những mảnh giấy từ tập giấy nhăn nhúm và xem xét cẩn thận. Cô đặc biệt chú ý đến một hóa đơn từ bưu điện cho một món hàng trị giá hai mươi hai đô la. Có lẽ đó không phải là tiền tem, cô nghĩ, xem xét tờ hóa đơn kỹ hơn. Cô mở mảnh giấy kẻ hàng trắng và đọc những dòng thơ mà Jack đã chép lại.

trong ngõ hẹp và phương Bắc khắc nghiệt, những bội phản

Vĩnh viễn, phản kháng tàn nhẫn vô phương.

Cơn thịnh nộ bất ngờ của dao găm trong đêm tối: cuộc chiến sinh tồn

Của những tế bào mù đói khát từ sự sống trong dạ con.

Bài thơ có ý nghĩa gì? Cô ngước lên nhìn mảng trời trắng xóa ngoài cửa sổ. Trên bãi cỏ đã có một lớp tuyết phủ, và cô nghĩ có lẽ mình nên gọi điện cho bà Julia để hỏi xem hai bà cháu có ổn không. Cô tự hỏi giờ này Mattie đã thức dậy chưa.

Cô mở mảnh giấy kẻ hàng thứ hai - danh sách cần nhớ. *Áo choàng Bergdorf gửi FedEx đến ngày 20.*

Kỳ lạ, cô thầm nghĩ, nhưng không có kiện hàng Fedex nào đến vào ngày hai mươi cả. Cô chắc chắn như vậy.

Cô vừa đứng dậy vừa ngẫm nghĩ về ý nghĩa những câu thơ. Bây giờ thì chúng chẳng có ý nghĩa gì với cô, nhưng biết đâu cô có thể tìm thấy cả bài thơ và khi đó sẽ hiểu ra ý gì đó. Cô tiến đến kệ sách. Nó chỉ là những tấm ván gỗ chia thành tầng, kéo dài đến gần trần nhà. Jack đọc sách về máy bay và tiểu sử người nổi tiếng, đôi khi anh đọc tiểu thuyết có cốt truyện sáng tạo. Còn Kathryn chủ yếu đọc tiểu thuyết của các tác giả nữ, thường là tiểu thuyết đương đại, dù cô đặc biệt yêu thích Edith Wharton và Willa Cather. Cô tìm một quyển tuyển tập thơ cũ và thấy nó trên kệ dưới cùng.

Cô ngồi ở mép sofa. Cô đặt quyển sách trên đùi và bắt đầu giở các trang. Khi không phát hiện ngay bài nào đáng chú ý, cô quyết định bắt đầu từ đầu, dự tính sẽ xem từng trang cho đến khi thấy những câu thơ mình đang tìm. Nhưng cô nhanh chóng nhận ra không cần phải làm thế: Những bài thơ đầu rất cổ. Dùng ngôn ngữ trong bài thơ

làm manh mối, cô mở quyển sách từ giữa ra. Ở đó, các nhà thơ dùng cú pháp tương tự như những câu thơ mà cô đang cầm trong tay. Cô vừa bắt đầu lần giở một cách bài bản qua các trang sách thì nghe tiếng Robert gọi từ phòng của Jack.

Bên ngoài, tuyết đang rơi dày đặc, va vào cửa sổ như dòng thác đổ ào ào. Dự báo thời tiết nói tuyết sẽ rơi dày mười lăm đến hai mươi centimet, Robert đã nói như vậy. Ít ra Kathryn biết Mattie đang ở đâu và sẽ không đi ra ngoài bằng xe ô tô.

Cô đặt quyển sách xuống rồi đi lên phòng làm việc của Jack. Robert đang ngồi ở bàn làm việc, tay cầm một tờ fax bằng giấy bóng. Và cô chợt nhận ra, khi cô nhìn thấy anh ta ngồi trên ghế của Jack, rằng Robert đã biết trong cuộn băng có gì - tất nhiên là anh ta biết.

“Hãy cho tôi biết về cuộn băng đi,” cô nói.

“Đây là danh sách tất cả những người Jack từng bay cùng tại Vision,” anh nói, đưa cô tờ fax.

“Cám ơn anh,” cô đáp, nhận lấy tờ fax nhưng không nhìn nó. Cô có thể thấy rằng anh không nghĩ là cô sẽ hỏi. “Làm ơn đi,” cô lặp lại. “Hãy kể cho tôi những gì anh biết.”

Anh khoanh tay trước ngực và đẩy ghế ra khỏi bàn, tạo một khoảng cách nhỏ giữa hai người. “Tôi chưa nghe được cuộn băng đó,” anh đáp. “Chưa ai nghe cả.”

“Không, tôi biết như vậy.”

“Tôi chỉ có thể cho cô biết những gì mà một người bạn làm việc ở Liên đoàn đã nói với tôi.”

"Tôi biết."

"Cô thật sự muốn nghe chứ?"

"Vâng," cô đáp, dù cô không biết, cô không rõ. Làm sao cô biết mình có muốn nghe hay không cho đến khi đã nghe được nó chứ?

Anh đột ngột đứng dậy rồi tiến về cửa sổ, quay lưng lại với Kathryn. Anh nói ngắn gọn, kiểu giọng công việc, như muốn tước hết mọi cảm xúc trong câu chữ.

"Chuyến bay vẫn bình thường cho đến phút thứ năm mươi sáu," anh nói. "Jack có vẻ như có biểu hiện lạ."

"Biểu hiện lạ?"

"Anh ấy rời buồng lái sau khi máy bay bay được năm mươi sáu phút mười bốn giây. Anh ấy không nói có chuyện gì, chỉ nói là sẽ quay lại. Họ - những người đã nghe đoạn băng – cho rằng anh ấy đi vệ sinh." Anh quay lại nhìn về hướng cô, dù không hẳn là nhìn trực diện.

Cô gật đầu.

"Hai phút sau, Cơ phó Roger Martin thông báo gặp vấn đề về tai nghe. Anh ta đề nghị mượn tai nghe của Trevor Sullivan, kỹ sư chuyến bay. Sullivan đưa tai nghe của mình cho Martin và nói, *Thử cái này xem*. Martin thử tai nghe của kỹ sư, nhận thấy nó hoạt động bình thường, và nói, *Không phải do dây cắm. Chắc tai nghe của tôi bị hỏng rồi*."

"Tai nghe của Roger Martin bị hỏng," Kathryn nói.

"Phải. Thế là Martin trả lại tai nghe cho Sullivan, rồi

Sullivan nói, *Đây này, đợi một chút. Có thể Lyons có một bộ thừa.* Dường như, Sullivan sau đó đã tháo đai an toàn rồi với tay qua lấy túi xách của Jack. Cô biết túi bay được đặt ở đâu chứ?"

"Bên cạnh phi công?"

"Ở buồng bên ngoài cạnh mỗi phi công. Phải. Và Sullivan khi đó hẳn đã lôi ra cái gì đó từ túi bay của Jack mà không nhận ra. Vì anh ta nói, *Cái quái gì thế này?"*

"Đó là một thứ mà anh ta không ngờ đến."

"Có vẻ như vậy."

"Không phải tai nghe."

"Chúng ta không biết."

"Sau đó thì sao?"

"Sau đó Jack quay trở lại buồng lái. Sullivan nói, *Lyons, đây là một trò đùa có phải không?"*

Robert dừng lại. Anh tựa lên bậu cửa sổ, nửa đứng nửa ngồi.

"Lúc này có thể đã xảy ra một trận ẩu đả," Robert nói. "Tôi nghe các báo cáo mâu thuẫn nhau. Nhưng nếu có thì nó cũng xảy ra rất nhanh. Vì Sullivan nói gần như ngay lập tức, *Cái quái quỷ gì vậy?"*

"Rồi sao?"

"Rồi anh ta nói, *Chúa ơi."*

"Ai nói *Chúa ơi?"*

“Sullivan.”

“Sau đó?”

“Chỉ có vậy.”

“Không ai nói thêm gì

“Đoạn băng kết thúc.”

Cô ngửa đầu lên, ngẫm nghĩ về đoạn hội thoại cuối cuộn băng.

“Anh ấy có một quả bom trong túi bay,” cô khẽ nói. “Một quả bom vũ trang. Vì thế mà họ nghĩ đến khả năng tự sát.”

Robert đứng dậy. Anh cho tay vào túi quần.

“Thậm chí chỉ một câu khác đi là cả cuộn băng sẽ có ý nghĩa khác. Thậm chí với những từ đúng như tôi vừa kể, đoạn băng không nhất thiết phải có một ý nghĩa gì đó. Cô biết như thế mà. Chúng ta đã nói về chuyện đó rồi.”

“Họ có biết chắc chắn rằng Jack có mặt trong buồng lái vào lúc đó không?”

“Họ nghe tiếng cửa buồng lái mở ra rồi đóng lại. Sau đó Sullivan gọi đích danh anh ấy.”

“Điều tôi không hiểu là làm sao Jack lại có thể cất một thứ nguy hiểm như thế trong túi bay của anh ấy.”

“Thật ra thì,” Robert nói, “chuyện đó lại rất dễ.” Anh quay ra nhìn trời tuyết. “Nó vô hại. Tuyệt đối vô hại. Mọi người đều làm thế.”

“Làm gì?”

“Rất nhiều phi công quốc tế làm thế, hầu như mọi tiếp viên hàng không mà tôi biết,” Robert nói. “Thường là trang sức. Vàng và bạc, đôi khi có cả đá quý.”

Cô không chắc mình có hiểu hay không. Cô nghĩ đến số nữ trang mà cô đã nhận từ Jack trong nhiều năm qua: một chiếc lắc tay mỏng bằng vàng vào một dịỷ niệm, một chiếc dây chuyền chữ S trong dịp sinh nhật, hoa tai cẩn kim cương vào Lễ Giáng sinh.

“Sau khi ra vào sân bay hàng trăm lần thì cô sẽ quen các nhân viên an ninh,” Robert nói. “Họ kể chuyện về gia đình mình và vẫy tay cho cô qua. Đó là phép lịch sự. Khi tôi còn bay, cứ năm mươi lần qua hải quan tôi mới phải trình hộ chiếu một lần. Và hải quan hầu như không bao giờ khám xét túi của tôi.”

Kathryn lắc đầu. “Tôi chẳng biết gì hết,” cô nói. “Jack không bao giờ kể với tôi.”

“Một số phi công giữ kín chuyện này. Tôi nghĩ nếu đó là một món quà thì người vợ sẽ không vui nếu biết nó được tuồn lậu qua hải quan. Tôi cũng chẳng biết nữa.”

“Anh có làm thế không?” cô hỏi.

“Luôn luôn vào dịp Giáng sinh. Đó sẽ là câu hỏi khi gặp nhau ở sảnh đợi xe trung chuyển ra sân bay: Anh mua gì cho vợ?”

Cô đút tay vào túi quần jean; đứng thõng vai xuống.

“Tại sao Jack không nói gì trong đoạn băng?” Kathryn

hỏi. “Nếu anh ấy không biết đó là bom, thì anh ấy hẳn đã ngạc nhiên như Trevor Sullivan rồi. Anh ấy đã nói gì đó rồi. Anh ấy sẽ hỏi, Cậu nói cái gì vậy? Anh ấy sẽ kêu trời hoặc quát lên.”

“Không hẳn.”

“Jack đã nói dối về mẹ anh ấy,” Kathryn nói.

“Thì sao?”

“Anh ấy không ngủ ở căn hộ phi hành đoàn.”

“ thế chưa đủ.”

“Ai đó đã đem bom lên máy bay.”

“Nếu đó là bom, thì ai đó đã đặt nó ở đó. Tôi đảm bảo với cô như thế.”

“Và Jack hẳn đã biết điều đó,” cô nói. “Đó là túi bay của anh ấy mà.”

“Tôi không đảm bảo chuyện đó.”

“Viên phi công người Maroc đã tự sát,” cô nói.

“Chuyện đó hoàn toàn khác.”

“Sao ta biết nó khác hay không?”

“Cô đang đứng về phe ác,” Robert nói với cô bằng giọng gấp gáp. “Cô không thực lòng tin rằng Jack đã làm điều đó.” Robert thở dài vẻ thất vọng và quay lưng về phía cô.

“Cô muốn biết về đoạn băng, nên tôi đã kể cho cô

nghe.”

***

Cô mở tờ fax mà cô nhét dưới cánh tay. Trong đó có rất nhiều cái tên, chín hoặc mười trang toàn là tên, bắt đầu bằng phi hành đoàn gần đây nhất của Jack và xa dần đến năm 1986, năm anh bắt đầu làm với hãng hàng không. Cô nhìn vào danh sách: Christopher Haverstraw, Paul Kennedy, Michael DiSantis, Richard Goldthwaite... Thỉnh thoảng, một khuôn mặt hiện lên, một người nam hoặc nữ mà cô và Jack từng ăn tối cùng, hoặc một người cô đã gặp ở một buổi tiệc, dù hầu hết những cái tên đều xa lạ với cô, và một nửa trong số đó sống ở Anh. Theo cách này, cô nghĩ, cuộc đời của một phi công hãng Vision thật kỳ lạ, một nghề nghiệp gần như xa lánh đồng loại. Những thành viên của phi hành đoàn mà Jack bay cùng có thể sống cách anh tám mươi cây số hoặc cả một đại d

Và rồi, trong một danh sách năm 1992, cô nhìn thấy một cái tên mà cô thậm chí còn không nhận ra là mình đang tìm, cái tên không bình thường hiện lên ngay trên trang giấy và chui thẳng vào xương cô.

Muire Boland.

Tiếp viên hàng không.

Kathryn đọc lớn tên này.

Muire Boland.

Cô khá chắn chắn đó là tên phụ nữ. Cô thắc mắc liệu đó có phải là tên tiếng Pháp và cô phát âm có đúng không. Kathryn cúi xuống trước mặt và mở ngăn kéo lớn dưới bàn của Jack ra. Phong bì thư rác có tên viết bằng bút chì ở góc không còn nằm đó, nhưng cô có thể thấy nó rõ ràng hệt như cô đang nhìn thấy cái tên được đánh máy trên danh sách mà cô đang cầm trong tay. *Muire 3:30*, dòng chữ viết tay rất vội đã viết như vậy. Trên một phong bì, gửi từ Ngân hàng Bay.

Biết ngay rằng nếu cô chần chừ, cô sẽ bị tê liệt trước sự thiếu quyết đoán, Kathryn lấy tấm vé số ra khỏi túi quần rồi đặt nó lên bàn làm việc của Jack. Cô nhấc điện thoại lên và một lần nữa bấm con số viết trên đó. Một người trả lời, chính là giọng nói khi nãy.

"Xin chào," Kathryn nói nhanh. "Muire có ở đó không?"

"Ai?"

Kathryn nhắc lại cái tên.

"Ô, chị muốn nói là *Mui à," giọng nói ở đầu dây bên kia đáp, và Kathryn nghe thấy phát âm chính xác của tên này: Meur-ah, hơi uốn lưỡi ở chữ R. "Không," người phụ nữ đáp.*

"Ồ, xin lỗi," Kathryn nói, cảm thấy một sự nhẹ nhõm tột độ. Lúc này cô chỉ muốn gác ống nghe xuống.

"Muire *từng* ở đây," giọng tiếng Anh nói, "nhưng cô ấy đã dọn về chỗ cũ rồi. Cô là bạn của cô ấy à?"

Kathryn không thể trả lời. Cô ngồi phịch xuống ghế.

“Cô là ai?” người phụ nữ ở London hỏi.

Kathryn mở miệng ra nhưng không thể nói tên mình. Cô ấn ống nghe lên ngực.

M ở A, dòng chữ viết trên tờ vé số trước mặt cô. *Muire 3:30*, dòng chữ viết trên phong bì thư rác. Hai ghi chú, bằng chữ viết tay của Jack, viết cách nhau bốn năm và có liên hệ với một số điện thoại.

Robert cầm lấy ống nghe từ tay cô rồi gác lên giá điện thoại.

“Tại sao cô lại hỏi tên Muire?” Robert hỏi nhanh. “Trông cô trắng bệch ra rồi.”

“Tôi chỉ đoán thôi,” cô đáp.

Người phụ nữ tên Muire là ai? Và Jack có mối liên hệ gì với cô ta? Có phải anh đã trải qua đêm cuối với người phụ nữ này không? Có phải Jack đã ngoại tình bấy lâu nay? Các câu hỏi đè lên ngực cô, chực làm cô ngạt thở. Cô nghĩ đến những câu nói đùa người ta hay nói về phi công và tiếp viên hàng không. Trước đây cô luôn phớt lờ những lời đùa đó, như thể ngoài đời thật, phi công sẽ không là

“Robert, anh có thể tìm thêm thông tin gì khác về một cái tên cụ thể không?” cô hỏi. “Chẳng hạn như người đó sống ở đâu?”

“Nếu cô chắc chắn đó là điều cô muốn,” anh đáp.

“Chuyện này thật kinh khủng.”

“Vậy thì đừng bận tâm đến nó.”

Cô nghĩ đến khả năng không bận tâm đến nó.

“Anh có thể làm thế không?” cô hỏi.

***

“Con bé muốn xem tivi,” bà Julia nói. “Bà phải nghĩ ra cái gì khác. Trước đây có người tặng bà phim *Nhân chứng* vào dịp Giáng sinh.”

Robert đã rời khỏi phòng làm việc của Jack. Kathryn nghĩ có thể anh đang rửa bát.

“Chính là Jack đấy.”

“Ừ, con bé có vẻ thích lắm. Nó dậy lúc hai giờ. Nó ăn rồi.”

“Bà đừng cho cháu nó xem tivi nhé,” Kathryn dặn dò. “Cháu nói nghiêm túc đấy. Nếu cần thì bà cắt dây cáp cũng được.”

Kathryn xoay vòng trong chiếc ghế văn phòng và nhìn ra lớp tuyết đang đọng ngày một dày ngoài bậu cửa sổ. Trông nó như nước trong bể cá. *Muire từng ở đây*, đầu dây bên kia đã nó

“Cậu Robert đang ở đấy với cháu à?” Julia hỏi.

“Vâng.”

“Cậu ấy đã đến đây, cháu biết chứ?”

“Cháu biết ạ.”

“Vậy cháu đã biết về...”

“Căn hộ phi hành đoàn ạ? Vâng.” Kathryn gác một chân

lên, quàng một cánh tay quanh gối. Hai ghi chú, cách nhau bốn năm, liên hệ với nhau bằng một ký tự viết tắt. Kathryn cảm thấy một cơn bồn chồn lo lắng xâm chiếm, nó lập tức khiến mồ hôi tuôn lấm tấm trên trán cô.

"Cháu đừng đánh mất niềm tin," bà Julia nói.

"Chính xác thì đó là niềm tin gì ạ?"

"Cháu hiểu ý bà mà."

"Cháu đang cố để không hiểu đây."

"Họ mới điều chỉnh dự báo thời tiết đấy," bà Julia nói. "Âm mười hai lên âm mười một độ."

"Bây giờ cháu nên về nhà bà," Kathryn dùng tay áo lau trán.

"Cháu đừng ngốc nghếch thế. Nếu không có việc thì cháu không cần đi ra ngoài. Cháu ăn gì chưa?"

Đúng là bà Julia, luôn lo lắng chuyện ă

"Cháu ăn rồi ạ. Cháu nói chuyện với Mattie được không?"

Đầu dây bên kia im lặng.

"Cháu biết không," Julia thận trọng nói, "Mattie đang bận. Nó vẫn ổn. Nếu cháu nói chuyện với nó, nó sẽ lại buồn rầu và xa cách. Nó cần nghỉ ngơi vài ngày, chỉ xem phim, ăn bỏng ngô thôi. Giống như thuốc phiện ấy, và con bé cần nó càng lâu càng tốt. Nó cần được chữa lành, Kathryn à."

"Nhưng cháu muốn được ở cạnh nó," Kathryn phản

kháng.

“Kathryn à, cháu đã ở cạnh nó từng phút từng giây suốt mười ngày rồi. Cháu cũng hiểu là chỉ với sự có mặt của cháu thôi, hai mẹ con cháu đã xé toạc trái tim nhau rồi. Cháu không chịu đựng nổi nỗi buồn của nó, còn nó thì không chịu nổi khi nghĩ đến việc cháu đang đau khổ nhường nào. Bình thường cháu không dành thời gian ở bên nó như thế.”

“Việc này không phải là bình thường.”

“Thế thì lúc này chúng ta có thể dùng đến một chút bình thường vậy,” bà Julia nói.

Kathryn đi đến cửa sổ và lau lớp hơi nước phủ trên kính. Tuyết rơi dày đặc, con đường mòn vào nhà chưa được cào tuyết. Lớp tuyết đóng trên xe cộ dày phải đến hai tấc.

Cô thở dài. Thật khó để phản đối sự thông thái của bà Julia, nhất là khi hóa ra bà thường là người nói đúng.

“Đừng rời khỏi nhà,” bà Julia lặp lại.

Tuyết rơi đều suốt buổi chiều, mỗi lúc một dày đặc. Thỉnh thoảng, gió gào từng cơn nhưng sau đó dường như lại lập tức lắng dịu, như thể cơn bão đang từ bỏ nỗ lực trở thành một trận bão tuyết. Trong lúc Robert gọi điện thoại từ phòng của Jack, Kathryn đi thơ thẩn từ phòng này sang phòng khác, nhìn lên tường và ngoài cửa sổ, khoanh tay trước ngực, thả tay ra, rồi lững thững đi vào một căn phòng khác, đứng trong đó và tiếp tục nhìn lên tường hoặc ngoài cửa sổ. Dạo này, chỉ đứng yên và nghĩ ngợi đôi khi là tất cả những gì cô có thể làm.

Một lúc sau, cô thấy mình ở trong nhà tắm. Cô cởi bỏ áo quần rồi mở vòi hoa sen, để nước ấm lên từ từ đến mức nóng hổi. Khi bước vào, cô cúi cổ xuống dưới làn nước và đứng như thế một lúc lâu. Cảm giác thật dễ chịu khi đứng ở đấy đến khi bình nước nóng cạn hết và nước chuyển sang lạnh.

Khi tắt nước, cô nghe tiếng nhạc. Không phải nhạc từ đĩa, dù đó là tiếng piano.

Cô chỉnh lại cổ áo chiếc áo choàng tắm dài màu xám, loại áo bằng vải cotton dài đến mắt cá chân. Một người phụ nữ già nua nhìn cô trong gương, một khuôn mặt mệt mỏi với hai hố mắt trũng sâu.

Vừa đi vừa vuốt tóc, cô theo tiếng nhạc xuống cầu thang, vào phòng khách, ở đó Robert đang chơi piano.

Cô biết bản nhạc này: Chopin. Cô nằm xuống sofa, kéo áo choàng che lại đùi và chân.

Cô nhắm mắt lại. *Fantasie Impromptu* là một bản nhạc phù hoa, đẹp đẽ đầy kiêu hãnh, với cơ man nốt nhạc. Cô hiếm khi nghe bản nhạc này được chơi theo cách của Robert, không cảm xúc, song lại chứa đựng sức nặng khôn nguôi của những ký ức bị khuấy động và bí mật bị lãng quên. Khi nghe đến những cú vuốt, cô hình dung đến những mảnh kim cương vỡ.

Cây đàn piano nằm ở góc phòng, cạnh cửa sổ. Robert đã xăn tay áo lên, cô nhìn bàn tay anh trước, sau đó đến cánh tay. Sự khẽ khàng của tuyết càng làm tiếng nhạc mộc trong trở nên ấn tượng, hoặc có lẽ vì không có sự cạnh tranh từ bất kỳ âm thanh nào khác; tiếng piano nghe hay hơn so với cô nhớ, dù nhiều tháng rồi chưa được căn dây

lại.

Cuộc sống nhiều năm trước hẳn giống như thế này, Kathryn nghĩ ngợi trong lúc lắng nghe Robert chơi đàn. Không tivi, không đài phát thanh, không phim ảnh, chỉ có không gian của một buổi chiều dài trắng xóa để tạo ra thời gian của riêng mình, âm thanh của riêng mình. Và thế này thật an toàn. Cô có thể thả tâm trí đi hoang, không nghĩ gì về vụ tai nạn hoặc Jack hoặc Mattie. Cây đàn piano không phải là món mà cô và Jack cùng sử dụng. Trước giờ nó chỉ thuộc về một mình cô, một sự theo đuổi lẻ loi, dù có một mối liên hệ đến bà Julia, mà bà thì cũng an toàn.

“Tôi không ngờ đấy,” cô nói khi anh đàn xong.

“Cũng lâu rồi,” anh đáp, quay sang cô.

“Anh đúng là lãng tử,” cô mỉm cười nói. “Một lãng tử khéo ẩn mình. Anh chơi hay tuyệt.”

“Cám ơn cô.”

“Chơi bản nào khác không?”

Khi đó cô nhận ra, theo cách mà trước đây cô không hề nhận thấy, rằng Robert là người có quá khứ - đương nhiên anh ta có quá khứ. Anh ta có cả một cuộc đời mà cô gần như chẳng biết gì, một cuộc đời trong đó anh chơi piano điệu nghệ, học lái máy bay, trở thành một anh chàng nghiện ngập, cưới vợ, sinh con đẻ cái, li dị vợ, rồi bằng cách nào đó lại dính đến công việc đặc biệt này.

Cô nhận ra giai điệu: “The shadow of your smile”. Thay đổi tâm trạng trong tích tắc.

Khi chơi xong, anh gãi gãi sau gáy rồi nhìn ra tuyết bên

ngoài. “Bên ngoài tuyết dày phải ba tấc rồi đấy,” anh nói.

“Đường mòn vào nhà chưa được cào tuyết,” cô đáp. “Mấy giờ rồi nhỉ?”

Anh nhìn đồng hồ. “Ba giờ,” anh đáp. “Chắc tôi đi dạo một chút đây.”

“Trong thời tiết này ư?”

“Chỉ đi đến cuối đường mòn rồi quay lại thôi. Tôi cần chút không khí.”

“Tôi hi vọng anh biết rằng tối nay anh không phải ra khách sạn. Có rất nhiều giường trong căn nhà này. Rất nhiều phòng. Anh có thể ngủ trong phòng nghỉ dành cho khách,” cô nói thêm. “Ở đấy thoải mái lắm. Mục đích của nó là vậy mà.”

“Để ẩn nấp, như cô đã nói.”

“Phải.”

“Thông tin mà cô hỏi tôi được đặt trên bàn của Jack,” anh nói.

Cô mở miệng định nói, nhưng anh lắc đầu.

“Chuyện xảy ra với cô thật là họa vô đơn chí,” anh nói.

***

Kathryn chợp mắt vài phút trên sofa rồi lảo đảo bò lên phòng ngủ với ý nghĩ chui vào giường và ngủ một giấc thật dài. Cô đem theo quyển sách thơ.

Cô nằm sấp trên giường và bắt đầu lật từng trang, hờ

hững tìm các câu thơ. Cô đọc những đoạn thơ ngắn của Gerard Manley Hopkins, Wordsworth, và Keats. Đến khoảng giữa cuốn sách, từ *phản bội* đột nhiên đập vào mắt cô, và cô nhận ra mình đã tìm được đúng bài thơ đó. Nhưng rồi gần như ngay lập tức, trước khi cô kịp đọc các câu thơ trong bài, cô thấy một g chú mờ dọc mép trong của trang giấy.

M!

Viết bằng bút chì, nét mảnh, với một dấu chấm than.

Và nằm ở đó. Không thể nhầm lẫn được.

Cô ngồi bật dậy và đọc kỹ bài thơ. Bài thơ có tựa đề "Antrim" của tác giả Robinson Jeffers. Có vẻ như nó nói về những cuộc chiến thời cổ đại để giành một mảnh đất, có vẻ mảnh đất tên là Antrim. Về máu đổ vì nhiều mục đích, hàng loạt những cuộc tập kích và phản bội, chủ nghĩa yêu nước và những thân người hy sinh, tất cả giờ hóa thành tro bụi, tro bụi chờ ngày phục sinh.

Nó có nghĩa là gì?

Cô để quyển sách rơi từ cạnh giường xuống đất. Cô nằm xuống và úp mặt vào gối. Cô cảm thấy như vừa vượt qua hàng nghìn dặm.

***

Khi tỉnh dậy, theo bản năng, cô đưa mắt nhìn đồng hồ trên tủ đầu giường. Lúc đó là ba giờ rưỡi sáng. Cô đã ngủ chín giờ. Hôm đó là ngày mấy nhỉ? Hai mươi tám? Hay hai mươi chín?

Cô vặn người ngồi dậy và lờ đờ đi ra hành lang. Cửa

phòng nghỉ của khách đang đóng. Robert hẳn đã quay lại sau khi đi dạo và vào ngủ trong đấy, cô tự nhủ. Hay là anh ấy đã ăn tối? Xem tivi? Đọc sách?

Trong nhà bếp, không có dấu hiệu nào cho thấy có người đã nấu ăn. Kathryn pha một ấm cà phê và rót một tách. Qua cửa sổ trên bồn rửa, cô thấy tuyết đã ngừng rơi. Cô đi ra cửa sau, mở cửa ra và lập tức bị một làn bột mịn lạnh buốt rơi ập từ mái hiên xuống. Cô chớp mắt và lắc đầu. Điều chỉnh để quen với bóng tối, cô nhìn thấy bốn bề đã được bao phủ dưới một tấm chăn dày trắng toát, một tấm chăn chần vải bông xù có đường may cạn, cây cối, bụi rậmà xe cộ chỉ là những ụ nhô lên. Kỳ thực, tuyết nhiều đến nỗi cô tự hỏi phải chăng lời dự báo tuyết dày ba tấc không phải là quá lạc quan. Cô đóng cửa lại rồi tựa lưng vào đó.

M ở A.

Muire 3:30

M!

Siết chặt áo choàng lại, Kathryn nhanh chóng đi lên cầu thang đến phòng của Jack. Cô vẫn chưa thôi bất ngờ trước sự trống trải đầy bụi bặm của nó. Cô nhìn thấy tờ giấy mà Robert nhắc đến trên bàn của Jack.

Trên giấy viết rằng Muire Boland đã rời hãng hàng không vào tháng giêng năm 1993. Được đào tạo với Vision ở London, cô ta làm tiếp viên hàng không của hãng được ba năm. Có một địa chỉ, một số điện thoại, và một ngày sinh. Muire Boland năm nay ba mươi mốt tuổi.

Robert đã viết ghi chú cạnh số điện thoại. *Thử cái này xem. Khi tôi gọi, không ai biết cô ta.* Dưới thông tin này là

một danh sách các số điện thoại. Có bảy M. Boland trong danh bạ điện thoại London.

Kathryn cố gắng định hình một câu hỏi, một yêu cầu hợp lý. Người nghe điện thoại có biết đến Jack Lyons không? Nếu có, liệu Kathryn có thể hỏi một, hai câu không? Hỏi như vậy có bất bình thường quá không?

Kathryn nhìn quanh quất trong phòng, sự đơn điệu kim loại của nó, chất đàn ông của nó. Cô sẽ không cho phép mình tin rằng Jack đã ngoại tình. Làm sao cô có thể làm thế, khi chính cô đã chứng kiến điều xảy ra khi người ta thêu dệt nên cả một câu chuyện đầy kịch tính chỉ từ một vài sự thật, như đã xảy ra với báo chí khi đoạn băng CVR bị tiết lộ?

Cô nhấc điện thoại lên và gọi đến số đầu tiên. Một người đàn ông trả lời, và giọng ông ta nghe như mới bị cô đánh thức. Cô tính nhanh thời gian ở London – chín giờ bốn mươi sáng. Cô hỏi Muire có ở đ

"Cô muốn kiếm ai?" ông ta vặn lại, như chưa nghe rõ câu hỏi lắm.

"Muire Boland," cô đáp.

"Ở đây không có ai là Muire Boland cả," ông ta tự tin đáp.

"Xin lỗi," Kathryn nói rồi gác máy.

Cô gạch bỏ số đầu tiên rồi gọi số thứ hai. Không ai trả lời. Cô thử số thứ ba. Một người đàn ông trả lời bằng giọng ngắn gọn, nghiêm nghị.

"Michael Boland nghe đây," ông ta nói, như đang chờ

đợi một cuộc điện thoại tìm mình.

"Xin lỗi, nhầm số."

Cô gạch bỏ số thứ ba. Cô gọi tiếp số thứ tư. Một phụ nữ trả lời. "Xin chào?"

"Xin chào. Tôi muốn gặp Muire Boland."

Sự im lặng ở đầu dây bên kia tuyệt đối đến nỗi Kathryn có thể nghe thấy tiếng vọng mơ hồ từ một cuộc nói chuyện xuyên đại dương của ai đó.

"Xin chào?" Kathryn hỏi lại lần nữa.

Người phụ nữ gác máy. Kathryn ngồi áp ống nghe chết lặng vào tai. Cô cầm bút chì lên và gạch bỏ số thứ tư, nhưng rồi cô do dự.

Cô gọi số thứ năm. Rồi số thứ sáu. Rồi số thứ bảy. Khi gọi xong, cô nhìn lại danh sách. Trên đó, có một người đàn ông không biết Muire là ai; một số không có người trả một Michael Boland, doanh nhân; một người phụ nữ không tiếp chuyện; một số khác không trả lời; một lời nhắn trên máy ghi âm bằng phát âm khó nghe nói rằng Kate và Murray hy vọng cô để lại lời nhắn; một cô bé không biết Muire là ai nhưng nói mẹ của mình tên là Mary.

Cô thử gọi lại số thứ tư.

"Xin chào?" người phụ nữ khi nãy nói.

"Tôi xin lỗi đã làm phiền chị," Kathryn nói nhanh, trước khi người phụ nữ gác máy. "Nhưng tôi đang muốn tìm người tên Muire Boland."

Kỳ quặc, lại là sự im lặng như lần trước. Có gì đó ở

phía sau. Tiếng nhạc? Máy rửa bát? Rồi Kathryn nghe thấy một âm thanh nhỏ từ cổ họng của người phụ nữ, như mở đầu của một từ định nói. Tiếp theo là một sự im lặng khác, lần này ngắn hơn.

"Ở đây không có ai là Muire hết," cuối cùng người phụ nữ lên tiếng.

Kathryn nghĩ giữa suy nghĩ và lời nói của cô hẳn có một sự lỗi nhịp, vì khi cô mở miệng định nói, thì đường dây đã bị cắt đứt.

***

Khi Robert tìm thấy cô vào buổi sáng, cô đang ngồi tại chiếc bàn trong phòng khách. Mặt trời đã lên, tuyết bên ngoài chói chang đến độ Robert phải nheo mắt để nhìn cô. Trong ánh nắng sáng lòa, cô có thể nhìn thấy từng nếp nhăn và lỗ chân lông trên mặt anh.

"Trong này chói quá," anh nói, quay đầu đi.

"Đôi khi anh cần đeo kính mát vào phòng này đấy," cô đáp. "Jack thường làm thế."

Cô nhìn Robert nhét áo sơ mi vào qu

"Cô ngủ ngon không?"

"Cũng được. Còn anh?"

"Ngon lắm."

Cô thấy anh đã mặc nguyên quần áo cũ để đi ngủ. Hẳn anh đã quá mệt đến nỗi không buồn cởi quần áo, cô nghĩ.

Khi đã quen với ánh sáng, Robert dường như đã nhìn

thấy mặt cô rõ hơn.

“Có chuyện gì vậy?” anh hỏi.

Kathryn ngồi hơi chồm về trước.

“Tôi sẽ đến London,” cô đáp.

Anh không do dự. Anh không hề do dự.

“Tôi sẽ đi với cô.”

CHƯƠNG 14

Khăn bàn được trải ra trên cỏ, một mảnh chăn ghép khổng lồ. Từng cụm gia đình ngồi trên khăn với đĩa giấy hoặc dao nĩa thật, trà đá đựng trong bình nước bằng nhựa. Trẻ nhỏ chạy nhảy trên những lối cỏ, đôi khi lại băng qua nơi bày biện bữa trưa của một gia đình nào đó. Kathryn mở làn thức ăn ra, đó là một chiếc làn đựng bánh cũ của bà Julia, rồi lấy ra nho và khoai tây chiên Terra Chips, bánh mì tròn dẹt và sốt hummus, một miếng phô mai Brie và một món gì đấy hình chữ nhật nặng mùi. Là Stilton đây, cô thầm nghĩ khi ngửi miếng phô mai. Cách cô không xa, Jack đang đứng nói chuyện với hai ông bố khác. Trời ám, khá nồm, bầy nhặng đen vo ve gây khó chịu. Kathryn quan sát trong lúc Jack cúi đầu và lắng nghe những người đàn ông thấp bé hơn anh. Một tay anh đang cầm cốc nước ngọt; tay kia đút vào túi quần jean. Anh cười và ngẩng đầu lên, bắt gặp ánh mắt của Kathryn. Sau tiếng cười, cô có thể nhận ra chút căng thẳng khi phải tỏ ra hòa đồng, câu hỏi quen thuộc trong mắt anh: Chừng nào chuyện này mới kết thúc đây?

Xa hơn nữa trên bãi cỏ, Kathryn thấy Mattie đang đứng

cùng một đám bạn, nó khoanh hai tay và ôm hai bên người, như đang lạnh, dù thật sự thì không. Chỉ đơn giản là vì nó mười lăm tuổi và không biết đặt tay ở đâu. Khuôn mặt của Mattie, thân thuộc mà cũng xa lạ với Kathryn, trông như một tác phẩm nghệ thuật đang trong giai đoạn chuyển biến, khuôn xương vừa kéo dài ra, miệng không còn nhô lên vì đeo niềng răng nữa.

- Đông người đến nhỉ, Barbara McElroy nói từ tấm khăn cạnh bên.

Kathryn liếc nhìn thực đơn nhà McElroy: gà rán, salad khoai tây mua ở siêu thị, Salad bắp cải, bim bim Frito, bánh chocolate.

- Khá hơn năm ngoái, Kathryn đáp.

- Chị nghĩ họ sẽ chơi bóng mềm chứ?

- Nếu trời không mưa.

- Mattie ngày càng cao nhỉ, Barbara nói, nhìn về hướng Mattie.

Kathryn gật đầu. – Roxanne có đến đây không? cô hỏi. Rồi cô lại ước gì mình đã không hỏi, bởi Roxanne, một cô bé mười lăm tuổi gầy gò xỏ khoen môi, gần như chắc chắn sẽ không bao giờ xuất hiện tại buổi dã ngoại của trường. Kathryn thỉnh thoảng có nói chuyện với nó ở hành lang của trường. Đó là một con bé cực kỳ lêu lổng và ngổ ngáo. Vậy là Barbara có mặt ở đây vì Will, đứa con trai bảy tuổi, Kathryn tự nhủ. Louie, chồng của Barbara, là dân đánh bắt cá tuyết, thường đi xa, mỗi chuyến đi đều rất dài ngày.

Cũng giống Jack, Kathryn thầm nghĩ

- Bà của chị có một chiếc tủ búp phê cũ rất đẹp sau cửa sổ, Joyce Keys nói vọng qua từ khăn trải ngay phía sau Barbara. Kathryn cũng nhìn xem nhà Keys ăn món gì: salad cơm cà ri, cá ngừ lạnh, nước suối Perrier, bánh *konfetkakke* của Martha Ingerbretson. Joyce và chồng, James, là kiến trúc sư có công ty riêng tại Portsmouth. Keys & Keys.

Toàn bộ lịch sử xã hội của thị trấn nằm gọn trong một buổi dã ngoại, Kathryn thầm nghĩ.

- Tôi chưa thấy chiếc tủ đấy, Kathryn đáp.

- Jack có định chơi bóng không? Barbara hỏi.

- Ô, chắc là có đấy, Kathryn đáp.

Cô nhìn chồng mình cúi đầu xuống để nói chuyện với Arthur Kahler, chủ trạm xăng Mobil, thỉnh thoảng là bạn chơi tennis của Jack. Vì thế mà cái lưng thường hành hạ anh, cô kết luận; anh luôn phải cúi xuống để lắng nghe người khác. Anh mặc áo thun polo màu trắng, mang giày đi thuyền. Một loại đồng phục khác. Anh vỗ phía sau tai, nhìn vào bàn tay mình, búng một con nhặng khỏi móng tay. Anh nhìn thấy cô đang quan sát anh.

- Anh sắp chết đói rồi, anh nói, tiến đến chỗ cô rồi ngồi xuống tấm chăn.

- Em gọi Mattie về nhé?

- Thôi. Khi nào muốn thì con tự về.

- Anh có định chơi bóng mềm không?

- Chắc là có, anh đáp, rót thêm một cốc nước ngọt nữa.

- Anh lúc nào cũng nghĩ là sẽ khó chịu nhưng rồi anh sẽ thích thôi, cô trêu anh.

Anh lướt ngón tay dọc sống lưng cô. Sự vuốt ve đó nằm ngoài dự đoán và thật ngọt ngào. Cô muốn cúi đầu về trước và nhắm mắt lại. Anh đã không vuốt ve cô nhiều ngày rồi.

- Thật tình thì ngay bây giờ anh muốn uống một lon bia mát lạnh, anh nói, thả tay xuống.

- Tại buổi dã ngoại của trường ư?

- Có vẻ như không làm Kahler bận tâm.

Kathryn nhìn về phía Arthur Kahler và lúc này mới nhận ra chiếc cốc nhựa màu rất to trên tay ông ta.

Kathryn đưa cho Jack nửa miếng bánh mì dẹt có kẹp sốt hummus.

- Martha nói ông ta sẽ đóng cửa trạm xăng vào tuần sau. Xây thêm cái mới. Chúng ta sẽ phải đi Ely Falls để bơm xăng.

Jack khẽ gật đầu.

- Nhưng mà, tất nhiên là anh sẽ không ở đây, Kathryn nói, nhớ lại rằng Jack sẽ đi công tác hai tuần – đến London để tham dự khóa tập huấn định kì hai lần mỗi năm.

- Ừ, anh sẽ không ở đây.

- Anh biết không, em có thể đi cùng anh lần này. Thứ tư tuần sau là nghỉ hè rồi. Em có thể bay sang London để gặp anh. Chúng ta sẽ có gần một tuần bên nhau. Sẽ vui lắm.

Jack nhìn đi chỗ khác. Lời mời lơ lửng trên tấm khăn như khói thuốc trong ngày

- Chúng ta có thể gửi Mattie ở nhà bà Julia, Kathryn nói tiếp. - Mattie sẽ sướng điên nếu được thoát khỏi chúng ta trong một tuần.

- Anh không biết nữa, anh nói chậm rãi, quay lại nhìn cô.

- Lâu lắm rồi em không đến London, cô tranh luận. - Và chưa bao giờ ở đấy lâu.

Anh lắc đầu. - Em sẽ ghét nó cho mà xem. Những buổi tập huấn dài lê thê. Bọn anh phải ở cả ngày trong phòng mô hình. Buổi tối cũng có lớp nữa. Bọn anh phải ăn với phi hành đoàn người Anh. Anh sẽ không thể gặp được em. Chúng ta sẽ chẳng làm được gì hết.

- Em biết tự tìm niềm vui cho mình mà, cô nói. Và rồi cô chợt tự hỏi tại sao cô lại phải tranh luận lời đề nghị này.

- Vậy thì em đến trong lúc anh ở đấy có ý nghĩa gì đâu? anh nói, vẻ phản bác. - Em có thể đi một mình cũng được mà.

Bị tổn thương, cô cắn mặt trong của má.

- Nghe này, anh nói vẻ hối lỗi, - anh sẽ bực dọc suốt thời gian đó nếu biết em đang ở trong khách sạn trong khi chúng ta có thể dạo chơi London với nhau. Những buổi tập huấn này đã đủ khiến anh mệt mỏi rồi. Anh không muốn có thêm áp lực nữa.

Cô quan sát nét mặt anh. Một gương mặt đẹp, một gương mặt khiến người ta phải ngoái lại nhìn khi đi lướt qua.

- Thế này nhé, anh nói. - Hay là em đến vào cuối chương trình tập huấn, và chúng ta sẽ đi Tây Ban Nha. Anh sẽ xin nghỉ vài hôm, rồi chúng ta sẽ bay đến Madrid. Không, hay hơn nữa là: anh sẽ gặp em ở đó.

Lúc này trông anh hoạt bát hơ thấy nhẹ nhõm vì đã tìm ra phương án thỏa hiệp này.

- Chúng ta sẽ đi Barcelona nữa, anh nói. - Barcelona rất tuyệt.

- Chúng ta đến đó bao giờ chưa? cô hỏi.

- Chưa, anh đáp nhanh. - Anh chỉ mới nghe nói thế thôi.

Cô nghĩ đến một chuyến đi Tây Ban Nha với Jack. Sẽ rất thú vị, cô biết, nhưng Tây Ban Nha không hẳn là điều cô đang nghĩ đến. Jack sẽ vẫn xa cô trong hai tuần, xa Mattie lâu hơn. Cô muốn đi London.

Phía sau vai Jack, Kathryn thấy Barbara McElroy đang nhìn cô chăm chú. Barbara, người biết cảm giác khi bị bỏ lại trong một thời gian dài.

- Nghe giống như một cuộc hẹn hò nhỉ, Kathryn nói, cố ra vẻ vui vẻ.

- Chào Lyons, một giọng nói vang lên từ phía trên tấm chăn. Kathryn ngước lên và nheo mắt trước ánh nắng. Sonny Philbrick, một người đàn ông có cái bụng tròn lẳn dưới làn áo thun Patriots, vui vẻ đá vào chân Jack.

- Chào Sonny, Jack đáp.

- Tình hình làm ăn của hãng hàng không thế nào? Sonny hỏi.

- Ồ, cũng tốt, Jack đáp. - Tình hình kinh doanh video của ông thì sao?

- Vẫn ổn. Vậy sắp tới ông đi đâu?

Kathryn lúi húi chuẩn bị cho buổi dã ngoại.

Jack rút chân về từ mép t khăn trải bàn. Anh sẽ không đứng dậy, cô biết, vì anh không muốn kéo dài câu chuyện với Philbrick. Con trai của Philbrick, bằng tuổi Mattie, là một cậu bé mảnh dẻ có khuôn mặt đẹp - chơi cờ rất cừ, có thể là một thần đồng.

- London, Jack đáp.

- London hả?

- London, Jack lặp lại. Kathryn có thể nghe thấy sự cố gắng để tỏ ra lịch sự trong giọng nói của chồng. Họ đều biết cuộc trò chuyện này đang đi đến đâu. Cùng một nơi mà tất cả những cuộc trò chuyện của Jack với những người như Philbrick thường đến.

- Bao lâu? Philbrick hỏi, nhìn thẳng vào Kathryn.

- Hai tuần, Jack đáp.

- Hai tuần! Philbrick ngả người ra sau, giả vờ ngạc nhiên. – Ông ở đấy suốt hai tuần với mấy cô phục vụ à, chà chà, ông nên cẩn thận giữ mình nhé.

Philbrick khẽ nháy mắt với Kathryn. Nếu ở trường, hẳn

ông ta sẽ là đứa học trò ưa bắt nạt bạn bè, Kathryn kết luận.

- Tiếp viên hàng không, Jack nói.

- Ôi dào, sao cũng được.

Thật ra thì, Jack nói chậm rãi và đều đều, - Tôi cũng cố ăn nằm với nhiều cô lắm đấy."

Nét mặt của Philbrick giãn ra một giây vì không hiểu. Rồi ông ta cười toe toét, vung mạnh chiếc cốc giấy trong không khí. Ông ta cười to đến nỗi những người khác ở cạnh bên phải ngước lên nhìn.

- Lyons này, ông đúng là không phải tayông biết chứ?

Có một sự im lặng kỳ cục lúc đó. Jack không trả lời.

- Thôi, hẹn gặp ông ở trận đấu, Philbrick nói. - Ông sẽ chơi mà, phải không?

Jack gật đầu, quay sang làn thức ăn như tìm cái gì đó. Kathryn nhìn Philbrick bước đi.

- Chúa ơi, Jack khẽ thốt lên.

CHƯƠNG 15

Tại cổng lên máy bay, họ đứng cách xa nhau. Ngoài khung cửa sổ gắn kính dày, từng ụ tuyết trắng xóa chắn ngang bãi đỗ máy bay. Robert gập đôi áo măng tô lại và đặt lên ghế chờ bằng nhựa. Anh đặt túi du lịch của mình đè lên chiếc áo (điều mà phụ nữ sẽ không bao giờ làm, Kathryn thầm nghĩ), giờ đây anh đang đọc *Wall Street Journal*. Kathryn choàng áo khoác trên tay và ngắm nghía

chiếc máy bay trước mặt. Nó đang được nối vào cổng bằng ống cuống rốn xếp li. Chiếc máy bay rất đẹp, cô nghĩ thế, màu trắng với họa tiết đỏ tươi, logo Vision viết bằng phông chữ viết nhanh. Vị trí đỗ chiếc T-900 cho phép cô nhìn thấy bên trong buồng lái, có thể nhìn thấy những người đàn ông mặc áo sơ mi tay dài, khuôn mặt họ bị khuất trong bóng tối, hai tay họ di chuyển trên bảng điều khiển trong lúc kiểm tra lại danh sách kiểm. Cô tự hỏi liệu cô có từng gặp ai trong số phi hành đoàn hay chưa. Họ có đến lễ tưởng niệm hay không?

Chân cô mỏi nhừ, cô muốn ngồi xuống. Nhưng nếu ngồi xuống, cô buộc phải chen vào giữa hai hành khách to béo khác. Đằng nào thì cũng chỉ còn vài phút nữa là đến giờ lên máy bay. Kathryn mặc áo vest dạ màu đen, bộ tang phục của cô, và nghĩ trông mình giống một nữ doanh nhân hơn là giáo viên. Có thể là một luật sư, đang đến London để cung cấp bằng chứng. Cô búi nhẹ tóc, đeo hoa tai ngọc trai. Một tay cầm đôi găng tay da, cổ quấn khăn choàng đen bằng sợi chenille. Cô nghĩ trông mình khá ổn, trong những tình huống thế này, chắc chắn là trông chỉn chu hơn nhiều so với những tuần trước đó. Nhưng khuôn mặt cô đã gầy đ biết trông mình già hơn so với mười hai ngày trước.

Sáng hôm đó, sau khi nói với Robert về ý định đi London, cô đã lái xe đến nhà bà Julia để thông báo kế hoạch cho Mattie. Con bé dửng dưng một cách tàn nhẫn trước chuyến đi của Kathryn. Lời nhận xét ngắn gọn duy nhất của nó, giữa những tiếng thở dài và tiếng rên gắt gỏng, là một câu phớt tỉnh *Sao cũng được*.

“Mẹ chỉ đi hai ngày thôi,” Kathryn nói.

“Cũng được,” Mattie đáp. “Bây giờ con đi ngủ lại được chưa?”

Trong nhà bếp, bà Julia đã cố gắng giải thích cho thái độ có vẻ thờ ơ của Mattie.

"Con bé mới mười lăm tuổi," bà nói. Bà đã thức nhiều giờ rồi. Bà mặc quần jean lưng thun và áo thun tay dài màu xanh lá cây. "Nó phải trách móc một ai đó, vì thế nó đang trách móc cháu. Bà biết như thế thật khó chịu. Cháu không nhớ chuyện này đâu, nhưng ngay sau khi bố mẹ cháu mất, cháu cũng đã trách bà."

"Cháu không hề làm thế," Kathryn nóng nảy đáp.

"Có đấy. Cháu không bao giờ nói thẳng ra, nhưng bà biết. Và rồi chuyện đó cũng qua. Như chuyện này cũng sẽ qua vậy thôi. Bây giờ Mattie muốn trách bố nó. Nó giận bố vì đã bỏ nó, vì đã làm cuộc đời nó khốn khổ. Nhưng nó không thể trách bố nó được. Thực chất nó chính là người duy nhất bênh vực bố. Cuối cùng, cơn giận của Mattie sẽ chuyển từ cháu sang mục tiêu thích hợp. Điều cháu cần làm là đảm bảo để cơn giận đó không tổng tấn công một lúc khiến nó bắt đầu trách bản thân mình vì cái chết của bố nó."

"Nếu thế thì cháu nên ở lại," Kathryn yếu ớt nói.

Nhưng bà Julia bảo Kathryn phải đi. Trong lòng, Kathryn hiểu rằng bà Julia muốn cô đi khỏi nhà không phải vì bản thân cô, mà vì Mattie

***

Là vợ góa của phi công, Kathryn được phép bay miễn phí đến bất kỳ nơi nào hãng Vision có chuyến bay, trong khoang hạng nhất bất cứ khi nào có ghế trống. Cô ra hiệu cho Robert ngồi cạnh cửa sổ, rồi nhét hành lý của mình

dưới ghế ngồi phía trước. Ngay lập tức cô cảm nhận được không khí tù đọng bên trong máy bay, với cái mùi nhân tạo không lẫn vào đâu được. Cửa vào buồng lái để mở, và Kathryn có thể nhìn thấy phi hành đoàn. Diện tích buồng lái luôn khiến cô ngạc nhiên: Nhiều buồng còn bé hơn hàng ghế trước trong xe ô tô. Cô thắc mắc làm sao kịch bản được đề cập trong đoạn băng CVR trên chuyến bay của Jack lại xảy ra được. Trông như không có đủ chỗ ngồi cho ba người, nói chi đến việc di chuyển và đôi co với nhau.

Từ điểm quan sát của mình, cô chỉ có thể nhìn thấy một phần ba bên trong buồng lái, một chút hình ảnh của từng phi công mặc áo sơ mi. Trong lúc Kathryn quan sát - những cánh tay to khỏe, những điệu bộ tự tin - thật khó để không hình dung người ngồi ở ghế bên trái là Jack. Cô hình dung ra đôi vai anh, mặt trong cổ tay trắng bợt của anh. Cô chưa bao giờ là hành khách trên chuyến bay do Jack điều khiển.

Cơ trưởng đứng dậy và quay về phía thân máy bay. Mắt ông bắt gặp mắt Kathryn, và cô hiểu rằng ông muốn ngỏ ý chia buồn. Ông có vẻ đã lớn tuổi, mắt nâu, tóc đã nhuốm bạc. Trông ông quá tử tế, không giống người cầm trịch chuyến bay. Ông thể hiện lời chia buồn một cách tuyệt vọng, và cô thích ông vì sự lúng túng không nói nên lời này. Cô cảm ơn ông và thậm chí còn gắng nở một nụ cười. Cô nói mình vẫn ổn như mong đợi trong những tình huống thế này, và đó là điều mà ai cũng muốn nghe. Ông hỏi cô có phải đang bay đến Malin Head để có mặt cùng những gia đình người bị nạn khác không, và cô trả lời, rất nhanh và có lẽ quá dứt khoát,*không*. Trông ông có vẻ ngại vì đã hỏi câu đó. Sau đó cô quay sang giới thiệu cơ trưởng với Robert Hart. Cơ trưởng nhìn Robert chăm chú như thể mình đã gặp người này ở đâu rồi. Sau đó ông lên tiếng cáo lui, quay trở lại buồng lái, rồi đóng cửa lại. Vì sự an toàn

của ông ấy. Vì sự an toàn của họ.

Tiếp viên hàng không thu lại những ly champagne đã mời khách khi nãy, và Kathryn bất ngờ khi thấy cô đã uống sạch ly rượu của mình. Cô không nhớ mình đã uống, dù có thể cảm thấy mùi vị rượu trong miệng. Cô nhìn đồng hồ: tám giờ mười bốn phút tối. Lúc này là một giờ mười bốn phút sáng giờ London.

Chiếc máy bay lù lù tiến về đường băng. Viên phi công – vị cơ trưởng có đôi mắt mệt mỏi – tăng tốc động cơ để cất cánh. Tim cô dừng đập trong một phút dài dằng dặc, rồi đập loạn xạ trong lồng ngực cô. Tầm nhìn của cô thu hẹp lại còn một điểm, như màn hình thường thu lại khi tắt tivi. Kathryn giữ chặt tay ghế và nhắm mắt lại. Cô cắn môi dưới. Một tấm màn sương bảo vệ tan biến, và cô nhìn thấy tất cả những gì có thể: Những mảnh sàn máy bay bị xé toạc khỏi thân máy bay; một người, có thể là một đứa bé, dính chặt vào ghế, xoay tròn trong không khí; một đám lửa bắt nguồn từ khoang hàng hóa lan vào thân máy bay.

Chiếc máy bay tăng tốc với một lực bất thường. Tấm thân nặng nề ì ạch của chiếc T-900 không chịu nhấc lên. Cô nhắm mắt lại và bắt đầu cầu nguyện câu kinh duy nhất mà cô nhớ: *Cha chúng con...*

Trước đây cô chưa bao giờ biết đến cảm giác sợ hãi trên máy bay. Ngay cả trên những chuyến bay xuyên đại dương dằn xóc nhất. Jack lúc nào cũng thư thái trên máy bay, khi làm phi công cũng như lúc làm hành khách, và sự bình tĩnh của anh dường như đã ngấm vào Kathryn qua tấm màng thẩm thấu hôn nhân. Nhưng giờ thì sự bảo vệ đó không còn nữa. Nếu cô từng tin rằng cô sẽ an toàn trên một chuyến bay vì Jack cũng tin như thế, thì liệu tiếp theo có phải là cô có thể chết trên máy bay vì anh đã chết

không? Khi đó cô cảm nhận được nỗi hổ thẹn và khiếp sợ vì biết rằng cô sẽ bị say. Robert đặt tay lên lưng cô.

Khi máy bay đã ở trên không trung, Robert ra dấu với tiếp viên hàng không. Cô ta đem đến nước đá, khăn lạnh và một chiếc túi giấy kín đáo. Cơ thể của Kathryn, do không thể cảm nhận nổi sự nhẹ nhõm vì đã cất cánh an toàn, bắt đầu nổi loạn. Cô thất vọng với chính mình khi nôn ra rượu champagne. Cô kinh ngạc khi thấy nỗi sợ về cái chết có thể nghiêm trọng đến thế nào: Ngay cả khi hay tin Jack qua đời, cô cũng không tàn tạ đến mức này.

Đèn báo cài dây an toàn vừa tắt, Kathryn đã đứng dậy và loạng choạng đi đến nhà vệ sinh. Một tiếp viên hàng không đưa cho cô một bao nhựa đựng bàn chải đánh răng, kem đánh răng, khăn mặt, xà phòng, lược, và Kathryn nhận ra những túi đồ cá nhân này được chuẩn bị sẵn rõ ràng để dành cho hành khách bị say máy bay nặng. Chỉ hành khách khoang hạng nhất mới được dùng túi này hay là nó dành cho tất cả người?

Trong phòng vệ sinh bé tí, Kathryn rửa mặt. Áo của cô ướt mồ hôi từ trong ra ngoài, cô cố dùng khăn giấy lau khô vai và cổ. Máy bay chúi về trước, khiến cô va đầu vào tủ. Cô chải răng kĩ lưỡng và nhớ đến những lúc cô cảm thấy thương cảm cho những người sợ đi máy bay.

Khi cô quay lại, Robert đứng dậy để đỡ tay cô.

“Tôi không lý giải nổi,” cô ngồi xuống và ra dấu cho anh cùng ngồi. “Chắc là do tôi sợ. Tôi cứ đinh ninh rằng máy bay sẽ không cất cánh được và nó bay quá nhanh đến nỗi sẽ nổ tung.”

Anh nhẹ nhàng siết chặt cánh tay cô.

Cô đẩy ghế ngồi ra sau, và Robert điều chỉnh ghế ngồi của anh theo cô. Có vẻ miễn cưỡng, dường như vậy, anh lấy từ cặp táp ra một quyển tạp chí.

Cô mân mê nhẫn cưới của mình.

Qua máy điện đàm, cơ trưởng nói bằng giọng vang vang với dụng ý trấn an hành khách. Nhưng chuyến bay vẫn gây cho cô cảm giác bất an. Sự khó khăn nằm ở chỗ đầu óc cô phải thích nghi với ý niệm về chiếc máy bay, với trọng lượng của nó, sự chống lại trọng lực, lơ lửng trên không trung. Cô hiểu khí động học của chuyến bay, hiểu được những nguyên tắc vật lý làm cho máy bay bay được trên không, nhưng trái tim cô, vào lúc này, lại không chịu hiểu. Trong thâm tâm, cô biết máy bay có thể rơi xuống đất.

***

Khi cô tỉnh lại, cả bên trong lẫn bên ngoài máy bay đều tối om. Màn hình phía trên đầu cô đang phát một bộ phim cũ không có tiếng. Họ đang bay đến bình minh. Khi Jack chết, anh đang bay vào bóng đêm, như đang chạy đua trước mặt trời.

Qua cửa sổ, cô thấy những đám mây. Bay qua đâu? cô tự hỏi. Newfoundlan Đại Tây Dương? Malin Head?

Cô tự hỏi liệu tim người sẽ ngừng đập do sức ép của quả bom, hay vào thời khắc biết được rằng mình sắp chết, hay ngừng đập để phản ứng trước nỗi kinh hoàng khi rơi qua màn đêm, hay là nó vẫn còn đập cho đến khi cơ thể chạm nước.

Cảm giác lúc ấy là như thế nào, khi chứng kiến buồng lái tách rời khỏi thân máy bay, rồi sau đó cảm thấy bản

thân mình, vẫn còn dính chặt vào ghế ngồi, rơi xuống qua bóng đêm, biết rằng mình sẽ chạm mặt nước ở tốc độ cuối cùng, như Jack chắc chắn sẽ biết nếu anh còn tỉnh táo? Anh có gọi tên Kathryn không? Tên của một người đàn bà khác? Hay cuối cùng anh đã gọi tên Mattie? Hay là Jack, khi cất tiếng kêu tuyệt vọng cuối cùng trong đời, cũng gọi tên mẹ của mình?

Cô hy vọng rằng chồng mình đã không phải gọi một cái tên khác, rằng anh không có đủ một giây để biết mình sắp chết.

***

Ngồi cạnh cô trong xe taxi, Robert duỗi thẳng chân. Những chiếc nút áo mạ vàng trên áo vest của anh đã khiến máy dò an ninh ở sân bay kêu inh ỏi. Anh mặc quần tây xám, áo sơ mi trắng, thắt cà vạt họa tiết cánh hoa màu vàng và đen. Trông anh gầy hơn so với hôm qua.

Cô đưa một tay lên siết lại búi tóc. Nằm giữa họ là hai chiếc túi du lịch, cả hai đều rất nhỏ bé. Cô đã vội vã xếp hành lí, không nghĩ ngợi gì nhiều. Giỏ của cô có một bộ đồ lót và tất, một chiếc áo kiểu. Họ vào London và bắt đầu lướt qua những khu dân cư thong thả. Xe taxi đột ngột dừng lại ven đường.

Qua làn mưa, Kathryn thấy một con đường với những ngôi nhà trát vữa trắng, một dãy đều tăm tắp những mặt tiền giống nhau như đúc. Các ngôi nhà cao bốn tầng, được tô điểm bằng những khung cửa sổ hình cánh cung. Hàng rào bằng sắt uốn trang nhã bao bọc vỉa hè, và mỗi ngôi nhà đều treo một chiếc đèn bão trên cổng. Chỉ có cửa vào nhà nói lên nét riêng của gia chủ. Một số cánh cửa rất dày, làm bằng gỗ ép; một số lại gắn kính nhỏ; số khác sơn màu

xanh lá cây sậm. Những ngôi nhà ở gần chiếc taxi nhất được phân biệt bằng những con số khiêm tốn ghi trên tấm biển bằng đồng nhỏ. Chiếc dừng trước ngôi nhà gắn biển Số 21.

Kathryn tựa vào lưng ghế.

“Chưa phải lúc,” cô nói.

“Cô có muốn tôi đi thay không?” Robert hỏi.

Cô suy nghĩ về lời đề nghị này và vuốt phẳng chiếc váy của mình. Như tiếng động cơ đều đều, người lái taxi có vẻ bình thản khi phải đợi.

“Anh sẽ làm gì khi đến đó?” cô hỏi.

Kathryn cảm thấy choáng váng. Cô nghĩ mình không còn dự báo chính xác hành động và phản ứng của cơ thể được nữa. Cô tự nhủ, sự khó khăn khi không nghĩ đến tương lai gần nằm ở chỗ nó khiến người ta không kịp trở tay với thực tại.

Từ đó về khách sạn rất gần, khách sạn nằm trên một khu đất cũng kỳ quặc không kém dãy nhà họ vừa đến. Khách sạn đã mua lại bảy hoặc tám ngôi nhà và có một lối vào kín đáo. Các tầng bên trên được bao bọc bằng bao lơn trắng tinh.

Robert đã đặt hai phòng gần nhưng không thông nhau. Anh xách giỏ của cô đến trước cửa phòng.

“Chúng ta sẽ ăn trưa ở quán rượu phía dưới,” anh nói, rồi xem đồng hồ. “Mười hai giờ trưa được không?”

“Được chứ,” cô đáp.

“Cô không cần phải làm việc này.”

***

Phòng của cô rất bé nhưng đầy đủ một cách hoàn hảo. Tường dán một loại giấy thường, gắn những đèn ốp tường bằng đồng. Có một chiếc bàn, một chiếc giường, máy ép thẳng quần, một hốc tường để pha trà hay cà phê.

Cô tắm, thay đồ lót và áo kiểu, rồi chải đầu. Nhìn vào gương, cô đưa tay lên mặt. Cô không thể tiếp tục chối bỏ rằng có gì đó đang chờ đợi cô ở thành phố này.

Đôi khi, cô nghĩ, sự can đảm chỉ đơn thuần là đặt bàn chân này xuống trước bàn chân kia và không dừng lại.

***

Quán rượu tối lờ mờ, có những góc âm tường ốp gỗ. Âm nhạc Ireland mở trên đầu. Trên tường treo những bức ảnh chụp đàn ngựa trên nền màu xanh lá sậm và đóng khung vàng. Năm, sáu người đàn ông ngồi tại quầy bar, uống bia đựng trong những chiếc ly cỡ lớn, vài cặp doanh nhân ngồi trong các góc âm tường. Cô tìm thấy Robert ngồi ở đầu kia của căn phòng, thả lỏng người trên tấm đệm dài. Trông anh có vẻ mãn nguyện, có lẽ còn hơn cả mãn nguyện. Anh vẫy tay ra dấu với cô.

Cô băng qua căn phòng và đặt ví lên tấm đệm.

“Tôi đã tự ý gọi nước uống cho cô,” anh nói.

Cô đưa mắt nhìn thức uống. Trước mặt Robert là một ly nước khoáng. Cô ngồi vào ghế cạnh anh. Bàn chân cô chạm phớt bàn chân anh, nhưng nếu rụt chân lại thì có vẻ bất lịch sự quá.

“Anh có chuyện gì vậy?” cô hỏi, ra dấu về phía ly nước. “Ý tôi là với thức uống ấy? Tôi xin lỗi. Anh có phiền khi tôi hỏi không?”

“Không sao,” anh đáp, lắc đầu. “Bố mẹ tôi đều là giáo sư ở một trường cao đẳng tại Toronto. Ngay cả vào buổi tối, họ cũng tiếp sinh viên - kiểu như buổi họp mặt nhỏ ấy mà. Chiếc khay rượu luôn là tâm điểm của buổi họp mặt. Các sinh viên rất thích nó, lẽ tất nhiên. Tôi bắt đầu gia nhập với họ n mười lăm tuổi. Thật ra, giờ đây nghĩ lại chuyện đó, tôi thấy bố mẹ mình có lẽ đã tạo ra rất nhiều kẻ nghiện ngập.”

“Anh là người Canada à?”

“Lúc trước là vậy. Giờ thì hết rồi.”

Kathryn quan sát người đàn ông ngồi cạnh cô. Cô biết gì về anh, ngoại trừ việc anh đã đối xử tốt với cô? Anh có vẻ làm tốt công việc của mình, và phải thừa nhận là vô cùng quyến rũ. Cô thắc mắc phải chăng việc đi cùng cô đến London cũng thuộc một phần trách nhiệm công việc của anh.

“Có thể chuyến đi này của chúng ta là vô ích,” cô nói, và có thể nghe thấy tia hi vọng trong giọng nói của mình. Như tìm kiếm một khối u khả nghi trong ngực, cô thầm nghĩ, rồi sau đó được bác sĩ báo tin là chẳng có gì, hoàn toàn không có gì hết. “Robert, tôi xin lỗi. Việc này thật điên rồ. Tôi biết anh sẽ nghĩ rằng tôi bị mất trí rồi. Tôi thực sự xin lỗi vì đã lôi anh vào cuộc.”

“Tôi thích London lắm,” anh nói nhanh, dường như chưa sẵn sàng để giải tán sự hợp tác này nhanh như vậy. “Cô cần ăn chút gì đó. Tôi ghét nhạc Ireland lắm. Tại sao

lúc nào nó cũng sầu thảm như vậy?"

Cô mỉm cười. "Anh đến đây bao giờ chưa?" cô hỏi, ngầm thuận theo sự đổi đề tài. "Đến khách sạn này ấy?"

"Tôi đến đây khá thường xuyên," anh đáp. "Chúng tôi *điều phối*, tôi nghĩ đó là từ thích hợp, với các đối tác Anh."

Cô xem thực đơn, đặt nó xuống mặt bàn vecni bóng loáng nhưng hơi dinh dính.

"Cô có khuôn mặt rất đẹp," anh chợt nói.

Cô đỏ mặt. Đã lâu không ai nói với cô điều đó. Cô ngượng ngùng vì mình đã đỏ mặt, vì anh có thể thấy điều đó quan trọng đối với cô. Cô lại cầm thực đơn lên và xem lần nữa. "Tôi ăn không nổi, Robert ạ. Thực tình là thế."

"Có một chuyện tôi muốn nói với cô," anh bắt đầu.

Cô đưa tay lên. Cô không muốn anh nói bất kỳ điều gì buộc cô phải trả lời.

"Tôi xin lỗi," anh nói, nhìn đi chỗ khác. "Cô không cần điều này."

"Tôi chỉ đang nghĩ như thế này thật là dễ chịu," cô khẽ nói.

Và cô nhận thấy, với vẻ ngạc nhiên, rằng anh không thể giấu sự thất vọng trước lời đề nghị tẻ nhạt đó.

"Tôi sẽ đi bây giờ," cô nói.

"Tôi sẽ đi với cô."

"Không. Tôi phải làm việc này một mình."

Anh nghiêng người sang hôn lên má cô.

"Cẩn thận nhé," anh nói.

***

Cô loạng choạng đi ra ngoài phố, di chuyển với một động lực mà cô cũng không dám thắc mắc. Chiếc taxi thả cô xuống trước ngôi nhà hẹp mà cô đã nhìn thấy mới hơn một giờ trước đó. Cô quan sát con đường, quan sát chiếc đèn ngủ nhỏ màu hồng ở cửa sổ tầng trệt. Cô trả tiền cho người lái xe và biết chắc chắn, khi cô bước xuống vệ đường, rằng mình đã đưa cho ông ta quá nhiều tiền xu.

Mưa trút lên mép chiếc ô của cô và làm phía sau chân cô ướt sũng, thấm lên rồi chảy dài xuống quần tất. Có một khoảnh khắc, khi cô đứng trên bậc tam cấp trước cánh cửa gỗ to áp đảo, cô đã nghĩ: Mình không cần phải làm việc này. Dù cô hiểu trong cùng khoảnh khắc ấy rằng chính vì biết mình chắc chắn sẽ làm điều này mà cô mới trở nên ngập ngừng như vậy.

Cô nhấc miếng gõ cửa bằng đồng nặng trịch lên rồi gõ vào cửa. Cô nghe tiếng bước chân ở cầu thang trong nhà, tiếng khóc ngằn ngặt của một đứa bé. Cánh cửa đột ngột mở ra, như thể người phía trong đang đợi một món hàng giao đến.

Đó là một phụ nữ - một người phụ nữ cao, gầy, mái tóc đen dài đến cằm. Cô ta ba mươi tuổi, có thể là ba mươi lăm. Cô ta bồng một đứa bé ở eo, một đứa bé khiến cô kinh ngạc đến nỗi chỉ biết đứng nhìn sững sờ thay vì khóc thét lên.

Kathryn bắt đầu run lập cập dưới lớp áo choàng. Cô giữ chiếc ô ở một góc không bình thường.

Người phụ nữ bồng đứa bé trông có vẻ ngạc nhiên, và trong thoáng chốc bối rối. Rồi sau đó cô ta không còn tỏ vẻ ngạc nhiên chút nào nữa.

"Tôi đã hình dung đến giây phút này trong nhiều năm rồi," người phụ nữ nói.

CHƯƠNG 16

Những đường nét của người phụ nữ gây ấn tượng mạnh lên Kathryn, như a xít ăn mòn một cuộn phim ảnh. Mắt nâu, lông mi đen dày. Quần jean ôm, chân dài. Giày đế bằng màu trắng ngà, mang nhiều lần, giống như dép. Áo sơ mi hồng, tay áo xăn lên. Hàng nghìn câu hỏi tranh nhau giành sự chú ý của Kathryn. Khi nào? Bao lâu? Như thế nào? Tại sao?

Đứa bé trong tay người phụ nữ ấy là một bé trai. Một bé trai có mắt xanh. Màu mắt hơi khác nhau một chút, dù sự khác nhau đó không rõ rệt như mắt bố nó.

Lớp vỏ bọc thời gian xé toạc ra, và Kathryn bước vào.

Cô gắng gượng để không tựa vào cánh cửa trước cú sốc khi nhìn thấy người phụ nữ và khuôn mặt đứa bé.

"Mời vào."

Lời mời phá vỡ sự im lặng kéo dài giữa hai người phụ nữ. Dù đó hoàn toàn không phải là một lời mời, không phải theo kiểu những lời mời chào thông thường, với một nụ cười và một bước lùi lại để nhường đường. Mà nó

nghe như một mệnh lệnh, đơn giản không nao núng, như thể người phụ nữ ấy thực ra đã nói: Bây giờ chẳng ai còn lựa chọn nào khác đâu.

Và bản năng mách bảo cô phải bước vào nhà, đương nhiên, tránh khỏi cơn mưa đang trút. Phải ngồi xuống.

Kathryn hạ chiếc ô xuống và thu nó lại trong lúc bước qua bậu cửa. Người phụ nữ trong nhà dùng một tay giữ cửa, tay kia bồng đứa bé. Đứa bé, có lẽ đã nhận ra sự im lặng, nhìn người lạ với ánh mắt tò mò cực độ. Một đứa trẻ trong hành lang đã dừng trò chơi của nó lại để quan sát.

Kathryn để cho chiếc ô nhểu nước xuống sàn gỗ bóng loáng. Trong vài giây khi hai người phụ nữ đứng ở lối vào, Kathryn nhận thấy tóc cô ta lắc lư quanh cằm. Chúng được cắt tỉa công phu, trong khi tóc của Kathryn thì không. Cô đưa tay sờ tóc mình và thấy hối hận vì đã làm thế.

Trong hành lang rất nóng, oi bức và ngột ngạt. Kathryn có thể cảm thấy mồ hôi nhỏ giọt trong làn áo kiểu sau lớp áo vest dưới lớp áo choàng len.

“Cô là Muire Boland,” Kathryn nói.

trong tay Muire Boland, dù khác giới tính, dù màu tóc có vẻ sậm hơn, vẫn giống hệt Mattie ở độ tuổi ấy - năm tháng tuổi, Kathryn phỏng đoán. Phát hiện này tạo ra một sự chói tai, một tiếng ken két trong tai cô, như thể người phụ nữ Kathryn chưa từng gặp mặt này đang bồng con của cô.

Jack đã có một đứa con trai.

Người phụ nữ tóc đen quay lưng rời khỏi hành lang để đi vào phòng khách, buộc lòng Kathryn phải đi theo sau.

Đứa trẻ trên hành lang, một bé gái xinh xắn có đồng tử giãn to và khuôn miệng thiên thần, nhặt lên một đống khối xây dựng, ấn vào ngực, và, vẫn không rời mắt khỏi Kathryn, đi sát bức tường để vào phòng khách, tiến đến gần chân mẹ nó. Đứa bé rất giống mẹ, còn cậu con trai thì lại giống bố.

Kathryn đặt ô xuống góc phòng rồi đi vào phòng khách. Muire Boland đứng quay lưng về phía lò sưởi, chờ đợi cô, dù không hề có lời mời ngồi xuống, sẽ không có.

Căn phòng có trần cao và sơn màu vàng chanh. Những món đồ trang trí sáng loáng nhờ lớp sơn bóng trắng. Ở phía trước, những khung cửa sổ uốn cong treo rèm dài mỏng nhẹ trên thanh treo kiểu Pháp. Vài chiếc ghế thấp bằng sắt uốn, lót gối trắng khổ to, xếp quanh một chiếc bàn cocktail bằng gỗ chạm trổ, khiến Kathryn liên tưởng đến những căn phòng Ả Rập. Phía trên lò sưởi, ở sau đầu của người phụ nữ, là một tấm gương lớn màu vàng, phản chiếu hình ảnh của Kathryn ở lối vào, thành ra, Kathryn và Muire Boland đứng trong cùng một khung hình. Trên lò sưởi là một tấm ảnh lồng trong khung hoa văn bằng gỗ ngà, một chiếc lọ thủy tinh màu vàng ánh hồng, một bức tượng đồng. Ở hai bên khung cửa sổ hình cánh cung là những kệ sách cao. Một tấm thảm màu xám và xanh thẫm trải dưới chân. Căn phòng tươi tắn từ hiệu ứng của ánh sáng và không khí, bất kể kiến trúc đồ sộ của căn nhà và tiết trời ảm đạm.

Kathryn phải ngồi xuống. Cô đặt một tay lên chiếc ghế gỗ nằm ngay bên trong lối vào. Cô nặng nề ngồi xuống, như thể đôi chân cô đột nhiên mất hết sức lực.

Cô cảm thấy già nua, già hơn cả người phụ nữ trước mặt cô, dù cô ta gần bằng tuổi cô. Chính là đứa bé,

Kathryn nghĩ, chính nó là minh chứng cho sự mới mẻ của tình yêu, chắc chắn cho sự gần gũi của tình dục. Hoặc là chiếc quần jean tương phản với bộ đồ vest sậm màu của Kathryn. Hoặc là cách Kathryn đang ngồi, chiếc xắc tay đặt nghiêm nghị trên đùi.

Dưới lớp áo choàng, chân phải của cô đang co giật, như cô vừa mới leo lên một ngọn núi.

Đứa bé bắt đầu quấy khóc, phát ra những tiếc ngắn ngặt nho nhỏ. Muire Boland cúi xuống để nhặt lên một chiếc núm vú nhựa từ bàn cocktail, nhét đầu núm vú vào miệng mình, mút vài cái, rồi nhét vào miệng đứa bé. Đứa bé mặc quần yếm bằng nhung kẻ màu xanh dương và một chiếc áo thun kẻ sọc. Người phụ nữ tóc đen có đôi môi dày đều đặn và không thoa son.

Rời mắt khỏi người phụ nữ và đứa bé, Kathryn bắt gặp bức ảnh trên bệ lò sưởi. Khi tập trung nhìn kỹ bức ảnh, cô bắt đầu, gần như đứng dậy khỏi ghế. Đó là ảnh của Jack, cô có thể nhận ra ngay cả từ phía xa. Từ chỗ ngồi của cô, điều đó càng không thể nhầm lẫn. Jack đang ẵm một đứa trẻ, một bé sơ sinh. Bàn tay kia của anh xoa đầu một đứa bé khác, cô bé đang ở trong căn phòng cùng với họ. Trong ảnh, con bé có khuôn mặt rất trang nghiêm. Ba người có vẻ như đang đứng trên bãi biển. Jack cười tươi rạng rỡ.

Bằng chứng không thể chối cãi về một cuộc sống khác. Dù Kathryn chẳng cần bằng chứng gì.

“Cô đang đeo nhẫn,” Kathryn nói gần như miễn cưỡng.

Muire dùng ngón tay xoay chiếc nhẫn vàng.

“Cô kết hôn rồi à?” Kathryn hỏi, vẻ nghi ngờ.

“Tôi đã từng kết hôn.”

Kathryn bối rối một chốc, cho đến khi cô hiểu nghĩa của thì quá khứ.

Muire chuyển đứa bé sang hông

“Khi nào?” Kathryn hỏi.

“Bốn năm rưỡi trước.”

Người phụ nữ hầu như không di chuyển khuôn miệng trong lúc nói. Những nguyên âm và phụ âm tuôn ra từ lưỡi cô ta với một sự du dương khó lẫn. Chắc là giọng Ireland.

“Chúng tôi kết hôn trong một nhà thờ Công giáo,” Muire tự nguyện nói.

Kathryn cảm thấy thân người lùi lại trước thông tin này, như lùi lại trước một cú đấm.

“Và cô biết là...?” cô hỏi.

“Về chị ư? Vâng, tất nhiên.”

Như thể đó là chuyện hiển nhiên. Rằng người phụ nữ tóc đen này đã biết mọi thứ. Còn Kathryn thì không.

Kathryn đặt xắc tay xuống, lắc cánh tay khỏi dính vào áo choàng. Căn hộ nóng quá mức, và Kathryn đang đổ mồ hôi như tắm. Cô có thể cảm thấy mồ hôi tuôn dưới tóc và sau gáy.

“Nó tên gì?” Kathryn hỏi, ngụ ý tên đứa bé. Cô bất ngờ trước sự lịch thiệp của mình ngay cả khi cô hỏi câu đó.

“Dermot,” Muire đáp. “Theo tên anh trai tôi.”

Người phụ nữ chợt cúi đầu xuống, hôn lên đầu đứa bé.

“Nó bao nhiêu tuổi?” Kathryn

“Năm tháng. Tính đến hôm nay.”

Và Kathryn lập tức nghĩ, vì ai mà không làm thế, rằng Jack hẳn sẽ có mặt ở đấy, trong căn hộ này, để chia sẻ cột mốc đó.

Đứa bé sau khi được cho ngậm núm vú giờ đã thiu thiu ngủ. Mặc cho những tiết lộ trong vài phút vừa qua, mặc cho mối quan hệ không bình thường giữa cô và đứa bé (mặc cho thực tế rằng đứa bé này tồn tại trên đời), Kathryn vẫn cảm thấy một cảm giác thôi thúc, gần giống như sự thôi thúc về thể xác, phải ôm đứa bé vào lòng, áp nó vào cái khoảng trống vẫn luôn khao khát ôm ấp một đứa bé. Nét giống nhau giữa đứa bé với Mattie lúc năm tháng tuổi thật kỳ lạ. Đó có thể chính là Mattie. Kathryn nhắm mắt lại.

“Chị có sao không?” Muire hỏi.

Kathryn mở mắt ra, lau trán bằng tay áo khoác.

“Tôi đã nghĩ... ,” Muire bắt đầu. “Tôi đã tự hỏi liệu chị có đến hay không. Khi chị gọi, tôi chắc rằng chị đã biết. Tôi đã biết chắc khi anh ấy chết là chuyện này sẽ xảy ra.”

“Tôi đã không biết,” Kathryn nói. “Không hẳn là biết. Chỉ đến khi tôi nhìn thấy đứa bé. Vừa khi nãy.”

Hay là cô đã biết? Kathryn tự hỏi. Cô đã biết kể từ giây phút cô nghe thấy sự im lặng xuyên đại dương ấy?

Quanh mắt người phụ nữ tóc đen có nếp nhăn, hai khóe

miệng có dấu vết của những nếp nhăn ngày nào đó sẽ hình thành. Đứa bé chợt thức giấc và bắt đầu khóc toáng lên thật to, kiểu khóc từng rất đỗi quen thuộc với Kathryn. Muire cố gắng dỗ đứa bé, đặt nó lên vai, vỗ lưng nó. Nhưng chẳng có tác dụng gì.

“Để tôi bế nó vào phòng,” Muire nói giữa tiếng khóc của

Khi cô rời khỏi phòng, đứa bé gái lẽo đẽo theo sau, không muốn bị bỏ lại một mình với người lạ.

Jack đã kết hôn trong một nhà thờ Công giáo. Người phụ nữ tóc đen đã biết rằng anh đã có gia đình.

Kathryn cố đứng lên, nhưng cô cảm thấy không đứng nổi. Cô bắt chéo chân để trông không có vẻ quá xúc động. Không có vẻ quá rã rời. Cô từ từ xoay chân, cố gắng quan sát toàn bộ căn phòng. Những chiếc đèn áp tường bằng đồng với nến bằng điện trên tường. Những quyển tạp chí trên bàn cocktail, một bức tranh sơn dầu vẽ một con phố của tầng lớp lao động. Cô tự hỏi tại sao mình không cảm thấy giận dữ. Cảm giác như cô bị cắt, con dao cứa sâu đến nỗi vết thương chưa kịp đau; nó chỉ gây sốc. Và cú sốc có vẻ như khiến cô cư xử có văn hóa.

Muire đã biết, đã tưởng tượng đến ngày này. Kathryn thì không.

Dọc một bức tường có một chiếc tủ mà Kathryn đoán là chứa tivi và dàn âm thanh. Cô chợt nghĩ đến những bộ phim *Điệp viên báo hồng*, những phim mà cô, Jack và Mattie đã thuê, những phim luôn làm cho Jack và Mattie cười ngặt nghẽo không dứt. Họ rất tự hào khi có thể thuộc lòng những đoạn đối thoại dài dằng dặc.

Kathryn quay đầu sang phía phát ra tiếng động. Muire Boland đứng ở lối vào, quan sát cô từ một phía. Cô ta bước vào phòng, đi đến một chiếc ghế trắng, rồi ngồi xuống. Ngay lập tức, cô ta mở một chiếc hộp gỗ trên bàn cocktail rồi lấy ra một điếu thuốc, châm lửa bằng một chiếc bật lửa bằng nhựa đặt cạnh chiếc hộp.

Jack không thể chịu nổi ở chung phòng với người hút thuốc, anh đã nói như thế.

“Chị muốn biết chuyện này xảy ra như thế nào,” Muire nói.

Mặc dù gầy gò nhưng có thể mô tả Muire là một người quyến rũ. Do đứa bé, Kathryn thầ nghĩ. Do việc cho bú. Có thể chỉ có một chút dấu hiệu của mỡ bụng, nhưng đó cũng là do đứa bé.

Kathryn chợt nhớ đến một kỷ niệm vào lúc đó, thật ra là một bức ảnh do Jack chụp. Kathryn đang úp mặt nằm ngủ trong bộ áo choàng tắm chần bông trên một chiếc giường bề bộn, hai tay nhét dưới người. Jack đang ẵm Mattie năm tháng tuổi, anh đã đặt con bé đang ngủ, cũng úp mặt xuống, lên phần nhô lên giữa mông và cuối lưng cô. Kathryn và Mattie cùng nhau ngủ trưa, và Jack, cảm động trước cảnh tượng của mẹ và bé, đã chụp bức ảnh đó.

Muire ngả người ra ghế đệm, khoác một tay ra phía sau thành ghế. Cô ta gác chéo chân. Kathryn ước chừng cô ta cao khoảng một mét tám, gần bằng Jack. Kathryn cố gắng tưởng tượng cơ thể cô ta trông như thế nào dưới lớp áo quần, cô ta ở bên Jack sẽ như thế nào.

Nhưng tâm trí cô phản đối và nổi loạn, và những hình ảnh ấy không chịu hình thành. Cũng như hình ảnh về thi

thể của Jack khi rơi xuống biển thoạt đầu đã không chịu hình thành. Những hình ảnh đó sẽ đến sau, Kathryn biết, khi cô ít mong muốn nhất.

"Đúng," Kathryn đáp.

Muire rít một hơi thuốc lá, chồm về trước, gạt tàn thuốc. "Tôi bay cùng anh ấy năm năm rưỡi trước. Tôi là tiếp viên hàng không của hãng Vision."

"Tôi biết."

"Chúng tôi yêu nhau," người phụ nữ nói đơn giản. "Tôi sẽ không đi vào chi tiết. Tôi chỉ có thể nói rằng cả hai chúng tôi đều đắm đuối. Chúng tôi đã sống chung với nhau một tháng trong lần đầu tiên đó. Chúng tôi đã..." Người phụ nữ do dự, có thể vì lịch sự, có thể đang cố gắng tìm cách nói tốt hơn. "Chúng tôi đã ngoại tình," cuối cùng cô ta nói. "Jack rất dằn vặt. Anh ấy nói sẽ không bỏ Mattie. Anh ấy không thể làm thế với con gái mình."

Cái tên *Mattie* gây một cơn rùng mình trong không khí, một sự căng thẳng run rẩy giữa hai người phụ nữ. Muire Boland đã gọi cái tên đó một cách quá ư như cô ta đã quen biết con bé.

Kathryn nghĩ: Anh ấy không thể bỏ con gái, nhưng anh ấy có thể phản bội vợ mình.

"Chuyện này chính xác là khi nào?" Kathryn hỏi. "Mối quan hệ này."

"Tháng sáu năm 1991."

"Ồ."

Bản thân cô đã làm gì vào tháng sáu năm 1991? Kathryn tự hỏi.

Người phụ nữ có nước da trắng thanh khiết, làn da gần như không có khuyết điểm. Làn da của một người ít khi ra ngoài. Dù cô ta có thể là một người ưa chạy bộ.

“Cô biết về tôi,” Kathryn lặp lại. Giọng cô nghe như không phải của cô nữa. Nó quá chậm và cân nhắc, như cô đã bị trúng thuốc mê.

“Tôi biết về chị ngay từ lúc đầu. Jack và tôi không có bí mật nào cả.”

Hóa ra là thân thiết hơn, Kathryn nghĩ. Một vết thương bằng dao có chủ ý.

Mưa trượt trên những ô cửa sổ hình cánh cung, mây mù khiến người ta dễ nhầm lẫn trời đã nhá nhem tối. Kathryn nghe thấy từ một căn phòng ở trên lầu tiếng léo nhéo xa xa của một nhân vật hoạt hình trên tivi. Vẫn còn đổ mồ hôi, cô cởi áo khoác ra và đứng dậy, lúc đó cô nhận ra chiếc áo kiểu đã bung ra khỏi váy. Cô cố nhét nó vào váy trở lại. Ý thức rõ sự quan sát của người phụ nữ đối diện, một người phụ nữ có thể biết về Jack rõ hơn cả cô, Kathryn thầm mong đôi chân sẽ không phản bội mình. Cô đi ngang qua căn phòng đến bệ lò sưởi.

Cô lấy tấm ảnh lồng khung bằng ngà xuống. Jack mặc một chiếc áo mà Kathryn chưa từng nhìn thấy, một chiếc áo thun polo đ đã cũ. Anh bế đứa bé sơ sinh nhỏ xíu. Đứa con gái, Kathryn vừa thấy khi nãy đang chơi với các khối xây dựng, có những lọn tóc và chân mày giống Jack, nhưng mắt thì không giống.

“Con bé tên gì?” Kathryn hỏi.

“Dierde.”

Các ngón tay của Jack luồn sâu vào mái tóc con bé. Jack có đối xử với Dierde giống như cách anh đã đối xử với Mattie không?

Kathryn nhắm mắt lại trong chốc lát. Cô nghĩ sự tổn thương gây ra với cô là gần như không thể chịu đựng nổi. Nhưng còn sự tổn thương đến Mattie thì thật ghê tởm. Ai cũng có thể thấy – làm sao mà họ không nhận ra được? – rằng con bé trong bức ảnh xinh đẹp tuyệt trần. Một khuôn mặt hấp dẫn, đôi mắt đen, lông mi dài, môi đỏ. Bạch Tuyết đích thực. Liệu những kỷ niệm mà Mattie nâng niu như báu vật có được lặp lại, được làm sống lại, với một đứa bé khác không?

“Sao cô có thể?” Kathryn khóc, quay cuồng, và cô cũng đã có thể nói câu đó với Jack.

Mồ hôi làm những ngón tay cô trơn trượt, khiến khung hình rơi xuống. Nó trượt ra khỏi tay cô, vỡ toang trên một chiếc tủ nhỏ. Cô không cố tình làm thế, và cô cảm thấy sự đổ vỡ nhỏ nhoi ấy là một sự phơi bày. Người phụ nữ trên ghế thoáng rùng mình, dù cô ta không ngoái đầu lại để nhìn thiệt hại. Đó là một câu hỏi không thể trả lời. Mặc dù cô ta muốn trả lời nó.

“Tôi yêu anh ấy,” Muire đáp. “Chúng tôi yêu nhau.”

Như thể chừng đấy là đủ.

Kathryn đứng nhìn Muire dụi tắt điếu thuốc. Cô ta thật bình thản, Kathryn nghĩ. Thậm chí lạnh lùng.

“Có những việc tôi không thể nói

Con khốn, Kathryn thầm nghĩ, một bong bóng giận dữ nổi lên. Cô cố gắng bình tĩnh lại. Thật khó để hình dung người phụ nữ ngồi trên ghế kia trong bộ đồng phục tiếp viên hàng không với đôi cánh nhỏ trên ve áo. Mỉm cười với hành khách khi họ lên máy bay.

Những *việc* mà Muire Boland không thể nói là gì?

Cô đặt tay lên bệ lò sưởi, ngả đầu về trước. Cô hít sâu để bình tĩnh lại. Một cơn thịnh nộ tạo ra tiếng động như tiếng ồn trong tai cô.

Cô đẩy người ra khỏi bệ lò sưởi rồi đi băng qua căn phòng. Cô dừng lại gần chiếc ghế gỗ, như cô có thể, vào bất cứ lúc nào, đứng dậy và ra về.

“Tôi đã sẵn lòng làm mọi việc cần phải làm,” Muire Boland nói. Cô ta vén tóc khỏi trán. “Tôi đã từng đuổi anh ấy ra khỏi nhà. Nhưng tôi không thể.”

Kathryn nắm hai tay lại đặt lên đùi, xem đây là lời tự thú đúng kiểu tính cách cô ta. Vẻ khêu gợi của người đang trong thời kỳ cho con bú, biểu hiện của vòng eo đẫy đà, kết hợp với chiều cao, đôi vai gầy guộc, cánh tay dài, thật khó cưỡng lại, hấp dẫn không thể chối từ.

“Cô làm chuyện đó thế nào?” Kathryn hỏi. “Ý tôi là, làm sao chuyện đó có thể trót lọt được?”

Muire Boland nâng cằm lên. “Chúng tôi có quá ít thời

gian ở bên nhau. Chúng tôi đã làm bất cứ chuyện gì có thể làm. Tôi thường đến đón anh ấy ở một địa điểm hẹn trước gần căn hộ phi hành đoàn rồi đưa anh ấy về đây. Đôi khi, chúng tôi chỉ ở bên nhau được một đêm. Khi khác...” Cô ta lại do dự. “Đôi khi Jack đăng ký lịch bay ngược lại,” Muire nói.

Kathryn nghe những từ ngữ của một người vợ phi công.

“Tôi không hiểu,” Kathryn nói nhanh. Dù đau lòng thay, cô nghĩ rằng mình hiểu.

“Thỉnh thoảng anh ấy có thể sắp xếp để cho London là điểm quay về. Nhưng, tất nhiên, việc này rất rủi ro.”

Kathryn nhớ lại những tháng mà Jack dường như có lịch bay rất kinh khủng. Năm ngày liên tiếp, nghỉ hai ngày, chỉ về nhà được một đêm.

“Như chị biết đấy, anh ấy không phải lúc nào cũng được bay chặng London,” Muire tiếp tục. “Thỉnh thoảng anh ấy phải bay chuyến Amsterdam-Nairobi. Những lúc ấy tôi thuê một căn hộ ở Amsterdam.”

“Anh ấy trả tiền cho chuyện này?” Kathryn chợt hỏi, cô nghĩ: Anh ấy lấy tiền từ tôi. Từ Mattie.

“Đây là của tôi,” Muire nói, ra dấu về phía các căn phòng. “Tôi được một người cô để lại căn nhà này. Tôi có thể bán rồi dọn ra vùng ngoại ô, nhưng nghĩ đến việc dọn ra ngoại ô đôi khi khiến tôi thấy nản.”

Kathryn, tất nhiên, sống ở một nơi có thể mô tả là vùng ngoại ô.

"Anh ấy cho cô tiền à?" Kathryn vẫn quyết làm cho ra lẽ.

Muire nhìn lảng đi, như đang chia sẻ với Kathryn, trong một khoảnh khắc, hành động bội bạc của việc lấy tiền từ gia đình này cho gia đình khác.

"Thỉnh thoảng thôi," cô ta đáp. "Tôi cũng có tiền riêng."

Kathryn nghĩ ngợi về sự nồng nhiệt trong tình cảm mà việc cách li liên tục có thể tạo ra. Sự nồng nhiệt sinh ra một cách tự nhiên từ hành động lén lút và bí mật. Cô đưa tay lên miệng, ấn môi lên những đốt tay. hẳng lẽ tình yêu cô dành cho Jack chưa đủ mạnh mẽ hay sao? Liệu cô có thể khẳng định rằng mình vẫn còn yêu chồng sau khi anh ấy qua đời? Phải chăng cô đã không biết trân trọng anh? Tệ hơn nữa là, liệu Jack có bao giờ gợi ý cho Muire Boland rằng Kathryn không yêu anh đủ nhiều? Cô nhói lòng khi nghĩ đến khả năng đó. Cô hít một hơi dài và cố gắng ngồi thẳng hơn.

"Cô từ đâu đến?" Kathryn hỏi khi cô đã tin tưởng giọng nói của mình.

"Antrim."

Kathryn nhìn đi nơi khác. Bài thơ, cô thầm nghĩ. Tất nhiên rồi. Ở *đây trong ngõ hẹp và phương bắc khắc nghiệt, những bội phản vĩnh viễn...*

"Nhưng cô gặp anh ấy ở đây," Kathryn nói. "Cô gặp Jack ở London."

"Chúng tôi gặp nhau trên không trung."

Kathryn liếc nhìn xuống thảm, tưởng tượng về cuộc

gặp trên không đó.

“Chị đang ở đâu?” Muire hỏi.

Kathryn nhìn người phụ nữ và chớp mắt. Cô không nhớ nổi tên khách sạn. Muire chồm về trước và rút một điếu thuốc ra khỏi hộp.

“The Kensington Exeter,” Kathryn nói khi đã nhớ lại.

“Nếu điều này có làm cho chị cảm thấy khá hơn,” Muire nói, “tôi khá chắc chắn rằng không còn ai khác nữa.”

Điều đó không khiến cô cảm thấy khá hơn chút nào.

“Làm sao cô biết?”

Ánh sáng bên ngoài đang nhạt nhòa dần. Muire bật đèn bàn lên rồi đưa một tay ra sau gáy.

“Làm sao chị tìm ra?” Muire hỏi. “Phát hiện ra chuyện chúng tôi?”

Chúng tôi, Kathryn nghe thấy từ đó.

Cô không muốn trả lời câu hỏi này. Việc tìm kiếm manh mối giờ đây không còn ý nghĩa nữa.

“Chuyện gì đã xảy ra trên máy bay của Jack?” Kathryn hỏi thay vì trả lời.

Muire lắc đầu, mái tóc mềm mượt lắc lư. “Tôi không biết,” cô ta đáp. Nhưng giọng nói của cô mang hơi hướm lảng tránh, vì trông cô có vẻ như tái nhợt hẳn. “Ý nghĩ đây là một vụ tự sát thật kinh khủng,” cô ta nói, cúi người về trước, đặt cùi chỏ lên đầu gối, đầu úp vào hai tay. Khói thuốc luồn qua tóc cô ta. “Jack sẽ không bao giờ, không

bao giờ...”

Kathryn bất ngờ trước cảm xúc mãnh liệt đột ngột của người phụ nữ này, cảm xúc mà cô tưởng ở một chừng mực nào đó rằng chỉ mình cô có. Đó là cảm xúc duy nhất mà Muire thể hiện kể từ khi Kathryn đặt chân vào căn hộ này.

“Tôi ganh tị với chị vì đã tổ chức được lễ tưởng niệm,” Muire nói, ngước lên. “Một linh mục. Tôi ước gì mình đến đó được.”

Chúa ơi, Kathryn tự nhủ.

“Tôi đã thấy ảnh của chị,” Muire nói tiếp. “Ở trên báo. FBI đang điều tra vụ việc phải không?”

“Tôi nghe bảo vậy

“Họ có nói chuyện với chị không?”

“Không. Họ có gọi cho cô không?”

“Không,” Muire đáp. “Chị biết là Jack sẽ không bao giờ làm chuyện này.”

“Tất nhiên là tôi biết,” Kathryn đáp.

Nói gì đi nữa, Kathryn cũng là người vợ đầu tiên, vợ cả, đúng không nhỉ? Nhưng khi đó cô tự hỏi: Trong tâm trí một người đàn ông, ai là người vợ quan trọng hơn? – Người phụ nữ mà anh quyết bảo vệ bằng cách không tiết lộ về người kia? Hay là người mà anh kể hết mọi bí mật của mình?

“Lần cuối cùng cô gặp anh ấy...” Kathryn bắt đầu.

“Sáng hôm đó. Khoảng bốn giờ sáng. Ngay trước khi anh ấy đi làm. Tôi tỉnh dậy...” Cô ta bỏ lửng câu nói.

“Hai người đi ăn tối với nhau,” Kathryn nói.

“Phải,” Muire đáp, trông thoáng ngạc nhiên vì Kathryn biết chuyện này. Cô ta không hỏi tại sao.

Kathryn cố gắng nhớ lại xem có lần nào cô nghi ngờ một cách nghiêm túc chuyện Jack có nhân tình. Cô nghĩ là không. Niềm tin cô dành cho anh trọn vẹn đến tai hại.

“Chị đến đây chỉ vì chuyện này thôi à?” Muire hỏi, gỡ một vụn thuốc lá khỏi môi dưới. Trông cô ta có vẻ như đã lấy lại được thần thái.

“Chừng đó không đủ hay sao?” Kathryn hỏi.

Muire thở ra một cụm khói dài. “Ý tôi là chị có đi tiếp đến Malin Head không?”

“Không. Cô đến đó chưa?”

“Tôi không đi được.”

Còn điều gì đó nữa. Kathryn có thể cảm nhận được.

“Là chuyện gì?” Kathryn hỏi.

Muire chà tay lên trán. “Không có gì,” cô ta đáp, khẽ lắc đầu. “Chúng tôi đã ngoại tình,” cô ta nói thêm, như để giải thích điều mình đang nghĩ. “Tôi có thai và phải nghỉ làm ở hãng hàng không. Jack muốn kết hôn. Điều đó không quá quan trọng đối với tôi. Việc kết hôn ấy mà. Anh ấy muốn kết hôn trong một nhà thờ Công giáo.”

“Anh ấy không bao giờ đi nhà thờ.”

“Anh ấy sùng đạo lắm,” Muire nói và nhìn Kathryn chăm chú.

“Nếu vậy thì anh ấy là hai người khác nhau,” Kathryn nói vẻ ngờ vực. Làm lễ cưới ở một nhà thờ Công giáo vì người yêu của mình muốn thế là một chuyện, còn làm một người sùng đạo lại là chuyện hoàn toàn khác. Kathryn đan các ngón tay vào nhau, cố gắng giữ yên chúng.

“Anh ấy đi dự các buổi giảng đạo bất cứ khi nào có thể,” Muire nói.

Ở Ely, Jack thậm chí chưa bao giờ bước chân vào một nhà thờ nào. Làm sao một người đàn ông lại có thể là hai người khác xa nhau đến vậy? Nhưng rồi một ý nghĩ mới lóe lên trong đầu Kathryn, một ý nghĩ không mong đợi: Jack không thể lúc nào cũng là hai người khác nhau, phải không? Chẳng hạn như khi là người tình. Liệu anh có cùng chia sẻ với Muire Boland một số sự thân mật mà anh đã chia s Kathryn hay không? Nếu Kathryn đủ can đảm để hỏi, liệu có một sự thừa nhận nào đó từ phía người phụ nữ đang ngồi đối diện với cô hay không? Hay đó là một vở kịch hoàn toàn khác? Một kịch bản khác? Lời thoại khác? Những đạo cụ không thể nhận ra? Kathryn thả các ngón tay ra, đè bàn tay lên đùi. Muire nhìn cô chăm chú. Có lẽ cả cô ta cũng đang phỏng đoán.

“Tôi cần dùng nhà tắm,” Kathryn nói, đột ngột đứng dậy. Như một người say.

Muire cũng đứng dậy theo. “Nó ở ngay trên lầu,” cô ta nói.

Cô ta dẫn Kathryn ra khỏi phòng khách, đi qua hành lang. Cô ta đứng ở chân cầu thang, ra dấu bằng tay.

Kathryn phải đi qua trước mặt cô ta, và cơ thể họ suýt chạm vào nhau. Kathryn cảm thấy bị áp đảo trước chiều cao của người phụ nữ này.

Phòng tắm rất đáng sợ và khiến tim của Kathryn đập loạn xạ. Cô liếc nhìn vào gương, thấy khuôn mặt mình đã đỏ bừng bừng và hằn vết. Cô kéo chiếc kẹp tóc ra rồi xổ tung mái tóc. Cô ngồi xuống bồn cầu. Họa tiết hoa trên tường khiến cô chóng mặt.

Bốn năm rưỡi trời. Jack và Muire Boland đã kết hôn trong một nhà thờ cách đây bốn năm rưỡi. Có thể khách khứa đã đến tham gia buổi lễ. Có ai trong số họ biết sự thật không? Jack có ngập ngừng khi đọc lời tuyên thệ không?

Cô lắc mạnh đầu. Mỗi suy nghĩ chứa một hình ảnh mà Kathryn không muốn nhìn thấy. Đó là điều khó khăn - cho phép những câu hỏi nhưng giữ lại những hình ảnh. Jack mặc áo vest, quỳ xuống trước một linh mục. Jack mở cửa xe, ngồi vào trong. Một bé gái có tóc xoăn màu đen ôm lấy chân Jack.

Từ xa, có tiếng chuông điện thoại.

Làm sao Jack có thể xoay xở được chuyện này, Kathryn tự hỏi. Những lời nói dối, sự dối lừa, sự thiếu ngủ? Một ngày nọ anh rời khỏi Kathryn để đi làm, và chỉ vài giờ sau đã đứng trong một nhà thờ tại lễ cưới của chính anh. Kathryn và Mattie đã làm gì ngày hôm đó, vào đúng giờ phút đó? Làm sao Jack có thể nhìn mặt hai mẹ con họ trở về nhà? Anh có làm tình với Kathryn vào đêm đó, đêm hôm sau, tuần đó không? Cô rùng mình khi nghĩ đến chuyện đó.

Những câu hỏi bật ra tanh tách từ bức tường này sang

bức tường khác, lặp đi lặp lại không dứt. Rồi cô nhớ ra, bụng cô quặn thắt, khóa tập huấn hai lần mỗi năm ở London. Mỗi lần hai tuần.

Cô nhận ra, nếu không bao giờ nghi ngờ một ai đó, ta sẽ không bao giờ nghĩ đến chuyện phải nghi ngờ.

Cô đứng phắt dậy, mắt cô nhìn một vòng quanh phòng tắm. Cô vốc nước lên mặt, rồi lau khô bằng một chiếc khăn thêu. Cô mở cửa phòng tắm và thấy ở bên kia hành lang có một chiếc giường cỡ lớn. Ở dưới nhà, Kathryn nghe tiếng Muire nói chuyện điện thoại, những từ ngữ hết lên lại xuống trong giọng nói nước ngoài của cô ta. Nếu Jack chưa chết, cô sẽ không có quyền bước vào phòng ngủ, nhưng giờ thì chẳng có gì quan trọng nữa cả. Cô có quyền xem xét căn nhà này. Cô có quyền biết về căn nhà này. Nói gì thì nói, chẳng phải Muire Boland đã biết tất cả về cô đó sao?

Kathryn đau đớn khi nghĩ đến thực tế đó. Chính xác thì Muire đã được nghe kể bao nhiêu chi tiết? Và những chi tiết đó riêng tư đến mức nào?

Cô bước qua khung cửa và nghĩ đến sự cố gắng của mình để làm Jack vui lòng, về sự điều chỉnh cô đã làm vì anh. Về cách cô đã tạo ra cả một giả thuyết về sự gần gũi tình dục giảm dần. Về cách cô đã từng chất vấn Jack trước sự thoái lui của anh, và anh đã chối bỏ điều đó, làm cho nó có vẻ như không nằm trong phạm vi quan tâm của anh, hay của cô. Toàn bộ việc này đã được cô cho là bình thường, trong phạm vi của một cuộc hôn nhân bình thường. Thực ra, cô đã nghĩ họ có một cuộc hôn nhân tốt đẹp. Cô cảm thấy ngốc nghếch, bị lừa phỉnh, và cô tự hỏi phải chăng cô cũng không hề bận tâm điều đó.

Đây hẳn là phòng chính. Nó dài và hẹp, bừa bộn kỳ lạ, thật sự thì bừa bộn một cách bất thường so với sự ngăn nắp của những căn phòng tầng dưới. Có những tách trà và một lọ sữa chua còn một nửa trên bàn, những chiếc gạt tàn chứa đầy đuôi thuốc lá. Những lọ mỹ phẩm trên một chiếc bàn trang điểm, dính lấm tấm kem nền dạng lỏng. Một bên của chiếc giường gỗ chưa được dọn. Kathryn nhận thấy ga trải giường loại đắt tiền, viền thêu. Vài món đồ nội y bằng ren trên gối. Phía kia của giường, còn nguyên vẹn, là của Jack – cô có thể thấy trên chiếc tủ đầu giường đặt một chiếc đèn bàn halogen, một quyển sách về cuộc chiến tranh Việt Nam. Khi ở đây Jack có đọc sách khác so với khi ở nhà không? Anh có mặc quần áo khác không? Trông anh có thật sự khác hẳn trong ngôi nhà này, trong đất nước này, so với khi ở nhà hay không? Trông già hơn hay trẻ hơn?

Nhà, cô thầm nghĩ. Giờ thì đó là một khái niệm thú vị.

Cô đi đến phần giường của Jack rồi giật tung chăn lên. Cô cúi đầu xuống ga giường và hít vào thật sâu. Anh không ở đó; cô không ngửi thấy mùi của anh.

Cô đi qua phần giường bên kia, phần của Muire. Trên tủ đầu giường có một chiếc đồng hồ vàng nhỏ và một chiếc đèn. Như đang thực hiện một cuộc khám xét, cô mở ngăn kéo tủ ra. Bên trong là những mảnh giấy, hóa đơn, vài thỏi son, một lọ kem dưỡng da, xu lẻ, vài cây bút, một cái điều khiển tivi, một vật gì đó trong một túi nhung màu xanh. Không nghĩ ngợi, Kathryn cầm chiếc túi lên và trút nó xuống. Cô thả món đồ rơi ra như bị bỏng. Lẽ ra cô đã phải đoán được từ hình dạng của nó. Chiếc máy tạo rung rơi khỏi tay cô xuống ngăn kéo và tạo ra tiếng động.

Cô quỳ xuống sàn nhà, úp mặt lên giường. Cô đưa hai

tay ôm đầu. Cô muốn các câu hỏi ngừng lại, và cô cố gắng làm cho đầu óc mình trống rỗng, nhưng vô ích. Cô chà đi chà lại mặt mình trên tấm ga giường. Cô ngẩng mặt lên và nhận thấy đã để lại một vệt mascara trên tấm trải giường.

Cô đứng dậy, đi về phía tủ quần áo lắp kính bên ngoài và mở cửa tủ ra.

Quần áo bên trong là của Muire, không phải của Jack. Quần tây dài màu đen, váy dạ. Áo sơ mi cotton, áo kiểu bằng vải linen. Một chiếc áo choàng lông thú. Trong lúc tìm kiếm, tay cô chạm phải một thứ mà cô nghĩ là áo lụa. Tách các móc áo ra, cô nhận ra đó không phải là áo kiểu mà là một chiếc áo choàng, một chiếc áo choàng lụa dài đến mắt cá chân, áo choàng lụa có dải thắt lưng tua rua. Một chiếc áo tuyệt đẹp màu xanh ngọc bích thẫm. Khẽ rùng mình, cô nhấc cổ áo lên khỏi móc áo và nhìn vào nhãn má

Bergdorf Goodman.

Cô đã biết sẽ là nó.

Cô đi qua phòng ngủ đến phòng tắm, để ý tất cả, như thể một ngày nào đó cô sẽ mua ngôi nhà này.

Treo trên móc cạnh bồn tắm là một chiếc áo choàng tắm sọc ca rô màu mận chín của nam. Ở nhà Jack không bao giờ mặc áo choàng. Trong tủ thuốc, cô thấy một chiếc dao cạo râu và một chiếc lược. Có một chai nước hoa của Anh mà cô không biết hiệu. Kiểm tra chiếc lược, Kathryn thấy có những sợi tóc ngắn màu đen.

Cô nhìn chiếc lược một lúc lâu.

Cô đã nhìn thấy đủ rồi.

Giờ đây cô chỉ muốn đi ra khỏi ngôi nhà này. Cô đóng cửa phòng ngủ chính. Ở dưới nhà, cô vẫn nghe tiếng Muire Boland nói chuyện điện thoại, giọng nói lúc này đã to hơn, như đang cãi nhau. Kathryn đi ngang qua căn phòng để cửa mở của đứa con gái. Dierdre nằm sấp trên giường, tay chống cằm, khuôn mặt vẫn giữ vẻ hết sức trang nghiêm. Nó mặc một chiếc áo thun màu xanh tay dài và quần yếm. Tất màu xanh đến mắt cá chân. Đứa bé say sưa với bộ phim đến nỗi lúc đầu nó không nhận ra có người lạ ở cửa.

"Chào cháu," Kathryn nói.

Đứa bé liếc nhìn về hướng cô, sau đó quay lại để nhìn trực diện người mới đến.

"Cháu đang xem gì đấy?" Kathryn hỏi.

"*Danger Mouse.*"

"Bác xem phim rồi. Người ta từng chiếu nó ở Mỹ. Con gái bác thì thích*Road Runner*. Bây giờ chị ấy lớn rồi. Chị ấy cao gần bằng bác."

"Chị ấy tên gì ạ?" Con bé ngồi dậy, tỏ vẻ quan tâm hơn đến người lạ.

"Mattie."

Dierdre ngẫm nghĩ về cái tên này.

Kathryn tiến thêm một bước rồi nhìn quanh căn phòng. Cô nhận thấy con gấu bông Paddington, gần như giống hệt con gấu bông trước đây của Mattie. Một bức ảnh của Jack đội mũ lưỡi trai và mặc áo thun trắng. Một bức tranh của trẻ con vẽ một người đàn ông và một cô bé có mái tóc xoăn

màu đen, có lẽ vừa được vẽ gần đây. Một chiếc bàn nhỏ màu trắng bị viết đầy những nét nguệch ngoạc bằng bút lông, vẽ bầu trời xanh bị lem ra từ trang giấy. Con bé đã được nghe điều gì? Nó có biết bố nó đã chết không?

Kathryn nhớ đến một trận bóng rổ của Mattie khi con bé được tám tuổi, cả Kathryn và Jack đều lau nước mắt hạnh phúc khi chứng kiến niềm kiêu hãnh gần như không che giấu của cô con gái với chiếc cúp vô địch bé nhỏ xinh xắn.

"Bác nói chuyện buồn cười quá," Dierdre nói.

"Vậy sao?"

Con bé nói giọng Anh - không hề có giọng Ireland, không giọng Mỹ.

"Bác nói giống bố cháu," nó nói.

Kathryn chậm rãi gật đầu.

"Bác có muốn xem búp bê Molly của cháu không?" Dierdre hỏi.

"Có," Kathryn đáp, hắng giọng. "Bác muốn xem lắm."

"Bác phải đến đây," Dierdre nói, ra dấu. Nó nhảy xuống giường rồi đi đến góc phòng. Kathryn nhận ra tủ quần áo và chiếc rương của búp bê từ bộ sưu tập American Girl quen thuộc. "Bố cháu tặng cháu làm quà Giáng sinh đấy," Dierdre nói, chìa con búp bê ra cho Kathryn.

"Bác thích cặp kính của nó lắm," Kathryn nói.

"Bác muốn xem tủ quần áo của nó không?"

"Tất nhiên rồi."

“Tốt lắm, bác ngồi lên giường cháu đi, bác sẽ thấy hết các món đồ của cháu.”

Dierdre lấy ra những chiếc đầm, một chiếc bàn học, một cái xắc tay màu đỏ, một chiếc áo len màu đỏ và xanh. Một cây bút chì tí hon. Một đồng xu bằng thép.

“Bố cháu tặng cháu tất cả những thứ này làm quà Giáng sinh à?”

Con bé dẩu môi nghĩ ngợi. “Vài món là của Thánh Nicholas tặng cho cháu.”

“Bác thích tóc của búp bê,” Kathryn nói. “Mattie cũng từng có một con búp bê như thế này, nhưng chị ấy cắt tóc của búp bê đi. Cháu biết là với búp bê thì tóc không mọc dài ra, vì thế cháu không nên cắt tóc nó. Mattie rất buồn vì đã làm thế.”

Kathryn có một kỷ niệm khác. Mattie, năm lên sáu tuổi, chạy xuống đồi trên một chiếc xe đạp mới, chiếc xe tâng nảy lên bên dưới nó như được làm bằng thạch, Jack và Kathryn chỉ biết bất lực đứng nhìn. Mattie, khi quay lại, tự hào khoe với bố mẹ, *Đấy, con làm được mà*

Và một kỷ niệm khác: Mattie một hôm ngủ quên khi đeo mắt kính với chiếc mũi buồn cười đính kèm.

Và một kỷ niệm khác: Lễ Tạ ơn mà Mattie, năm đó chỉ mới bốn tuổi, tuyên bố với bố nó rằng mẹ đã nấu xong món Thổ Nhĩ Kỳ[3].

[3] Theo phong tục, người Mỹ thường ăn thịt gà tây trong lễ Tạ ơn. Mattie nói nhầm “gà tây” (turkey) thành “Thổ Nhĩ Kỳ” (Turkish).

Giờ đây Kathryn phải cất những kỷ niệm này ở đâu? Cô

nghĩ mình giống như một người phụ nữ sau khi li dị, đang ngắm nhìn chiếc váy cưới. Phải chăng chiếc váy cưới sẽ không còn được nâng niu nữa nếu cuộc hôn nhân thất bại?

"Cháu sẽ không cắt tóc nó đâu," Dierdre hứa.

"Tốt lắm. Bố cháu có ở đây vào dịp Giáng sinh không? Đôi khi các ông bố phải đi làm vào lễ Giáng sinh mà."

"Bố có ở đây," Dierdre đáp. "Cháu làm một chiếc thẻ kẹp sách tặng bố. Nó có hình cháu và bố. Cháu muốn lấy nó lại, nên bố bảo là cháu có thể dùng chung với bố. Bác có muốn xem không?"

"Có chứ."

Dierdre tìm ở dưới giường món đồ quý dùng chung với bố. Nó lấy lên một quyển album ảnh. Chiếc thẻ kẹp sách kẹp ở trong là một miếng giấy màu đã được ép nhựa. Bức ảnh chụp Jack và Dierdre ngồi trên đùi anh. Anh đang rướn cổ về trước để nhìn mặt con bé.

Kathryn nghe tiếng bước chân trên cầu thang

Trên gác mái ngôi nhà ở Fortune's Rocks có một chiếc hộp quần áo búp bê American Girl. Trong một thoáng, khá điên rồ, Kathryn nghĩ đến việc gửi chiếc hộp ấy cho Dierdre.

Muire đứng ở khung cửa ra vẻ bảo vệ, hai tay khoanh trước ngực.

"Bác rất thích búp bê của cháu," Kathryn nói và đứng dậy.

"Bác phải đi rồi à?" Dierdre hỏi.

“Bác e là vậy,” Kathryn đáp.

Dierdre nhìn theo trong lúc cô bước ra. Muire tránh qua một bên để Kathryn đi qua. Kathryn đi nhanh xuống cầu thang, ý thức rõ người phụ nữ kia đang đi sau lưng mình. Kathryn với tay lấy áo khoác. “Dierdre có nói là Jack đã đến đây vào Giáng sinh,” cô nói trong lúc mặc áo.

“Chúng tôi đón Giáng sinh sớm,” Muire đáp. “Phải chịu thôi.”

Kathryn biết tất cả về cảm giác phải mừng lễ sớm.

Giờ đây tò mò, cô đi đến kệ sách và xem qua các tiêu đề. *Những lời nói dối im lặng*, tác giả Brian Moore; *Cal*, tác giả Bernard McLaverty; *Những trái tim nổi loạn*, tác giả Kevin Toolis; *Trận đói lớn*, tác giả Cecil Woodham-Smith. Một tiêu đề cô không thể đọc ra. Cô lấy quyển sách ra khỏi kệ.

“Đây là ngôn ngữ Gaelic à?” Kathryn hỏi.

“Phải.”

“Cô

“Queens. Ở Belfast.”

“Thật sao. Vậy mà cô trở thành...”

“Tiếp viên hàng không. Vâng, tôi biết. Lực lượng lao động có học thức nhất ở châu Âu: người Ireland.”

“Con gái cô biết chuyện của Jack chưa?” Kathryn hỏi, nhét quyển sách lên kệ và cầm áo choàng lên.

“Nó biết rồi,” Muire nói từ lối vào, “nhưng tôi không

chắc nó có hiểu hay không. Bố nó thường xuyên đi vắng. Tôi nghĩ đây cũng chỉ là một chuyến đi khác đối với nó thôi."

Bố nó.

"Còn mẹ của Jack," Kathryn nói vẻ không quan tâm. "Dierdre có biết về bà nội Matigan không?"

"Có, tất nhiên."

Kathryn im lặng. Run rẩy bởi chính những câu hỏi của cô cũng như câu trả lời.

"Nhưng mà, như chị biết đấy, mẹ anh ấy mắc bệnh Alzheimer," Muire nói thêm, "nên Dierdre chưa bao giờ thực sự nói chuyện với bà."

"Vâng, tôi biết," Kathryn nói dối.

Nếu Jack chưa chết, cô tự hỏi liệu có phải bây giờ anh đang ở trong ngôi nhà này hay không? Liệu Kathryn có bao giờ phát hiện ra một gia đình khác hay không? Liệu mối quan hệ này - cuộc hôn nhân này - sẽ còn tiếp diễn trong bao nhiêu năm

Hai người phụ nữ đứng trên sàn nhà lót gỗ. Kathryn đưa mắt nhìn những bức tường, trần nhà, người phụ nữ trước mặt cô. Cô muốn thu nhận toàn bộ căn nhà, nhớ tất cả mọi thứ mà cô đã thấy. Cô biết cô sẽ không bao giờ trở lại.

Cô nghĩ đến chuyện không bao giờ biết về một người nào đó. Về sự mỏng manh trong những kết cấu mà con người tạo nên. Một cuộc hôn nhân chẳng hạn. Một gia đình.

“Có những việc... ,” Muire mở lời. Cô ta dừng lại. “Tôi ước gì...”

Kathryn chờ đợi.

Muire ngửa lòng bàn tay lên, trông như bỏ cuộc. “Có những việc tôi không thể...” Cô ta thở dài não nề, nhét hai tay vào túi quần jean. “Tôi không hối tiếc vì đã cưới anh ấy,” cuối cùng Muire nói. “Tôi chỉ tiếc vì đã làm tổn thương chị.”

Kathryn sẽ không nói lời tạm biệt; có vẻ không cần thiết.

Dù có một việc Kathryn muốn biết - bất kể lòng tự ái của cô, phải hỏi.

“Chiếc áo choàng,” cô lên tiếng. “Chiếc áo choàng lụa màu xanh. Trong tủ của cô.”

“Nó đến sau khi anh ấy mất,” Muire đáp. “Đó là quà Giáng sinh của tôi.”

“Tôi cũng nghĩ là như vậy,” Kathryn nói.

Cô với tay ra đặt lên núm cửa, như với tay chạm lấy phao cứu sinh.

“Chị nên về nhà,” Muire nói khi Kathryn bước ra trời mưa, và Kathryn nghĩ đó là một mệệnh kỳ quặc và táo bạo.

“Chuyện này tồi tệ hơn đối với tôi,” Muire nói, và Kathryn quay lại, chú ý bởi lời nhắn nhủ khá ai oán này, một vết rách trên vẻ ngoài dửng dưng.

“Tôi đã biết về chị,” Muire Boland nói. “Chị không cần

phải biết về tôi."

CHƯƠNG 17

Có lẽ cô đã khóc. về sau, cô không biết cô đã bắt đầu khóc tự bao giờ. Cô đã để quên chiếc ô, và mưa làm tóc cô ướt sũng, dính bết vào đầu. Mưa chảy xuống cổ, xuống lưng, xuống phía trước ngực áo. Cô mệt mỏi rã rượi, không còn đủ sức để dựng cổ áo lên hay quấn khăn quanh cổ nữa. Những người qua đường nâng ô của họ lên, liếc nhìn cô rồi sau đó nhìn nhau. Cô há miệng thở.

Cô không có đích đến, không biết mình đang đi đâu. Những ý nghĩ liền mạch không chịu định hình. Cô nhớ tên của khách sạn, nhưng cô không muốn về đó, không muốn ở trong đó với những người khác. Không muốn ở một mình trong phòng.

Cô thoáng nghĩ đến một rạp chiếu phim làm nơi trú ẩn.

Cô bước khỏi vệ đường và, theo thói quen, nhìn ngược hướng. Một chiếc taxi trờ tới. Kathryn đứng im, chờ người lái xe chồm qua cửa sổ và quát to với cô. Nhưng ông ta vẫn kiên nhẫn chờ cô băng qua đường.

Cô biết mình không khỏe và bắt đầu cảm thấy lo lắng, sợ rằng cô có thể vô tình bước chân vào một hố công trình, có thể vấp chân vào vệ đường, có thể bị một chiếc xe bus đỏ đâm phải. Cô chui vào một buồng điện thoại công cộng để đặt mình trong một chiếc két an toàn. Cô mừng vì không còn bị ướt nữa, cảm nhận sự khô ráo của buồng điện thoại. Cô cởi áo choàng ra rồi dùng mặt trong của áo để lau mặt, nhưng hành động này gợi cô nhớ đến một việc mà cô không muốn nghĩ tới. Một cơn đau đầu đến, xoáy sau gáy cô, và cô tự hỏi trong xắc tay có thuốc Advil

không.

Một người đàn ông đứng đợi vẻ nôn nóng bên ngoài buồng điện thoại, rồi gõ lên cửa kính. Ông ta cần dùng điện thoại, Kathryn đọc được lời nói từ môi ông ta. Cô mặc áo choàng lên rồi lại đi ra ngoài trời mưa. Cô đi dọc một con phố nhộn nhịp dài bất tận. Xe cộ làm nước bắn tung tóe lên vỉa hè, phát ra tiếng xì xì trên đường. Người ta đi qua cạnh cô, đầu cúi xuống để tránh mưa. Không mũ không ô, cô khó nhìn thấy rõ ràng. Cô nghĩ đến việc tìm một cửa hàng bách hóa, mua một chiếc ô, có thể là một chiếc áo mưa.

Ở góc đường, cô thấy hai người đàn ông mặc măng tô đang cười lớn tiếng. Họ che ô màu đen và xách cặp da màu nâu. Họ đi vào qua một cánh cửa. Sau cửa có ánh sáng, cửa kính mờ, tiếng cười vui vẻ của nhiều người. Trời đã tối, bây giờ đã là đêm, và có lẽ sẽ an toàn cho cô khi vào trong.

Bên trong quán rượu, mùi len ướt xộc lên mũi cô. Cô thích sự ấm áp của không gian bên trong này. Cặp kính của người đàn ông ngay trước mặt cô nhòe hơi nước, và anh ta cười với người đi cùng mình. Một người đàn ông ở sau quầy bar đưa cho cô một chiếc khăn. Có người đã dùng nó trước cô; nó ẩm, mềm và có mùi nước hoa sau khi cạo râu. Cô lau tóc như thường làm sau khi tắm, và cô nhận thấy những người đàn ông đang nhìn cô. Trước mặt họ là những cốc bia, nó làm cô thấy khát. Những người đàn ông từ từ tách ra, nhường một ghế cho cô. Bên kia quầy bar, hai người phụ nữ mặc vest màu xanh gần như giống nhau đang trò chuyện sôi nổi. Mọi người đều đang nói chuyện với một ai đó. Đó có thể là một bữa tiệc, chỉ có điều những người ở đây trông vui vẻ hơn so với những người đi tiệc bình thường.

Khi người pha rượu lấy chiếc khăn lại, cô chỉ vào máy rót bia. Bia rót ra có màu đồng. Ánh sáng lóng lánh trên những bề mặt đánh bóng, những người đàn ông hút thuốc phì phèo. Trên trần nhà lơ lửng một làn khói xanh.

Cô khát khô cổ và uống bia như uống nước. Cô cảm thấy nó cháy trong dạ dày mình, một cảm giác thật dễ chịu. Cô tháo giày ra, cảm thấy nhớp nháp vì nước mưa, rồi đặt chân lên sàn. Cô nhìn xuống, thấy áo của mình đã trở nên gần như trong suốt vì ướt mưa, cô kéo áo choàng quanh người để che lại. Người pha rượu quay về phía cô và nhướn một lông mày lên. Cô gật đầu trả lời, và anh ta đưa cô một ly bia nữa. Cảm giác ấm áp, điều xác định mình đang cần, đã lan tỏa qua tay chân cô, đến các đầu ngón tay và ngón chân.

Thỉnh thoảng, cô nghe được những từ ngữ xung quanh mình, những mẩu đối thoại. Người ta đang làm ăn. Những lời tán tỉnh.

Cơn đau đầu của cô tăng thêm, chuyển về phía thái dương. Cô hỏi xin người pha rượu một viên aspirin. Một người đàn ông có ria mép liếc nhìn sang cô. Phía trên quầy bar có một biển quảng cáo bia Guinness, và cô nhận ra loại đó là loại nước uống màu đen trong những chiếc ly trên quầy. Jack thỉnh thoảng lại đem loại bia ấy về nhà. Đó là một chuyện mà cô không còn muốn nghĩ đến nữa. Quầy bar ướt sũng vì những ly bia, cô sẽ bão hòa với mùi bia mất.

Sau một lúc, cô cần đi nhà vệ sinh, nhưng cô không muốn rời khỏi ghế. Cô nghĩ mình nên gọi một ly bia thứ ba, đề phòng trường hợp cô mất chỗ ngồi và không thể gọi thêm được nữa. Người pha rượu phớt lờ bàn tay đưa lên của cô, nhưng những người phụ nữ phía bên kia quầy bar

thì nhìn thấy. Họ nói với nhau trong lúc nhìn cô.

Người pha rượu, cuối cùng cũng nhìn thấy cô, tỏ vẻ ít thân thiện hơn khi nãy. Có lẽ có một quy tắc nào đó của quán rượu mà cô đã không tuân thủ. Khi cuối cùng anh ta hỏi cô có muốn uống ly thứ ba hay không, cô lắc đầu và đứng dậy, lấy áo choàng trên ghế. Cô nhấc lớp áo dạ lên khỏi ghế ngồi bằng nhựa. Cô cố gắng bước đi thật vững, xuyên qua đám đông những người đàn ông, đàn bà đang đứng cầm nước uống của họ trong tay. Hẳn lúc này họ vừa mới rời nhiệm sở, cô nghĩ, và cô thắc mắc ở London thì chính xác lúc đó là mấy giờ. Cô thấy chân dính một thứ gì đấy và nhận ra cô đã bỏ quên giày ở quầy bar. Cô quay lưng, nhưng không nhìn thấy đường quay lại. Cô phải đi vệ sinh ngay lúc này và không thể tìm được lối đi nữa. Cô đi theo bảng chỉ dẫn để đến nhà vệ sinh. Trông có vẻ thẳng hướng đến không ngờ.

Thật là nhẹ nhõm khi được ở một mình trong một căn phòng.

Sau đó, cô gặp khó khăn khi mang tất trở lại. Cô nhớ đến lúc phải kéo một chiếc áo tắm ướt sũng lúc còn bé. Cô loay hoay trong căn phòng hẹp. Phía dưới chiếc tất của cô rất bẩn. Cô nghĩ đến việc cởi bỏ chúng ra, có lẽ cởi ra sẽ dễ hơn là kéo lên, nhưng rồi cô nghĩ mình sẽ bị lạnh nếu không mang tất. Dạ dày cô dọa biểu tình từng cơn, nhưng cô cố kiềm cơn buồn nôn lại.

Cô rửa tay trong một chiếc bồn rửa bẩn thỉu và nhìn mình trong gương. Người phụ nữ phản chiếu trong đó không phải là cô, cô nghĩ. Tóc quá đen, quá bẹp sát vào đầu. Mascara lấm lem dưới mắt, phấn trang điểm nhòe nhoẹt. Đôi mắt có một đường viền hồng, tròng mắt nổi mạch máu. Đôi môi trắng bệch, dù khuôn mặt thì đỏ bừng.

Một người đàn bà vô gia cư, cô thầm nghĩ.

Cô lau khô tay bằng một chiếc khăn, rồi mở cửa. Cô đi qua một chiếc điện thoại gắn trên tường. Cô cảm thấy muốn nói chuyện với Mattie mãnh liệt. Đó là sự thôi thúc về thể xác; cô cảm thấy nó ở giữa người cô, ở nơi người phụ nữ muốn ôm một đứa bé.

Cô cố gắng làm theo chỉ dẫn in trên một tấm bảng cạnh điện thoại, nhưng sau vài lần thì bỏ cuộc. Cô nhờ một người đàn ông trung niên mặc áo khoác bạc màu đang trên đường đi nhà vệ sinh giúp cô. Cô đọc số điện thoại cho ông ta, cảm thấy an ủi vì cô vẫn còn nhớ số. Khi đã gọi được, ông ta đưa ống nghe cho cô rồi nhìn vào áo cô. Ông ta đi vào phòng vệ sinh nam, và quá muộn rồi, cô nhớ ra mình quên cảm ơn ông.

Điện thoại reo sáu hoặc bảy lần. Một cánh cửa đóng sầm, một chiếc ly bị vỡ, một người phụ nữ cười cao giọng, tiếng cười lảnh lót vượt lên tất cả những âm thanh khác. Kathryn nôn nóng muốn nghe tiếng Mattie. Điện thoại vẫn đang reo. Cô nhất định không gác máy.

“A lô?”

Giọng nói hổn hển, như nó đang vật lộn hay chạy bộ.

“Mattie!” Kathryn bật khóc, trút hết tâm can xuyên qua đại dương. “Tạ ơn Chúa con có ở nhà.”

“Mẹ, có chuyện gì vậy? M

Kathryn xốc lại tinh thần. Cô không muốn làm con gái sợ. “Con khỏe không?” cô hỏi bằng giọng bình tĩnh hơn.

“Ừm... con khỏe.” Giọng của Mattie vẫn còn vẻ nghi ngại. Thăm dò.

Kathryn cố gắng nói bằng giọng vui vẻ hơn. “Mẹ đang ở London,” cô nói. “Ở đây tuyệt lắm.”

“Mẹ, mẹ đang làm gì vậy?”

Có tiếng nhạc ở phía sau. Một đĩa nhạc của Mattie. Ban nhạc Sublime, Kathryn nghĩ. Phải, chắc chắn là Sublime.

“Con mở nhạc nhỏ một chút được không?” Kathryn hỏi, cô đã nhét một ngón tay vào lỗ tai để tránh tiếng ồn ở quán rượu. “Mẹ không nghe được con.”

Kathryn đợi Mattie quay trở lại. Những người uống rượu quanh quầy bar đã dồn về các góc bàn. Bên cạnh cô, một người đàn ông và một phụ nữ cầm ly bia trên tay và hét vào tai của nhau.

“Thế nào,” con gái cô nói khi đã quay lại.

“Trời đang mưa,” Kathryn nói. “Mẹ đang ở trong quán rượu. Mẹ mới đi dạo loanh quanh. Ngắm cảnh.”

“Chú gì đó có đi với mẹ không?”

“Chú ấy tên là Robert.”

“Sao cũng được.”

“Bây giờ thì không.”

“Mẹ à, mẹ có chắc là mẹ không sao chứ?”

“Ừ, mẹ ổn mà. Con đang làm gì đấy?”

“Chẳng làm gì hết.”

“Nghe giọng con hổn hển quá,” Kathryn nói.

“Thế ạ?” Mattie dừng một chút. “Mẹ, bây giờ con không nói chuyện được.”

“Bà Julia có ở đó không?”

“Bà đang ở cửa hàng.”

“Sao con không nói chuyện được?”

Ở phía sau, Kathryn nghe một phần của câu nói, những từ nghèn nghẹt. Giọng nam.

“Mattie?”

Cô nghe tiếng con gái thì thầm. Một tiếng cười kiềm nén. Một phần câu nữa. Một giọng nam không thể nhầm lẫn.

“Mattie? Có chuyện gì vậy? Ai đang ở đó?”

“Không ai cả. Mẹ à, con phải đi đây.”

Phía trên điện thoại, ở trên tường, có những cái tên và số điện thoại viết bằng bút bi và bút lông màu. Có một dòng là *Roland ở Margaret’s.*

“Mattie, ai đang ở đó? Mẹ nghe tiếng của ai đó.”

“À, là Tommy đấy mà.”

“Tommy Arsenault?”

“Vâng.”

“Mattie...”

“Jason và con chia tay rồi.”

Người đàn ông ngồi cạnh cô bị xô đẩy, và ông ta làm đổ bia lên tay áo của Kathryn. Ông ta cười vẻ hối lỗi rồi cố gắng vô vọng lau chỗ bia đổ bằng tay.

“Chuyện đó xảy ra khi nào?” Kathryn hỏi.

“Tối hôm qua. Ở đó mấy giờ rồi ạ?”

Kathryn nhìn đồng hồ, cô chưa chỉnh lại giờ London. Cô nhẩm tính. “Năm giờ bốn mươi lăm.”

“Năm tiếng,” Mattie nói.

“Sao con chia tay với Jason?” Kathryn hỏi, không muốn đổi đề tài.

“Con nghĩ chúng con không còn điểm chung nào nữa.”

“Ôi, Mattie...”

“Không sao đâu, mẹ. Thật đấy, không sao đâu.”

“Con và Tommy đang làm gì đấy?”

“Chỉ ngồi chơi thôi. Mẹ à, con phải đi đây.”

Kathryn cố gắng trấn tĩnh một lần nữa.

“Hôm nay con định làm gì?”

“Con không biết nữa, mẹ à. Bên ngoài trời nắng rồi, nhưng vẫn còn nhiều tuyết lắm. Mẹ chắc là mẹ không sao chứ?”

Kathryn nghĩ đến việc trả lời không để giữ Mattie trên điện thoại, nhưng cô biết đó là kiểu mặc cả tệ nhất mà bố mẹ có thể làm với con cái.

“Mẹ không sao mà,” Kathryn đáp. “Thật đấy.”

“Mẹ, con phải đi đây.”

“Tối mai mẹ sẽ về nhà.”

“Hay quá. Thật tình, con phải đi đây.”

“Mẹ yêu con,” Kathryn nói, muốn níu kéo giọng nói của con gái.

“Con yêu mẹ,” Mattie nói nhanh.

Giờ thì tự do để đi rồi.

Kathryn nghe tiếng gác máy xuyên đại dương.

Cô ngả đầu vào tường. Một thanh niên mặc đồ vest kẻ sọc kiên nhẫn đứng đợi cạnh cô và rồi, cuối cùng, cầm lấy ống nghe từ tay cô.

Cô bò dưới rừng chân người, lấy lại đôi giày ở quầy bar, rồi đi ra ngoài trời mưa. Cô mua một chiếc ô ở một sạp báo, thầm nghĩ trong lúc trả tiền rằng ngành sản xuất ô ở Anh hẳn phải là một ngành hái bộn tiền. Cô cảm thấy thoáng thương cảm cho bản thân và nghĩ rằng ngoài tất cả những chuyện khác, cô chắc chắn sẽ bị cảm lạnh. Bà Julia có một giả thuyết là nếu người nào khóc ở nơi công cộng thì người đó sẽ bị cảm lạnh. Không hẳn là do hậu quả của việc thể hiện cảm xúc mà là do màng nhầy bị kích ứng trước những vi khuẩn lạ. Kathryn cảm thấy lòng chợt dâng lên nỗi nhớ bà Julia, muốn nhìn thấy bà mặc áo

choàng tắm, muốn một tách trà.

Kathryn ngạc nhiên trước sự che chắn của chiếc ô (một thiết kế tuyệt hảo, cô thầm nghĩ) và thật lòng biết ơn sự ẩn danh mà nó đem lại. Nếu cô cẩn thận quan sát những bàn chân xung quanh mình, cô có thể giấu khuôn mặt mình khỏi những người đi ngang qua; chiếc ô có công dụng như một chiếc mạng che mặt.

Toàn thể London đang mưa, cô thầm nghĩ, trong khi Ely lại đang tắm trong nắng.

Cô đi bộ đến khi tìm thấy một công viên. Cô nghĩ có lẽ không nên vào công viên vào buổi tối, dù những ngọn đèn soi sáng cạnh các băng ghế. Mưa đã ngớt một chút, giờ đây chỉ còn là mưa phùn. Cỏ đã chuyển thành màu xám dưới ánh đèn. Cô đi đến một băng ghế màu đen và ngồi xuống.

Cô đang ngồi cạnh một thứ trông như vườn hồng hình tròn. Ánh đèn soi sáng những mũi nhọn của các thân cây bị chiết, và hàng rào trông thật đáng sợ. Kathryn thầm nghĩ: Đó không chỉ là phản bội mình, mà còn là phản bội Mattie và bà Julia. Một sự vi phạm vòng tròn gia đình.

Mưa tạnh hẳn, cô đặt ô lên băng ghế. Chiếc khăn choàng chenille sau quá trình di chuyển đã bị bung ở một góc. Cô vân vê mũi đan bị lỏng, kéo nó thẳng lại. Cô có thể sửa nó khi về đến nhà, đan lại góc khăn với một sợi chenille khác. Cô kéo sợi len mạnh hơn một chút, gỡ ra sáu hoặc bảy mũi đan, một động dễ chịu đến kỳ lạ. Cô lại tiếp tục kéo sợi len, cảm nhận những mũi đan nhỏ xíu run rẩy rời ra.

Cô tháo hết hàng này đến hàng khác. Sợi len tạo thành một mớ lỏng lẻo và dễ chịu trên đầu gối cô, trên mắt cá

chân cô. Jack đã tặng cô chiếc khăn choàng này trong ngày sinh nhật cô.

Kathryn cứ kéo cho đến khi có được một đống sợi chenille gần bằng một đống lá nhỏ. Cô để sợi len cuối cùng rơi xuống bãi cỏ. Cô nhét bàn tay lạnh cóng vào túi áo choàng.

Giờ đây cô phải viết lại toàn bộ ký ức của mình.

Một ông già mặc áo mưa màu nâu vàng dừng lại trước mặt cô. Có lẽ ông cảm thấy lo lắng khi thấy một người phụ nữ ngồi trên băng ghế ướt với một đống len dưới chân. Có thể ông đã có vợ và đang nghĩ đến vợ của mình. Vào khoảnh khắc trước khi ông kịp hỏi thăm Kathryn, cô đã cất tiếng chào và cúi xuống nhặt len lên. Cô tìm thấy một đầu và nhanh tay cuộn sợi chenille lại thành một quả bóng, với thao tác thuần thục.

Cô mỉm cười.

"Thời tiết thật kinh khủng," ông nói.

"Vâng, đúng vậy," cô đáp vẻ dễ chịu.

Có vẻ hài lòng với biểu hiện của Kathryn, ông già đi tiếp.

Khi ông ấy đi rồi, Kathryn nhét cuộn len xuống dưới băng ghế. Cô nghĩ: Mình chẳng biết gì về đời sống tình dục của con gái, mà mình cũng chẳng biết gì về đời sống tình dục của chồng mình.

Xa xa, cô thấy những quầng sáng từ những ngọn đèn đường, một chuỗi đèn phanh xe ô tô, một đôi tình nhân chạy qua đường. Mưa lại rơi. Họ mặc áo đi mưa dài, cô

gái mang giày cao gót. Họ cúi sát cằm vào người để tránh mưa. Người đàn ông dùng một tay giữ áo đi mưa sát phía trước người, tay kia quàng qua vai cô gái, hối thúc cô tiến về trước trước khi đèn tín hiệu đổi màu.

Muire Boland và Jack có thể đã làm như thế ở thành phố này, cô thầm nghĩ. Chạy cho kịp đèn đỏ. Trên đường đến nơi ăn tối, đến quán rượu. Đến nhà hát. Đến một bữa tiệc để gặp gỡ những người khác. Đến một chiếc giường.

Cuộc hôn nhân của Muire Boland có trọng lượng. Hai đứa con so với một đứa. Hai đứa còn nhỏ.

Và rồi cô nghĩ: Làm sao có thể nghĩ một cuộc hôn nhân tạo ra những đứa con đẹp đẽ như thế là vô hiệu lực?

***

Cô bước đi đến khi trông thấy từ xa một bảng hiệu rõ rệt, một mặt tiền mà cô nhận ra. Lúc cô bước vào, khách sạn rất yên ắng, chỉ có một nhân viên đứng dưới ánh đèn sau quầy lễ tân chào đón cô. Khi đi đến thang máy, cô cảm thấy quần áo của mình thật nặng nề và sũng nước.

Cô cảm thấy cực kỳ nhẹ nhõm khi nhớ được số phòng của mình. Khi cô tra chìa khóa vào ổ, Robert đi ra từ phòng cạnh bên.

“Chúa ơi,” anh thốt lên. Trán anh nhăn lại, cà vạt nới lỏng đến giữa ngực. “Tôi đã phát điên vì lo lắng không biết chuyện gì xảy ra với cô,” anh nói.

Cô chớp mắt trong ánh đèn chói chang của hành lang rồi vén tóc khỏi mặt.

“Cô có biết mấy giờ rồi không?” anh hỏi. Giọng anh

nghe đầy vẻ lo lắng thật lòng, như một ông bố lo lắng cho đứa con lêu lổng.

Cô không biết.

“Một giờ sáng rồi,” anh t với cô.

Cô rút chìa khóa ra rồi đi sang chỗ Robert đang đứng, giữ cánh cửa mở. Qua khung cửa hẹp, cô thấy một bữa ăn, hầu như còn nguyên, trên một chiếc khay ở chân giường. Từ ngoài hành lang vẫn nghe thấy căn phòng ngập mùi thuốc lá.

“Vào đi,” Robert nói. “Nhìn cô thê thảm quá.”

Khi đã vào trong phòng, cô để áo choàng rơi từ vai xuống đất.

“Thật sự trông cô rất bẩn,” Robert nói.

Cô rút chân ra khỏi giày, đôi giày đã không còn nguyên hình dạng và màu sắc cũ nữa. Anh kéo một chiếc ghế từ bàn làm việc ra.

“Ngồi xuống đi.”

Cô làm theo lời anh bảo. Anh ngồi trên giường, nhìn cô, đầu gối họ chạm nhau – đôi tất ướt của cô, quần len xám của anh. Anh mặc áo trắng, không phải chiếc mà anh mặc lúc ăn trưa. Trông anh như một người khác, mệt mỏi và kiệt sức, đuôi mắt đầy nếp nhăn, một người già hơn buổi trưa nay. Cô tưởng tượng bản thân mình cũng đã già nua thấy rõ.

Anh nắm tay cô. Bàn tay cô có cảm giác như bị những ngón tay dài của anh nuốt chửng.

“Kể cho tôi nghe chuyện gì đã xảy ra.”

“Tôi đi ra ngoài. Chỉ bước đi thôi. Tôi không biết mình đã đi đâu. Có, tôi biết. Tôi đến một quán rượu và uống bia. Tôi đi đến một vườn hồng và tháo gỡ chiếc khăn choàng.”

“Tháo gỡ chiếc khăn choàng.”

“Tháo cuộc đời tôi, ý tôi là thế.”

“Tôi đoán là việc này rất tệ,” anh nói.

“Anh có thể nói vậy.”

“Tôi ngồi đợi ba mươi lăm phút, sau đó tôi đi theo cô đến địa chỉ đó. Hẳn cô đã đi rồi. Tôi đi lên đi xuống con đường trong suốt nửa giờ, rồi tôi thấy một người phụ nữ không phải là cô rời khỏi tòa nhà. Cô ta có hai con nhỏ.”

Kathryn nhìn phần bánh mì sandwich trên khay thức ăn. Chắc là bánh kẹp thịt gà tây.

“Tôi nghĩ mình đói rồi,” cô nói.

Robert đưa tay xuống cầm miếng sandwich lên, rồi đưa nó cho cô. Cô giữ thăng bằng chiếc đĩa trên đùi, khẽ rùng mình.

“Ăn một chút đi, rồi đi ngâm bồn nước nóng. Cô muốn tôi gọi món gì để uống không?”

“Không, tôi nghĩ tôi uống đủ rồi. Anh đang chăm sóc tôi như con gái vậy.”

“Chúa ơi, Kathryn.”

Miếng thịt trong bánh sandwich bị ép mỏng đến nỗi có

vị như nhựa trơn trên lưỡi cô. Cô đặt miếng sandwich xuống.

“Tôi đã định gọi điện báo cảnh sát,” anh nói. “Tôi đã gọi đến số điện thoại nơi cô đến. Gọi đi gọi lại. Không có ai nghe máy cả.”

“Chúng là con của Jack.”

Anh không tỏ vẻ

“Anh cũng đoán được rồi,” cô nói tiếp.

“Đó là một khả năng. Tôi không nghĩ đến chuyện con cái. Đó là cô ta à? Muire Boland? Rời khỏi tòa nhà? Là...?”

“Vợ anh ấy,” cô đáp. “Họ đã kết hôn. Trong nhà thờ.”

Anh ngồi lui lại. Cô quan sát vẻ không tin miễn cưỡng chuyển thành tin.

“Trong một nhà thờ Công giáo,” Kathryn nói.

“Khi nào?”

“Bốn năm rưỡi trước.”

Trên giường có một chiếc túi du lịch đã mở. Chiếc áo anh mặc lúc ăn trưa lộ ra khỏi túi. Một phần tờ báo đã rơi từ giường xuống đất. Trên bàn có một chai nước suối vơi một nửa.

Cô thấy anh đang quan sát cô, như một bác sĩ đang thăm khám cho bệnh nhân. Tìm trên mặt những dấu hiệu bệnh tật.

“Tôi đã vượt qua phần tồi tệ nhất của chuyện này rồi,”

cô nói.

“Quần áo cô hỏng hết rồi.”

“Chúng sẽ khô thôi.”

Anh nắm lấy đầu gối cô.

“Tôi rất tiếc, Kathryn à

“Tôi muốn về nhà.”

“Chúng ta sẽ về,” anh nói. “Ngay sáng mai. Chúng ta sẽ đổi vé máy bay.”

“Lẽ ra tôi không nên đến,” cô nói, đưa đĩa thức ăn lại cho anh.

“Đúng.”

“Anh đã cố cảnh báo tôi.”

Anh nhìn đi nơi khác.

“Tôi đói lắm,” cô nói. “Nhưng tôi không nuốt nổi món này.”

“Tôi sẽ gọi cho cô hoa quả và phô mai. Một ít xúp.”

“Vậy cũng được.”

Cô đứng dậy, rồi lảo đảo. Cô cảm thấy choáng váng.

Anh đứng lên với cô, và cô áp trán vào áo anh.

“Suốt những năm đó,” cô nói, “tất cả chỉ là giả dối.”

“Shhhh...”

“Anh ấy có một đứa con trai, Robert ạ. Và một đứa con gái nữa.”

Anh ôm cô gần hơn, cố gắng an ủi cô

“Tất cả những lần chúng tôi gần gũi nhau,” cô nói. “Trong bốn năm rưỡi trời, tôi gần gũi với người đàn ông có người đàn bà khác. Một người vợ khác. Tôi đã làm nhiều việc. Chúng tôi đã làm nhiều việc. Tôi có thể nhớ những việc ấy...”

“Mọi việc ổn rồi.”

“Không ổn đâu. Tôi đã gửi cho anh ấy những lời yêu thương. Tôi viết lên thiệp cho anh ấy. Anh ấy đã nhận chúng.”

Robert xoa lưng cô.

“Dù sao thì thà biết được vẫn tốt hơn,” cô nói.

“Có thể.”

“Không sống giả dối thì tốt hơn.”

Cô cảm thấy một sự thay đổi nhanh trong hơi thở của anh, như một tiếng nấc cụt. Cô lùi người lại và thấy anh đang mệt mỏi. Anh dụi mắt.

“Tôi đi tắm đây,” cô nói. “Tôi xin lỗi đã làm anh lo lắng. Tôi nên gọi điện mới phải.”

Anh đưa một tay lên như để nói cô không cần xin lỗi. “Quan trọng là cô đã về rồi,” anh nói, và cô có thể thấy sự căng thẳng vì không biết trên mặt anh.

“Cô đứng còn không vững nữa,” anh nói.

“Tôi muốn tắm ở đây. Tôi không muốn ở một mình trong phòng. Tắm xong tôi sẽ ổn thôi.”

Cô nhận thấy anh không t sẽ ổn.

***

Cô mở nước nóng rồi trút lọ sữa tắm vào bồn, làm sủi bọt. Sau khi trút bỏ quần áo, cô giật mình nhận ra quần áo mình thật bẩn thỉu, một phần chân váy đã bị bung chỉ. Cô đứng trần truồng giữa phòng. Cô giẫm những bước chân bẩn lên nền gạch trắng. Trên kệ bằng kính có xếp khăn tắm và một chiếc rổ xinh xắn đựng đồ vệ sinh cá nhân.

Cô nhúng một chân vào nước và nhăn mặt, rồi bước hẳn vào. Từ từ, cô chìm xuống bồn tắm.

Cô gội đầu và rửa mặt bằng nước đã pha xà phòng, mệt đến nỗi không buồn dùng dầu gội. Cô kéo một chiếc khăn trên kệ xuống, cuộn lại, rồi đặt nó lên đầu bồn tắm. Cô ngả ra sau, tựa cổ lên chiếc khăn.

Một túi đựng đồ vệ sinh bằng da được đặt tạm trên bồn rửa mặt nhỏ bằng sứ. Chiếc áo khoác có nút màu vàng treo trên móc ở phía sau cửa. Bên kia cửa, cô nghe thấy tiếng gõ, tiếng cửa mở, một cuộc trò chuyện ngắn, một khoảng dừng, rồi sau đó cửa đóng lại. Phục vụ phòng, cô nghĩ. Cô ước gì mình đã gọi một tách trà. Một tách trà sẽ là món hoàn hảo nhất.

Cửa sổ hình hộp đang mở hé, cô nghe thấy âm thanh đường phố vọng lên từ dưới, tiếng ồn xe cộ, một tiếng quát tháo xa xa. Ngay cả vào lúc một giờ sáng.

Cô cảm thấy buồn ngủ và nhắm mắt lại. Dù nước làm cô nổi lên, nhưng việc di chuyển cơ thể hoặc leo ra khỏi bồn tắm cũng khiến cô phải ra sức. Cô bảo mình làm cho đầu óc trống rỗng, chỉ nghĩ đến nước nóng, xà phòng, không nghĩ đến gì khác.

Khi cửa mở ra, cô không động đậy, không cố gắng che người lại, dù bong bóng xà phòng đã tan bớt và phần trên ngực có thể lộ ra.

Đầu gối cô nhô lên khỏi mặt nước đầy bọt như những ngọn núi lửa. Ngón chân cô vờn sợi dây nối miếng nút bồn tắm.

Anh đã gọi trà. Một ly rượu mạnh.

Anh đặt tách trà và ly rượu lên thành bồn tắm. Anh lùi lại rồi tựa lưng lên bồn rửa mặt, nhét tay vào túi quần. Anh bắt chéo chân ở mắt cá. Cô biết anh đang nhìn ngắm cơ thể cô.

“Nếu tôi là cô, tôi sẽ trộn hai thứ ấy với nhau.”

Cô ngồi dậy để làm như anh đề nghị.

“Tôi sẽ để cô lại một mình.”

“Đừng đi.”

Sau lưng anh, tấm gương bị mờ đi vì hơi nước. Gần cửa sổ, không khí bên ngoài hòa quyện với hơi nóng tạo ra những làn mây. Cô đổ rượu mạnh vào trà, quậy đều lên, rồi uống một hơi dài. Lập tức, cô cảm thấy nhiệt lượng ở ngay giữa cơ thể. Chức năng y học của rượu mạnh thật đáng kinh ngạc, cô nghĩ.

Cô cầm tách trà bằng những ngón tay trơn xà phòng.

Hàm anh động đậy. Có lẽ anh đã thở dài. Anh rút một tay ra khỏi túi quần rồi dùng ngón cái lau những giọt hơi nước đọng trên đầu bồn tắm.

“Tôi cần một chiếc áo choàng,” cô nói.

***

Cuối cùng, cô kể cho anh nghe tất cả. Trong bóng tối, nằm trên giường anh, cô kể cho anh từng từ cô nhớ về cuộc gặp trong ngôi nhà trắng ở thị trấn. Anh lắng nghe mà không nói gì, chỉ thỉnh thoảng ậm ừ, đôi lúc lại đặt một câu hỏi. Cô mặc áo choàng tắm bằng vải bông của khách sạn, anh vẫn mặc nguyên quần áo. Anh vân vê ngón tay dọc cánh tay cô trong lúc cô nói. Khi cả hai cảm thấy lạnh, anh kéo chăn qua đắp cho cả hai. Cô dụi đầu vào khoảng không giữa ngực và cánh tay anh. Trong bóng tối, cô cảm thấy sự ấm áp xa lạ của cơ thể anh, nghe tiếng thở kề bên. Cô nghĩ cô còn muốn nói gì đó nữa, nhưng trước khi cô kịp định hình câu chữ, cô đã chìm vào giấc ngủ không mộng mị.

***

Sáng hôm sau, cô ngồi trên mép giường, mặc áo choàng màu trắng, khâu lại mép váy bằng bộ kim chỉ cô tìm thấy trong giỏ đựng đồ vệ sinh cá nhân. Robert đã nói chuyện điện thoại với hãng hàng không để đổi vé máy bay, và giờ anh đang đánh bóng giày cho cô. Một luồng ánh sáng chiếu vào phòng từ sau tấm màn lưới màu trắng. Cô nghĩ mình đã không hề chuyển động trong lúc ngủ. Khi cô thức dậy, Robert đã tắm và thay quần áo.

“Đôi giày này gần như không cứu vãn nổi rồi,” Robert

nói.

“Em chỉ cần về được đến nhà,” cô nói.

“Chúng ta xuống dưới ăn sáng đi,” anh đề nghị. “Ăn một bữa sáng tử tế.”

“Vậy thì quá tuyệt.”

“Không cần vội vã.”

Cô khâu một cách kiên nhẫn và đều đặn, như bà Julia đã từng dạy cô từ lâu lắm rồi, lòng thầm mong đoạn chỉ ít ỏi sẽ đủ để dùng. Cô ý thức được Robert đang nhìn cô chăm chú. Có điều gì đó đã thay đổi kể từ đêm hôm trước, cô nhớ lại; những cử chỉ của cô dường như có một độ chính xác đặc biệt, được quan sát rất tỉ mỉ.

“Trông anh có vẻ như rất vui,” cô nói, ngước lên nhìn Robert.

Sự điên rồ của ngày hôm qua lấp ló trong bóng tối, Kathryn biết, và nó sẽ luôn luôn ở đó, một chốn tối tăm trong phòng sáng. Nó sẽ túm lấy cô, lôi cô xuống khi cô để cho nó làm thế. Khi đó cô nghĩ mình nên nói được rằng cô đã trải qua điều tồi tệ nhất, đã vượt qua nó. Sẽ thật hạnh phúc khi tuyên bố rằng cô đã chạm đáy. Cô có thể cảm thấy sự tự do của điều đó, được sống cuộc đời không sợ hãi.

Nhưng cô cũng biết rằng sự tự do ấy chỉ là ảo tưởng và sẽ không còn nhiều tự do đến với cô nữa. Cô chỉ việc tưởng tượng Mattie trên một chiếc máy bay gặp nạn. Có thể là Mattie trên một chuyến bay sắp tới. Cuộc đời có thể diễn ra tồi tệ hơn những gì Kathryn đã trải qua, và còn tồi tệ hơn cả thế. Cô nghĩ thực ra, cuộc đời cô có thể sẽ kinh

khủng hơn nếu biết chuyện gì đang diễn ra ngoài kia.

Cô dừng việc khâu vá và nhìn Robert đánh giày cho cô. Hành động đó khiến cô nhớ đến Jack, anh hay ngồi gác chân lên ngăn kéo đựng bánh mì được kéo ra. Chuyện đó chính xác là cách đây bao lâu rồi?

Cô đứng dậy và hôn vào một bên môi Robert, tay cô vẫn còn cầm kim chỉ, tay anh vẫn cầm đôi giày của cô. Cô có thể cảm thấy sự ngạc nhiên của anh. Cô đặt hai cổ tay lên vai anh và nhìn anh.

"Cám ơn anh đã đi cùng em đến London. Em không biết mình sẽ cầm cự qua đêm hôm qua như thế nào nếu không có anh nữa."

Anh nhìn cô, và cô nhận thấy anh muốn nói gì đó.

"Chúng ta đi ăn đi," cô vội nói. "Em đói lắm rồi."

***

Phòng ăn được trang trí bằng gỗ ốp chân tường, phía trên là giấy dán tường màu xanh dương nhạt. Trên sàn có một tấm thảm đỏ. Họ được đưa đến một chiếc bàn nằm trong khung cửa sổ vòng cung treo rèm dày. Robert ra hiệu cho cô ngồi vào ghế phía trước cửa sổ. Bàn ăn trải khăn linen dày, được vuốt phẳng đến độ gần như cứng nhắc, bày biện dao nĩa và một bộ đồ sứ mà cô không biết rõ tên gọi. Cô ngồi xuống rồi đặt khăn ăn lên đùi. Trên tường treo những bức tranh kiến trúc, còn trên đầu là một chiếc đèn chùm pha lê. Bấy giờ thấy đa số thực khách là doanh nhân.

Cô nhìn ra ngoài cửa sổ. Mặt trời chiếu sáng những con đường đã được gột rửa. Căn phòng gợi nhớ đến những

phòng vẽ trong các bộ phim Anh thời xưa, và cô nghĩ có thể nó đã từng được dùng làm phòng vẽ, một nơi trang nghiêm tạo cảm giác ấm áp. Người ta đã cố tình để không làm cho nơi này trông sạch sẽ hơn, như thường làm với phòng khách sạn ở Mỹ, để người khác không bao giờ tin rằng ai đó đã từng, hoặc sẽ, sống ở đó. Lửa cháy bập bùng trong lò sưởi. Họ gọi món trứng và xúc xích, bánh mì nướng dựng trên giá bằng bạc. Cà phê nóng hổi khiến cô hít hà thổi vào rìa tách.

Cô ngước lên và thấy người phụ nữ đứng ở lối vào. Cà phê đổ ra khăn trải bàn màu trắng. Robert đưa khăn ăn ra để thấm vết đổ, nhưng Kathryn chặn tay anh lại. Anh quay sang để nhìn điều cô đã thấy.

Người phụ nữ đi nhanh về bàn của họ. Cô ta mặc một chiếc áo choàng dài, bên trong là váy dạ và áo len chui cổ. Kathryn liên tưởng đến những loại rau xanh im lặng và sự lộn xộn. Người phụ nữ cột tóc đuôi ngựa, và trông cô ta có vẻ sợ hãi.

Khi cô ta tiến đến gần, Robert đứng dậy, vẻ giật mình.

"Hôm qua tôi đã tàn nhẫn với chị đến mức không thể tha thứ," người phụ nữ nói trực tiếp với Kathryn.

Anh chìa tay ra.

“Muire Boland,” cô ta lẩm bẩm giới thiệu, một việc mà anh không cần. “Tôi cần nói chuyện với chị,” cô ta nói với Kathryn rồi sau đó do dự. Kathryn hiểu sự do dự đó có liên quan đến Robert.

“Không sao đâu,” Kathryn nói.

Robert ra hiệu cho cô ta ngồi xuống.

“Tôi đã rất tức giận, bắt đầu. Cô ta nói vội vã, như thể có rất ít thời gian. Ngồi gần cô ta hơn so với hôm qua, Kathryn có thể thấy rằng Muire có đồng tử giống của con gái cô ta, đều màu đen. “Tức giận kể từ vụ tai nạn,” Muire nói tiếp. “Thật ra thì tôi đã tức giận trong nhiều năm rồi. Tôi sở hữu anh ấy quá ít.”

Kathryn kinh ngạc. Cô có nên tha thứ cho người đàn bà này không? Ở đây trong căn phòng này? Ngay bây giờ?

“Đó không phải là tự sát,” Muire nói.

Kathryn cảm thấy miệng khô khốc. Robert hỏi, vẫn hoạt động trong một thế giới mà hai người phụ nữ này đã rời bỏ, liệu Muire có muốn uống cà phê không. Cô ta lắc đầu căng thẳng.

“Tôi phải nói nhanh,” Muire nói. “Tôi đã dọn khỏi ngôi nhà đó rồi. Cô sẽ không bao giờ liên lạc với tôi được nữa.”

Nét mặt cô ta nhăn nhó. Sự hối lỗi không có những đặc điểm như vậy, Kathryn biết. Nhưng nỗi sợ thì có.

“Tôi có một người anh trai tên là Dermot,” Muire nói. “Tôi còn có hai người anh trai nữa. Một người bị lính bán

quân sự bắn ngay trước mặt vợ và ba đứa con trong lúc họ ăn tối. Người kia thì chết trong một vụ nổ.”

Kathryn cố gắng xử lý những thông tin này. Cô nghĩ là mình hiểu. Cô cảm thấy xây xẩm, như có ai đó vừa đấm vào mặt cô.

“Tôi làm công việc giao liên kể từ khi vào làm ở hãng hàng không,” Muire nói tiếp. “Vì vậy mà tôi mới chọn Vision, để bay chuyến Boston-Heathrow. Tôi đem tiền mặt từ Mỹ đến Anh. Có người sau đó sẽ lo liệu để tiền được chuyển đến Belfast.”

Sau này, Kathryn dường như nhận ra rằng chính tại đây mà thời gian dừng lại, thắt một vòng nút rồi bắt đầu từ từ tháo ra. Thế giới xung quanh cô - những thực khách, nhân viên phục vụ, xe cộ trên đường, ngay cả tiếng quát tháo của những người đi trên đường - trong một không gian như hồ bơi chứa đầy nước. Chỉ có xung quanh cô - cô, Muire Boland, Robert, tấm khăn trải bàn trắng dính cà phê - là rõ ràng sắc nét.

Một người phục vụ đi đến để lau vết cà phê đổ, thay khăn ăn khác. Anh ta hỏi Muire có muốn gọi món ăn sáng không, nhưng cô ta lắc đầu. Ba người ngồi trong sự im lặng kỳ quặc cho đến khi người phục vụ quay đi.

“Tôi thường được gặp ở mỗi sân bay, Boston và Heathrow, đến rồi đi. Tôi có một chiếc túi du lịch. Tôi chỉ việc đặt túi trong phòng chờ của phi hành đoàn rồi đi ra ngoài. Vài giây sau, tôi lấy lại chiếc túi. Thật tình mà nói, việc đó khá dễ dàng.” Người phụ nữ tóc đen đưa tay cầm ly nước của Robert rồi uống một ngụm. “Sau đó tôi gặp Jack,” cô ta nói, “và tôi có thai.”

Kathryn cảm thấy hai bàn chân lạnh cóng.

“Khi tôi nghỉ làm ở hãng hàng không, Dermot có đến nhà tôi. Anh ấy hỏi Jack có muốn tiếp tục việc đó không. Anh ấy thỉnh cầu giáo hội Công giáo Ireland của Jack.” Cô ta dừng lại, xoa trán. “Anh trai tôi là một người rất nhiệt huyết, rất thuyết phục. Thoạt đầu Jack rất giận tôi vì đã không kể với anh. Tôi không hề muốn anh dính líu đến việc này. Nhưng rồi, dần dần, anh trở nên tò mò. Anh bị hấp dẫn trước sự rủi ro, đương nhiên, nhưng còn hơn thế nữa. Anh bắt đầu nhận lãnh sứ mệnh đó, trở thành một phần của phong trào. Sau một thời gian, anh trở nên nhiệt huyết không thua gì anh trai tôi.”

“Một người cải đạo,” Robert nói.

Kathryn nhắm mắt lại và chao đảo.

“Tôi không cố ý làm chị đau lòng khi kể chuyện này,” Muire nói với Kathryn. “Tôi đang cố giải thích.”

Kathryn mở mắt ra. “Sau những gì cô đã làm, tôi không tin cô còn có thể làm tôi đau lòng hơn,” cô đáp.

Không giống như hôm qua, người phụ n ngồi đối diện cô trông có vẻ luộm thuộm, như đã mặc nguyên bộ quần áo ấy đi ngủ. Người phục vụ đem một ấm cà phê đến, và Robert nhanh tay ra hiệu cho anh ta đi nơi khác.

“Tôi biết Jack đã lún quá sâu vào chuyện này,” Muire nói, “nhưng dường như anh ấy là người không sợ lún quá sâu khi làm một việc gì đó.” Cô ta dừng lại. “Vì vậy mà tôi mới yêu anh ấy.”

Câu nói đâm một nhát đau nhói. Và khi đó Kathryn nghĩ, tự cảm thấy ngạc nhiên với ý nghĩ này: Vì vậy mà anh ấy

mới yêu cô. Vì cô trao cho anh ấy điều này.

“Còn có nhiều người khác tham gia,” Muire nói. “Người ở Heathrow, ở Logan, ở Belfast.”

Muire cầm một chiếc nĩa lên rồi cào nó lên khăn bàn.

“Vào đêm trước chuyến bay của Jack,” cô ta kể tiếp, “có một người phụ nữ gọi đến bảo anh ấy phải đem một thứ qua bên kia. Từ Heathrow sang Boston. Mọi thứ sẽ sẵn sàng để quy trình diễn ra. Việc đó không hẳn là chưa có tiền lệ. Trước đây đã xảy ra một hoặc hai lần rồi. Nhưng tôi không thích thế. Nó rủi ro hơn. An ninh ở Heathrow kiểm tra hành lý lúc đi nghiêm ngặt hơn lúc đến. Ở Logan càng siết chặt hơn gấp bội. Nhưng, về bản chất thì nhiệm vụ đó cũng không khác nhiều lắm.”

Muire đặt nĩa xuống. Cô ta nhìn đồng hồ rồi nói nhanh hơn.

“Khi nghe tin về vụ nổ, tôi đã cố liên lạc với anh trai tôi. Tôi bấn loạn. Sao họ có thể làm điều đó với Jack? Họ mất trí rồi sao? Và về mặt chính trị thì đó là một việc điên rồ. Làm nổ tung một chiếc máy bay của Mỹ ư? Vì mục đích gì? Làm thế chắc chắn sẽ khiến cho toàn thế giới chống lại họ.”

Cô ta đặt các ngón tay lên trán rồi thở dài.

“Mà đó, tất nhiên, chính là mấu chốt của vấn đề

Cô ta im lặng.

Kathryn có cảm giác bồn chồn như đang nhận những tin nhắn bị mã hóa, một loại mã cần được giải ngay lập tức.

“Vì đó không phải là họ,” Robert nói, từ từ hiểu ra. “Người cài quả bom không phải là IRA[4].”

[4] IRA: tên một nhóm vũ trang tự gọi là “Quân đội Cộng hòa Ireland” để đòi độc lập cho Bắc Ireland. Trong 30 năm đấu tranh bạo lực tại Bắc Ireland, IRA đã giết hại khoảng 1.800 dân thường và thành viên lực lượng an ninh -ND.

“Tất nhiên là không phải,” Muire nói.

“Việc này nhằm hạ uy tín của IRA,” Robert nói, chậm rãi gật đầu.

“Khi không liên lạc được với anh trai, tôi nghĩ họ cũng đã thủ tiêu anh ấy. Rồi sau đó tôi không liên lạc được với ai hết.”

Kathryn tự hỏi bọn trẻ của Muire lúc này đang ở đâu. Với ai?

“Cuối cùng anh trai tôi cũng gọi đến vào tối hôm qua. Anh ấy đang ẩn nấp. Anh ấy nghĩ điện thoại của tôi...” Cô ra dấu bằng tay.

Xung quanh mình, Kathryn mơ hồ nhận ra các thực khách đang ăn bánh mì nướng và uống cà phê, có lẽ đang giao dịch làm ăn.

“Jack không biết mình đem theo cái gì,” Robert nói gần như độc thoại, lần đầu tiên tổng hợp thông tin này.

Muire lắc đầu. “Jack chưa bao giờ đem theo vật liệu gây nổ. Anh ấy rất rõ ràng về việc này. Điều này đã được thỏa thuận trước.”

Trong đầu Kathryn diễn ra cuộc vật lộn trên máy bay.

“Vì vậy mà Jack không nói gì trong đoạn băng,” Robert chợt nói thêm. “Anh ấy cũng bị sốc không kém viên kỹ

sự."

Và lúc đó Kathryn nghĩ: Cả Jack cũng đã bị phản bội.

"Mọi việc bại lộ hết rồi," Muire nói rồi đứng dậy. "Cô nên về nhà càng sớm càng tốt."

Cô ta đặt một tay lên bàn, nghiêng người về phía Kathryn. Cô ngửi thấy hơi thở có mùi hôi, quần áo chưa giặt.

"Tôi đến đây," Muire nói, "vì con gái chị và các con tôi có họ hàng với nhau. Chúng có cùng dòng máu."

Có phải Muire Boland muốn nói về một sự thấu hiểu giữa hai người phụ nữ, một sự thấu hiểu căn cơ? Kathryn tự hỏi. Nhưng rồi, gần như cùng lúc, cô nhận ra rằng tất nhiên họ có mối liên hệ với nhau, dù Kathryn có mong cho điều đó không đúng bao nhiêu chăng nữa. Bởi những đứa con, tất nhiên rồi, chị em cùng cha khác mẹ, nhưng cũng bởi Jack nữa. Thông qua Jack.

Muire đứng thẳng lưng, rõ ràng chuẩn bị ra về. Bấn loạn, Kathryn chợt nhận ra cô có thể sẽ không bao giờ gặp lại người đàn bà này nữa.

"Hãy cho tôi biết về mẹ của Jack," Kathryn lắp bắp cuống cuồng nói. Một sự thừa nhận.

"Vậy là anh ấy không kể cho chị nghe à?" Muire hỏi.

Kathryn lắc đầu.

"Tôi cũng nghĩ là anh ấy chưa kể," Muire nói vẻ thông cảm. "Hôm qua, khi chị ở đó..."

Muire dừng lại.

“Mẹ anh ấy bỏ đi với người đàn ông khác khi anh ấy chín tuổi,” cô ta nói.

“Jack luôn nói rằng bà đã chết.”

“Anh ấy tủi thân vì bị bỏ rơi. Nhưng, lạ một nỗi là anh ấy không trách mẹ của mình. Anh ấy trách bố, trách sự hung bạo của ông. Thật ra Jack chỉ mới thừa nhận về việc của mẹ anh ấy gần đây thôi.”

Kathryn nhìn đi nơi khác, cảm thấy ngượng vì đã phải hỏi.

“Thật tình tôi phải đi rồi,” Muire nói. “Chỉ sự có mặt của tôi ở đây thôi đã đặt hai người vào tình trạng nguy hiểm.”

Hẳn là do cách phát âm, Kathryn nghĩ. Hoạt động như một ngòi nổ. Hay là cô chỉ đang tìm kiếm lý do cho một việc không thể lý giải: tại sao một người đàn ông phải lòng ai đó?

Robert đưa mắt nhìn nhanh từ Muire sang Kathryn rồi lại nhìn lần nữa. Anh mang nét mặt mà Kathryn chưa từng thấy trước đây - đau khổ.

“Có chuyện gì vậy?” Kathryn hỏi anh.

Anh mở miệng ra, rồi ngậm lại, như muốn nói gì đó nhưng lại thôi. Anh cầm một con dao lên rồi xoay tới xoay lui giữa các ngón tay, như từng xoay bút

“Có chuyện gì?” Kathryn lặp lại.

“Tạm biệt,” Muire nói với Kathryn. “Tôi rất tiếc.”

Kathryn cảm thấy choáng váng. Muire Boland bước qua cánh cửa đó được bao lâu rồi? Ba phút? Bốn phút?

Robert nhìn Kathryn, rồi cẩn thận đặt con dao xuống cạnh đĩa của mình. “Đợi đã,” anh nói với Muire khi cô ta quay lưng để bước đi.

Kathryn nhìn người đàn bà ấy dừng lại, gần như đóng băng, rồi cô quan sát Robert, đầu nghiêng sang một bên vẻ thắc mắc.

“Những phi công khác là ai?” anh hỏi nhanh. “Tôi cần biết tên họ.”

Kathryn co cứng người. Cô nhìn Robert rồi lại nhìn Muire. Cô cảm thấy toàn thân bắt đầu run rẩy.

“Anh biết chuyện này rồi à?” cô hỏi Robert bằng giọng thì thầm kìm nén.

Robert nhìn xuống bàn. Kathryn thấy mặt anh ta biến sắc.

“Anh đã biết chuyện này từ đầu rồi à?” Kathryn hỏi. “Khi đến nhà tôi anh đã biết Jack có thể liên can đến chuyện này rồi ư?”

“Chúng tôi chỉ biết là có một đường dây buôn lậu,” Robert đáp. “Chúng tôi không biết là ai, dù chúng tôi nghi ngờ Jack.”

“Anh đã biết chuyện này có thể dẫn đến đâu? Anh đã biết tôi có thể phát hiện ra

Robert nhướn mắt nhìn cô, và cô nhận ra tất cả, trong một tích tắc, lướt qua trên mặt anh: Tình yêu. Trách

nhiệm. Mất mát.

Đặc biệt là mất mát.

Kathryn đứng dậy, khăn ăn của cô rơi xuống đất. Cử động của cô khiến những thực khách khác giật mình. Họ liếc mắt nhìn sang cô với nét mặt thoáng cảnh giác.

“Tôi đã tin anh,” cô nói.

***

Cô đi thẳng từ phòng ăn ra khỏi khách sạn rồi bước vào một chiếc taxi đang đợi khách. Cô đã để áo choàng và va li trong phòng. Cô chẳng quan tâm bên trong đó có gì.

Cô sẽ đổi vé máy bay ở sân bay.

Suốt chuyến đi, cô nhìn hai bàn tay mình đặt trên đùi, siết vào nhau chặt đến nỗi các đốt ngón tay đã chuyển sang màu trắng bệch. Cô không còn nghe hoặc thấy gì nữa. Nhưng cô có thể cảm thấy cơn giận trong máu, kỳ thực có thể cảm thấy nó sôi sùng sục và cuộn trào trong lòng. Cô chưa bao giờ biết đến cơn giận nào như thế. Cô chỉ muốn về nhà.

Tại sân bay Heathrow, cô đi qua cửa quay để vào khu vực bay quốc tế, xoay vòng khắp nơi, như đã mất phương hướng. Cô tìm thấy bàn của hãng hàng không Anh rồi vào xếp hàng. Cô sẽ đổi vé và đổi cả hãng hàng không, và cô chẳng bận tâm phải tốn bao nhiêu tiền.

Cô cảm thấy bị lột trần khi đứng xếp hàng, như thể cô không còn vỏ bọc nào nữa. Robert có thể đoán được ý định của cô và đến đây tìm cô. Cô quyết định sẽ ở trong phòng vệ sinh để đợi chuyến bay của mình nếu cần phải làm thế.

Hà người di chuyển quá chậm. Cơn giận của cô bắt đầu phủ sang kiểu làm ăn thiếu hiệu quả của nhân viên bán vé.

Cô tự hỏi mình có nên bay đến Malin Head không, có nên bay lại lộ trình tương tự như Jack đã bay không.

Và khi đó cô bắt đầu cảm thấy một lực hút. Trọng lực của nó khiến cô kinh ngạc. Cô đặt một tay lên ngực.

Cô càng tiến đến gần đầu hàng, lực hút ấy càng mạnh.

Khi đến lượt mình, Kathryn đặt vé lên quầy. Nhân viên bán vé nhìn cô, đợi cô lên tiếng.

"Sân bay gần nhất đến Malin Head là sân bay nào?" Kathryn hỏi.

CHƯƠNG 18

Cô bê một núi đồ bẩn trên tay - khăn ướt, ga giường nhăn nhúm, và những đôi tất cứ rơi từ tay cô xuống đất. Cô cúi xuống nhặt một chiếc khăn lau bụi, thầm nghĩ nếu cô bê giỏ đựng đồ lên lầu trước thì mớ quần áo này đã không trêu ngươi cô như thế. Cô ôm đống đồ ẩm ướt chặt hơn rồi đi về phía cầu thang. Khi đi ngang qua cửa phòng ngủ, cô liếc nhìn vào trong.

Đó là một cảnh vụt diễn ra, nhanh đến nỗi hầu như không kịp đọng lại trong ký ức. Một hình ảnh của tiềm thức, không khác với hàng nghìn hình ảnh tiềm thức khác hiện ra trong não nhưng không làm cho ý thức bận tâm. Như nhìn thấy một người phụ nữ mặc áo khoác da lạc đà đang chọn mua cam trong siêu thị, hoặc nhìn nhưng không

nhận thấy một mặt dây chuyền trái tim có gắn hình trên cổ một học sinh.

Jack đang cúi xuống chiếc va li, soạn đồ cho chuyến đi. Tay anh chuyển động rất nhanh, nhét vào một vật nằm ngoài tầm mắt của cô. Một chiếc áo, cô đoán, màu xanh sọc vàng. Một chiếc á cô chưa từng thấy trước đây. Có lẽ anh đã mua nó trong lúc cấp bách ở một quầy bán hàng trong sân bay.

Cô mỉm cười để cho thấy cô không có ý khiến anh giật mình. Anh đứng thẳng lưng, để nắp chiếc va li nhỏ đóng sập lại.

- Em cần anh giúp một tay không? anh hỏi.

Cô đứng lại một phút, ngắm nắng chiều rơi trên sàn gỗ cũ của ngôi nhà, thắp sáng chiếc đèn khoét từ quả bí ngô.

- Chừng nào anh đi? cô hỏi.

- Mười phút nữa.

- Rồi chừng nào anh về?

- Thứ ba. Khoảng buổi trưa. Có lẽ chúng ta nên gọi cho Alfred Zacharian, cho ông ta vào xem chỗ nước bị rỉ. Hôm nay nó tệ hơn rồi đấy.

Cô nhận thấy tóc anh vẫn còn ướt vì mới tắm xong. Anh đã gầy đi một chút, bây giờ hầu như không còn dấu hiệu nào của chiếc bụng phệ nữa. Cô nhìn theo anh đi đến tủ quần áo, gỡ áo khoác đồng phục ra khỏi móc treo rồi mặc lên người. Cô chưa bao giờ thôi xúc động trước hình ảnh Jack mặc đồng phục, trước sự oai vệ phủ tức thì lên đôi vai anh, và càng thể hiện rõ hơn khi anh cài ba chiếc

nút áo mạ vàng.

- Em sẽ nhớ anh lắm, cô buột miệng nói.

Anh quay lại và bước vào khối ánh sáng. Vùng quanh mắt anh lộ vẻ mệt mỏi.

- Có chuyện gì thế? cô hỏi.

- Chuyện gì là chuyện g

- Trông anh có vẻ lo lắng về chuyện gì đó.

- Chỉ là anh đang đau đầu thôi, anh nói, lắc đầu và xoa mắt.

Cô nhìn anh thả lỏng khuôn mặt, vuốt cơ trên lông mày.

- Anh muốn uống Advil không?

- Thôi khỏi, anh không sao đâu.

Anh kéo dây khóa đóng chiếc va li lại, nắm lấy tay cầm, rồi dừng lại. Trông anh như sắp nói gì đấy với cô, rồi chợt đổi ý. Anh ném chiếc va li lên giường.

- Em cứ để đồ giặt khô đó đến khi anh về, anh nói trong lúc tiến đến cô. Anh nhìn vào mắt cô lâu hơn bình thường một giây. Anh chồm qua đống đồ bẩn để hôn cô. Nụ hôn phớt qua trên môi cô.

- Thứ ba về anh sẽ giải quyết, anh nói.

CHƯƠNG 19

Cô đang cố gắng xem bản đồ trong lúc dặn mình phải

lái xe ở lề trái, một thử thách buộc cô phải dành toàn bộ sự tập trung, đến nỗi mất một lúc sau cô mới nhận ra đang lái xe trên đường Antrim về phía tây, xa khỏi sân bay Belfast. Chuyến bay rất thuận lợi, dịch vụ thuê xe nhanh chóng. Cô cảm thấy một sự thôi thúc của cơ thể phải đến bằng được điểm đến.

Do đi nhầm sang phía tây của Belfast, cô đã không được chứng kiến thành phố này một cách chân thực, đã không thấy những tòa nhà bị đánh bom và những mặt tiền nhà loang lổ đạn mà cô từng nghe nói. Thay vào đó, thật khó để liên hệ phong cảnh bãi cỏ trải dài trước mặt cô với cuộc xung đột không thể giải quyết đã tước đi mạng sống của quá nhiều người - gần đây nhất, một trăm lẻ bốn người trên một chiếc máy bay qua Đại Tây Dương. Những ngôi nhà đồng quê giản dị và những bãi cỏ chăn nuôi gia súc chỉ được tô điểm bằng dây kẽm gai, dây điện thoại, thỉnh thoảng bằng một chiếc chảo vệ tinh. Xa xa, những ngọn đồi trông như thay màu hoặc thậm chí thay đổi hình dạng, tùy thuộc mặt trời đang chiếu qua các đám mây của tiết trời dễ chịu này như thế nào. Vùng đất này trông cũ kỹ, bị xâm lấn, và những quả đồi mang vẻ rong rêu nhàu nhĩ, như từng bị rất nhiều bàn chân giẫm lên. Trên bìa những ngọn đồi nằm sát với đường xe chạy nhất, cô thấy hàng trăm con cừu như những chấm trắng rải rác, những mảng đất đã được cày xới, những bờ giậu thấp bao quanh các mảnh đất trồng hoa màu như những đường kẻ do trẻ con vẽ.

Đây không thể là nguyên nhân của cuộc xung đột đẫm máu, cô nghĩ ngợi trong lúc lái xe. Nó là một điều gì khác mà cô không thể nào hình dung, không bao giờ hiểu được. Mặc dù Jack, vì thích thể hiện hoặc vì tình yêu, đã liều mạng để làm việc đó, đã tham dự vào cuộc xung đột phức tạp của Bắc Ireland, biến Kathryn và Mattie thành những

người tham dự ngoài lề bất đắc dĩ.

Cô biết rất ít về cuộc xung đột, chỉ là những gì cô tiếp thu, như những người khác, từ các tiêu đề báo chí và tivi khi những sự kiện xảy ra đủ bi thảm để trở thành tin tức ở Mỹ. Cô đã đọc hoặc nghe về tình trạng bạo lực phe phái vào đầu thập niên 1970, những cuộc biểu tình tuyệt thực, sự kiện ngừng bắn năm 1994, và việc phá bỏ thỏa thuận ngừng bắn, nhưng cô biết rất ít về *lý do* của toàn bộ việc này. Cô đã nghe nói đến những vụ bắt cóc, đánh bom xe, những người đàn ông đeo mặt nạ trượt tuyết xông vào nhà thường dân, nhưng cô không thấy lòng yêu nước nằm ở đâu trong những hành động khủng bố ấy. Đôi lúc, cô có khuynh hướng nghĩ rằng những người tham dự vào cuộc xung đột này là những tên du côn bị xỏ mũi, khoác lên mình chủ nghĩa lý tưởng như những kẻ cuồng tín mê giết chóc ở bất kỳ thời đại nào. Những lúc khác, sự độc ác và ngu dốt của người Anh dường như đã chủ động tạo ra tâm lý bất mãn và hận thù có thể dẫn đến hành động bạo lực ở bất kỳ nhóm người nào.

Nhưng giờ đây, điều cô thắc mắc không phải là nguyên nhân của cuộc xung đột ấy, mà là sự tham dự của Jack, một thực tế mà cô khó chấp nhận nổi. Phải chăng anh tin vào sứ mệnh đó, hay anh bị lôi kéo vì nó có vẻ chân thực? Cô có thể thấy sự hấp dẫn của nó, ý nghĩa lập tức nó đem lại cho cuộc sống. Chính chuyện êu đương, chủ nghĩa lý tưởng lãng mạn, sự thuộc về một tổ chức hợp đạo lý, và ngay cả tôn giáo cũng có thể là một phần của toàn bộ lý do. Nó có thể mang ý nghĩa là một sự cống hiến tuyệt đối bản thân cho một người khác hoặc một lý tưởng, mà trong trường hợp này hai điều đó lại liên hệ mật thiết với nhau. Cũng như sứ mệnh là một phần của mối quan hệ, mối quan hệ cũng sẽ là một phần của sứ mệnh, vì thế đến cuối cùng, không thể có cái này mà không có cái kia. Cũng như

không thể bỏ cái này mà không bỏ cái kia. Nhìn ở góc độ này, cô nghĩ, câu hỏi không hẳn là tại sao Jack lại gắn bó cuộc đời với Muire Boland và làm lễ kết hôn với cô ta trong nhà thờ Công giáo, mà nên là tại sao anh lại không bỏ Mattie và Kathryn.

Vì anh quá yêu Mattie, cô lập tức tự trả lời.

Lúc đó cô thắc mắc liệu Jack và Muire có thật sự kết hôn một cách hợp pháp hay không. Liệu một lễ cưới trong nhà thờ có tự động đem lại tình trạng pháp lý cho cuộc hôn nhân đó? Cô không biết các thủ tục này diễn ra như thế nào, hoặc Muire và Jack đã làm như thế nào. Và cô sẽ không bao giờ biết. Bây giờ có quá nhiều việc mà cô không bao giờ biết.

Bên ngoài Londonderry, cô trình hộ chiếu tại chốt kiểm tra và tiến vào Cộng hòa Ireland, cùng lúc vào hạt Donegal. Cô lái xe về phía bắc và phía tây, băng qua vùng đồng quê dần trở nên hẻo lánh, số cừu bắt đầu vượt quá số người, các ngôi nhà đồng quê cũng ngày càng thưa thớt. Cô đi theo biển hiệu chỉ dẫn đến Malin Head, trong ngôn ngữ Ireland là Cionn Mhalanna, xuyên qua bầu không khí đậm đặc mùi than bùn. Đất đai trở nên gồ ghề, hoang dã hơn, những vách núi dài và tảng đá lởm chởm, những đụn cát cao phủ cỏ và cây thạch nham trên đỉnh. Con đường thu hẹp lại chỉ còn một làn đường, và cô nhận ra mình đang lái xe quá nhanh khi đến một khúc cua gắt và suýt lao xe xuống mương.

Tất nhiên, có thể là do người mẹ, Kathryn nghĩ. Một lòng khát khao giành lại được mẹ, có được người mẹ đã chối bỏ anh. Chắc hẳn đây là lý do khiến anh yêu Muire Boland, và ngay cả Muire dường như cũng hiểu được điều đó. Nhưng Kathryn nghĩ, vượt lên trên những phỏng đoán

này, lãnh địa trở nên tăm tối hơn: Ai có thể nói động cơ của một người đàn ông là gì? Ngay cả khi Jack còn sống và ngồi cùng cô trong xe, liệu anh có thể trả lời rành mạch câu hỏi *Tại sao*? Liệu có ai trả lời được không? Lần nữa, cô sẽ không bao giờ biết. Cô chỉ có thể biết những gì mà cô tưởng tượng là đúng. Những gì mà bản thân cô khẳng định l

Trong lúc cô lái xe, một số kỷ niệm nhói lên trong lòng cô, gặm nhấm cô, và cô biết sẽ còn mất nhiều tháng hoặc nhiều năm nữa chúng mới nguôi ngoai: Chẳng hạn như, không thể chấp nhận nổi ý nghĩ Jack có thể đã lấy tiền của cô và Mattie để chu cấp cho một gia đình khác, và cô có thể cảm thấy huyết áp tăng vọt trong xe. Hay trận cãi nhau, cô chợt nhớ ra, lần cãi nhau kinh khủng mà cô đã nghĩ là do lỗi của mình. Giờ đây cô nghĩ, vẻ chạm tự ái của anh đã khiến cô tin rằng sự vô lý của cô chính là nguyên nhân, trong khi suốt thời gian đó anh đang vụng trộm với người đàn bà khác. Đó có phải là việc mà Jack đã làm trên máy tính suốt thời gian đó? Viết thư cho tình nhân? Có phải đó là lý do anh mau mắn làm cho căng thẳng leo thang khi hỏi cô có muốn anh dọn đi? Có phải anh đã nghĩ sẵn điều đó trong đầu?

Hoặc là những câu thơ. Có phải Jack đã hạ thấp cảnh giác và để cho từng chút từng chút một mối quan hệ của anh với Muire Boland ngấm vào cuộc hôn nhân của anh với Kathryn? Có phải cuộc đời của Kathryn đã bị xâm chiếm theo cách mà cô không bao giờ nhận ra? Có bao nhiêu quyển sách cô từng đọc hoặc bao nhiêu bộ phim cô từng xem là do Muire đề nghị? Bao nhiêu phần trong cuộc đời của người đàn bà Ireland đó đã thấm qua cuộc đời chính cô?

Một lần nữa, Kathryn sẽ không bao giờ biết.

Cô rẽ khỏi đường lớn, theo chỉ dẫn tiến về điểm cực tây bắc của Ireland. Thật kinh ngạc, con đường trở nên ngày một hẹp hơn, không rộng hơn đường mòn vào nhà cô là bao. Trong lúc lái xe, cô tự hỏi tại sao cô chưa bao giờ tưởng tượng đến chuyện ngoại tình. Làm sao một người phụ nữ sống với một người đàn ông ngần ấy năm mà lại không hề nghi ngờ gì cả? Có vẻ như đó là một sự ngây thơ đến ngờ nghệch, một sự chủ quan. Nhưng rồi cô nghĩ mình biết câu trả lời ngay cả khi đặt câu hỏi: Cô nhận ra, kẻ ngoại tình sẽ không gây ra bất kỳ sự nghi ngờ nào, vì anh ta thật lòng không muốn bị bắt quả tang.

Kathryn thậm chí chưa bao giờ nghĩ đến chuyện nghi ngờ; cô chưa bao giờ ngửi thấy mùi của một người đàn bà khác, chưa bao giờ tìm thấy vệt son trên vai áo. Ngay cả về chuyện chăn gối, cô cũng chưa bao giờ đoán ra. Cô cứ nghĩ rằng sự lạnh nhạt chăn gối giữa cô và Jack chỉ đơn giản là tiến trình bình thường mà cặp vợ chồng nào sống với nhau chục năm cũng sẽ gặp phải

Cô hạ kính xe xuống để hít thở không khí - một sự hòa quyện kỳ lạ, nặng nề giữa muối biển và diệp lục. Cô chợt nhận ra vùng đất xung quanh thật tuyệt diệu. Cấu tạo của cảnh trí - màu xanh thẫm mướt mát, mật độ dày đặc - đem lại cảm giác vững chắc mà cô không cảm thấy được ở London. Điểm hợp lưu giữa đại dương và bờ biển lởm chởm đá, dù hoang dã hơn bờ biển New England của cô, vẫn khiến cô xao động. Cô hít thở đều và sâu, lần đầu tiên kể từ khi Muire Boland xuất hiện tại cửa phòng ăn khách sạn.

Cô lái xe vào một ngôi làng, và có lẽ đã chạy lố nếu không gặp một cảnh tượng mà cô từng thấy trước đó: Chỉ thiếu ông lão đánh cá. Cô giảm tốc độ rồi dừng xe. Cô đỗ

xe cạnh một bãi cỏ có một dãy cửa hiệu và nhà cửa. Cô nhìn thấy nơi người quay phim hẳn đã đứng, nơi người phóng viên tóc đen che ô đã thực hiện cuộc phỏng vấn phía trước khách sạn. Tòa nhà màu trắng, mượt mà và sạch sẽ. Cô nhìn thấy biển hiệu phía trên cửa: Khách sạn Malin.

Cô nghĩ mình nên thuê một phòng để nghỉ qua đêm. Chuyến bay trở lại London của cô sẽ cất cánh vào sáng mai. Có lẽ cô cũng nên ăn chút gì đó.

Mất vài phút mắt cô mới thích nghi được và nhìn thấy quầy bar truyền thống bằng gỗ gụ đã mòn vẹt. Cô nhận ra những tấm rèm đỏ, những chiếc ghế đẩu bọc nhựa màu be, sự ảm đạm của căn phòng chỉ được xua tan phần nào nhờ một ánh lửa ở cuối phòng. Dọc các bức tường đặt những hàng ghế dài và bàn thấp, có khoảng năm, sáu người đang ngồi chơi bài, đọc báo hoặc uống bia.

Kathryn ngồi ở quầy bar và gọi một tách trà. Gần như ngay lập tức, một phụ nữ có mái tóc vàng như được điêu khắc ngồi lên chiếc ghế cạnh cô. Kathryn quay đầu đi và xem xét biển hiệu phía trên quầy. Quá muộn rồi, cô nhận ra những người trong quán rượu chính là nhà báo.

Khuôn mặt người phụ nữ phản chiếu trong tấm gương phía sau những chai rượu. Cô ta trang điểm hoàn hảo và mang nét đặc trưng của người Mỹ. Họ chạm mắt nhau.

“Tôi mời chị một ly nhé?” người phụ nữ hỏi rất khẽ. Kathryn lập tức nhận ra cô t thì thầm vì không muốn ai khác trong quán biết Kathryn ở đó.

“Không, cảm ơn,” Kathryn đáp.

Người phụ nữ cho biết tên và đài truyền hình nơi cô ta làm việc. “Chúng tôi ngồi ở quầy bar này,” cô ta giải thích.

“Thân nhân thì ngồi ở sảnh ngoài. Thỉnh thoảng một người chồng hoặc một người cha lại đi về phía này để gọi một ly rượu, nhưng về chuyện trao đổi thì chúng tôi đã nói quá đủ. Tất cả chúng tôi đều chán ngấy lên rồi. Tôi xin lỗi nếu điều đó nghe quá tàn nhẫn.”

“Tôi hình dung ngay cả một tai nạn máy bay cũng có ngày trở nên nhàm chán,” Kathryn nói.

Người pha rượu đặt trà của Kathryn xuống, và cô nhà báo gọi nửa ly Smithwick’s. “Tôi nhận ra chị nhờ những tấm ảnh,” cô ta nói. “Tôi rất tiếc vì tất cả những gì chị đã trải qua.”

“Cám ơn,” Kathryn nói.

“Hầu hết các đài truyền hình và hãng tin lớn sẽ cử người ở lại cho đến khi hoạt động cứu hộ kết thúc,” người phụ nữ nói.

Kathryn pha cho tách trà thật đậm đặc và ngọt, rồi khuấy để nó bớt nóng.

“Chị có phiền không nếu tôi hỏi chị đến đây làm gì?” cô nhà báo hỏi.

Kathryn uống một ngụm. “Tôi không phiền,” cô đáp. “Nhưng tôi không thể cho cô câu trả lời. Bản thân tôi cũng không biết tại sao mình đến đây.”

Cô nghĩ đến cơn giận của mình và lực hút mạnh mẽ, về những điều cô mới biết sáng nay. Về sự dễ dàng nếu cô kể hết cho người phụ nữ tóc vàng tất cả những gì cô biết. Cô ta sẽ vô cùng phấn khích khi có được câu chuyện chắc chắn là sốt dẻo nhất của toàn bộ cuộc điều tra, thậm chí còn sốt dẻo hơn cả vụ tiết lộ đoạn băng. Và khi câu

chuyện này được đăng lên, liệu chính quyền có truy tìm Muire Boland không? Có bắt cô ta và giam cô ta vào tù không?

Nhưng rồi Kathryn nghĩ đến đứa bé trông giống hệt Mattie, đến Dierdre, cô bé có con búp bê Molly.

"Đó không phải là một vụ tự sát," Kathryn nói. "Đó là tất cả những gì tôi có thể nói với cô."

Robert hẳn đã biết ngay từ đầu, Kathryn nghĩ. Anh ta đã được dặn dò trước khi đến nhà Kathryn. Liên đoàn đã nghi ngờ Jack và đã dặn Robert để mắt đến cô. Robert hẳn đã theo dõi và chờ đợi một dấu hiệu nào đó cho thấy cô biết về những việc làm của chồng mình, có thể nêu tên những phi công khác. Robert đã lợi dụng cô.

Cô không còn hứng thú với tách trà của mình nữa. Cảm giác thôi thúc tìm đến đích đến đã trở lại. Cô đứng dậy.

"Nghe này, ít nhất chúng ta có thể nói chuyện được không?" cô nhà báo hỏi.

"Tôi không nghĩ vậy."

"Chị có định đi ra Malin Head không?"

Kathryn im lặng.

"Chị sẽ không thể ra đến hiện trường. Đây này."

Cô nhà báo lấy từ trong ví ra một tấm danh thiếp, lật ra mặt sau, rồi viết lên đó một cái tên. Cô ta đưa nó cho Kathryn. "Khi nào chị đến đó, hãy tìm Danny Moore," cô ta dặn. "Anh ta sẽ đưa chị ra đó. Đây là danh thiếp của tôi. Khi nào xong, nếu chị đổi ý, hãy gọi điện cho tôi. Tôi sẽ ở

đây. Tôi sẽ mời chị ăn tối."

Kathryn nhận tấm danh thiếp và xem xét nó. "Tôi hi vọng cô sẽ sớm," cô nói.

***

Trên đường rời khỏi khách sạn, khi đi ngang qua phòng khách, Kathryn liếc nhìn vào và thấy một người phụ nữ ngồi ở ghế bành, đặt một tờ báo trên đùi. Tờ báo chưa mở ra, và người phụ nữ không nhìn vào mặt báo. Kathryn nghĩ người phụ nữ không thể thấy gì trước mặt, ánh mắt của bà quá xa vắng. Cạnh lò sưởi ở cuối phòng, một người đàn ông có ánh mắt tương tự đang đứng đút tay vào túi quần.

Cô băng qua bãi cỏ và lên xe. Cô xem lại tấm danh thiếp trong tay.

Cô đã biết mình sẽ làm gì. Cô không thể kiểm soát những hành động mà Robert Hart cuối cùng, hoặc ngay lập tức, sẽ làm. Nhưng cô có thể kiểm soát những gì mà bản thân cô sẽ làm. Kỳ thực, cô cảm thấy, một cách âm thầm, mình đang kiểm soát bản thân tốt hơn từng làm trong nhiều năm qua.

Tiết lộ những gì cô biết về lý do chiếc máy bay phát nổ sẽ đồng nghĩa với việc Mattie biết được về gia đình kia của Jack. Và Mattie sẽ không bao giờ vượt qua được chuyện đó. Về điều này thì Kathryn biết rõ. Cô xé tấm danh thiếp thành nhiều mảnh nhỏ và để chúng rơi xuống sàn.

Biết đích đến của mình không còn xa, Kathryn đi theo những bảng chỉ dẫn đến Malin Head. Cô lái xe ngang qua những ngôi nhà tranh đổ nát, không khác gì những đống đá

chất lên nhau, mái tranh đã rơi từ lâu và mục rữa. Cô nhìn thấy những bãi cỏ mượt như nhung mọc quanh một vách núi - màu xanh ngọc bích ngay cả trong tiết trời chết chóc của mùa đông. Trên những sợi dây mắc vào các cây cột, quần áo khô quắt dưới ánh nắng, nghệ thuật trừu tượng của quần áo trên dây phơi. Thời tiết thuận lợi để phơi phóng, cô nghĩ.

Khi cô rẽ theo khúc cua, đường chân trời của Bắc Đại Tây Dương khiến cô ngạc nhiên. Ở giữa đường chân trời ấy là một hình thù màu xám sậm, một chiếc tàu. Một chiếc trực thăng bay lượn bên trên. Những chiếc thuyền đánh cá màu sắc sặc sỡ neo gần chiếc tàu lớn, như những con hải cẩu con xung quanh hải cẩu mẹ. Tàu

Vậy ra đây chính là nơi chiếc máy bay rơi.

Cô đỗ xe rồi bước xuống, đi thật xa đến bờ vực. Dưới chân cô là vách đá cao chín mươi mét chạy dài xuống biển. Từ độ cao này, nước biển trông như bất động, một đường biên giới khổng lồ trên một bãi biển xa vắng. Sóng đánh vào những tảng đá bên dưới, vỡ tan thành bọt. Một chiếc thuyền đánh cá màu đỏ đang tiến vào bờ. Trong tầm mắt Kathryn, nước biển chỉ có một màu duy nhất, màu xanh đồng.

Cô không nghĩ mình từng thấy một đường bờ biển nào ước lệ hơn thế - thô sơ, chết chóc và hoang dại. Nó báo trước một thảm họa có thể xảy đến. Ở đây có lẽ đã xảy ra nhiều thảm họa rồi.

Cô đưa mắt dõi theo chiếc thuyền đánh cá đến khi nó biến mất sau bán đảo nhô ra, chính là Malin Head. Lại khởi động máy, cô lái xe trên con đường hẹp, giữ cho chiếc thuyền vẫn trong tầm mắt. Nó cập vào một cảng nhỏ được

định hình bằng một cầu cảng bê tông dài. Cô dừng xe và ra ngoài.

Tàu thuyền đậu ở bến cảng này đều được sơn bóng với những màu cơ bản – cam, xanh dương, xanh lá cây, vàng - khiến cô liên tưởng đến tàu thuyền của Bồ Đào Nha nhiều hơn của Ireland. Chiếc thuyền mà cô theo dõi tự khi nãy đang di chuyển quanh bến tàu và sau đó hạ neo. Kathryn tiến đến bến tàu. Ở một đầu có những người bảo vệ mặc đồng phục, sau lưng họ là những nhóm người mặc thường phục. Trong lúc cô tiến đến, người đánh cá trên chiếc thuyền đỏ dỡ xuống một mảnh kim loại bằng bạc có kích thước bằng một chiếc ghế rồi đặt nó xuống bến tàu. Vật này ngay lập tức thu hút sự chú ý của những người mặc thường phục, họ kéo nhau đến đứng xung quanh nó. Một người trong số họ đứng đó và ra hiệu cho người lái xe tải đang đỗ quay lưng lại phía bến tàu. Mảnh vỡ kim loại, chắc là một mảnh từ chiếc máy bay của Jack, được cho lên xe tải.

Ở cổng vào bến tàu, một người bảo vệ chặn cô lại. “Không thể đi qua khỏi điểm này, thưa cô.”

Có thể anh ta là một người lính. Một cảnh sát. Anh ta đeo một khẩu súng

“Tôi là thân nhân,” cô nói, nhìn khẩu súng.

“Tôi rất tiếc vì sự mất mát của cô, thưa cô,” người lính nói. “Có những chuyến đi theo kế hoạch cho thân nhân. Cô có thể hỏi thông tin tại khách sạn.”

Như một chuyến ngắm cá voi, Kathryn nghĩ. Hoặc một chuyến du lịch trên tàu.

“Tôi chỉ cần nói chuyện với Danny Moore một chút,”

Kathryn đáp.

“Ồ, nếu thế thì, anh ta ở đằng kia,” người lính nói và ra dấu cho Kathryn. “Chiếc thuyền màu xanh ấy.”

Kathryn lẩm bẩm cám ơn rồi bước nhanh qua người lính.

Tránh nhìn vào những quan chức và người mặc thường phục, bấy giờ bắt đầu nhận ra sự có mặt của cô, Kathryn gọi chiếc thuyền màu xanh. Cô thấy anh ta đang chuẩn bị rời khỏi bến tàu.

“Đợi đã,” cô kêu lên.

Anh ta gật đầu.

“Anh chở tôi ra hiện trường được không?”

Anh ta có vẻ do dự, có lẽ cũng định nói với cô về những chuyến đi có hẹn trước dành cho thân nhân.

“Tôi là vợ của phi công,” Kathryn nói nhanh. “Tôi cần nhìn thấy nơi chồng tôi đã rơi xuống. Tôi không có nhiều thời gian.”

Người đánh cá chồm về trước và nắm lấy tay cô

Anh ta ra hiệu cho cô ngồi lên một chiếc ghế trong buồng lái. Kathryn nhìn một người mặc thường phục tiến về chiếc thuyền. Người đánh cá gỡ dây buộc neo ra, đi vào trong buồng lái, rồi nổ máy.

Anh ta nói một từ Kathryn không hiểu. Cô rướn về trước, nhưng tiếng ồn động cơ và tiếng gió khiến cho cuộc nói chuyện trở nên khó khăn.

Cô nhận ra chiếc thuyền đã được lau chùi sạch sẽ và không có dấu hiệu gì của việc đánh cá. Tại sao phải đánh cá trong khi còn nhiệm vụ này phải hoàn thành, công việc mà những người chịu trách nhiệm có thể trả nhiều tiền? “Tôi sẽ trả tiền,” Kathryn nói khi nhớ ra.

“A, không,” người đánh cá nói, ngượng ngùng nhìn đi nơi khác. “Tôi không nhận tiền từ các gia đình.”

Khi tàu vừa rời khỏi bến, gió thổi mạnh hơn. Người đánh cá mím môi cười khi cô nhìn vào mắt anh ta.

“Anh là người ở đây,” Kathryn nói.

“Vâng,” anh ta đáp, rồi anh ta lại nói từ mà Kathryn không hiểu. Cô nghĩ đó hẳn là tên thị trấn nơi anh ta sống.

“Anh đã làm việc này từ đầu à?” Kathryn hét to.

“Từ đầu,” anh ta nói rồi nhìn đi nơi khác. “Bây giờ thì không đến nỗi nào, nhưng lúc đầu...”

Cô không muốn nghĩ lúc đầu nó như thế nào. “Chiếc thuyền đẹp quá,” cô đổi đề tài.

“Nó lớn lắm đấy.”

Cô nghe trong cách phát âm của anh ta một sự gợi nhắc không mấy dễ chịu về Muire Boland.

“Nó là thuyền của anh à?” cô hỏi.

“À, không. Của anh tôi. Nhưng chúng tôi cùng nhau đi đánh cá.”

“Anh bắt những loại cá nào?”

Động cơ tạo thành tiếng nghiến đều đặn qua làn nước.

“Cua và tôm hùm,” anh ta đáp.

Cô đứng dậy và quay lưng, nhìn về phía mũi thuyền. Bên cạnh cô ở bánh lái, người thanh niên thay đổi tư thế. Cô hơi loạng choạng trong đôi giày cao gót méo mó. “Bây giờ anh vẫn đánh cá, trong thời tiết lạnh thế này?” cô hỏi, kéo áo khoác sát người.

“Vâng,” anh ta đáp. “Trong mọi thời tiết.”

“Anh đi đánh cá mỗi ngày à?”

“À, không. Chúng tôi thường khởi hành vào tối chủ nhật rồi trở về vào thứ sáu.”

“Vất vả nhỉ.”

Anh nhún vai. “Thời tiết bây giờ là tốt rồi đấy. Ở Malin Head lúc nào cũng có sương mù.”

Khi họ tiến gần hơn đến tàu cứu hộ, Kathryn quan sát những chiếc thuyền đánh cá khác tham gia vào chiến dịch này – những chiếc thuyền sơn màu sặc sỡ, giống như chiếc đang chở cô, những chiếc thuyền quá hội hè để làm nhiệm vụ xấu xí này. Trên mạn chiếc tàu cứu hộ, những người thợ lặn mặc đồ lặn ướt sũng. Chiếc trực thăng tiếp tục bay lượn trên đầu. Những mảnh vụn, tất nhiên, đã chìm xuống trên một khu vực rộng.

Phía sau đầu của người đánh cá, Kathryn nhận ra đường bờ biển, những vách núi nhô ra như những phiến đá. Phong cảnh có hình thù cổ quái, hùng vĩ ngay cả trong thời tiết tốt, và cô dễ dàng hình dung cảnh tượng đáng sợ này trong sương mù. Thật quá khác so với Fortune’s

Rocks, nơi thiên nhiên dường như đã tự khuất phục. Vậy mà, ở cả hai bờ Đại Tây Dương, các nhà báo vẫn đứng đối mặt nhau qua một đại dương.

"Đây là trạm vô tuyến nơi người ta kéo buồng lái lên," anh ta nói.

"Nơi này ư?" cô hỏi. Và bắt đầu run rẩy. Vì khoảnh khắc đó. Vì sự cận kề của cái chết.

Cô rời khỏi buồng lái và bước đến lan can thuyền. Cô nhìn xuống nước, xuống bề mặt nước, liên tục chuyển động, dù có vẻ đứng yên. Một người không còn là anh ta của ngày hôm qua, Kathryn nghĩ. Hoặc của ngày trước đó.

Mặt nước có vẻ trong suốt. Trên đầu, những con mòng biển lượn vòng tròn. Cô cũng không buồn nghĩ đến tại sao những con mòng biển lại ở đó.

Cái gì mới là thật? cô tự hỏi trong lúc nhìn mặt nước, cố gắng tìm một điểm cố định, nhưng không thể. Cô hay Muire Boland mới là vợ của phi công? Muire Boland, người đã kết hôn với anh trong nhà thờ Công giáo, người biết về mẹ của Jack và tuổi thơ anh. Muire, người biết về Kathryn, trong khi Kathryn chẳng biết gì về cô ta.

Hay Kathryn mới là vợ thật sự? Vợ cả, người mà anh đã che giấu sự thật, người vợ mà anh đã không chịu bỏ?

Càng biết nhiều về Jack - và cô không nghi ngờ rằng mình sẽ còn biết thêm nữa, sẽ phát hiện, trong số những món đồ của Jack khi chúng được trả lại cho cô, những ghi chú về *M* - Kathryn càng phải nghĩ lại về quá khứ. Như phải kể đi kể lại một câu chuyện, mỗi lần lại khác đi một chút vì một sự thật đã thay đổi, một chi tiết đã bị điều chỉnh. Và nếu số chi tiết bị điều chỉnh đủ nhiều, hoặc sự

thật đủ quan trọng, có lẽ câu chuyện đã chuyển sang một hướng rất khác so với lúc ban đầu.

Con thuyền lắc lư vì một đợt sóng khác, cô gồng mình nắm chặt lan can. Cô thầm nghĩ Jack đã là chồng của chỉ người đàn bà kia.

Cô đưa mắt nhìn nhanh lên chiếc trực thăng bay lượn trên đầu. Có lần cô đã thấy một chiếc lượn lờ ở Fortune's Rocks. Ngày muốn hửng nắng, làn sương sớm vừa mới vén lên. Chiếc trực thăng bay là đà trên mặt nước, thân hình màu bạc ục ịch có vẻ như quá nặng nề nên không bay lên cao được. Kathryn đã lo sợ cho chiếc máy bay, đã kinh ngạc khi nó có thể bay được.

Jack hẳn đã biết về số phận của anh, cô nghĩ. Trong những giây cuối cùng, anh đã biết.

Anh đã gọi tên Mattie vào phút chót, Kathryn khẳng định. Cô sẽ tin điều đó, và đó sẽ là sự thật.

Cô lại nhìn xuống mặt nước. Người đánh cá đã cho thuyền chạy vòng vòng bao lâu rồi? Cô đã mất khả năng hiểu được đường đi của thời gian khi nó lần giở ra. Ví dụ như, tương lai bắt đầu từ khi nào? Hoặc quá khứ kết thúc lúc nào?

Cô cố gắng tìm một điểm cố định trên mặt nước, nhưng không thể.

Liệu sự thay đổi có làm vô hiệu hóa tất cả những gì đã ra đi trước đó không?

Không bao lâu nữa cô sẽ rời khỏi nơi này, bay về nhà và lái xe đến nhà bà Julia. Cô sẽ nói với con gái cô, *“Bây giờ chúng ta về nhà thôi”*. Cuộc đời của Kathryn là với Mattie.

Không thể có thực tế nào khác.

Cô tháo chiếc nhẫn cưới ra và thả nó xuống biển.

Cô biết rằng các thợ lặn sẽ không tìm thấy Jack, rằng anh không còn

"Cô không sao chứ?"

Người đánh cá trẻ chồm ra khỏi buồng lái, một tay vẫn còn đặt trên bánh lái. Trán anh nhăn lại, và trông anh có vẻ lo lắng.

Cô mỉm cười với anh rồi gật đầu.

Cô nghĩ, được giải phóng khỏi tình yêu là trút bỏ được một gánh nặng khủng khiếp.

CHƯƠNG 20

Anh đeo chiếc nhẫn lên ngón tay cô và, trong một khoảnh khắc, giữ nó ở đó. Sự yên bình hòa điệu với những câu chữ của buổi lễ giản dị. Kathryn nhìn các ngón tay Jack đặt trên chiếc nhẫn bạc, nhìn chiếc nhẫn bạc ánh lên. Anh đã mua một bộ đồ vest cho dịp này, một bộ màu xám khiến anh trông thật lịch lãm nhưng xa lạ với cô, theo kiểu những người đàn ông không thường mặc vest. Cô mặc một chiếc đầm hoa bằng tơ nhân tạo ghim lại ở eo và không làm lộ bụng bầu. Đầm có tay ngắn và miếng lót vai, dài vừa qua đầu gối. Cô vẫn còn ngửi thấy mùi cửa hàng trong sợi vải. Cô cũng đội mũ - màu đào, như chiếc đầm, trên vành gắn một bông hoa lụa màu xanh phớt, màu xanh hợp với màu hoa trên áo. Trên hành lang, một đôi uyên ương khác đang nói chuyện thì thào bằng giọng thiếu kiên nhẫn. Kathryn ngẩng mặt lên cho một nụ hôn giản dị, kéo

dài và chính thức. Chiếc mũ rộng vành trượt khỏi tay cô.

- Anh sẽ mãi yêu em, Jack nói.

***

Họ lái xe đến một trang trại trên núi. Nhiệt độ giảm gần bốn độ. Cô khoác áo da của anh bên ngoài chiếc áo đầm màu đào. Cô vẫn còn cảm thấy nụ cười hôn lễ trên mặt mình, một nụ cười chưa phai tàn, như đã được lưu lại trong ảnh chụp. Đầu cô lắc lư một chút khi anh đổi tư thế. đêm tân hôn có ý nghĩa gì trong khi họ đã sống chung với nhau từ trước, và họ có cảm thấy khác khi ở trên giường không. Cô tự hỏi làm lễ cưới trước một người mà anh và cô chưa gặp bao giờ và người đó sẽ không nhớ gì về họ thì có ý nghĩa gì không. Không khí khô của miền tây khiến tóc cô có cảm giác mỏng hơn so với cảm giác gây ra do độ ẩm ở Ely. Nó làm se lớp da trên mặt cô.

Họ vẫn tiến lên cao hơn. Bầu trời đêm tối đen và trong vắt, vẽ nên những đường màu trắng trên các bụi rậm và đất đá, đổ bóng lên những tảng đá to. Xa xa, họ thấy ánh đèn.

Trong nhà, lửa đã được thắp lên. Cô tự hỏi màu đỏ giữa các khúc củi là thật hay giả. Phòng tắm có vòi hoa sen kim loại và bồn rửa mặt màu hồng. Jack có vẻ ngượng ngùng trước đồ nội thất khiêm tốn, như thể anh đã chuẩn bị cho một thứ khác.

- Em thích chỗ này lắm, Kathryn nói, trấn an anh.

Cô ngồi trên giường, chiếc giường lún xuống, phát ra tiếng kim loại kẽo kẹt. Mắt cô tròn xoe, anh bật cười.

- Anh rất vui vì đây là một căn nhà gỗ, anh nói.

Họ cởi quần áo trong ánh lửa. Cô nhìn anh nới cà vạt sang một bên, cởi nút áo. Nhìn anh kéo nhẹ khóa dây thắt lưng để mở ra. Anh rút chân ra khỏi quần. Giống như quần tất dành cho nam, cô nghĩ. Nếu họ biết họ trông như thế nào thì họ sẽ không mặc loại quần đó.

Khi đã trần truồng, anh thấy lạnh và chui vào giường. Họ trườn trên nhau như lụa khô. Trên giường có một đống chăn cao và nặng, tiện nghi duy nhất trong phòng. Anh kéo chăn qua khỏi vai.

Chiếc giường kêu kẽo kẹt mỗi khi có chuyển dịch trọng lượng nhỏ nhất. Họ nằm cạnh nhau, mặt không rời nhau quá một centimet, và vuốt ve nhau theo cách chưa từng làm trước đây: chậm rãi, với một sự thận trọng trong chuyển động, như đang thực hiện một điệu nhảy cổ xưa, mang tính lễ nghi và chăm chú. Khi vào trong cô, anh di chuyển với một sự cẩn thận tuyệt đối và kiên nhẫn. Cô thở hắt

- Ba người chúng ta, anh nói.

BA

CHƯƠNG 21

Hai cánh tay mattie run bần bật, giật mạnh ống quay.

“Trời, mẹ có thấy không?” Mattie kêu to.

“Trông to thật,” Kathryn đáp.

“Con nghĩ con đã bắt được nó rồi.”

“Con kéo cước ra xa khỏi mấy tảng đá đi để nó không bị đứt.”

Kathryn có thể thấy những sọc đen và bạc quẫy tung dưới mặt nước. Trong suốt bốn mươi phút qua, cô đã quan sát Mattie chiến đấu với con cá bằng chiếc cần câu to ngoại cỡ của bố nó, thả dây cước, gắn mồi, nghiến răng, rồi kéo con cá lên, kẹp cần câu dưới nách để làm đòn bẩy. Kathryn lội ra chỗ Mattie, đem theo lưới, vớt rồi lại hụt, lại vớt lần nữa. Cuối cùng, cô giơ con cá hanh lên cho Mattie xem.

Jack nên có mặt ở đây, Kathryn lập tức nghĩ.

Mattie đặt cần câu xuống, đón lấy con cá từ mẹ, rồi đặt nó lên cát. Con cá hanh xấu số quẫy đuôi liên tục. Mattie lấy thước đo ra, và Kathryn cúi xuống với con để nhìn rõ hơn.

“Một mét,” Mattie nói vẻ tự hào.

“Tuyệt!” Kathryn nói và xoa đầu Mattieóc con bé đã chuyển sang màu đồng đáng yêu sau mùa hè. Nó để tóc tự nhiên, thích xoăn chỗ nào thì xoăn. Nó gần như không mặc gì, chỉ có bộ đồ bơi gồm hai túm vải mỏng màu xanh lơ.

“Con định ăn hay thả nó?”

“Mẹ nghĩ con nên làm gì?”

“Nếu nó không phải là chiến tích đầu tiên của con, mẹ sẽ khuyên con thả nó. Bố có bao giờ dạy con cách làm cá chưa?”

Mattie đứng dậy, nâng con cá lên bằng hai cánh tay đã mệt rã rời.

“Mẹ sẽ lấy máy ảnh,” Kathryn nói.

"Con yêu mẹ lắm," Mattie cười toe toét nói.

***

Kathryn băng qua bãi cỏ và lắng nghe tiếng sợi dây treo trên cột cờ phát ra giai điệu loạn xạ không vần điệu. Đó là một ngày đẹp như mọi ngày trong mùa hè năm nay, một chuỗi những ngày đẹp trời kéo dài, trung hòa bằng những sắc màu tươi thắm. Chỉ mới sáng nay, cô đã chứng kiến thời khắc bình minh kỳ diệu, những đám mây thấp của phút hừng đông nhường chỗ cho màu hồng dạ quang kéo dài hết đường chân trời, từng làn hơi nước dâng lên như khói oải hương. Và rồi mặt trời nhô lên, một vụ nổ trên mặt biển, và nước biển, trong vài phút huy hoàng, đã chuyển từ phẳng lặng sang màu xanh ngọc lam lung linh, phản chiếu những vệt hình thoi của ánh dạ quang. Đó là vẻ đẹp nghịch lý của bom nguyên tử, cô nghĩ, hoặc của một vụ hỏa hoạn trên một chiếc tàu. Một đám cháy lớn của mặt đất, biển và không khí.

Bây giờ điều cô than phiền duy nhất là chuyện dậy sớm, như một bà cô hay bà góa, mà quả là thế. Những buổi dậy sớm cho thấy sự thiếu vắng niềm vui thú ban đêm khiến người ta không còn biết làm gì hơn là đi ngủ. Vào những buổi sáng thường là tê tái này, Kathryn đọc sách, cảm thấy mãn nguyện vì giờ đây cô đã có thể đọc trọn một quyển sách. Cô cũng có thể đọc hết một tờ bá, như đã đọc tờ báo lúc ở hiên nhà, đặc biệt đọc hết bài viết trang nhất về sự kiện ngừng bắn.

Câu chuyện về quả bom được đem lên chuyến bay Vision 384, với sự trợ giúp một cách vô ý nhưng không hẳn là vô tội của Cơ trưởng Jack Lyons, đã được đăng tải vào ngày đầu năm mới trên tờ *Belfast Telegraph*. Bài báo cũng tường thuật về lịch sử buôn lậu lâu đời với sự giúp

đỡ của phi hành đoàn trong các hãng hàng không, tên những phi công khác có liên quan, và những hiệu ứng từ nỗ lực của nhóm Trung quân ly khai nhằm hạ uy tín IRA và phá hoại tiến trình hòa bình. Trong số những người bị bắt có Muire Boland và anh trai, và người ta đã xác định được một sự liên hệ với Jack Lyons. Chưa thấy báo nào đề cập đến một cuộc hôn nhân hoặc một gia đình khác, và suốt nhiều tháng nay Kathryn đã lo sợ phán quyết này. Cô đã đánh bạc với Mattie, quyết định không kể gì với con gái trừ khi chuyện này bị công khai. Đó là một canh bạc lớn, và ai có thể nói nó sẽ kết thúc ra sao? Mattie chỉ biết những gì mà phần còn lại của thế giới biết, và như thế đã đủ rồi.

Kathryn không biết chuyện gì đã xảy ra với các con của Muire Boland. Đôi khi cô tưởng tượng chúng ở nhà A.

Vào mùa xuân, Kathryn đã đọc những quyển sách về các cuộc xung đột để hiểu hơn về chúng. Cô có thể nói rằng cô đã biết nhiều chuyện hơn so với tháng mười hai, nhưng cô nghĩ kiến thức này chỉ khiến cho câu chuyện thêm phức tạp. Trong vài tháng qua, cô cũng đọc trên báo, về những vụ bạo loạn trong trại giam, các vụ hành quyết của lực lượng bán vũ trang, và các vụ đánh bom xe. Bây giờ lại là một vụ ngừng bắn. Có thể một ngày nào đó sẽ có một giải pháp, dù Kathryn không nghĩ điều đó sẽ sớm xảy ra.

Nhưng đó không phải là chuyện để cô bình phẩm. Đó không phải là cuộc chiến của cô.

Trong hầu hết các ngày, đó là tất cả những gì Kathryn có thể làm để đương đầu với một ngày phía trước, và, kết cục là, cô đòi hỏi rất ít ở bản thân. Cô mặc đồ tắm dưới một lớp áo thun màu xanh đã bạc màu. Cô đang đan một chiếc áo cho Mattie bằng sợi cotton nhiều màu sắc, và cô

muốn thử một cái cho mình. Đây dường như là tận cùng tham vọng của cô. Bà Julia ghé qua nhà vào hầu hết các ngày, nếu không thì Kathryn đến nhà bà. Họ cùng nhau ăn uống, cố gắng tạo lại không khí gia đình ba người. Bà Julia đón nhận tin Jack ngoại tình một cách đặc biệt khó khăn. Đó là lần đầu tiên Kathryn thấy bà của mình không biết nói gì, không thể đưa ra lời khuyên nào.

Kathryn chạy lên bậc tam cấp, băng qua phòng khách và nhà bếp. Cô nghĩ máy ảnh đang để trong chiếc áo gió ở hành lang phía sau. Cô rẽ vào hành lang và dừng lại.

Anh đang đứng ở cửa sau, đã gõ trước đó. Cô có thể thấy khuôn mặt anh qua lớp kính. Cô đưa tay ra chống tường để đứng vững. Giữa cô và cánh cửa là một kỷ niệm cay đắng, một điệp khúc về một thời gian khác khi cô đi hết hành lang đến mở cửa cho anh, một khoảnh khắc khi toàn bộ cuộc đời cô thay đổi, biến chuyển mãi mãi.

Cô đi sáu, bảy bước đến cửa như đang mộng du, rồi mở ra.

Anh tựa vào khung cửa, hai tay đút vào túi quần. Anh mặc áo thun trắng và quần soọc kaki. Anh đã cắt tóc, cô nhận ra, và da rám nắng. Ngoài những điểm đó ra, cô không nhìn thấy nhiều vì mặt trời ở ngay phía sau anh. Tuy nhiên, cô có thể cảm thấy anh đang ở đó, trong tâm trạng kỳ lạ pha lẫn giữa quyết tâm và thoái lui đang tỏa ra từ người anh. Cô nghĩ anh đang đợi cô đóng cửa lại hoặc đuổi anh đi hoặc hỏi anh, một cách cộc lốc, rằng bây giờ anh còn muốn gì ở cô nữa.

Không khí như ngạt thở xung quanh họ.

“Thời gian qua đã đủ chưa?” anh hỏi.

Và cô tự hỏi, trong lúc đứng đó, chính xác thì bao lâu mới là đủ.

“Mattie câu được một con cá,” cô nói, chợt nhớ ra. “Tôi phải đi lấy máy ảnh.”

Cô tìm thấy chiếc máy ảnh ở đúng nơi cô đã đoán. Cô đặt một tay lên trán trong lúc băng qua ngôi nhà. Da cô nóng ran, dính những lớp cát biển và muối biển. Trước đó, cô và Mattie đã đi lướt sóng, bò lồm cồm từ những đợt sóng dội bờ như hai thủy thủ bị đắm tàu.

Cô lại băng qua bãi cỏ, giờ đây tâm trí chỉ nghĩ đến người đàn ông cô đã bỏ lại ở khung cửa. Cô tự hỏi, trong thoáng chốc, phải chăng cô đã mơ thấy anh ta ở đó, chỉ là tưởng tượng ra cảnh anh đứng ngược sáng. Cô chụp hơn chục tấm ảnh Mattie và con cá, chờ đợi để kéo dài khoảnh khắc này, để cho cô chút thời gian. Chỉ đến khi Mattie hết kiên nhẫn, Kathryn mới đeo máy lên cổ và giúp Mattie khiêng con cá về nhà.

“Con có chắc con muốn làm việc này không?” cô hỏi Mattie, nhắc đến việc cắt phi lê cá. Nhưng Kathryn nghĩ đó cũng là câu hỏi mà cô nên hỏi bản thân mình.

Mattie tinh mắt hơn và nhìn thấy người đàn ông trên hiên nhà trước cả mẹ nó. Con bé đứng lại và hạ con cá xuống một chút. Đôi mắt nó ánh lên vẻ cảnh giác, ký ức về một giấc mơ xấu.

Người báo tin, Kathryn nghĩ.

“Không sao đâu,” Kathryn khẽ nói với con gái. “Chú ấy mới đến.”

Hai người cùng nhau băng qua bãi cỏ, về nhà sau

chuyến đi câu như vô số người đã làm trước đó, mẹ vác cần câu, con mang chiến lợi phẩm, con cá đầu tiên trong số nhiều con sẽ bắt được trong đời. Tuần trước, Mattie đã tìm thấy cần câu và đồ nghề của bố nó trong garage và đã xem lại một cách bài bản những gì Jack dạy nó vào mùa hè trước. Kathryn không thể giúp được nhiều, vì bản thân cô chưa bao giờ thích đi câu. Nhưng Mattie rất quyết tâm và đã học cách sử dụng chiếc cần câu ngoại cỡ, phát triển một số kỹ năng thuần thục.

Gió đổi sang hướng đông, và lập tức Kathryn cảm thấy cơn rùng mình trong không khí do gió đông đem lại. Trong vài phút nữa, biển sẽ có sóng bạc đầu. Lúc đó cô nghĩ đến Jack, như cô vẫn luôn nghĩ, và cô biết cô sẽ không bao giờ cảm nhận một cơn gió đông mà không nhớ đến ngày cô đứng trên hiên nhà, ngày mà Jack thông báo việc mua nhà với cô. Đó là một trong số hàng trăm ngòi nổ, những khoảnh khắc nhỏ: Lần nữa nó lại đến, cơn gió đông.

Cô thường xuyên choảnh khắc này. Cô có những khoảnh khắc về Jack Lyons, về Muire Boland, và về Robert Hart. Cô có những khoảnh khắc về máy bay, về bất cứ cái gì thuộc về Ireland, về London. Cô có những khoảnh khắc về những chiếc áo trắng, về những chiếc ô. Thậm chí một ly bia cũng có thể kích thích một ký ức vỡ vụn. Cô đã học cách sống với nó, như học cách sống với tật nói lắp hoặc cái đầu gối giở chứng thỉnh thoảng lại đau buốt.

"Chào Mattie," Robert nói khi con bé đã đến hiên nhà. Anh nói bằng giọng thân thiện, nhưng không quá trớn, vì như thế sẽ khiến Mattie cảnh giác, làm cho nó cảm thấy không thoải mái hơn cả tâm trạng hiện giờ.

Và Mattie, được dạy dỗ tử tế, đã chào đáp lại, nhưng

quay đầu đi.

“Con cá đẹp quá,” Robert nói.

Kathryn, cân nhắc Robert và Mattie trong cùng khuôn hình của mình, nói: “Mattie tự học cách câu cá đấy.”

“Nó dài tám, chín tấc không?” Robert hỏi.

“Một mét,” Mattie đáp, không giấu vẻ hãnh diện.

Mattie cầm lấy hộp đồ nghề từ tay mẹ. “Con sẽ làm ở đây,” nó nói, chỉ vào một góc của hiên nhà.

“Miễn khi làm xong con dội nước cho sạch là được,” Kathryn đáp. Cô nhìn theo Mattie đặt con cá lên mép hiên. Nó xem mang cá từ nhiều góc khác nhau, rồi cầm lên một con dao từ hộp đồ nghề. Nó cắt thử một nhát. Kathryn hy vọng con cá đã chết.

Robert tiến đến đầu kia của hiên nhà. Anh ta muốn bắt chuyện, cô nghĩ.

“Đẹp thật,” Robert nói khi cô đang lơ lửng theo hướng đi của anh. Anh quay lại và tựa lưng vào lan can. Ý anh là phong cảnh. Giờ thì cô đã thấy rõ mặt anh, và cô nghĩ trông nó sắc nét hơn so với những gì cô nhớ rõ ràng hơn. Đó chính là màu da rám nắng. “Anh đã tưởng tượng ra cảnh này,” anh nói.

Cả hai đều nghe thấy sự gợi nhớ đầy đau đớn về những điều trong trí tưởng tượng.

Chân của Robert cũng rám nắng và có những sợi lông nhỏ xíu màu vàng. Kathryn nghĩ có lẽ cô chưa từng thấy chân anh trước đây. Chân cô cũng lộ ra, và anh đã nhìn

thấy.

“Con bé thế nào rồi?” anh hỏi, ánh mắt như cô nhớ: quả quyết và sắc sảo.

“Khá hơn rồi,” Kathryn đáp khẽ để Mattie không nghe thấy. “Khá hơn. Mùa xuân vừa rồi rất khó khăn.”

Trong nhiều tuần lễ, cô và Mattie đã phải chịu đựng sự nặng nề của một cơn giận dữ tích tụ. *Nếu Jack không có liên quan...*, người này nói. *Chính bố mày là người đem bom...*, người kia nói. Đã có những cuộc điện thoại đe dọa từ người lạ, những bức thư phẫn nộ từ thân nhân, một đội quân nhà báo ở cổng nhà cô. Chỉ lái xe đi làm thôi thỉnh thoảng đã là một cực hình, nhưng Kathryn không chịu dọn đi nơi khác. Cô đã yêu cầu thị trấn Ely cử dân phòng để đảm bảo an ninh trên phần đất nhà cô. Các ủy viên đã họp toàn thị trấn, tiến hành biểu quyết, và sau rất nhiều tranh luận, người ta đã nhất trí trích ra từ ngân sách một số tiền ngoài dự toán. Nó được xếp vào mục *Tình trạng bất khả kháng*.

Nhu cầu bảo vệ an ninh đã giảm dần theo thời gian, nhưng Kathryn biết cả cô lẫn Mattie đều không thể có lại cuộc sống bình thường nữa. Giờ đây, đó là một sự thật, một việc được khẳng định, về sự tồn tại của họ mà họ phải vật vã mỗi ngày để chấp nhận. Cô nhớ đến lời nhận xét của Robert về con cái của những nạn nhân vụ tai nạn: *Chúng biến đổi cùng với thảm họa và học cách thích nghi.*

“Còn em thì sao?” anh hỏi.

“Em vẫn khỏe,” cô đáp.

Anh quay lại, dựa một tay lên cột, nhìn bãi cỏ và khu

vườn.

“Em trồng thêm hoa hồng,” anh nói.

“Em trồng thử.”

“Nhìn đẹp lắm.”

“Đó là gia tài gần biển của một kẻ ngốc đấy.”

Trong cổng vòm của vườn, cô đã trồng các giống hồng Friar và Wenlock gai; trong bờ giậu hình oval là giống Cressida và Prospero. Tuy nhiên, cô nghĩ mình thích giống St. Cecilia nhất, vì những búp hoa ửng hồng không e thẹn. Chúng rất dễ trồng dù không khí biển không phù hợp. Kathryn thích vung tay đầu tư cho hoa cỏ, sự xa xỉ lãng phí.

“Lẽ ra anh nên cho em biết ngay ngày đầu tiên,” anh nói, và cô chưa chuẩn bị tinh thần để đón nhận việc này sớm đến thế. “Rồi sau đó, anh biết rằng nếu nói ra, anh sẽ mất em.”

Cô im lặng.

“Anh đã có một quyết định sai lầm,” anh nói.

“Anh đã cố gắng nói với em.”

“Nhưng chưa cố gắng đủ.”

Vậy đấy, chuyện đã được nói ra. Thế là xong.

“Đôi khi em không thể tin được bất kỳ chuyện nào trong số đó đã xảy ra,” Kathryn nói.

“Nếu bọn anh phát hiện ra họ sớm hơn thì chuyện đó có

thể đã không xảy ra.”

Phát hiện ra Jack và Muire sớm hơn, ý anh là thế.

“Quả bom dự kiến sẽ phát nổ ở giữa Đại Tây Dương, phải không?” cô hỏi. “Dự định nổ ở nơi còn sót lại ít chứng cứ.”

“Bọn anh nghĩ vậy.”

“Sao họ không gọi điện đến ngay và nói là IRA làm việc đó?”

“Họ không thể. Có những mật mã riêng giữa IRA và cảnh sát.”

“Vậy là họ chỉ việc chờ cho cuộc điều tra dẫn đến Muire và Jack.”

“Như một ngòi nổ dài.”

Kathryn hít vào một hơi sâu, có thể nghe được.

“Bây giờ cô ta ở đâu?”

“Trại giam Maze. Ở Belfast. Trùng hợp là những tên khủng bố Trung quân cũng ở đó.”

“Anh đã tình nghi Jack?”

“Bọn anh đã biết có thể là một người bay hành trình đó.”

Cô tự hỏi, không phải lần đầu, liệu một người phụ nữ có thể tha thứ cho người đàn ông đã phản bội mình không? Và nếu cô tha thứ thì có công nhận chuyện đó hay không? Hay đó chỉ đơn giản là ngu ngốc?

“Em đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất chưa?” Robert hỏi.

Cô gãi vết muỗi đốt trên cánh tay. Ánh sáng chói chang, sắc nét trong thời khắc chiều tà.

“Điều khó khăn nhất là em không thể để tang,” Kathryn đáp. “Làm sao em có thể để tang một người mà em có thể thậm chí còn không biết? Ai mới không phải là người mà em tưởng đã là anh ấy? Anh ấy đã phá nát ký ức em.”

“Hãy để tang cho bố của Mattie,” Robert nói, và cô nhận ra anh đã nghĩ về chuyện này.

Kathryn nhìn Mattie cắt một nhát từ sau mang cá đến xương lưng.

“Anh không thể lảng tránh,” Robert nói. “Anh phải đến.”

Cô nhận ra cả Robert cũng đã đánh bạc. Như cô đang làm với Mattie. Không chịu tiết lộ chuyện lẽ ra nên tiết lộ.

Rồi sau đó, từ từ quay người lại để nhìn khu vườn từ mép hiên, ở một góc có thể nhìn xuống vì cô hiếm khi làm thế - hoặc có lẽ là do những bông hoa hồng trồng vào năm nay - cô nhìn thấy nó.

“Nó kia rồi,” cô nói khẽ.

Mattie, nghe thấy sự ngạc nhiên trong giọng nói của mẹ, ngước lên nhìn, tay vẫn cầm dao.

“Nhà nguyện,” Kathryn giải thích.

“Cái gì ạ?” Mattie hỏi, vẻ ngơ ngác.

“Khu vườn. Mái vòm ở đó. Hình dáng đó. Miếng đá cẩm thạch mà mẹ bấy lâu nay cứ tưởng là một băng ghế? Nó không phải là băng ghế.”

Mattie ngắm nghía khu vườn một lúc, chỉ nhìn thấy khu vườn mà thôi, Kathryn biết.

Trong khi Kathryn có thể thấy những nữ tu sĩ dòng Thánh Jean de Baptiste de Bienfaisance quỳ gối trong bộ quần áo mùa hè của họ. Trong một nhà nguyện làm bằng gỗ có hình dạng như một ô cửa sổ hình cung. Một nhà nguyện có thể đã bị cháy rụi, chỉ còn lại bệ thờ bằng cẩm thạch.

Cô tiến gần hơn đến khu vườn.

Nhìn mọi vật đúng như bản chất của chúng, cô nghĩ.

“Em sẽ lấy nước uống cho chúng ta,” cô nói với Robert, lòng thầm mãn nguyện trước phát hiện của mình.

Cô đi vào phòng khách, dự định sẽ đi tiếp đến nhà bếp, rót trà đá vào ly, cắt chanh thành lát, nhưng cô không đi mà dừng lại để nhìn ra ngoài một trong những ô cửa sổ cao từ sàn đến trần nhà. Trong khung cửa, Mattie đang đánh vật với con cá, còn Robert thì nhìn nó từ lan can. Anh đã có thể chỉ nó cách đặt dao như thế nào, nhưng đây là đồ nghề của Jack, và Kathryn biết Jack sẽ kiên nhẫn chờ đợi.

Cô nghĩ về Muire Boland trong một trại giam ở Bắc Ireland. Về Jack, xác anh vẫn chưa được tìm thấy. Cô nghĩ sẽ dễ chấp nhận hơn nếu cô có thể nói nguyên nhân là vì mẹ anh đã bỏ rơi anh khi anh còn bé, hoặc sự ác độc của bố anh. Hoặc là do ảnh hưởng của một linh mục ở trường Holy Name, hoặc tuổi trung niên, hoặc tâm trạng chán nản

với hãng hàng không. Hoặc là hành trình tìm kiếm ý nghĩa của cuộc đời anh. Hoặc là mong muốn chia sẻ rủi ro với một người đàn bà mà anh yêu. Nhưng cô biết có thể là do tất cả những lý do đó hoặc không vì lý do nào cả. Động cơ của Jack, điều sẽ mãi là ẩn số đối với Kathryn, được lập thành từ nhiều mảnh nhỏ của toàn bộ các động cơ của anh, một bức tranh ghép khó

Cô tìm thấy tờ giấy nơi cô mới để nó gần đây, nhét dưới chiếc đồng hồ trên bệ lò sưởi. Cô đã nghĩ, cách đây vài tuần, rằng cô có thể sẽ làm việc này.

Cô mở tấm vé số ra.

Trên hiên, Mattie nhấc lên một miếng phi lê rồi cho nó vào chiếc túi nhựa mà Robert đang cầm giúp nó. Ở London, có một sự im lặng, như Kathryn đã dự đoán.

“Tôi chỉ muốn biết lũ trẻ có ổn không,” cô nói với người ở bên kia đại dương.

Lời tri ân

ĐÂY HOÀN TOÀN LÀ MỘT CÂU CHUYỆN HƯ CẤU về một người phụ nữ có chồng tử nạn trong tai nạn máy bay. Các nhân vật không dựa trên người thật và không giống bất kỳ người nào tôi biết hoặc từng nghe nói đến.

Tôi muốn cám ơn những người sau đây ở nhà xuất bản Little, Brown and Company: biên tập viên của tôi, Michael Pietsch, vì con mắt tinh tường, niềm đam mê biên tập, và sự uyên bác khiêm tốn; người làm công tác đối ngoại của tôi, Jen Marshall, vì đã giải quyết mọi vấn đề phát sinh một cách dễ dàng; và Betsy Uhrig, vì sự rõ ràng và chu đáo mà

cô đem lại cho công việc chỉnh sửa bản thảo quyển sách này.

Tôi cũng muốn cám ơn con gái tôi, Katherine Clemans, vì đã giúp định hình chân dung Mattie; Alan Samson ở Little, Brown and Company, Anh quốc, vì đã đọc bản thảo và sự ủng hộ không ngừng; và Gary DeLong, vì đã chia sẻ với tôi những chi tiết về thực tế khắc nghiệt của giai đoạn để

Như thường lệ, tôi vô cùng biết ơn John Osborn, luôn là người đầu tiên đọc bất kỳ bản thảo nào của tôi và không ngừng hướng tôi đi đúng hướng một cách hết sức nhẹ nhàng.

Và cuối cùng, dù không kém phần quan trọng - kỳ thực, đây là điểm mấu chốt trong tất cả những quyển sách của tôi - tôi muốn cám ơn người đại diện và người bạn của tôi, Ginger Barber, vì sự phê bình sắc sảo và lòng tử tế vô biên.

Một cuộc trò chuyện với Anita Shreve

Bốn năm sau khi phát hành *Vợ phi công*, tác giả trò chuyện với phóng viên Sue Fox của báo *The Independent* về nguồn gốc quyển tiểu thuyết và về cuộc đời nhà văn của mình.

Thật là một cảm giác nhẹ nhõm khi gặp Anita Shreve ngoài đời. Ở khắp nơi trên thế giới, trên máy bay, tàu lửa, và bãi biển, khó mà không bắt gặp một ai đó đang đọc một trong những tiểu thuyết bán chạy của chị: *Vợ phi công, Fortune's Rocks, Thủy trọng, Lần cuối họ gặp nhau*. Lại là

chị - ảnh chân dung tác giả trên bìa sách, trông hoàn hảo đến khó tin. Áo khoác đen đắt tiền, áo sơ mi trắng cổ điển (một chiếc vòng bằng vàng kín đáo nằm dưới cổ tay áo), những lọn tóc vàng tinh tế, trang điểm hoàn hảo, và một ánh mắt bí ẩn.

"Chỉnh sửa và thủ thuật ánh sáng thôi," Anita Shreve nói, xua con chó đi và đón cậu con trai, Christopher, một cậu bé mười hai tuổi đáng yêu và thích chuyện trò, mới đi học về. Chúng tôi đang ngồi trong nhà bếp của ngôi nhà là niềm ao ước của nhiều người, rộng, sơn trắng, tràn ngập ánh nắng, xây được gần một thế kỷ và vừa mới được tu sửa, ở Longmeadow, Massachusetts. "Người chụp bức ảnh đó chuyên làm việc với người mẫu mà."

Không qua chỉnh sửa và ánh sáng, Shreve trông chẳng có nét nào giống ức ảnh đó. Nhưng ngay cả khi chỉ mặc quần jean và không trang điểm, trông chị vẫn khá đáng yêu. Chị sở hữu nhan sắc tự nhiên mặn mòi, hoàn toàn thích hợp với một người phụ nữ năm mươi lăm tuổi đã kết hôn lần thứ hai và có hai con (chồng chị, John, làm trong ngành bảo hiểm, đã có ba con với người vợ trước). Trông chị giống hệt như người vợ và người mẹ có những tác phẩm – viết bằng tay, trong lúc mặc áo choàng tắm, trong một góc của phòng khách – quá thành công đến nỗi có thể không cần phải làm việc nữa. "Nhưng tôi luôn có động lực và không thể tưởng tượng sẽ ra sao nếu không viết nữa. Đó là công việc của tôi. Anh không dừng lại chỉ vì anh đã viết xong một quyển sách. Không ai nghĩ đến việc nói với một kiến trúc sư, 'Ông có thiết kế một tòa nhà khác không?' nhưng người ta luôn hỏi các nhà văn câu hỏi đó."

Shreve đã sáng tác chín tiểu thuyết trong mười một năm. Chị viết về những câu chuyện tình, kể bằng giọng lưu loát, nghệ sĩ và những đoạn đối thoại hấp dẫn. Chúng

chứa đựng những con sóng thủy triều cảm xúc gây chấn động diễn ra ở những địa điểm được vẽ nên một cách hết sức tinh tế.

Tác phẩm mới nhất của chị là *Thủy tinh biển*, lấy bối cảnh New Hampshire năm 1929. Honora Beecher và chồng, Sexton, đang xây dựng gia đình hạnh phúc thì chợt rơi vào vòng xáo trộn của cơn khủng hoảng thị trường chứng khoán năm 1929. Mất sạch tất cả, họ buộc phải thích nghi với hoàn cảnh mới.

Shreve, khám phá mối liên hệ đan xen giữa những cuộc đời khác nhau, kể câu chuyện của họ bằng cách đưa độc giả trở lại ngôi nhà nằm ở trung tâm của *Vợ phi công* và *Fortune's Rocks*. Chị cho biết ngôi nhà được dựa một phần trên một ngôi nhà có thật mà chị từng thấy từ bên ngoài mà vì lý do nào đó, chị không thể nào quên được. "Nhưng toàn bộ các chi tiết đều là tưởng tượng. Ngôi nhà ra đời từ chính sự tưởng tượng của tôi; nó cũng chỉ là một nhân vật, như Honora và Sexton. Trong *Thủy tinh biển*, tôi có nhắc đến bức họa của Claude Lugny, một họa sĩ mà tôi có đề cập trong *Vợ phi công*. Chỉ là do tôi tạo ra cho vui, nhưng một số độc giả lại tin rằng ông ta có thật và muốn biết họ có thể xem thêm tranh của ông ta ở đâu."

Shreve thường xuyên trở về bờ biển New England, dùng những cách thức mới mẻ để tạo ra các nhân vật lặp lại, những tiên tri và hồi ức hấp dẫn, và những cái kết gây bồi hồi khôn tả. Hai quyển tiểu thuyết đã được chuyển thể thành phim. *Vợ phi công* được dựng thành phim trên đài truyền hình Mỹ. *Thủy trọng*, với sự tham gia của Liz Hurley và Sean Penn, được chiếu tại Liên hoan phim London. "Phim cũng khá giống sách, chỉ khác là trong phim thì đứa bé không chết. Hollywood sẽ không bao giờ làm phim với kết cục như thế."

Oprah Winfrey đã thổi bùng sự thành công thương mại của Shreve, chọn *Vợ phi công* cho câu lạc bộ đọc sách truyền hình của bà. Những đầu sách do Oprah chọn thường lập tức bán được hơn một triệu bản, đẩy các tác giả lên bục vinh quang trong nước, và cả quốc tế. "Oprah đã khích lệ cả một lực lượng độc giả mới, vì vậy các nhà xuất bản rất quý chị ấy. Xác suất được chọn là cực kỳ thấp. Tôi đã quá may mắn." *Vợ phi công* khiến Oprah nảy ra "ý tưởng thực hiện một chương trình về những người phụ nữ phát hiện ra chồng mình đang có gia đình ở nơi khác. Tôi được mời đến buổi ghi hình, hôm đó Oprah mời năm người phụ nữ đến để chia sẻ câu chuyện của họ. Từng câu chuyện đều thê thảm hơn những gì tôi từng viết. Cuộc đời thật lúc nào cũng thê thảm hơn so với tiểu thuyết."

Shreve cho biết, viết tiểu thuyết là một sự nghiệp tuyệt vời đối với bất kỳ người nào có con nhỏ. "Tôi làm việc vào tất cả các buổi sáng, ngay sau khi Chris đi học, và kết thúc vào giờ ăn trưa. Có một số giai đoạn, khi quá nhập tâm với những gì đang diễn ra, tôi thường dành rất nhiều thời gian sống trong thế giới đó. Đôi khi rất khó để trở về thế giới thật - nhất là vào lúc đầu, khi có quá nhiều câu hỏi chưa có lời giải đáp. Nhân vật nào sẽ kể câu chuyện này? Tôi sẽ dùng thì gì?"

Trong ngôi nhà mới, Shreve không còn mặc áo choàng tắm ngồi viết nữa. Chị có một căn phòng riêng: một phòng làm việc nằm phía trên phòng ngủ trong căn nhà liền kề dành cho khách. Chị cũng có một hồ bơi với một thiết bị mà chỉ cần bấm một nút là sẽ tạo ra những gợn sóng giống như đang bơi trên biển. Hồ bơi này là thú giải trí xa xỉ duy nhất của chị. "Căn phòng nơi tôi viết là một lớp học trống. Chỉ có một chiếc bàn với những bức tường trơn. Tôi

không nghe nhạc, không treo tranh ảnh, vì không muốn sự sống xâm lấn. Tác phẩm của tôi phải được tạo ra từ sự thiếu thốn, chứ không phải từ sự thừa mứa.”

Đặt câu hỏi từng là sở trường của Shreve. Từng làm nhà báo mười lăm năm, song chị không quá quan tâm đến phần việc này. “Tôi luôn cảm thấy căng thẳng mỗi khi đặt câu hỏi, nhưng tô nghiên cứu trong thư viện và tìm ra những cách sáng tạo để kết hợp các tư liệu với nhau.” Nhưng bù lại, nghề báo là một sự tập dượt tốt cho nghề văn. “Tôi không thể nào viết được một bài báo nếu không biết câu cuối cùng sẽ là gì. Nó cũng tương tự như khi viết sách. Tôi phải biết kết cục, dù tôi không nhất thiết phải biết mình sẽ đến được đó bằng cách nào. Đó là một phần của thú vui mà - cảm giác được phát triển câu chuyện.” Dù lúc này không có thời gian, nhưng trong vài năm qua Shreve đã giảng dạy các lớp sáng tác tại trường Cao đẳng Amherst, dùng những kỹ thuật viết báo để khuyến khích sinh viên sáng tạo ra câu chuyện của họ.

Lớn lên ở Dedham, một vùng ngoại ô trung lưu ở Boston, chị đã luôn mơ ước trở thành nhà văn. “Tôi học chuyên ngành Anh ngữ ở trường cao đẳng, nhưng bố tôi lớn lên trong thời đại Suy thoái và là người rất thực dụng. Ông một mực bảo tôi rằng sau khi tốt nghiệp, tôi có thể làm bất cứ việc gì miễn là phải có bằng sư phạm và có một cái nghề. Tôi dạy phổ thông được năm năm thì nghỉ để viết truyện ngắn và nhận ra bố tôi đã đúng. Rất khó để kiếm sống bằng việc viết lách.” Một số truyện của Shreve được đăng trên tạp chí và có một tác phẩm đoạt giải thưởng O. Henry.

Lập gia đình và có một cô con gái (năm nay hai mươi tuổi, đang học cao đẳng ở xa), nghề báo, và thời gian ở Kenya đã tạo nên câu chuyện riêng của Shreve, nhưng chị

rất dè dặt trong việc tiết lộ về đời tư của mình. "Tôi thích gặp gỡ mọi người ở các câu lạc bộ sách, thảo luận nội dung, hoặc đọc sách, nhưng chỉ có thế. Một phần trong tôi ao ước tôi có thể viết ẩn danh. Tất nhiên đó là điều không thể nếu anh muốn người ta mua sách của mình. Những câu chuyện của tôi đều được sáng tạo ra. Các nhân vật đều là tưởng tượng. Họ không phải là tôi hay cuộc đời tôi. Ngay từ đầu tôi đã ý thức phải gạt tất cả những người tôi quen biết - bố mẹ, bạn bè, thậm chí cả độc giả - ra khỏi đầu để khỏi có cảm giác bị trấn áp, và không có ai can thiệp vào những cơn mơ mộng của tôi."

Shreve mô tả việc viết tiểu thuyết là mơ mộng giữa ban ngày. "Một cách tuyệt vời để có những cuộc nói chuyện tưởng tượng." Chị bắt đầu viết truyện hư cấu một cách bí mật. "Nó cũng giống như cố gắng cai thuốc lá. Anh không muốn người ta biết anh đang làm chuyện đó, đề phòng trường hợp anh bỏ cuộc. Cần phải có một niềm tin mãnh liệt mới có thể viết được một thứ mà không ai yêu cầu và có thể không muốn." Thành công là vậy, song chị vẫn rất kín kẽ. "Vũ trụ mà tôi đang tạo ra rất mong manh, không tiết lộ gì sẽ dễ hơn - kể cả tựa sách. Tôi không muốn biên tập viên của tôi hay bất kì ai biết tôi đang viết gì c đến khi tôi đã sẵn sàng."

Khi còn làm báo, Shreve là biên tập viên của tạp chí *Us*, cộng tác với tạp chí *Newsweek* và *Tạp chí New York Times*. Chị từng sống vài năm ở Nairobi, biên tập một tờ tạp chí châu Phi, "làm tất tần tật từ viết công thức nấu ăn đến phỏng vấn tổng thống." Hai bài báo của chị đã được phát triển thành hai quyển sách phi hư cấu. "Khi viết xong một bài cho *Tạp chí New York Times* là anh đã thu thập được quá nhiều tư liệu nghiên cứu, việc mở rộng... không còn quá khó nữa. Nó cho tôi động lực để thoát ra khỏi sự giới hạn của báo chí về số chữ, nhưng phi hư cấu khiến tôi

nhận ra là tôi thích sáng tác truyện hơn nhiều.”

Một điều trong nghề báo chưa bao giờ khiến Shreve thích thú là quy tắc vàng: nhà báo phải quan tâm đến sự thật. “Anh không thể đi vào đầu người khác để đưa ra phán đoán về họ,” chị nói. “Kể cũng lạ, tôi lại nghĩ rằng khi viết truyện hư cấu, anh sẽ dễ ‘nói thật’ hơn.”

END